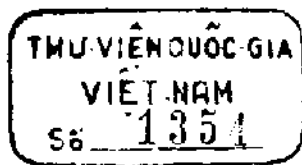


Viện Đại-Học Saigon
TRƯỜNG ĐẠI-HỌC LUẬT-KHOA

PHẬT-GIÁO và CHÁNH-TRỊ
tại
VIỆT-NAM NGÀY NAY



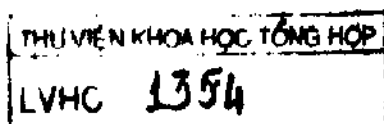
QUYỂN II

Luận-Án Tiến-Sĩ Luật-Khoa
(Ban Công-Pháp)

do

HOÀNG - XUÂN - HÀO

Đệ-Trình tại Trường Đại-Học Luật-Khoa Saigon



1972

TƯƠNG-QUAN GIỮA PHẬT-GIÁO VÀ CÁC LỰC-LƯỢNG CHÍNH-TRỊ

Chính-trị là một diễn trình những tác-động hỗ tương liên-tục giữa các lực-lượng xã-hội. Biến - chuyển chính-trị thường phát xuất do sự thúc-đẩy của ba nguồn-gốc : Nhà Nước, các đoàn-thể trung-gian, và các hệ-thống chính-trị quốc-tế (110). Nếu hoạt-động chính-trị của Phật-Giáo đã tạo nên nhiều biến-cố, thì vấn-đề đặt ra là các lực-lượng chính-trị đã phản-ứng ra sao trước những hoạt-động ấy ? Ta sẽ xét phản-ứng của Chính-quyền (Chương I) và của các lực-lượng chính-trị ngoài chính quyền (Chương II).

THƯ-VIỆP QUỐC-GIA

o^o
o

(110) Almond, Gabriel A. and Powell, Jr., G. Bingham : Comparative Politics : A developmental approach, trang 193, Little, Brown and Co. 1966.

CHƯƠNG I

PHẬT-GIÁO VÀ CÁC CHÁNH-QUYÊN VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Thay vì chịu áp-lực của một đoàn-thể, trong nhiều trường-hợp, cũng như tại các nước khác, nhà cầm quyền Việt-Nam đã trở nên một yếu-tố tác-động trong việc lựa chọn những biện-pháp có thể ảnh-hưởng tới nhiều lãnh-vực quốc-gia (111).

Nhằm tách rời tôn-giáo ra khỏi các hoạt-động chánh-trị và tìm cách giải-quyết một cách hợp lý những tương-tranh giáo-chánh, tất cả các chánh-quyền liên-tiếp tại Việt-Nam Cộng-Hòa đều sử-dụng chung một khí-giới chiến lược là : "Nguyên-tắc quốc-gia thế-tục". Tuy nhiên, mỗi chánh quyền đã có những chiến-thuật đối phó khác nhau tùy theo mỗi hoàn-cảnh chánh-trị. Thời Đệ Nhất Cộng-Hòa, giai-đoạn chánh-trị bất ổn, và thời Đệ Nhị Cộng-Hòa sẽ là đối-tượng nghiên-cứu của ba Tiết.

TIẾT I

PHẬT-GIÁO VÀ CHÁNH-QUYÊN ĐỆ-NHẤT CỘNG-HÒA

Cuộc tương-tranh chánh-trị đã diễn ra quyết-liệt một mất một còn giữa chánh quyền Ngô-đình-Diệm và Phật-Giáo. Giới hữu trách đã chứng tỏ có một lập-trường chiến lược và những chiến-thuật đối phó với vụ khủng-hoảng.

(111) Meynaud, Jean : Sách đã dẫn I, trang 177 và kế tiếp.

ĐOẠN I - LẬP-TRƯỜNG CHIẾN-LƯỢC CỦA CHÁNH-QUYỀN

Cả Hành-pháp với "thông-cáo gửi cho cán-bộ các ngành" ngày 29.5.1963 lẫn Lập-Pháp với tuyên-cáo ngày 31.5.1963, đều có cùng một lập-trường chiến-lược duy-nhứt đối với vấn-đề Phật-Giáo : Xác nhận tôn-trọng tự-do tín-ngưỡng, đề-cao tính-cách thế-tục của Quốc-gia, và tách rời tôn-giáo khỏi chánh-trị (112). Với lập-trường cố định đó, chánh-quyền đã cho rằng trong vụ Phật-Giáo có một âm-mưu chánh-trị của các phần-tử phá rối, Cộng-Sản và bọn phiêu-lưu quốc-tế (ám-chỉ Hoa-Kỳ).

Dựa trên cơ-sở lý-luận ấy, giới hữu trách đã áp-dụng những chiến thuật khá tinh-vi đi từ mềm dẻo đến cứng rắn để đối phó với những kỹ-thuật hành-động của Phật-Giáo.

ĐOẠN II - NHỮNG CHIẾN-THUẬT ĐỐI-PHÓ CỦA CHÁNH-QUYỀN

Chánh-quyền đã khéo léo :

1. Xoa dịu và trấn an Phật-Giáo-đồ.
2. Phân-hóa và cô-lập các lực-lượng tranh-đấu.
3. Tạo các lực-lượng hóa-giải áp-lực Phật-Giáo.
4. Tạo công-luận thuận-lợi cho chánh-quyền.
5. Thăng tay đàn áp cuộc tranh-đấu.

A - XOA DỊU VÀ TRẤN AN PHẬT-GIÁO-ĐỒ

Chiến-thuật này được thực-hiện bằng những hành-động sau đây :

1. Các cấp lãnh-đạo chánh-quyền từ Trung-ương đến Địa-phương đã hội-thương với các cấp lãnh-đạo Phật-Giáo để cố-gắng giải-quyết ôn-thoả vụ khủng-hoảng.

(112) Văn-đề Phật-Giáo, Tập I, II, III (Việt-Nam Thông-tấn-xã, 1963), sưu tập tất cả các tài-liệu chính thức về vụ Phật-Giáo 1963.

2. Chính Tổng-Thống Ngô-dình-Diện đã đích thân lên đài phát-thanh hiệu-triệu đồng-bào Huế, Sài Gòn và toàn quốc liên-tiếp ba lần để trấn an dư-luận, xoa dịu nỗi bất mãn của Phật-tử và hứa hẹn hòa-giải êm đẹp vụ tranh chấp :

- Trong thông-diệp đầu tiên gửi đồng-bào Huế ngày 6.6.1963, Tổng-Thống đã biểu-lộ sự tôn-trọng tính-cách thiêng-liêng và chánh-nghĩa riêng của Phật-Giáo và nhìn nhận những sai lầm của một số cán-bộ công cũng như tư. Ông kêu gọi đồng-bào :

"Học-tập chín chắn mọi vấn-đề trên lập-trường lương-tri và chánh-nghĩa quốc-gia."

Ông hứa giải-quyết vụ Phật-Giáo "đúng với đường-lối đấu-tranh của dân-tộc".

- Ngày 11.6.1963, ngay sau khi Hòa-Thượng Quảng-Đức tự thiêu, Ông lập-tức kêu gọi đồng-bào thu-đo "bình-tĩnh nhận-định tình-thế, sáng suốt xét mọi vấn-đề trên căn-bản lương-tri và lòng ái-quốc." Ông quả quyết :

"Tất cả mọi vấn-đề dù khó-khăn đến mấy cũng có thể giải-quyết trên lẽ công-bằng và trong tinh-thần đoàn-kết huynh-đệ."

- Ngày 18.7.1963, Ông xác nhận ý-chí cương quyết thi-hành ban Thông-cáo chung ký ngày 16.6.1963 giữa các đại-diện Phật-Giáo và Chánh-phu.

3. Thông-cáo này, theo Ông, thể-hiện ý-chí hòa-giải tốt-bực của chánh-quyền. Nó là kết-quả của một cuộc thảo-luận gay go dài ba ngày ba đêm liên-tiếp giữa Ủy-Ban Liên Bộ và Ủy-Ban Liên Phái Phật-Giáo, nhằm "giải-quyết ôn-thỏa 5 nguyện-vọng do Tổng Hội Phật-Giáo Việt-Nam đưa ra". Theo văn-kiến lịch-sử này, hai bên đã thỏa-hiệp với nhau về việc giải-quyết các vấn-đề quốc-kỳ và đạo-kỳ, Dự số 10, việc bắt bớ và giam-giữ Phật-Giáo-đồ, trách-nhiệm và trợ giúp. Đây là lần đầu tiên trong lịch-sử Việt-Nam, Phật-Giáo và chánh-quyền đã ký-kết với nhau một hiệp-ước và cam-kết tôn-trọng nó.

Nhưng rồi cả hai bên đều đổ lỗi cho nhau đã vi-phạm thỏa-ước và đe dọa nhau về những hậu quả trầm trọng của sự bội ước. Phật-Giáo cho rằng việc ký Thông-cáo chung chỉ là kế "hoãn binh" của Chánh-quyền bằng cách miễn cưỡng nhượng bộ.

Chánh-quyền lại quan-niệm rằng với Thông-cáo ấy, nguyện-vọng của Phật-Giáo-đồ đã thỏa-mãn, và chỉ có "một số Tăng Ni thuộc Tổng-Hội Phật-Giáo đã cố tình phá hoại chánh-sách hòa-giải tốt bụng của chánh-phủ", "biến nơi tôn-nghiêm để cầu-nguyện thành những trụ-sở tuyên-truyền phá rối, khủng bố hay âm mưu chống lại an-ninh quốc-gia".

Vì vậy, một mặt Chánh-quyền vẫn tỏ thiện-chí dàn xếp êm đẹp cuộc khủng hoảng, mặt khác chánh-quyền đã tìm mọi cách để bẹp cuộc tranh đấu. Biện-pháp đầu tiên là cô-lập và phân-hóa các lực-lượng tranh-đấu.

B - CÔ-LẬP VÀ PHÂN-HÓA CÁC LỰC-LƯỢNG TRANH-ĐẤU

Chánh-quyền đã áp-dụng các biện-pháp :

1. Cắt đứt những đường giây liên-lạc giữa các chùa chiền ở Sài-gòn, giữa các địa-phương này với các địa-phương khác, bằng cách kiểm soát chặt chẽ và hạn-chế sự xê-dịch của Tăng Ni, Phật-tử bị tỉnh-nghi.

2. Theo dõi mọi hoạt-động công khai và bí mật của Phật-Giáo, cô-lập Phật-Giáo với các đoàn-thể chánh-trị, nghề-nghiệp và tôn-giáo khác, chỉ-thị cho nhân-viên công-quyền và quân-lực không được cho con em tham-dự phong-trào đấu tranh.

3. Phân-hóa nội bộ Phật-Giáo bằng cách dùng Tổng Hội Phật-Giáo Cổ-Sơn-Môn chống lại Ủy-ban Liên-Phái, giúp đỡ Giáo-phái này đánh diện phản-đối trước Phật-Giáo Thế-Giới hoạt-động chánh-trị của Ủy-ban Liên-phái.

4. Tung mật-vụ vào chùa chiền giả dạng Tăng

Ni, Phật-tử để do-thâm và gây nghi-ky, chia rẽ trong hàng ngũ đấu tranh.

5. Xúi giục các gia-đình nạn-nhân vụ nổ tại đài Phát-thanh Huế rút tên con em mình khỏi danh sách "Thánh tử đạo".

6. Sau khi lục-soát chùa chiền và quản-thúc các Tăng Ni lãnh-đạo đấu tranh, chánh-phủ quy-tụ được một số Tăng Ni ủng-hộ mình để lập ra "Ủy-ban Liên-Hiệp Bảo-vệ Phật-Giáo thuần-túy" thay thế ủy-ban Liên-phái bảo-vệ Phật-Giáo.

Đồng thời với các biện-pháp "chia để trị" và "cô lập" trên đây, chánh-quyền còn dùng những đoàn-thể thân hữu làm hậu thuẫn cho lập-trường của mình.

C - TẠO CÁC LỰC-LƯỢNG NGHỊCH CHIỀU HÓA-GIẢI ÁP-LỰC PHẬT-GIÁO

Trong khi tuyên-bố quyết tâm thực-hiện chánh sách hòa-giải tốt bụng, chánh-quyền đã dùng những tổ-chức mệnh danh là những đoàn-thể nhân-dân làm lực-lượng đối nghịch với cuộc đấu tranh của Phật-Giáo và vỡ chông đối cả những điều cam-kết của chánh-phủ đối với Phật-Giáo mà họ cho là biểu hiệu của nhu-nhược. Phong-trào đối nghịch này có tác dụng hóa-giải áp-lực của Phật-Giáo, tạo thế quân-bình giữa các lực-lượng xã-hội và giúp chánh-quyền có cơ chánh-dáng để hành-động mạnh bạo hơn. Tổng đoàn Thanh-Niên Cộng-Hòa (21.8.1963), Phong-trào Cách-Mạng Quốc-Gia (22.8.1963), Lực-lượng Thợ-Thuyền (22.8.1963), Liên-Đoàn Công-Chức Cách-Mạng Quốc-Gia (24.8.1963) Tổng Liên-Đoàn Lao-Động Việt-Nam (27.8.1963), Phong-Trào Phụ-Nữ Liên-Đối (29.8.1963) và 250.000 đoàn-viên các đoàn-thể nhân-dân (31.8.1963) đều lên tiếng chỉ-trích một số Tăng-sĩ đã lợi-dụng tôn-giáo để làm chánh-trị, gây xáo-trộn sinh-hoạt quốc-gia, phá hoại cuộc chiến-đấu chống Cộng-Sản, chậm tiến và chia-rẽ.

Đồng thời các lực-lượng này còn biểu-lộ quyết tâm ủng-hộ đường lối cứng rắn của chánh-quyền ngõ hầu

gây khó khăn cho phong-trào đấu tranh.

Những nỗ lực trên đây đã phối-hợp chặt chẽ với chiến-thuật "tạo công-luận thuận lợi cho chánh-quyền".

D - TẠO CÔNG-LUẬN THUẬN-LỢI CHO CHÁNH-QUYỀN

Thật ra việc xoa dịu và trấn an Phật-tử, cô-lập và phân-hóa các lực-lượng đấu tranh cũng như việc tạo các hậu-thuần đều nhằm chứng-tỏ rằng chánh quyền biết thương dân và thỏa-mãn nguyện vọng chánh đảng của Phật-tử, và chỉ có một thiểu số Tăng-sĩ muốn lợi-dụng vụ khủng hoảng để hoạt-dộng chánh-trị. Chánh-quyền đã vận-dụng mọi phương-tiện thông-tin tuyên-truyền để tạo một công-luận thuận lợi cho việc thực hiện đường lối giải-quyết của mình. Muốn đạt mục đích ấy, giới hữu trách đã :

I - Triệt hạ uy-tín của chư Tăng lãnh-đạo và tâm-thường-hóa tính-cách cao cả, thiêng-liêng của cuộc tranh-đấu bằng cách chứng-tỏ cho dư-luận thấy :

1. Cuộc tranh đấu đã đi ra ngoài phạm-vi tôn-giáo và gây nguy hại cho an-ninh chung, phá hoại công cuộc cứu quốc và kiến quốc.

2. Có bàn tay can-thiệp của Cộng-Sản và ngoại bang trong vụ khủng hoảng Phật-Giáo (113).

3. Tâm-thường-hóa cuộc tranh-đấu bằng cách đưa ra những bức thư tố-cáo sự buông lỏng về đạo đức của các thanh-niên tranh-đấu (114), dùng một số báo-chí làm diễn đàn dân chúng để đăng những bức thư mạ lỵ, phản đối cuộc tranh đấu (115).

(113) Xem Phúc-trình của Phái-Đoàn điều-tra Liên-Hiệp-Quốc. Phần "Lập-trường chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa".

(114) Văn-đề Phật-Giáo, tập II, tr. 24-39. Việt-Nam Thông-Tân-Xã 1963.

(115) Quốc-Tuệ : Sách đã dẫn, trang 270.

II - Đề-cao uy-tín của chánh-quyền. Chánh-quyền đã kết hợp việc đề cao chủ-trương hòa-giải tốt bụng và hậu thuẫn nhân-dân với việc ủng-hộ của các Tăng-sĩ uy-tín và các đoàn-thể Phật-Giáo không đồng ý với Ủy-ban Liên Phái Bảo-vệ Phật-Giáo (116) và đặc biệt là lòng tận tụy và trung-thành của quân-đội đối với chánh-phủ (117). Trong cuộc họp báo ngày 2.9.1963, viên Thiếu-Tướng Tổng-Trấn Sài-gòn đã tuyên-bố :

"Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá rối trật-tự an-ninh, dù từ nhóm nào, giáo-phái nào, hoặc xứ nào gây ra (118)."

Lời tuyên-bố có tính-cách dọa nạt này phản ảnh chiến thuật thắng tay đàn áp các hành-động đấu-tranh chống chánh-phủ.

E - THẮNG TAY ĐÀN-ÁP CÁC HÀNH-ĐỘNG ĐẤU-TRANH CHỐNG CHÁNH-PHỦ.

Chánh quyền đã tìm mọi cách dẹp các cuộc biểu tình mà họ cho là bạo-động và bất hợp-pháp, giải-tán mọi cuộc tụ-tập phương-hai tới an-ninh và trật tự chung. Biện-pháp ban-hành lệnh giới-nghiêm, phong tỏa và lục-soát chùa chiền, bắt giữ Tăng Ni là những biện-pháp thắng tay đàn-áp phong-trào tranh-đấu của Phật-Giáo.

Như vậy hai tác nhân chánh yếu trong cuộc tranh-chấp là Phật-Giáo và chánh-quyền đã hành-động hỗ tương thật ngoạn mục : chiến thuật của bên này tung ra lập tức bị đối-phương phản ứng kịp thời. Mặc dầu có dôi dào phương-tiện để dẹp cuộc tranh đấu, chánh-quyền vẫn bị thất bại trước một lực-lượng quần-chúng đông đảo được sự nhiệt thành trợ giúp của các phe phái bên trong cũng như bên ngoài quốc-gia. Chính giữa lúc

(116) Văn-dề Phật-Giáo, tập II, tr. 6-22, Việt-Nam Thông-Tán Xã, 1963.

(117) Văn-dề Phật-Giáo, tập II, trang 23. - nt -

(118) Văn-dề Phật-Giáo, tập II, tr. 40-51, - nt -

chánh-quyền tưởng rằng vụ Phật-Giáo đang dần dần được dàn xếp êm thấm, thì các Tướng-lãnh với sự hỗ-trợ đặc lực của Hoa-Kỳ, đã đảo chánh lật đổ chế-độ Đệ-Nhất Cộng-Hòa (119).

Cuộc tranh đấu của Phật-Giáo đã không ngừng lại với sự sụp đổ một chế-độ. Trái lại nó đã diễn tiến liên tục từ năm 1963 tới nay.

TIẾT II

PHẬT-GIÁO VÀ CÁC CHÁNH-PHỦ CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 1963 TỚI 1967

Từ 1.1.1963 đến 1.4.1967, nước ta đã trải qua một thời-kỳ bất ổn chánh-trị vô cùng đen tối với 5 Chánh phủ liên tiếp thay nhau cầm quyền (120). Hậu thuẫn tôn-giáo đã trở nên cần-thiết cho sự tồn tại của mọi chánh-quyền và tạo cho giới Tăng-sĩ ưu thế đặc biệt trên chánh trường. Trong hoàn cảnh ấy, Phật-Giáo đã tác động sức mạnh vào sự vận chuyển guồng máy quốc-gia khiến các chánh-phủ phải khổ công đối phó. Người ta chỉ thấy có hai chánh-phủ đã dám có thái-độ cương quyết đối với yêu sách của Tăng-sĩ chánh-trị ; ba chánh-phủ còn lại đều tỏ ra hòa hoãn. Sức thương lượng của chánh-quyền lại tùy thuộc vào sự ủng-hộ của quân-đội và Hoa-kỳ. Do đó lực-lượng tranh-đấu chỉ có thể đạt được mục-tiêu đòi hỏi khi chánh-quyền không còn được sự hỗ trợ của hai lực-lượng vừa kể.

ĐOẠN I - BA CHÁNH-PHỦ CÓ THÁI-ĐỘ MỀM DÈO ĐỐI VỚI NHỮNG YÊU-SÁCH CỦA PHẬT-GIÁO

A - CHÁNH-PHỦ NGUYỄN-NGỌC-THƠ

Thời-gian tại chức của chánh-phủ Nguyễn-ngọc-

(119) Sheehan, Neil, Smith, Hedrick, Kenworthy, E.W. and Butterfield, Fox : sách đã dẫn, trang 158-123

(120) Bông, Nguyễn-văn : sách đã dẫn, trang 360.

Thơ chính là giai-đoạn khởi công xây dựng thực-sự nền thống-nhất Phật-Giáo. Hai hệ-thống chánh-quyền và giáo-quyền đều thoát thai sau cuộc đảo chánh mà họ đóng vai chủ-động và tiên-phong, nên hai bên đã cùng nhau hưởng được một "tuần trăng mật" khá êm đẹp. Trung Tướng Dương-văn-Minh và Thủ-Tướng Nguyễn-ngọc-Thơ đều tuyên-bố tôn trọng tự-do tín-ngưỡng. Riêng vị Thủ-Tướng còn chủ-trương "dùng các lực-lượng tôn-giáo để chiến thắng Cộng-Sản". Dư-luận đồn rằng Ông sẽ trao miền này cho đạo này, miền kia cho đạo kia (121). Hội-đồng Quân-Đội Cách-Mạng đã tích-cực ủng-hộ Đại Hội Phật-Giáo Thống-nhất vì Phật-Giáo có khả năng đem lại cho chánh-quyền hậu-thuần của quảng đại quần-chúng (122).

"Tuần trăng mật" ấy đã chấm dứt với cuộc chỉnh lý của Tướng Nguyễn-Khánh.

B - CHÁNH-PHỦ NGUYỄN-KHÁNH

Đầu dưới thời chánh-phủ Nguyễn-Khánh Phật-Giáo tự cho rằng mình bị trả thù, thực ra Tướng Nguyễn-Khánh đã cố chỉnh-phục cảm tình giới Tăng Ni, Phật-tử bằng cách cấp đất và ngân-khoản 20 triệu đồng (123) để xây trụ-sở Viện Hóa-Đạo và vài cơ-sở khác của Giáo-Hội, thiết-lập ngành Tuyên-úy Phật-Giáo trong các đơn-vị quân-lực. Nhưng rồi chính Phật-Giáo đã đứng lên đả đảo Tướng Nguyễn-Khánh vì hiềm-họa độc-tài.

C - CHÁNH-PHỦ PHAN-HUY-QUÁT

Chánh-phủ này đã giữ mối giao-hảo làm đẹp lòng Phật-Giáo nhưt : trong Nội Các 21 người, Phật-Giáo

(121) Thành, Lê-quý : Tôn-giáo và chánh-trị; tạp-chí đã dẫn, trang 21

(122) Joiner, Charles : Bài đã dẫn, trang 295 và kế tiếp.

(123) Đất do chánh-phủ cho Phật-Giáo mượn. Tướng Nguyễn-Khánh cấp ngân-khoản 20 triệu, nhưng Phật-Giáo lãnh làm hai lần : 10 triệu thời Nguyễn-Khánh, 10 triệu thời chánh-phủ Nguyễn-cao-Kỳ (Phong văn Thượng Tọa Huyền-Quang ngày 7.9.1969).

chiếm đa số (15 người), còn các tôn-giáo khác như Công-Giáo, Cao-đài và Hòa-Hảo chỉ có 6 người. Thành-phần chánh-phủ trên đây và ảnh-hưởng trội yếu của đảng Đại-Việt rất thuận lợi cho sự bành-trướng uy-tín Phật-Giáo. Có lẽ vì vậy mà giới Tăng Ni, Phật-tử đã chống lại cuộc đảo chánh hụt ngày 19.2.1965 do một số sĩ-quan và chánh khách thân Công-Giáo chủ mưu (124). Phật-Giáo và chánh-phủ này đã tương-trợ mật thiết và đồng ý với nhau về việc điều-khiển quốc-gia, xây dựng dân-chủ. Sự đoàn-kết ấy đã bị Công-Giáo, Cao-Đài, Hòa-Hảo phá vỡ và tìm cách lật đổ Ông Phan-huy-Quát mà họ tố-cáo là gây chia rẽ và không chống Cộng thực sự (125). Kết quả là ngày 19.6.65 chủ-quyền quốc-gia hoàn-toàn do quân-đội nắm giữ, và chánh-phủ Nguyễn-cao-Kỳ ra đời.

ĐOẠN II - HAI CHÁNH-PHỦ CÓ THÁI-ĐỘ CƯƠNG-QUYẾT ĐỐI VỚI PHẬT-GIÁO

Trái hẳn với đường lối mua chuộc tình cảm của Phật-Giáo do ba chánh-phủ nêu trên theo đuổi, các chánh-phủ Trần-văn-Hương (1965) và Nguyễn-cao-Kỳ đã có phản ứng cứng rắn trước các hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo.

A - CHÁNH-PHỦ TRẦN-VĂN-HƯƠNG (1965).

Kể từ sau cách-mạng 1963, Ông Trần-văn-Hương là người đầu tiên dám cương trực tách rời chánh-trị khỏi tôn-giáo. Chánh-sách này bị Phật-Giáo phản đối dữ dội. Mức-độ dữ dội càng gia-tăng khi chánh-phủ công-nhận Tổng Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam do một số sư tăng lãnh-đạo các giáo-phái cổ truyền tại miền Nam từ bỏ Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. đứng ra thành-lập riêng biệt. Các vị lãnh-đạo Phật-Giáo tranh đấu cho rằng chánh-phủ đã phá-hoại nền thống nhất Phật-Giáo và "người Mỹ phải chịu trách-nhiệm về việc duy-trì chánh-phủ Trần-văn-Hương chống

(124) Thêm, Đoàn : Việc từng ngày năm 1965, trang 36.

(125) Thêm, Đoàn : Việc từng ngày năm 1965, trang 90-91.

lại những nguyện-vọng của nhân-dân vào Giáo-Hội P.G.V.N." (126).

Không lùi bước trước áp-lực của Phật-Giáo, Thủ-Tướng Trần-văn-Hương kêu gọi mọi người dân lãnh trách-nhiệm trước tình-thế, tránh các vụ xáo động. Ông còn lên án những người gây xáo trộn là "lũ lưu manh cạo đầu, rồi mặc sắc phục Tăng Ni..." và "những trò khỉ của chúng" (127). Ông cương quyết "không chấp nhận một quốc-gia trong một quốc-gia (128)".

Nhưng cuối cùng vì Thủ-Tướng cương nghị này đã phải rút lui, và Viện Hóa-Đạo đình chỉ mọi hoạt-động đấu-tranh.

B - CHÁNH-PHỦ NGUYỄN-CAO-KỲ (1965-1967)

Nếu chánh-phủ này được coi là bền vững nhất trong suốt thời-kỳ bất ổn, thì những xáo trộn chánh-trị lại tái-diễn, đặc biệt là các phong-trào đấu tranh bài ngoại, đòi hỏi dân-chủ, tẩy chay Quốc-Hội Lập-Hiến, đòi hủy-bỏ Sắc-Luật 23/67 phê-chuẩn Hiến-Chương Phật-Giáo và kết-qua các cuộc bầu-cử Tổng-Thống và Thượng Nghị-Viện năm 1967.

Tất cả mọi cuộc tranh đấu của Phật-Giáo trong thời-kỳ này đều bị thất bại trước sự đối phó cương-quyết của phe quân-nhân lãnh-đạo chánh-quyền.

I - Cuộc tranh-đấu của Phật-Giáo năm 1966.

Cuộc tranh đấu này thường được gọi là vụ biến-động Miền Trung và đã bị hoàn-toàn thất bại. Chánh-quyền đã tách hẳn tôn-giáo ra ngoài chánh-trị và chứng-tỏ rằng cuộc tranh đấu 1966 hoàn-toàn cố tính-cách chánh-trị. Với lập-trường chiến-lược ấy, chánh-quyền đã áp-dụng những chiến-thuật sau đây qua hai giai-đoạn :

(126) Shaplen, Robert : Sách đã dẫn, trang 293-294.

(127) Thêm, Đoàn : Việc từng ngày năm 1965, trang 20.

(128) Shaplen, Robert, : Sách đã dẫn, trang 294.

a) Giai-đoạn I (từ 11.3.1966 đến 15.4.1966)

Chánh-quyền áp-dụng song song hai biện pháp :

- Một mặt, chánh-quyền nhìn nhận nguyện-vọng "Quốc-Hội Lập-Hiến" là chánh đáng và đã ban-hành sắc-luật 14/66 ngày 14.4.1966 bầu cử Quốc-hội này.

- Mặt khác, chánh-quyền cương quyết không chấp nhận bất cứ một xáo trộn nào vì nó chỉ gây hậu quả tai hại cho cuộc sống bình-thường của dân-chúng (129).

Nhưng mục-tiêu tối hậu của Phật-Giáo không phải là Quốc-Hội Lập-Hiến, mà là việc từ chức của hai Tướng Thiệu, Kỳ : ta bước sang giai đoạn II.

b) Giai-đoạn II (từ 15.4.1966 đến 27.6.1966)

Phe tranh đấu đòi hỏi hai Tướng Thiệu, Kỳ phải từ-chức để lập một chánh-phủ dân-sự chuyển tiếp vì, theo họ, có như vậy thì cuộc bầu-cử mới được tự-do. Chính Thượng Tọa Trí-Quang đã từ Sài Gòn bay ra Trung-Phần để lãnh-đạo đợt II này.

Trái lại, chánh-quyền cho rằng nguyện-vọng của Phật-Giáo là "Quốc-Hội Lập-Hiến" đã được thỏa-mãn rồi. Do đó chánh-quyền cương quyết dẹp tất cả mọi trở ngại làm mờ tối con đường đưa đến Quốc-Hội Lập-Hiến.

Sự bất đồng quan-điểm giữa hai bên đã gây cảnh đổ máu giữa quân chánh-phủ và lực-lượng nổi dậy tại Đà-Nẵng và Huế. Trong những ngày đầu của cuộc tranh chấp bạo động, các Tướng-lãnh kế tiếp nhau chỉ-huy Quân-Đoàn I đã ngã theo phe tranh đấu ; rồi trong những ngày sau họ đã thay đổi thái-độ.

Vì cuộc tranh đấu vừa bạo-dộng vừa có

(129) Thêm, Đoàn : Việc từng ngày năm 1966, từ tháng 3 trở đi.

màu sắc địa-phương và tôn-giáo đe dọa trực tiếp đến tương lai chánh-trị của quân-đội, nên các Tướng-lãnh từ chỗ phân-hóa đã tiến tới đoàn-kết để đối phó với hiểm họa chung. Lực-lượng nổi dậy đã bị thắng tay đàn áp, bàn thờ bày trên đường phố đã bị dẹp sạch, các ban Đại-diện quân-nhân Phật-tử từ cấp đại đội đến tiểu đoàn bị bãi-bỏ. Thượng Tọa Trí-Quang được quân-đội đưa trở lại Sài-gòn ngày 21-6-1966, đánh dấu ngày thất bại đầu tiên cay đắng nhất của Ngài, vì cuộc tranh đấu bị dẹp tan, các cơ-sở bị tan rã, cán-bộ người bị bắt, kẻ bị thuyên-chuyển đi xa, người bị tù đày. Tổng kết về phương diện vật chất cuộc tranh-đấu đã đi ngược lại phương-pháp bất bạo-động của Đạo Phật. Theo sự tường thuật của báo chí, người ta đã tìm thấy trong chùa Tỉnh Hội Phật-Giáo Đà-Nẵng hơn ngàn súng các loại, ba mươi xác chết sắc mùi hôi thối, 4 phóng viên UPI và AP còn sống được giải-thoát. Số nạn-nhân bị thiệt mạng được xác nhận là 76 người. Về phía chánh-phủ, có 20 người chết và 100 người bị thương. Ấy là chưa kể số tổn thất ở Huế do Bộ Xã-Hội xác nhận : phía tranh đấu có 3 người chết, 30 người bị thương ; phía chánh-phủ có 7 binh-sĩ bị thương.

Sau khi phong-trào nổi dậy của Phật-Giáo đã hoàn-toàn bị tan rã, Thiếu Tướng Nguyễn-cao-Kỳ còn đe dọa như sau ngay tại Huế nhân ngày Quân-Lực : "Chấp nhận câu "được làm vua, thua làm giặc", nhưng không chấp nhận được làm vua, thua thì hòa."

Vì thế các cán-bộ đấu tranh đã bị cầm tù. Tuy nhiên, mùi thất bại đầu tiên cay đắng này không làm các nhà lãnh-đạo tranh-đấu nản lòng : người ta chứng kiến cuộc vận-động năm 1967.

II - Những cuộc vận-động của Phật-Giáo năm 1967

Năm 1967 ghi nhận ba cuộc vận-động của Phật-Giáo : đòi hủy bỏ Hiến-Chương Phật-Giáo do Sắc-Luật 23/67 chuẩn y, hủy bỏ kết-quả bầu cử Tổng-Thống và Thượng Nghị-Viện, hủy bỏ việc xét xử vụ biến-động Miền Trung. Hai cuộc vận-động đầu tiên được thực hiện dưới thời chánh-phủ Nguyễn-cao-Kỳ, còn cuộc vận-động thứ ba

xảy ra dưới chế-độ Đệ Nhị Cộng-Hòa. Vì vậy cuộc vận-động sau chót sẽ được phân tách trong khung cảnh chế-độ mới. Ở đây ta chỉ khảo sát 2 cuộc vận-động đầu tiên.

a) Sách lược của chánh-quyền đối với việc đòi hủy bỏ Hiến-Chương Phật-Giáo do Sắc-luật 23/67 chuẩn-

Y.

Để giữ tính-cách vô tư, ta chỉ trình-bày lý-luận của cả hai phe và không đưa ra nhận xét.

Nếu trong năm 1966 mũi dùi tấn công của Phật-Giáo đâm thẳng vào Thiếu Tướng Nguyễn-cao-Kỳ, thì từ cuộc tranh-đấu mới này nó đã chuyển sang Trung-Tướng Nguyễn-văn-Thiếu. Vì Ông đã phê chuẩn Hiến-Chương Phật-Giáo sau khi ban-hành Luật bầu cử Tổng-Thống 19 ngày, nên phe Án-Quang cho là Ông có dụng ý chia rẽ Phật-Giáo để họ mất ưu thế trong kỳ bầu cử sắp tới. Đối phó một cách khéo léo, Ông đã bẻ quặt mũi dùi tấn công vào giữa nội bộ Phật-Giáo : "Việc tranh chấp về Hiến-Chương cũ và mới là chuyện nội bộ của Phật-Giáo giữa hai phe Án-Quang và Quốc-Tự. Chánh quyền giữ thái-độ trung-lập, khách quan đối với các phe trong một tôn-giáo, cũng như đối với mọi tôn-giáo".

Chánh-quyền đã viện dẫn những lý lẽ sau đây để chứng tỏ rằng việc ký Sắc-luật 23/67 không có nghĩa là can-thiệp vào nội bộ Phật-Giáo :

- Theo điều 18 Hiến-chương cũ, người đại diện hợp pháp của Giáo-Hội là Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo. Mặc dầu một số Tăng Ni đã tách rời khỏi Viện Hóa-Đạo chính thức để thành-lập một Viện Hóa-Đạo thứ hai tại chùa Án-Quang, đối với pháp-luật chỉ có Viện Hóa-Đạo chính thức tại Việt-Nam Quốc-Tự là hợp pháp. Do đó vị Đại-diện chính-thức của Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. trước pháp-lý vẫn là Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo, lúc đó là Thượng Tọa Thích Tâm-Châu. Chính vị này đã đề-nghị Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-Gia phê-chuẩn Hiến-Chương mới, theo thỉnh-nguyện của các giáo-phái, hội-đoàn.

- Khi chuẩn-y Hiến-Chương mới, Ủy-ban

Lãnh-Đạo Quốc-Gia chỉ thanh thỏa nguyện-vọng của các Giáo-phái, Hội-đoàn sáng-lập của G.H.P.G.V.N.T.N. và của các vị đại-diện hợp pháp của Giáo-Hội, chứ không hề xé bỏ Hiến-Chương hoặc chủ-trương chia rẽ nội bộ Giáo-Hội.

- Hiến-Chương là một văn-kiên quy-định sinh-hoạt nội bộ của Giáo-Hội mà chánh-quyền không bao giờ can-thiệp vào, miễn là sinh-hoạt này không vi-phạm trật-tự công-cộng (130).

Trái lại, phe Ấn-Quang không nhìn nhận đối tượng tranh đấu là phe Quốc-Tự, mà chính là chánh-quyền, vì chánh-quyền đã ký một văn-kiên phi pháp thì chánh-quyền phải hủy-bỏ nó đi. Phi pháp vì Hiến-Pháp 1.4.1967 không có điều khoản nào cho phép Chủ-Tịch Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia ký sắc-luật cả ; Ủy-ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia được lưu nhiệm không thể ký sắc-luật được ; chỉ có quyền xử-lý thường-vụ và mất tất cả quyền Lập-Pháp. Như vậy sắc-luật 23/67 vi Hiến.

Ngài ra, nó còn bất hợp-pháp ở chỗ trái với Hiến-Chương cũ do Sắc-luật 005/66 phê-chuẩn vì theo điều 35 Hiến-Chương này "mọi dự-án sửa đổi Hiến-Chương do Viện Hóa-Đạo trình Đại Hội Phật-Giáo Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. cứu xét và biểu quyết. Nguyên-tắc biểu quyết phải được 2/3 tổng số đại-biểu hiện-diện chấp-thuận." Vì Bản Hiến-Chương ngày 14.3.1967 đã không được thảo-luận và biểu-quyết theo thủ-tục quy-định bởi điều 35 kể trên nên hoàn-toàn bất hợp-lệ (131).

Hai lập-trường nêu trên hoàn-toàn đối nghịch nhau : Trong khi chánh-quyền yêu-cầu hai phe Phật-Giáo ngồi lại với nhau để tìm ra giải-pháp và chánh-quyền sẵn sàng chấp nhận giải-pháp chung của hai phe vì

(130) Xem Thông-Cáo của Ủy-ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia về vấn-đề Hiến-Chương Phật-Giáo, Nhật-báo Sống, 1.10.1967.

(131) Nhật-báo Chánh-Đạo, 18.8.1967.

không thể thiên vị một bên nào, phe Ấn-Quang nhất quyết không chịu nói chuyện với phe Quốc-Tự và cho phe này là Giáo-gian do chánh-quyền đứng lên.

Dầu phe Ấn-quang đã làm đủ mọi áp-lực : biểu tình, tuyệt-thực, tự thiêu, lập-trường của chánh-quyền vẫn không rời dõ. Chánh-quyền chủ-trương chuyện nội bộ tôn-giáo phải tự giải-quyết lấy với nhau, còn Nhà Nước phải có nhiệm-vụ phải dập tắt mọi xáo trộn để giữ cuộc sống an-lành cho nhân-dân (132).

Vì mọi áp-lực đều vô hiệu, phe Ấn-Quang phải đi một lá bài chót : vin vào lập-trường của chánh-quyền là "việc Giáo-Hội để Giáo-Hội tự xử", họ đã "hành quân tái chiếm" Việt-Nam Quốc-Tự và yêu-cầu chánh-quyền không được can-thiệp.

Nhưng chánh-quyền đã không chấp nhận mọi cuộc tập họp hoặc di chuyển đông đảo trên đường phố và đã ngăn chặn cuộc tái chiếm Việt-Nam Quốc-Tự xuất phát từ Ấn-Quang.

Những hành-động hõ-tương hai bên xảy ra trước lễ nhậm chức Tổng-Thống đúng hai ngày nên đã có một ý-nghĩa chánh-trị đặc-biệt. Nếu chánh-quyền thất bại trong việc đối phó với cuộc tiến chiếm Việt-Nam Quốc-Tự hay để tình-trạng hỗn-loạn xảy ra dĩ nhiên sẽ mất hết uy-tín đối với quốc-khách và ký-giả quốc-tế đến dự lễ. Như vậy, hành-vi của Ấn-Quang được coi như một đon thử lửa đầu tiên, một cái thước đo khả-năng của các nhà lãnh-đạo đầu tiên của nền Đệ Nhị Cộng-Hòa. Các lãnh-tụ chánh-trị đã thắng các lãnh-tụ tôn-giáo đấu-tranh và thiết-lập một cách tốt đẹp các thể-chế mới của quốc-gia.

b) Sách lược đối phó với cuộc vận-động đòi hủy-bỏ kết-quả bầu-cử Tổng-Thống và Thượng Nghị-Viên.

(132) Nhật-báo Sống, 8.10.1967.

Các nhà lãnh-đạo chánh-quyền lưu-nhiệm đồng thời cũng là những người điều-khiển chánh-quyền mới thiết-lập qua cuộc tuyển-cử 3.9.1967. Họ ở vào một vị-trí dễ dàng để đối phó với việc chống kết quả bầu cử vì họ không có nhiệm-vụ giải-quyết yêu-sách đòi đạp đố kết quả này, mà chỉ có nhiệm-vụ duy-trì an-ninh, trật-tự chung và không can-thiệp vào nội bộ Phật-Giáo. Họ quyết duy-trì sự ổn-định và không chấp nhận bất cứ một hình thức xáo trộn nào. Kết quả là cuộc tranh đấu này của Phật-Giáo và các lực-lượng khác đã bị thất bại : Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống chính-thức tuyên-thệ nhậm chức ngày 31.10.1967. Ta thực sự bước sang nền Đệ Nhị Cộng-Hòa do Hiến-Pháp 1.4.1967 quy-định.

TIẾT III

PHẬT-GIÁO VÀ CHÁNH-QUYỀN ĐỆ-NHỊ CỘNG-HÒA

Kể từ Đệ Nhị Cộng-Hòa, trong cộng đồng PPhật-Giáo Việt-Nam chỉ còn Giáo-Hội Ấn-Quang tiếp-tục hoạt-động chánh-trị. Vì vậy ta chỉ xét tương-quan giữa phe này với chánh-quyền mà thôi.

Mặc dầu cho tới nay chánh-quyền vẫn không nhìn nhận tính-cách hợp-pháp của Giáo-Hội Ấn-Quang, trong thực tế hai bên cũng phải sống chung với nhau. Về phần Ấn-Quang, họ đã từng phủ-nhận tất cả mọi định-chế của nền Đệ Nhị Cộng-Hòa. Nhưng từ cuộc bầu cử bán phần Thượng Viện ngày 30.8.1970, Ấn-Quang đã chấp nhận khung cảnh pháp-lý của chế-độ hiện tại, mặc dầu Hiến-Chương Phật-Giáo 1967 mà họ đòi chánh-quyền hủy-bỏ vẫn còn nguyên vẹn. Đối với Ấn-Quang, chánh-quyền đã áp-dụng một chánh-sách lưỡng diện vừa cương vừa nhu.

ĐOẠN I - CÁC BIỆN-PHÁP CỨNG ĐÁN

Chánh-quyền Đệ Nhị Cộng-Hòa từng tuyên-bố nhất quyết áp-dụng luật-pháp quốc-gia để duy-trì trật-tự và không chấp nhận việc tôn-giáo trực tiếp hoạt-động chánh-trị. Theo chiều hướng ấy, vị nguyên thủ quốc-gia

đã có những biện-pháp cứng rắn đối với các cuộc tranh đấu của Ấn-Quang :

- Sau khi Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu nhậm chức được hơn một tháng, Tòa-án Quân-sự đem xử vụ án biến-động Miền Trung 1966, bắt chấp mọi vận-động của phe Ấn-Quang đòi hủy-bỏ vụ án (133). Hơn nữa, vụ xử này được kết thúc bằng hai bản án mười năm khổ sai và hai bản án mười năm tù ở.

- Khước từ thỉnh nguyện của Ấn-Quang xin xuất ngoại để vận-động hòa-bình, Tổng-Thống tuyên-bố :

"Cương-quyết không chấp nhận một sự tự-do bừa bãi của mỗi cá-nhân một lập-trường hòa-bình, mỗi đoàn-thể một sáng kiến hòa-bình, nhất là lập-trường ấy ngược lại lập-trường của Chánh-phủ và Quốc-Hội (134)."

Ông liên-tục chỉ trích lập-trường hòa-bình tức khắc, liên-hiệp và trung-lập mà một số lãnh-tụ của Ấn-Quang từng phát-biểu trong nhiều dịp (135).

- Sau cuộc tổng công-kích của Việt-Cộng hồi tết Mậu Thân, ngày 21.2-1968 chủ Tăng Trí-Quang, Nhật-Thường, Liễu-Minh và Pháp-Siêu đã bị "mời đi bảo-vệ an-ninh" trong hơn bốn tháng trời.

- Sau bài thuyết-pháp chánh-trị của Thượng Tọa Thiện-Minh hồi đầu năm 1969 nhằm đả-kích chính quyền, Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu đã chỉ-thị cho các Tỉnh-Trưởng :

"Ông thầy tu nào, các lãnh-tụ chánh-trị nào tiếp tay cho Cộng-Sản, chủ-trương hòa-bình thân Cộng,

(133) Các nhật-báo : Chánh-Đạo, 17.12.1967 ; Chính-Luận, 21.12.1967 ; Sông, 23.12.1967 ; Chánh-Đạo, 24.12.1967.

(134) Tuần-báo Đất Mới, số 5, ngày 21.9.1968.

(135) Thông-Điện của Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu gửi đồng-bào, Chiến-sĩ và cán-bộ nhân dịp Tết Tân Hợi.

các vị Tỉnh-Trưởng phải đích thân mời họ lại để cảnh-cáo... Các vị Thượng Tọa, Linh-mục xuống Tỉnh, vào chùa thắp hương cúng Phật, vào nhà thờ cầu nguyện, được hoàn-toàn tự-do. Nếu đăng đàn thuyết giảng chánh-trị hay sách động, các vị Tỉnh-Trưởng cứ việc bắt giữ họ rồi báo-cáo cho tôi biết ngay."

Dư-luận cho rằng chỉ-thị này nhằm cảnh-cáo giới Tăng-sĩ chánh-trị, vì trước đó Thượng Tọa Thiện-Minh đã đi nhiều tỉnh để nói chuyện vai-trò Phật-Giáo đối với hòa-bình, và ngày 4.2.1969 Ngài bị cơ-quan an-ninh cảnh-cáo vì những lời thuyết-pháp chống chánh-quyền.

- Sau đó cư-xá Quảng-Dức do Thượng Tọa Thiện-Minh điều-khiển đã bị nhà chức-trách lục-soát và Ngài đã bị bắt giam và bị tuyên án tù (136).

Những biện-pháp quyết-liệt trên đây nhằm ngăn cấm Tăng-sĩ hoạt-động chánh-trị đã được phối-hợp với những biện-pháp mềm dẻo.

ĐOẠN II - CÁC BIỆN-PHÁP MỀM DẸO

Trong mối quan tâm mở rộng căn-bản nhân-dân của chánh-quyền, vị nguyên-thủ quốc-gia vẫn nỗ lực tạo đoàn-kết quốc-gia và tìm sự thông-cảm của các tôn-giáo. Vì vậy trong khung cảnh buổi sinh-hoạt chánh-trị ngày 29.6.1968 tại Dinh Độc-Lập, Ông đã loan báo quyết-định cứu xét việc trả tự-do cho các chư Tăng bị mời đi "bảo-vệ an-ninh". Ngay ngày hôm sau quyết-định ấy được thi-hành : chư Tăng được trở về chùa.

- Tiếp đến việc chánh-quyền mời Đại Tướng Dương-văn-Minh về nước với một lễ-nghi long trọng cũng đã được Ấn-Quang hoan-ngheh. Vì hành-động này xảy ra sau khi

(136) Trong vụ này một số Phật-tử cho chúng tôi biết có rất nhiều nghi-vấn về mối liên-hệ kín đáo giữa Thượng Tọa Thiện-Minh và chánh-quyền.

chứng tỏ thái-độ mềm dẻo và nhượng bộ của chánh-quyền. Người ta cho rằng chánh-sách vừa "dẫn dắt" vừa "vuốt ve" các Tăng-sĩ chánh-trị trên đây cho thấy cuộc sinh-hoạt chánh-trị đang dần dần trở lại tình-trạng bình-thường trong đó chánh-trị và tôn-giáo phải được phân lập.

Ngoài tương-quan với chánh quyên, Phật-Giáo còn có những tương-quan khác với các đoàn-thể trong nước và với các hệ-thống chánh-trị bên ngoài nữa.

o^o
o

CHƯƠNG 11

PHẬT-GIÁO VÀ CÁC LỰC-LƯỢNG CHÍNH-TRỊ NGOÀI CHÍNH-QUYỀN

Thực trạng phân-hóa trầm trọng của xã-hội Việt-Nam khiến cuộc tương tranh chính-trị trở nên gay go đến nỗi đôi khi đi tới bạo-động. Trong hoàn-cảnh ấy, Phật-Giáo với các tôn-giáo khác, các chính đảng và các lực-lượng bên ngoài có liên-hệ với chính tình Việt-Nam đã hành-động hỗ-tương ra sao ? Câu hỏi này được giải-đáp trong 3 Tiết:

- Tiết I : Phật-Giáo và các tôn-giáo khác
- Tiết II : Phật-Giáo và chính đảng
- Tiết III : Phật-Giáo và các lực-lượng chính-trị bên ngoài.

TIẾT I

PHẬT-GIÁO VÀ CÁC TÔN-GIÁO KHÁC

Sau khi chế-độ Đệ Nhất Cộng-Hòa sụp đổ, Phật-Giáo đương nhiên ở địa-vị thối-thế, và tương-quan chính-trị giữa các tôn-giáo trở nên sôi-động. Vai-trò quan-trọng cũng như những quyền-lợi dị-biệt của các tín-ngưỡng khiến mọi Giáo-Hội đều nỗ lực tạo một địa-vị khả quan cho riêng mình. Hiện-tượng phân-hóa giữa các tôn-giáo và đặc-biệt là giữa Công-Giáo với Phật-Giáo đã gây nên những bất-ôn chính-trị.

ĐOẠN I - PHẬT-GIÁO VỚI CAO-ĐÀI VÀ HÒA-HẢO

Phật-Giáo đã cố gắng hội-nhập Cao-Đài và Hòa-Hảo - mà họ cho là hai môn-phái của đạo Phật - vào Giáo-

Hội P.G.V.N.T.N. (139). Nhưng hai giáo-phái này đã khước từ sự mời mọc và giữ thái-độ dè dặt đối với hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo tranh-đấu, vô tư trước cuộc tranh chấp Lương-Giáo năm 1964. Đứng trên lập-trường quốc-gia, họ đã gia-nhập Ủy-ban Liên-lạc tôn-giáo để cùng với các đại-diện Công-Giáo và Phật-Giáo ký tên vào bản hiệu-triệu ngày 23.10.1964 kêu gọi đoàn-kết quốc-gia để xây dựng xứ sở. Đứng trên lập-trường chống Cộng-Sản và Trung-lập, họ liên-kết với Công-Giáo và Tổng Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam thành "Mặt-Trận Công-Dân các tôn-giáo" để vận-động lật đổ chánh-phủ Phan-huy-Quát mặc dầu chánh-phủ này được G.H.P.G.V.N. T.N. ủng hộ. Họ cũng không tán-thành cuộc tranh đấu bạo-động của Phật-Giáo năm 1966.

Tuy nhiên, chính cuộc tranh-đấu của Phật-Giáo đã trực tiếp giúp cho Cao-Đài và Hòa-Hảo thoát khỏi sự chi-phối của Du số 10. Hiện nay cả ba Giáo-Hội đều hoạt-động trong khuôn khổ những Hiến-Chương liên-hệ do chính họ biểu quyết và được chánh-quyền chuẩn y bằng các sắc-luật khác nhau. Ba tôn-giáo này được các Tăng-sĩ tranh đấu cho là các tôn-giáo Dân-tộc và, theo nhật-báo Chánh Đạo, có thể đi tới một liên-minh để đấu tranh chánh-trị.

ĐOẠN II - PHẬT-GIÁO VÀ CÔNG-GIÁO

Nếu tương-quan giữa Phật-Giáo với Cao-Đài và Hòa-Hảo khá êm đẹp, thì tương-quan giữa Phật-Giáo và Công-Giáo lại quá phức tạp và đã từng ảnh-hưởng sâu xa tới đời sống quốc-gia. Vì tình-trạng giao-bào giữa hai tôn-giáo này trong thời-kỳ bất ổn đã căng thẳng quá mức, nên Công-Giáo đã thành-lập nhiều lực-lượng chánh-trị để đối-phó với tình-thế nghiêm trọng.

A - TÌNH-TRẠNG CĂNG THẰNG GIỮA CÔNG-GIÁO VÀ PHẬT-GIÁO SAU NĂM 1963.

Mối tương-giao giữa hai tôn-giáo này sau ngày

chế-độ Ngô-đình-Diệm các chung quả thật đã căng thẳng, vì mỗi bên đều mang những mặc cảm trái ngược. Tình-trạng căng-thẳng ấy tưởng chừng có thể biến thành nội chiến vào mùa hè 1964. Có điều trở trêu là cả hai bên đều cho rằng mình bị đàn áp và hô hào tự-vệ.

1 - Công-Giáo đương-nhiên bị đồng-hóa với "chế độ cũ". Dưới mắt Phật-tử tranh đấu, mọi tàn-tích của chế-độ cũ, nhất là bọn "cần-lao ác ôn", cần được quét sạch. Công-Giáo cho rằng chế-độ mới và Phật-Giáo đã bất công khi đồng-hóa họ với chế-độ cũ và tìm mọi cách trả thù họ (140). Việc thanh-toán các phần-tử thuộc chế-độ cũ cùng với việc Thị-xã Đà-Nẵng đòi đất của Công-Giáo-dân di-cư chiếm ngụ từ năm 1954-1955 đã mở màn cuộc tranh chấp quyết liệt giữa hai tôn-giáo. Ngày 10.5.1964, ngộ lời với 20.000 giáo-dân, đại-diện Tòa Thánh La-Mã cũng ngụ ý xác nhận những bất công mà giáo-dân đang phải chịu, và kêu gọi họ hãy tỏ ra là những công-dân xứng đáng, can đảm, không sợ sệt trước mọi tình-thế. Vài ngày sau, Hội-đồng Giám-mục Công-Giáo Việt-Nam, cũng như tổ-chức Công-Giáo Tiên-Hành đã họp khẩn cấp để thảo thỉnh-nguyện-thư đạo đạt lên chánh-quyền, yêu-cầu giới hữu-trách chấm dứt chánh sách đối xử bất công đối với người Công-Giáo và các tập-thể Công-Giáo, chấm dứt chánh sách mị dân, chấm dứt chánh sách mị tôn-giáo, và phải tôn trọng sự bình-đẳng, gây tình đoàn-kết giữa các tôn-giáo, nhất là Công-Giáo và Phật-Giáo (141).

2 - Phật-Giáo, đang ở địa-vị kẻ chiến thắng, cũng kêu la bị đàn áp và phải sống oan khiên hơn ngày trước. Trên Tuần-báo Phật-Giáo Hải Triều Âm số 3, Thượng Toạ Trí-Quang đã đặt ra với chánh-quyền 7 câu hỏi để chứng-tỏ có sự đàn áp Phật-tử. Sau ngày đăng tải bài này, mâu thuẫn giữa hai tôn-giáo càng ngày càng trầm

(140) Minh, Lương-khai : Công-Giáo từ tổ-chức đến thực chất, tạp chí Quân-Chúng số II, tháng 5/1969, trang 42-57.

(141) Nhật-báo Tự-Do, 23.5.1964.

trọng khiến bạo động đã nổi lên và làm thiệt hại cả tài sản lẫn tính-mạng của dân vô tội cả ở Sài Gòn lẫn Thanh-Bồ, Đức-Lợi. Chánh-phủ ở ngã hai đường đáng sợ : nhượng bộ cho bên này khoản gì, bên kia lại đưa ra một yêu-sách khác. Rắc rối nhất là càng cho thêm bao nhiêu, sự đòi hỏi càng gia tăng bấy nhiêu. Vấn-đề chánh-trị và tôn-giáo này đã đưa lại cho chánh-phủ Cách-mạng nhiều khó khăn hơn là những khó khăn mà trước kia các giáo-phái đã gây ra cho chánh-phủ Ngô-dinh-Diệm (142). Thực ra tất cả các chánh-phủ thời chuyển tiếp không những đã không né tôn-giáo mà còn phải cố chiều chuộng họ để tìm hậu thuẫn, thì còn nói gì tới việc đàn áp họ nữa ? Việc đàn áp do hai bên đưa ra có lẽ, trừ một vài trường-hợp tư thù tại địa-phương, một phần do sự gây chia rẽ của những chiến dịch "báo lậu" (143), một phần lớn quan-trọng là sự ngộ nhận của cả hai bên. Một số Phật-tử cho rằng vì bị mất nhiều quyền-lợi nên Công-Giáo có một kế-hoạch phục-hồi ưu thế chánh-trị cũ. Trái lại, một luồng dư-luận bên Công-Giáo cho rằng Phật-Giáo có tính-cách chánh-trị, bị Cộng-Sản xâm nhập và nhằm tiêu diệt Công-Giáo. Như vậy chánh-trị đã nhảy vào tôn-giáo và khích-động bầu nhiệt huyết bảo-vệ tôn-giáo của tín-đồ. Công-Giáo đã cấp tốc thành-lập các lực-lượng chánh-trị để bảo-vệ Đức-Tin và lập-trường chống Cộng.

B - CÁC LỰC-LƯỢNG CHÁNH-TRỊ CÔNG-GIÁO THÀNH-LẬP SAU NĂM 1963

Nếu Phật-Giáo thường kêu la Đạo-Pháp đang bị một âm-mưu rộng lớn triệt hạ, thì trái lại Công-Giáo, trên bình-diện chánh thức, không hề cho rằng tôn-giáo của họ bị tiêu diệt, mà chỉ có những người Công-Giáo bị đàn áp. Đồng thời họ còn minh-định rằng Giáo-Hội Công-Giáo không phải là Cần-Lao và không bị liên-đối trách-

(142) Saigon Post, 9.6.1964.

(143) Trung, Nguyễn-văn : Tôn-Giáo bị chánh-trị theo đuổi. Tạp chí đã dẫn.

nhiệm gì với chế-độ Ngô-đình-Diệm, chỉ có những cá-nhân Công-Giáo có liên-hệ với chế-độ ấy, và nếu có tội, họ phải được xét xử công-minh. Với một lập-trường rõ rệt như vậy, các nhà lãnh-đạo Công-Giáo - cả tu-sĩ lẫn thế tục - đã thành-lập các lực-lượng sau đây để chống Cộng, bảo-vệ tự-do trong đó có tự-do tôn-giáo chống mọi âm-mưu thiết-lập chế-độ độc-tôn buộc mọi người theo một tôn-giáo (144).

1 - "Ủy-ban Trung-Ương Tranh-Đấu Công-Giáo" ra đời trong cuộc biểu dương lực-lượng vĩ đại ngày 7.6.1964. Dư-luận hồi đó ghi nhận rằng Ủy-Ban này đã thành công trong việc phá tan âm-mưu thiết-lập chế-độ Trung-lập tại Việt-Nam bằng cuộc biểu tình đẫm máu (6 người chết, 50 người bị thương) trước cửa Bộ Tổng Tư-Lệnh ngày 27.8.1964. Ủy-ban cũng đã giữ vai-trò quan-trọng trong việc cùng với các tôn-giáo khác vận-động cho sự thành tựu giải-pháp dân-sự Phan-khắc-Sửu - Trần-văn-Hương, và việc lật đổ chánh-phủ Phan-huy-Quát. Kể từ tháng 3/1965, Ủy-ban cải danh thành Trung-Ương Công-Giáo Đại Đoàn-kết.

2 - Các lực-lượng chánh-trị thoát thai từ Ủy-Ban Trung-Ương Tranh-Đấu Công-Giáo. Ủy-Ban Trung-Ương Tranh-Đấu Công-Giáo được coi là nguồn gốc của các lực-lượng chánh-trị sau đây :

- . Lực-lượng Đại Đoàn-Kết.
- . Tổng Liên-Đoàn Sinh-Viên Học-Sinh tự dân.

Ngoài ra, hai chánh đảng sau đây tuy không liên lạc với Ủy-ban Trung-Ương Tranh-Đấu Công-Giáo, nhưng đã nhận các biến-cố chánh-trị lập một lực-lượng riêng : Quốc-Dân Liên-Hiệp và Đảng Dân-Chủ Thiên-Chùa Giáo.

(144) Xem Bản tuyên-ngôn của Ủy-ban Trung-Ương Tranh-Đấu Công-Giáo ngày 7.6.1964.

3 - Cộng-đồng Giáo-dân Việt-Nam. Tình-hình đen tối sau 1963 khiến một số trí-thức thế-tục và tu-sĩ Công-Giáo thành-lập Cộng-Đông Giáo-Dân Việt-Nam nhằm hướng dẫn thái-độ chánh-trị của đoàn-viên, truyền đạo một cách gián-tiếp qua các hoạt-động thế-tục thể hiện tinh-thần Công-Giáo.

4 - Khối Công-Giáo-Dân. Mặt-trận Công-Dân các tôn-giáo, ra đời năm 1965, đến năm 1966 đã bị biến thể, vì nếu năm 1965 mỗi Giáo-Hội đều có đại-diện chánh thức, thì năm 1966 mỗi tôn-giáo chỉ có một số hệ phái tham-gia: Hòa-Hảo có hệ phái của các Ông Trịnh-quốc-Khánh và Lâm-thành-Nguyên, Cao-Đài có hệ phái của các Ông Lê-trung-Nghĩa và Lê-văn-Tất, Phật-Giáo có Thượng Tọa Pháp-Tri, Công-Giáo có Linh-mục Hoàng-Quỳnh. Cũng vào năm 1966, Mặt-trận này phản-đối chánh-sách của chánh-phủ đối với cuộc tranh đấu của Phật-Giáo đòi hỏi một Quốc-Hội. Nếu việc Linh-mục Hoàng-Quỳnh tán đồng lập-trường của Mặt-Trần được coi như một chiến-thuật "nắm vùng" để kiểm-soát bất cứ khuynh-hướng nào phương hại tới lập-trường chống Cộng-Sản và Trung-lập của Công-Giáo, thì dư-luận chung trong giới Công-Giáo lại cho rằng thái-độ của Ngài dù có tính-toán cũng vẫn nguy hiểm và không tiêu-biểu cho ý-chí của họ. Vì vậy đã có việc thay bậc đổi ngôi trong cơ-cấu lãnh-đạo của Ủy-Ban Trung-Uơng Công-Giáo Đại Đoàn-Kết : từ ngày 14.4.1966, Ủy-Ban được cải danh thành Khối Công-Giáo-Dân hay "Khối Công-Giáo-Dân Việt-Nam" do một Chủ-tịch đoàn chỉ-huy thay vì Linh-mục Hoàng-Quỳnh. Ủy-Ban đã cùng Lực-lượng Đại Đoàn-Kết chống lại cuộc tranh-đấu bạo-động của Phật-Giáo năm 1966 (145).

Vì các lực-lượng trên đây đều nhằm mục-tiêu cấp-bách và chính-yếu là đối phó với các hoạt-động chánh-trị của phe Phật-Giáo tranh đấu bị coi là có hại cho quyền-lợi Công-Giáo, nên chúng chỉ sôi động trong thời kỳ xáo trộn và đã dần dần lắng dịu khi tình-thế trở lại

(145) Xem "Hoạt-động chánh-trị của người Công-Giáo Việt-Nam (sau 1.11.1963)" Luận-văn Cao-học Hạnh-chánh 1967 của Đinh-sơn-Huy, Học-Viện Quốc-Gia Hạnh-Chánh, 1969.

bình thường, ngoại trừ lực-lượng Đại Đoàn-Kết đã thoát ly khỏi ảnh-hưởng của Linh-mục Hoàng-Quỳnh từ năm 1966 và tích cực tham-gia vào cơ-quan Lập-Pháp cũng như Mặt-Trận Dân-Chủ Xã-Hội của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa.

Ngày nay hoạt-động tranh-đấu của Phật-Giáo không còn nguy hại cho họ nữa và các lãnh-tụ chánh-trị Công-Giáo cũng chia rẽ như mọi đoàn-thể khác. Tự trung hiện có ba khuynh-hướng : khuynh-hướng chống Cộng quá khích do Linh-mục Trần-Du và cố Linh-mục Mai-ngọc-Khuê đại-diện, hai khuynh-hướng sau là ôn-hòa do Linh-mục Hoàng-Quỳnh và cấp-tiến khuynh tả do Linh-mục Nguyễn-ngọc-Lan đại-diện. Cả hai khuynh-hướng sau chót này đều có liên-lạc thân-hữu với phe Phật-Giáo tranh đấu.

C - TƯƠNG-QUAN HIỆN HỮU GIỮA PHẬT-GIÁO VÀ CÔNG-GIÁO

Giáo-dân trong các lực-lượng trên đây, đều nhằm bảo-vệ quyền-lợi Công-Giáo, cũng vẫn hoạt-động với tư-cách công-dân và không được nhân danh Giáo-Hội. Trên lý-thuyết, Giáo-Hội Công-Giáo Việt-Nam đứng ngoài và đứng trên mọi tranh-chấp chánh-trị để đóng vai trọng-tài, trong khi về phía Phật-Giáo chư Tăng lãnh-đạo Giáo-Hội đã đấu tranh nhân danh Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. Thái-độ của Công-Giáo được hướng-dẫn bởi nguyên-tắc phân lập chánh-giáo do vị Giáo-chủ Ki-Tô đề ra và đã giúp hàng giáo-phẩm đứng vào vị-trí thuận-lợi để dàn xếp những xung đột gay go giữa hai cộng-đồng tôn-giáo.

Những xung đột ấy đã biến dần sau khi cuộc tranh-đấu 1966 của Phật-Giáo bị thất bại. Ngày nay, trong khung cảnh hiến-pháp thế-tục, các tôn-giáo dần dần trở về vị-trí đoàn-thể áp lực và không công-khai giành giật ảnh-hưởng chánh-trị nữa. Linh-mục Hoàng-Quỳnh và phe Công-Giáo cấp-tiến khuynh tả đã là những nhịp cầu thông cảm với phe Phật-Giáo tranh đấu. Thiếu số trí-thức Công-Giáo thuộc khuynh-hướng cấp-tiến đã hướng ứng đường-lối Dân-Tộc (146) và cuộc vận-động

(146) Tạp-chí Đất Nước số 8 (12/1968), số 9 (1/1969), Tạp chí Đối Diện số 1 (7/1969).

hòa-bình của Ấn-Quang, vì cũng như Ấn-Quang họ không những không coi Cộng-Sản là kẻ thù, lại còn muốn đối thoại với "những người anh em" ấy (147). Thái-độ cởi mở này đã được phe Phật-Giáo tranh-đấu nhiệt-liệt hoan nghênh. Thượng Tọa Nhất-Hạnh đã viết vào năm 1966 :

"Sự hợp-tác của những người Công-Giáo và Phật-Giáo là một điều có thể thực-hiện được. Trừ một số ít những người Công-Giáo và một vài phần-tử Phật-Giáo bị mua chuộc, tất cả những người Công-Giáo và Phật-Giáo đều có thể hợp-tác trên nền-tảng tranh đấu cho hòa-bình và tự quyết dân-tộc. Sự thông cảm và cộng-tác giữa những người Công-Giáo và Phật-Giáo đang được thực-hiện và trưởng thành trong giới trẻ tuổi và trí-thức...(148)"

Tuy nhiên, tinh thần thân hữu trên đây vẫn không loại trừ được sự chống đối của khuynh-hướng bảo thủ và mỗi nghi kỵ trong thâm tâm của một số tín-đồ của cả hai bên. Do đó, việc duy-trì và phát-triển thực lực để tự vệ vẫn còn là mối quan tâm của những người lãnh-đạo hai cộng-đồng. Về việc này họ đều có khuyết điểm và ưu điểm : nếu hai bên đều bị phân hóa, thì sự chia rẽ trong giới Công-Giáo có thể được giảm thiểu bởi một tổ-chức và kỷ-luật chặt chẽ cùng đức tin mãnh liệt. Trái lại, Phật-Giáo lại có ưu điểm khác mà Công-Giáo không thể có được : đó là số lượng tín-đồ khá đông đảo.

Phật-Giáo có tương-quan không những với các đoàn-thể tôn-giáo khác, mà còn cả với các chính đảng nữa.

TIẾT II

PHẬT-GIÁO VÀ CHÍNH ĐẢNG

Ta cần xét mối tương-quan giữa Phật-Giáo và

(147) Trung, Nguyễn-văn : Cộng-Sản, người anh em của tôi, Đất Nước số 3 (1/1968), trang 98-116.

(148) Nhất-Hạnh, Thích : Sách đã dẫn II, trang 111 và kế tiếp.

chánh đảng trong khung cảnh chung của tình-trạng tương-quan giữa các Giáo-Hội và các chánh đảng tại Việt-Nam.

ĐOẠN I - TÌNH-TRẠNG TƯƠNG-QUAN GIỮA GIÁO-HỘI VÀ CHÁNH ĐẢNG

Tại Việt-Nam từ xưa tới nay mối tương-quan giữa chánh-đảng và Giáo-Hội không có gì chặt chẽ và chẳng gây được tầm quan trọng đáng kể nào vì nhiều nguyên-do :

- Chín năm độc-tài và hơn ba năm quân-nhân chuyên chính đầy xáo-trộn khiến chánh đảng không có điều-kiện phát-triển. Dưới chế-độ Đệ Nhị Cộng-Hòa tuy quy-chế chánh đảng đã ra đời, nhưng đảng phái vẫn còn tỏ ra yếu kém trước ảnh hưởng lớn mạnh của tôn-giáo trong thời xáo trộn còn sót lại.

- Ảnh-hưởng tôn-giáo trong một nước đã chậm tiến lại bị chiến-hòa càng thu hút quần-chúng mạnh hơn chánh đảng. Trong thực-tế những vận-động chánh-trị khá ngoạn mục của tôn-giáo mà chánh đảng không làm nổi đã khiến quần-chúng tin-tưởng vào thực lực của tôn-giáo hơn.

- Ngoài hoàn-cảnh khách quan, còn những điều-kiện chủ-quan làm suy yếu chánh đảng : sự bở ngỡ hầu như lỗi thời của các đảng Cách-mạng chuyên từ bí mật ra công-khai, nạn phân-hóa nội bộ trầm trọng, sự khiếm khuyết trong vấn-đề tổ-chức và sự thiếu thốn cả một chủ-thuyết hấp dẫn lẫn các phương-tiện hoạt-động, và nạn quá nhiều đảng phái tranh giành ảnh-hưởng (149).

(149) Tuyên, Trần-văn : Đảng phái và chánh-trị, Giảng-văn, Viện Đại-Học Đà-Lạt 1966-1967. Cũng xem : Trung, Nguyễn-văn : Nhận-định từ sự thất-bại của các đảng-phái quốc-gia..., trang 11-51. Nam Sơn, 1966; Khánh, Nguyễn-kim : Vấn-đề chánh đảng tại Việt-Nam, Luận-văn Cao-học Hành-chánh 1965-1967, Học-Viện Quốc-Gia Hành-chánh 1967.

Dù tạo được ảnh-hưởng đáng kể, theo nguyên-tắc quốc-gia thế-tục các tu-sĩ vẫn không thể hoạt-động chánh-trị được. Do đó họ đã nghĩ tới việc lập các lực-lượng chánh-trị thế-tục. Cao-Đài và Hòa-Hảo có một hệ-thống chánh-đảng song hành Giáo-Hội. Công-Giáo đã dựng lên các lực-lượng chánh-trị từ sau 1963.

Chỉ có Phật-Giáo cho tới nay vẫn chưa có một chánh đảng mặc dầu người ta đã bàn tán nhiều về việc Phật-Giáo lập đảng. Trong quá khứ, những lực-lượng chánh-trị do Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. dựng lên để phục-vụ cho các mục-tiêu tranh-đấu đều bất hợp-pháp và đã yếu-tử cùng với sự thất bại của các cuộc tranh-đấu. Còn hiện tại ? Trong khung cảnh sanh-hoạt của nền Đệ Nhị Cộng-Hòa và trước viễn ảnh đấu tranh chánh-trị với phe Cộng-Sản, một số chánh khách và lực-lượng chánh-trị quốc-gia đã có những liên-lục với phe Phật-Giáo tranh đấu ngõ hầu tiến tới việc kết-hợp chánh-trị ? Vậy tương-quan giữa Giáo-Hội Ấn-Quang với tất cả các lực-lượng vừa nêu ra sao ?

ĐOẠN II - TƯƠNG-QUAN GIỮA G.H.P.G.V.N.T.N. VÀ CÁC LỰC-LƯỢNG CHÁNH-TRỊ

Trong đoạn này ta sẽ xét các tổ-chức chánh-trị ngoại vi của Giáo-Hội P.G.V.N.T.N., và khả-năng kết hợp chánh-trị giữa các lực-lượng của các chánh-khách thế-tục với phe Phật-Giáo tranh đấu.

A - CÁC TỔ-CHỨC CHÁNH-TRỊ NGOẠI VI CỦA G.H.P.G.V.N.T.N.

Các tổ-chức chánh-trị ngoại vi của Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. gồm các tổ-chức đã hoạt-động và các tổ-chức được dự-luận bàn tán.

I - Các tổ-chức đã hoạt-động là : Hội-đồng Nhân-Dân Cứu Quốc và Ủy-Ban Tranh-Đấu Quân-Dân Vùng I Chiến-Thuật. Vì Ủy-Ban này đã được đề-cập tới rồi, nay ta chỉ lược khảo Hội-Đồng Nhân-Dân Cứu Quốc. Đây là một tổ-chức chánh-trị bất hợp-pháp được thành-lập năm

1964 tại Huế rồi lan rộng ra 10 Tỉnh Trung-phần và được coi là sản-phẩm của Thượng Tọa Trí-Quang. Nó được đặt dưới sự điều-khiển trực-tiếp của Bác-sĩ Lê-khắc-Quyền và một số trí-thức Huế. Nhóm người này lôi kéo được cả Tướng Nguyễn-chánh-Thị trong buổi đầu. Mặc dầu họ tuyên bố không tìm cách thiết-lập một chánh-phủ tự-trị, mục-tiêu chánh-trị của Hội-Đồng rõ rệt là tiến tới cướp chánh-quyền. Chiến-thuật áp-dụng - nói một đằng làm một nẻo - có tính-cách Cộng-Sản. Mặc dầu họ tuyên-bố chống Cộng-Sản và Trung-lập, nhưng ngôn ngữ và các mục-tiêu kinh-tế, xã-hội của họ rất gần gũi với Cộng-Sản. Dự-định quan-trọng đầu tiên của họ là triệu-tập hàng loạt những Hội-đồng hàng Tỉnh và một Quốc-Dân Đại-Hội để "thiết-lập một chánh-phủ cách-mạng trong sạch". Nhưng những hành-vi thất nhân-tâm cũng như thái-độ chánh-trị mập mờ của họ đã bị cả quần-chúng lẫn trí-thức nghi ngờ và không hưởng ứng (150).

Trong cuộc đấu-tranh năm 1964 còn có "phong-trào cứu nguy Đạo-Pháp" được thành-lập vào cuối tháng 8 (151). Nhưng đó chỉ là một phong-trào quần-chúng hoạt động trong một thời-gian ngắn ngủi chứ không hẳn là một lực-lượng chánh-trị có kế-hoạch lâu dài.

II - Các lực-lượng Phật-tử được dư-luận bàn-tán. Ngoài các lực-lượng thực sự kể trên, người ta cũng được nghe nói đến nhiều hơn là được chứng-kiến những hoạt-động của :

1) "Lực-lượng tranh-đấu Phật-tử". Tuyên ngôn của Lực-lượng xác nhận là một đoàn-thể do tín-đồ thiết-lập và biệt-lập với Giáo-Hội. Nhưng thực-tế cho thấy Thượng Tọa Thiện-Minh là người lãnh-đạo lực-lượng (152).

(150) Shaplen, Robert : Sách đã dẫn, trang 279-280 và trang 290.
Cũng xem Minh, Lương-khai : Bài đã dẫn.

(151) Shaplen, Robert : Sách đã dẫn, trang 273-274.

(152) Diệp, Lê-ngọc : Tôn-giáo và chánh-trị, trang 127-128. Luận văn tốt-nghiệp Cao-Học Hành-chánh 1967, Học-Viện Quốc-Gia H.C., 1967

2) "Mặt-Trần Quốc-Gia Cách-Mạng thực-sự" thành-lập dưới thời chánh-phủ Phan-huy-Quát nhằm loại trừ bộ-hạ của chế-độ Ngô-đình-Diệm để "bảo-toàn tinh-thần quốc-gia mới, buộc chánh-phủ thực-hiện một nền dân chủ thực-sự và bảo-đảm an-ninh cho Phật-tử (153).

3) Vào năm 1967 dư-luận cũng đồn đại về một đảng Phật-Giáo miền Trung mệnh danh là Đảng Phật-Xã Gần đây trong bài báo viết trên tạp-chí Đối Diện số 2 (8/1969) Thượng Tọa Nhất-Hạnh tiết-lộ rằng "Khối Phật-Giáo Xã-Hội" vào tháng 4 năm 1967 có công bố thuyết "Quân-bình lực-lượng" theo đó hòa-bình Việt-Nam chỉ được thực-hiện thực-sự và vĩnh cửu nếu nền hòa-bình đó là một nền trung-lập được tất cả các đại cường trên thế-giới bảo-vệ và tôn trọng (154). Như thế có lẽ Đảng Phật-Xã chính là khối Phật-Giáo Xã-Hội chăng? Một cán-bộ cao cấp của Đảng Đại-Việt Cách-Mạng cho chúng tôi biết lực-lượng này có hoạt-động tại một vài địa-phương (155). Thực ra, ngay từ năm 1967 Phật-Giáo đã xúc tiến việc lập đảng, nhưng bị trở ngại về nhiều phương diện, nhất là nhân sự (156).

4) Báo-chí trong và ngoài nước vào đầu năm 1969 có đề-cập tới khối "Phật-tử xã-hội" của Thượng Tọa Thiện-Minh được thành-lập vào cuối năm 1968 (157). Nhưng hiện nay người ta không thấy hoạt-động nào của khối này.

5) Sau Đại Hội Phật-Giáo kỳ III (20.8.68) của Ấn-Quang, dư-luận đồn đại nhiều về việc Thượng Tọa Trí-Quang ủng hộ Bác-sĩ Nguyễn-duy-Tài lập đảng, Thượng Tọa Thiện-Hoa ủng hộ Luật-sư Trần-ngọc-Liêng lập đảng,

(153) Shaplen, Robert : Sách đã dẫn, trang 321.

(154) Nhật-Hạnh, Thích : Bài đã dẫn, trang 34-35.

(155) Phỏng vấn một cán-bộ đảng Đại-Việt Cách-Mạng.

(156) Bài phỏng vấn Thượng Tọa Tâm-Châu đăng trên Nhật-báo Sóng, ngày 22.7.1967.

(157) Nhật-báo Công-Luận, 13.1.1969.

Thượng Tọa Thiện Minh ủng-hộ cựu Trung Tướng Lê-văn-Nghiêm lập đảng (158). Nhưng đó chỉ là những tin đồn. Trong thực tế chưa thấy xuất hiện một chính đảng nào do những nhân-sĩ này lãnh đạo, ngoài trừ "nhóm Hòa-giải" do Luật-sư Trần-ngọc-Liêng thành-lập gồm có 25 người. Nhóm chủ-trương một chính-phủ Hòa-giải để đi tới ngưng bắn. Chủ-trương này đã bị Tổng-Thống và một số dân-biểu Hạ Nghị-Viên Việt-Nam Cộng-Hòa kịch-liệt bác bỏ vào hồi bế mạc Hội-nghị Thượng-đỉnh Midway (tháng 5/1969) (159). Nhóm "Hòa-giải" về sau trở thành "Lực-lượng Quốc-Gia Tiến-bộ" mà chủ-tịch vẫn là Luật-sư Trần ngọc-Liêng. Ngày 15.11.1969, trong một thông-cáo, ông đã kêu gọi toàn-thể đồng-bào dành 30 phút để "tương-niệm vong linh của hàng triệu nạn-nhân chiến cuộc và khẳng định hướng đi của dân-tộc Việt-Nam là hòa-bình trên cơ-sở độc-lập và tự-do dân-chủ". Cũng trong thông-cáo này, Ông đòi hỏi thành-lập chính-phủ hòa-giải để chấm dứt chiến tranh, triệt thoái quân-đội ngoại lai ra khỏi Nam Việt-Nam thật sớm, hủy bỏ nghị-định tăng thuế kiêm ước. Báo Chính-Luận có nhận xét rằng bản Thông-cáo tuyệt đối không nhắc nhở gì tới vai-trò Cộng-Sản trong cuộc chiến-tranh này dù Cộng-Sản là thủ phạm gây chiến (160). Lập-trường của Ông rất giống lập-trường Ấn-Quang.

6) Ngày 10.4.1969, nhật-báo Chính-Luận loan tin một phong-trào mệnh danh là "Phục-hưng Đạo-Pháp" đã được thành-lập nhằm phục-hưng hai khối Phật-Giáo (Ấn-Quang và Quốc-Tự).

7) Đại Hội Thanh-niên Phật-tử Ấn-Quang toàn quốc (7.7.1969) cũng đã thăm dò việc tiến tới lập một đảng Phật-Giáo. Nhưng ý-định này chưa đi tới một kết quả cụ-thể nào.

(158) Tuần-báo Cộng-Hòa, bộ mới, số 4, 18.9.1968.

(159) Chính-Luận, 11.6.1969. Cấp-Tiến (nhật-báo), 8.6.1969.

(160) Chính-Luận, 16, 17.11.1969.

8) Sau khi Hòa-Thương Trí-Thủ từ-chức Chủ-tịch Ủy-ban vận-dộng hủy-bỏ bản án Thiện-Minh, Ủy-ban này vẫn tồn tại và định biến cải thành Ủy-ban Bảo-vệ nhân-quyền (161). Nay Thượng Tọa Thiện-Minh đã được trả tự-do, nếu Ủy-ban trên cải danh như vậy sẽ thành một lực-lượng chánh-trị.

Tất cả những lực-lượng trên dù đã hoạt-dộng công-khai hay bí mật hay mới chỉ là tin đồn, không nhiều thì ít đều lệ-thuộc Giáo-Hội Ấn-Quang.

Bên cạnh những tổ-chức ít nhiều lệ-thuộc Giáo-Hội Phật-Giáo, người ta còn thấy những triệu-chứng liên-kết chánh-trị giữa Ấn-Quang với các chánh khách.

B - KHẢ-NANG KẾT HỢP CHÁNH-TRỊ GIỮA ẤN-QUANG VỚI CÁC CHÁNH KHÁCH THỂ TỤC

Trong những khả-năng kết hợp chánh-trị giữa các chánh khách thể tục với Phật-Giáo, người ta thấy phát hiện ba khuynh-hướng : một khuynh-hướng tán đồng lập-trường chánh-trị của Ấn-Quang, khuynh-hướng thứ hai muốn giao-hảo với cả Ấn-Quang lẫn Quốc-Tự, và một khuynh hướng chống lại lập-trường chánh-trị của Ấn-Quang.

I - Khuynh-hướng tán-đồng lập-trường chánh-trị của Ấn-Quang.

Người ta có thể xếp vào khuynh-hướng này các cựu Tướng Dương-văn-Minh, Trần-văn-Đôn và các Nghị-sĩ thuộc liên-danh Hoa Sen.

Căn-cứ vào các dữ-kiện được công-luận và báo-chí ghi nhận, ta có thể nói rằng thuộc khuynh-hướng này có hai cựu Tướng-lãnh vừa kể vì :

- Giữa Ấn-Quang và các nhân-vật vừa kể trong quá khứ đã có một tương-quan tốt đẹp : các Tăng-sĩ Ấn-Quang là những người có công đầu với cách-mạng

1963 do hai vị Tướng-lãnh kế trên lãnh-đạo. Giữa họ đã có một tuần trăng mật tươi đẹp nhất từ sau ngày đảo-chánh 1.11.1963 tới khi hai vị Tướng-lãnh bị Tướng Nguyễn-Khánh lật đổ vì "âm-mưu Trung-lập". Kể từ ngày "chính lý" đến nay, Tăng-sĩ Ấn-Quang đã không đồng ý với các chánh-phủ kế tiếp, trừ một chánh-phủ duy-nhất là Phan-huy-Quát. Tuy nhiên, chư Tăng cũng lộ vẻ hài lòng khi chánh-quyền Đệ Nhị Cộng-Hòa mời Đại Tướng Dương-văn-Minh từ Thái-Lan về nước năm 1968 với một lễ nghi long trọng sau 4 năm bị lưu vong (162). Sự thân tình giữa Tướng Dương-văn-Minh với Thượng Tọa Trí-Quang cũng đã được hăng thông-tấn AFP nhắc tới trong bản tin ngày 11.8.1969 đánh đi từ Sài-gòn trong khi dư-luận các giới đang "theo dõi việc Đại Tướng bắt đầu sinh-hoạt chánh-trị, chấm dứt cuộc sống âm thầm từ khi về nước đến nay (163)".

- Vào tháng 6/1969 giữa phe Phật-Giáo Ấn-Quang và các đoàn-thể chánh-trị tại Sài-gòn đã có những cuộc tiếp xúc để thành-lập khối đối-lập, sau khi Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu kêu gọi kết-hợp chánh đảng và đích thân đứng ra lập Mặt-trận Quốc-Gia Dân-Chủ Xã-Hội quy tụ 6 chánh đảng đồng ý với đường-lối của Ông và chấp-nhận vai-trò lãnh-đạo của Ông. Đối với khối đối-lập, "sự thành-lập một đoàn-thể chánh-trị đã được coi như một biện-pháp hiệu-nghiệm nhất để lập thế đứng trong quốc-gia, bởi vì từ đó sẽ tiến vào cuộc tranh-cử, và lấy cuộc tranh-cử để đoạt quyền-hành hoặc những bộ-phận của quyền-hành. Các giới trong khối Ấn-Quang đều được cả Nghị-sĩ Trần-văn-Đôn lẫn Đại Tướng Dương-văn-Minh cùng một số những thành-phần đảng-phái khác tiếp-xúc. Các giới này đều nghĩ rằng năm 1971, Tướng Dương-văn-Minh thế nào cũng ra tranh-cử Tổng-Thống (164)".

Lời tiên đoán trên đây đã trúng : theo

(162) Chính-Luận, 18.9.1968.

(163) Cập-Tiến (nhật-báo) 12.8.1969.

(164) Triệu-Việt, Trần : Nhận diện trường chánh-trị và đảng-phái Việt-Nam Cộng-Hoa, Chính-Luận, 6.6.1969.

tin hăng thông-tấn UPI ngày 10.11.1969 Ông đã tuyên-bố với báo Newsweek sẽ ra tranh-cử Tổng-Thống vào năm 1971 và có thể đáng lộn xộn để cứu nước (165). Tin này đã được Ông xác nhận với báo chí Việt-Nam ngày 13.11.1969 (166). Năm 1971 Ông có đề đơn ứng-cử Tổng-Thống. Nhưng đến phút chót Ông lại rút đơn vì không tin-tưởng vào tính-cách tự-do và trong sạch của cuộc bầu-cử (167).

- Trước lễ Quốc-Khánh vài ngày, trong một buổi họp mặt với các chiến hữu vào ngày 30.10.1969, người ta thấy Ông Trần-văn-Đón đã biểu-lộ một khuynh-hướng Trung-lập hay "không liên-kết", hay "đường lối thứ ba" vì :

Ông cho biết trong chuyến công du Hoa-kỳ, Ông có yêu-cầu các nhà ngoại-giao lèo thành Á-Châu mở cuộc trắc nghiệm để tìm biết mức độ hậu thuẫn quốc-tế đối với Miền Nam Việt-Nam và hầu hết các nước Á-Phi, Nam Mỹ hiện chiếm đa số tại Liên-Hiệp-Quốc đều có nhận định bất lợi cho Việt-Nam Cộng-Hòa. Cả một số nước trong thế-giới tự-do cũng "xé rào" mặc dầu họ không có cảm tình gì với Cộng-Sản. Phần đông họ nói mọi xung-đột trên thế-giới đều xuất phát từ sự giành giật ảnh-hưởng giữa Cộng-Sản và Tư-bản, và họ đặt câu hỏi tại sao người Việt không bắt chước ngư ông thủ lợi như đại đa số nhân-dân thế-giới trong cuộc ngao cò tương tranh.

Tiếp theo, Ông nhận định rằng thuyết "thế-giới tự-do" chỉ là một giao-kết mập mờ, dễ dàng thay đổi tùy lợi và tùy hứng.

Sau cùng, Ông kết-luận : "Nếu chúng ta thắng tay gạt bỏ lá bài liên-hiệp do phe Cộng gạ gẫm, thì ngược lại chúng ta cũng không thể đòi Mặt-Trần

(165) Chính-Luận, 11.11.1969.

(166) Chính-Luận, 14.11.1969.

(167) Vì Luận án này chỉ phân-tách hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo từ đầu năm 1971 nên chúng tôi không đề-cập đến cuộc bầu cử Tổng-Thống và Hạ Nghị-Viện năm 1971.

Giải-Phóng âm thầm hạ súng, tham-gia bầu cử dưới sự chi phối trực tiếp hoặc gián tiếp của thế-giới tự-do. Mọi quan-niệm và định-chế một chiều phải được xét lại để tiếp-nhận mọi khuynh-hướng chánh-trị, từ cực hữu bảo hoàng đến cực tả thân Cộng (168)."

Điểm kết-luận quan-trọng của Ông là :

"Lực-lượng chánh-trị hậu chiến sẽ chia làm ba : khối thân thế-giới tự-do, khối thân Cộng và khối Dân-tộc tự tồn". Ông tin rằng : "Khối thứ ba này sẽ là khối đông nhất, mạnh nhất, và cũng là khối cầm cân nảy mực cho chế-độ miền Nam tương lai trong sự bảo đảm quốc-tế hữu hiệu (169).

Sau buổi họp mặt kể trên ít ngày, báo chí thủ-đô Sài-gòn có tường thuật và bình-luận việc các Ông Dương-văn-Minh và Trần-văn-Đôn tuyên-bố chủ-trương "không liên-kết" (170) và thành-lập "Lực-lượng thứ ba" (171). Nhưng đến ngày 13.11.1969 Ông Dương-văn-Minh minh xác trong một bản tuyên bố rằng Ông không chủ-trương Trung-lập hay lập khối thứ ba. Tuy nhiên, Ông lại nhận định rằng giữa một bên là chánh-quyền Việt-Nam và một bên là Việt-Cộng, bên nào cũng chỉ có thiếu số nhân dân, còn đại đa số dân-chúng không theo bên nào cả, và Ông quan-niệm nhân-dân là lực-lượng thứ ba (172). Ngày 8.11.1969, tại Vũng-Tàu, Ông Trần-văn-Đôn cũng cải-chánh không chủ-trương Liên-Hiệp. Tuy nhiên, Ông cũng nhận định giống như Ông Dương-văn-Minh là "tại miền Nam Việt-Nam có một thiểu số theo Cộng-Sản và một thiểu số khác đã bám sát Tư-bản tài-phiệt vì quyền-lợi cá-nhân, còn đa số nhân-dân có thể là 70% trở lên đều ước muốn thoát ra ngoài sự tranh chấp của hai thiểu số trên, mà hai thiểu số đó đã được hỗ-trợ

(168) Lập-trưởng này cũng là lập-trưởng của Phật-Giáo Ấn-Quang được bay to trong Đại Hội Phật-Giáo kỷ III (1968).

(169) Chánh-Đạo, 1.11.1969.

(170) Thái, Phạm: Con đường vào ngõ cụt, Nhật-báo Cấp-Tiến, 5.11.1969.

(171) Thái, Phạm ; Lịch-sử sẽ phê-phán, Nhật-báo Cấp-Tiến, 15.11.1969. Cũng xem Chánh-Đạo, 14.11.1969.

(172) Chính-Luận, 14.11.1969.

của hai khối Cộng-Sản và Tư-Bản quốc-tế để đè nặng lên thân phận nhỏ bé, hao mòn của Việt-Nam bị thảm". Ông nói tiếp : "và giờ đây chúng tôi thấy có bốn phần nói lên sự ước muốn của đa số nhân dân đó (173)."

Nhận định trên đây của hai Ông rất phù hợp, nếu không muốn nói là đồng nhất, với lập-trường chánh-trị của Ấn-Quang. Phe này vẫn khẳng định rằng họ chiếm đại đa số nhân dân và kiên trì chủ-trương không theo phe Cộng-Sản hay phe Tư-Bản. Vậy phải chăng khối đa số nhân dân đứng giữa hay "Lực-lượng thứ ba" do hai Ông nêu lên chánh là phe Phật-Giáo Ấn-Quang vì phe này cũng chủ-trương "đứng giữa", hay "trung đạo" hay "không liên-kết" mà ta đã có dịp phân tách khi đề cập đến lập-trường chiến thuật của họ (174). Câu trả lời có phần nghiêng về thế khẳng định khi nhận định nói trên của Đại Tướng Minh được nhật-báo Chánh-Đạo đăng tải bằng hàng chữ lớn nhất sau đây chạy dài suốt 8 cột báo trên đầu trang nhưt : "Đại Tướng Minh : Phải tranh thủ đại đa số nhân dân vì đại đa số dân không theo Cộng-Sản mà cũng không ủng hộ chánh-quyền (175)".

Hơn nữa, lập-trường mà Đại Tướng Minh minh-định trong bản tuyên-bố của Ông lại cũng chính là lập-trường của Ấn-Quang : Đó là "lập-trường "Quốc-Gia Dân-Tộc".

Ngoài ra, những ý-kiến sau đây của Ông lại càng phù hợp với lập-trường của Ấn-Quang : Ông đã xác nhận rằng chánh-phủ hiện tại chỉ đại-diện cho thiểu số nhân-dân (176), và Ông ủng-hộ đề-nghị "trung-cầu dân ý" hay "Quốc-dân đại-hội" (177).

(173) Hòa-Bình, 10.11.1969.

(174) Xem trang 121-140 Luận án này.

(175) Chánh-Đạo, 14.11.1969.

(176) Chính-Luận, 3.11.1969.

(177) Chính-Luận, 14.11.1969.

Ta dám quả quyết như vậy vì ta đã có dịp phân tích rằng Ấn-Quang đã tẩy chay Quốc-Hội Lập-Hiến, phủ nhận kết-quả bầu cử Tổng-Thống và Thượng Nghị-Viên. Khi đề-nghị "Quốc-dân đại hội" mặc dầu có Quốc-Hội dân cử, phải chăng người ta muốn phủ nhận và xóa bỏ Quốc-Hội hiện hữu mà Ấn-Quang đã từng phủ-nhận ? Đề-nghị "trưng cầu dân ý" trong khi Hiến-Pháp không dự-liệu giải-pháp này, và đề-nghị lại không nói rõ mục-tiêu trưng cầu, người ta tự hỏi đề-nghị này muốn tu-chỉnh Hiến-Pháp theo thể thức hiến-định hay muốn xóa bỏ Hiến-Pháp ?

Chính vì những thắc mắc này mà cả Hành-pháp lẫn Lập-pháp và các cơ-quan ngôn-luận có lập-trường quốc-gia rõ rệt đã đá kích tất cả những nhận định và đề-nghị nêu trên, nhất là khi chúng đã được phe Cộng-Sản triệt để khai thác (178) và những người Pháp cũng như người Việt lưu vong tại Ba-Lê ủng-hộ (179).

Trong khi đó cơ-quan ngôn-luận Phật-Giáo cũng như các lãnh-tụ Phật-Giáo giữ im lặng. Nhưng nhóm dân-biểu Phật-Giáo tại Hạ Viện hồi đó đã tung trái bóng thăm dò "trưng cầu dân ý". Ý-kiến này được nói tới nhiều trong giới Phật-Giáo (180) và chính Thượng Tọa Thiện-Hoa, Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo Ấn-Quang, cũng tuyên-bố tán-thành đề-nghị triệu tập Quốc-Dân Đại-Hội của Đại-Tướng Dương-văn-Minh (181).

Người đã kích chủ-trương Trung-lập nặng nề nhất là Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa. Ngày 3.11.1969 Ông đã tuyên-bố tại Vũng Tàu :

"Bất cứ ai chủ-trương Trung-lập cho Nam Việt-Nam trong giai-đoạn này là ngu xuẩn (182)."

(178) Chính-Luận, 12, 16, 17 tháng 11 năm 1969.

(179) Cáp-Tiến (nhật-báo), 3.11.1969 ; Cáp-Tiến, 6, 7.11.1969.

(180) Chính-Luận, 13.11.1969 ; Chánh-Đạo, 2, 8.10.1969 (Chánh-Đạo phóng vấn Ông Phan-bá-Cầm về việc tổ-chức Quốc-Dân Đại-Hội) ; Chánh-Đạo, 4.11.1969 (Ý-kiến Ông Trần-ngọc-Liên).

(181) Chính-Luận, 7.11.1969.

(182) Chánh-Đạo 5.11.1969.

Ngày 6.11.1969, Ông tuyên-bố tại Dalat rằng những con người chủ-trương con đường đứng giữa và đường lối đó là "bấp bênh và sẽ đưa quốc-gia trôi đi như một chiếc lá vàng giữa gió, như con cá lội giữa giòng không biết theo về đâu, hoặc giả như khúc củi khô trôi bồng bênh rồi có ngày giạt ra biển cả mà mục nát."

Ông đã cảnh giác mọi người dân đừng nên theo những tư-tưởng mập mờ dù của bất cứ ai ở địa-vị nào đưa ra vì tư tưởng đó sẽ đưa tới chỗ liên-hiệp với Cộng-Sản hoặc Cộng-sản trá hình (183).

Sau Tổng-Thống, ngày 15.11.1969, Chủ-tịch Hạ Nghị-Viện cũng tuyên-bố :

"Quốc-Hội phải bảo-vệ Hiến-pháp. Đứng giữa là không thực tế (184)."

Về phía cơ-quan ngôn luận, hai nhật-báo có lập-trường quốc-gia rõ rệt nhất - một có khuynh-hướng cấp-tiến, một có khuynh-hướng bảo-thủ - là tờ Cấp-Tiến và tờ Chính-Luận, đều lên tiếng đả kích chủ-trương trung-lập và trung-cầu dân ý (185).

Xét cho kỹ, sự đồng nhất lập-trường giữa hai cựu Tướng Dương-văn-Minh, Trần-văn-Đôn và Giáo-Hội Ấn-Quang cũng chỉ có tính-cách biểu-kiến và không tiêu biểu cho một sự cam-kết nào vì giữa hai bên không có mối liên-hệ chính thức.(186).

(183) Chính-Luận, 7.11.1969.

(184) Chính-Luận, 15.11.1969.

(185) Nhật-báo Cấp-Tiến, các ngày 5, 11, 15.11.1969, mục Lập-Trường ; nhật-báo Chính-Luận, ngày 8.11.1969, mục Ý-Kiến.

(186) Trong bài "Minh xác" ký ngày 20.10.1971, Thượng Toa Trí-Quang nhìn nhận có giúp đỡ cựu Tướng Trần-văn-Đôn trong cuộc tranh cử dân-biểu Hạ Nghị-Viện, và khẳng định "đã và không can-dự hay chấp-nhận hoạt-động, nếu có, của Trung Tướng hồi hưu Trần-văn-Đôn nhằm vào quyền chức, (mà) không đóng góp tác dụng mà có thể còn trái với nghĩa-vụ vận-động hòa-bình của Phật-Giáo". (Xem Chính-Luận, ngày 21.10.1971).

Cho tới nay chỉ có những Nghị-sĩ thuộc liên-danh Hoa-Sen mới thực sự có liên-hệ rõ rệt với Ân-Quang vì Giáo-Hội này đã dốc toàn lực để vận-động tranh cử cho liên-danh và tán đồng lập-trường hòa-bình dân-tộc, độc-lập quốc-gia và công-bằng xã-hội của liên-danh. Tuy nhiên, người ta cũng không thể đoán chắc rằng liên-danh sẽ trung-thành với đường lối của Giáo-Hội trong trường kỳ vì những lý-do mà ta đã phân tích khi đề-cập đến việc can-thiệp của Giáo-Hội trong cuộc bầu-cử bán phần Thượng Nghị-Viện ngày 30.8.1970.

Nếu có những chính khách đã chọn liên-kết với một phe Phật-Giáo, thì cũng có những chính khách khác muốn hợp-tác với cả Ân-Quang lẫn Quốc-Tự.

II - Khuynh-hướng muốn hợp-tác với cả Ân-Quang lẫn Quốc-Tự.

Đại-diện cho khuynh-hướng này là lực-lượng Dân-chủ Xã-Hội Phật-Giáo Việt-Nam. Lực-lượng này do Giáo-sư Vũ-Quốc-Thông và một số thân hữu đứng ra thành-lập từ ngày 25.6.1969 và đã được phép hoạt-động công-khai theo quy-chế chánh đảng. Giáo-sư Vũ-Quốc-Thông cho biết có ba lý-do chính thúc-đẩy việc thành-lập lực-lượng:

- Nói lên tiếng nói chính thức của hàng Phật-tử thế-tục. Nhận thấy tôn-giáo của mình đang bị chia rẽ và không có một tổ-chức nào phát-biểu trung thực ý tưởng của Phật-tử thế-tục, một số nhân-sĩ Phật-Giáo đứng lên kết-hợp những người cùng chí hướng lại thành một lực-lượng để hoạt-động chính-trị.

- Tại các quốc-gia khác, tổ-chức chính-trị của giới tín-đồ đã tỏ ra thành công mỹ-mãn, như : Đảng Dân-Chủ Thiên-Chúa Giáo bên Tây Đức và hội Phật-Giáo Soka Gakkai bên Nhật-bản. Nhân-sĩ Phật-Giáo Việt-Nam tự hỏi tại sao Phật-tử nước ta lại không tổ-chức được các lực-lượng tương tự như nước ngoài để phục-vụ đắc lực cho tiền-đồ của dân-tộc và Đạo-Pháp. Tổ-chức được lực-lượng như vậy, giới Phật-tử sẽ tránh được những điều bất lợi của những người đã dựa vào Giáo-Hội để hoạt-động chính-trị, nhưng vẫn mang nhãn hiệu tôn-giáo.

- Sau hết, những Phật-tử thiện-chí còn có thể dùng Lực-Lượng Dân-Chủ Xã-Hội Phật-Giáo Việt-Nam để bắc nhịp cầu thông-cảm giữa Ấn-Quang và Quốc-Tự ngõ hầu góp phần đắc lực vào việc hàn gắn nền thống-nhất Phật-Giáo nước nhà hiện đang bị rạn nứt.

Vẫn theo Giáo-sư Vũ-Quốc-Thông, Lực-Lượng Dân-Chủ Xã-Hội Phật-Giáo Việt-Nam hoàn-toàn độc-lập đối với cả Ấn-Quang lẫn Quốc-Tự, và theo đuổi các tôn-chỉ sau đây :

- Cương-quyết đập tan mọi nguyên-nhân chia rẽ Dân-Tộc và những bất công xã-hội.

- Góp phần xây-dựng một nước Việt-Nam độc-lập, thống-nhất, dân-chủ tự-do, phú-cường và tiến-bộ trên chủ-thuyết NHÂN-CHỦ, NHÂN-HÒA và các giáo-lý Phật-Dà.

Tóm lại, lực-lượng này là một chánh đảng quần-chúng, muốn giữ cảm-tình với mọi phe-phái Phật-Giáo và bắt tay với các tôn-giáo bạn. Trên lập-trường chính-trị, lực-lượng có thể đồng ý với Ấn-Quang về một vài phương diện như : nguyên-vọng hòa-bình, chủ-trương về vai-trò chủ-động của Việt-Nam Cộng-Hòa trong việc giải-quyết chiến-tranh. Nhưng lực-lượng không thể đồng ý về một nền hòa-bình với bất cứ giá nào, mà phải là một nền hòa-bình trong tự-do. Giáo-sư Vũ-Quốc-Thông cũng cho biết :

"Nếu không thiên tả, không thiên hữu, lại nhận được sự việc-trợ của cả hai bên vô điều-kiện, thật là điều lý-tưởng. Tuy nhiên, điều lý-tưởng ấy chỉ là lý thuyết, không tưởng vì không thể có được trong thực tế và không thể có trung-lập lý-tưởng được."

Do đó, theo Giáo-sư Vũ-Quốc-Thông, Lực-lượng chủ-trương phải có đồng-minh trong khối Tự-Do.
(187)

Tôn chỉ và lập-trường chánh-trị trên đây của Lực-lượng phản ảnh rõ rệt thái-độ của người trí-thức thế-tục và Phật-tử cấp-tiến, vì chính những người thế-tục đảm nhiệm việc hoạt-động chánh-trị và hoằng dương Đạo-Pháp độc-lập hoàn toàn với các Tăng-sĩ.

Ngoài khuynh hướng chánh-trị muốn giao-hào với cả Ấn-Quang lẫn Quốc-Tự, còn có một khuynh-hướng chống đối lập-trường chánh-trị của Ấn-Quang.

III - Khuynh-hướng chống-đối lập-trường chánh-trị của Ấn-Quang

Tiêu-biểu cho khuynh-hướng này là những người có lập-trường chống Cộng cực đoan và những nhà trí-thức thông hiểu chánh-trị-học. Theo những người này, đường lối "không thiên tả không thiên hữu" trong bối cảnh chánh-trị quốc nội do một đoàn-thể đưa ra là điều hoàn-toàn vô nghĩa vì dù muốn hay không đoàn-thể ấy cũng như các đoàn-thể khác trong quốc-gia phải sinh-hoạt theo thể chế và nền luật-pháp của quốc-gia ; đường lối Trung-lập chỉ có nghĩa trong bối cảnh chánh-trị quốc-tế mà thôi. Trên bình diện quốc-tế thực tại nghiệt ngã ngày nay đối với một quốc-gia chậm tiến và phân hóa trên mọi địa hạt lại ở trong một vị-trí địa-dư quan yếu như Việt-Nam Cộng-Hòa "không thiên tả không thiên hữu" hoàn toàn là một chuyện không tưởng. Vì không có đủ điều-kiện chủ-quan và khách-quan để thực-hiện nổi một thể-chế trung-lập lý-tưởng được, nên dù không muốn chăng nữa, Việt-Nam Cộng-Hòa cũng vẫn phải đứng về phía một trong hai khối Cộng-Sản và Tự-Do. Những người chống Cộng cực đoan còn cho rằng Trung-lập là một đường lối ngắn nhất dẫn tới Cộng-Sản.

Khuynh-hướng chống lập-trường chánh-trị của Ấn-Quang được biểu-lộ không những trong các lời tuyên-bố, trong các cuộc hội-thảo mà còn trong cả hành-

động biểu dương lực-lượng. Người ta từng thấy lực-lượng Đại Đoàn-kết của một số Công-giáo-dân mà sa số là người miền Bắc di-cư đã bày tỏ rõ rệt thái-độ chống đối đường lối Trung-lập, "Lực-lượng thứ ba dân-tộc tự tồn", chánh sách "không liên-kết" hay "đứng giữa" trong một cuộc hội-thảo chánh-trị và diên hành bằng hàng trăm xe lam ba bánh tại thủ-đô vào ngày 30.11.1969 (188).

Trước đó một ngày, Đại Hội Cư-sĩ Phật-Giáo Ấn-Quang đã khai mạc và kéo dài trong ba ngày. Dĩ nhiên lập trường của Đại Hội là lập-trường của Giáo-Hội : "không thiên tả không thiên hữu". Trong Đại Hội ấy, vấn-đề lập chánh-đảng Phật-Giáo đã được đề-cập tới. Nhân dịp này báo chí có tường thuật rằng hiện nay Phật-Giáo Ấn-Quang chia ra hai khuynh-hướng khác nhau về việc lập đảng. Khuynh-hướng thứ nhất, do Thượng Tọa Thiện-Minh chủ-trương, có ý-định thành-lập một chánh đảng Phật-Giáo. Khuynh-hướng này cho rằng vì tính-cách tôn-giáo, Giáo-Hội Ấn-Quang thường phản ứng chậm chạp đối với những biến-chuyển chánh-trị, và đôi khi vì sự tế nhị, các phản ứng của Giáo-Hội không trực tiếp, dễ gây hiểu lầm. Do đó cần phải có một đảng Phật-Giáo để "dễ ăn dễ nói" với bên ngoài. Nỗ lực lập một Đảng như vậy đã được nói tới nhiều lần như Đảng Phật-Xã, Đảng Xã-Hội Phật-Giáo.

Khuynh-hướng thứ hai, do Thượng Tọa Trí-Quang chủ-trương, nhận định chưa phải lúc để lập một đảng Phật-Giáo. Theo khuynh-hướng này tương-quan giữa Phật-Giáo và chánh quyền chưa có gì sáng sủa và chắc-chắn chánh-quyền sẽ không để có một đảng Phật-Giáo với thế đối lập. Hơn nữa, Giáo-Hội còn gặp khó khăn trong vấn-đề nhân sự vì thiếu lãnh-tụ thế-tục. Ngoài ra, người ta cũng e ngại việc lập đảng có thể đi sai đường lối của Giáo-Hội, vì Giáo-Hội chưa có được một hệ-thống kiểm-soát hữu hiệu và đảng dù sao cũng không thể là một thành-phần trong hệ-thống tổ-chức Giáo-Hội (189).

(188) Nhật-báo Cấp-Tiến, ngày 1.10.1969.

(189) Chính-Luận, ngày 29.11.1969.

Khuynh-hướng thứ hai tháng thế, và ngày 30.11.1969 Thượng Tọa Huyền-Quang đã tuyên bố trước Đại Hội rằng khối Ấn-Quang có ý-dịnh thành lập một chánh đảng "vào lúc thuận-tiện và khi hoàn-cảnh tỏ ra cần-thiết". Văn theo Ngài, các lãnh-tụ Phật-Giáo đã thất bại hai lần trong mưu toan thành-lập chánh đảng vì những áp lực bên ngoài (190).

Căn-cứ vào những dữ-kiện nêu trên, người ta có thể tóm tắt những lý-do khiến Phật-Giáo Ấn-Quang chưa lập chánh đảng như sau :

- Trước hết, các Tăng-sĩ lãnh-đạo sợ không kiểm-soát được chánh-đảng do họ bảo-trợ. Viên ảnh này sẽ gây khó khăn cho việc thực-hiện mọi toan tính liên-quan tới "Đạo-pháp và dân-tộc".

- Thứ đến, việc tổ-chức chánh-đảng trong tình-trạng hiện nay có thể phân tán lực-lượng của Giáo-Hội Ấn-Quang vì nhiều lẽ :

. Thứ nhất, hiện có nhiều chánh khách thân Ấn-Quang đều muốn lập đảng. Như vậy, theo nhận xét của Linh-mục Hoàng-Quỳnh, "Nếu Phật-Giáo có phong-trào chánh đảng ra đời, chắc chắn sẽ có đến năm bảy đảng, chứ không thể nào có một hai đảng. Và nếu sự-kiện ấy xảy ra, thì chắc rồi đây nội bộ Phật-Giáo sẽ rạn nứt trầm trọng và đáng ngại (191)".

. Thứ hai, khi chánh đảng Phật-Giáo ra đời, chánh quyền cũng như các lực-lượng chánh-trị sẽ dễ dàng công-kích đường lối "không thiên tả không thiên hữu" do chánh đảng được Ấn-Quang bảo-trợ thi-hành, vì một khi tôn-giáo được tách rời khỏi chánh-trị, Giáo-Hội sẽ khó can-thiệp vào cuộc tương tranh chánh-trị, và chánh đảng dù được Ấn-Quang bảo-trợ chăng nữa cũng không

(190) Nhật-báo Cập-Tiến, ngày 1.12.1969.

(191) Nhật-báo Cập-Tiến, ngày 4.12.1969.

thể dùng tôn-giáo để bao yếm cho hoạt-động chánh-trị trái với lập-trường của chế-độ Đệ Nhị Cộng-Hòa.

. Thứ ba, hiện nay Giáo-Hội cũng khó chọn lựa được một chánh khách có uy-tín vượt bậc và được tất cả các Tăng-sĩ quan trọng chấp nhận.

. Cuối cùng, lý-do quan trọng có lẽ là sự bất đồng ý-kiến giữa chư Tăng Trí-Quang và Thiện-Minh. Công-luận nhận thấy mỗi vị đều có một số chánh khách lui tới cầu cạnh và đều muốn đóng vai lãnh-đạo. Do đó, chánh khách được vị này nâng đỡ có thể bị vị kia phủ-nhận.

Tất cả những dữ-kiện trên đây chứng tỏ cả Tăng-sĩ lẫn Phật-tử thế-tục ưu-tú đều đã nhận thức được vai-trò quan trọng của chánh đảng trong nền Dân-Chủ. Nhưng cho tới nay, Ấn-Quang vẫn chưa có được một tổ-chức chánh-trị ngoại-vi công khai và hợp pháp. Có lẽ nhận thức được nhược điểm này, kể từ cuộc bầu cử bán phần Thượng Nghị-Viện cuối năm 1970, Ấn-Quang bắt đầu tìm cách có tiếng nói hợp pháp tại các cơ-cấu quyền-lực quốc-gia cũng như trong nền Hành-chánh địa-phương.

Hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo đã lôi kéo cả các lực-lượng ở ngoài cộng-đồng quốc-gia phải nhập cuộc.

TIẾT III

PHẬT-GIÁO VÀ CÁC LỰC-LƯỢNG CHÁNH-TRỊ BÊN NGOÀI

Việt-Nam đã hiển nhiên trở thành chiến-trường trực-nghiệm của hai khối Cộng-Sản và Tư-Bản. Vì vậy, biến chuyển quan trọng trong nước không thể không ảnh-hưởng tới các lực-lượng bên ngoài trực tiếp liên-hệ tới cuộc chiến-tranh hiện tại : đó là Hoa-kỳ và Mặt-Trần Dân-tộc Giải-phóng miền Nam. Mặt-trận Giải-phóng sơ dĩ được coi là lực-lượng bên ngoài vì nó đã được lãnh-đạo và yếm-trợ bởi phe Cộng-Sản để chống lại chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa và đã bị đặt ra ngoài pháp luật. Vì chiến-

thuật cố hữu của Cộng-Sản là xâm nhập vào các tổ-chức của đối-phương để khuynh đảo (192), nên có một khuynh-hướng dư-luận nghi ngờ sự hiện diện của họ trong phong-trào Phật-Giáo.

Trước các dư-luận trái ngược về vai-trò của hai lực-lượng trên đây trong các cuộc tranh đấu của Phật-Giáo, ta cần phải phân tách khách quan những tương quan giữa họ với nhau, tức là xét xem Phật-Giáo và hai lực-lượng này đã hành động hỗ tương ra sao ?

Ta bắt đầu cuộc phân tách này bằng cách trình-bày lập-trường chánh thức của Phật-Giáo tranh đấu đối với các lực-lượng bên ngoài. Chư Tăng lãnh-đạo Giáo-Hội lên án cả phe "trợ giúp" - tức là Hoa-Kỳ - lẫn phe "giải-phóng" - tức là Mặt-Trần Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam. Trong thông-diệp Hòa-Bình đầu năm Kỷ Dậu, Đức Tăng-Thống Thích Tịnh-Khiết đã minh-định lập-trường ấy như sau :

"Các danh nghĩa "trợ giúp" cũng như "giải-phóng" cần phải được nghiêm-chính xét lại : sự trợ giúp chân chánh không có nghĩa là dùng phương-tiện trợ giúp để lấn lướt người được trợ giúp, rồi buộc người được trợ giúp phải hoàn toàn tùy thuộc ý muốn của mình. Sự giải-phóng không thể là cầm súng giết những người không cùng một lý-tưởng với mình. Thế cách giải-phóng giữa thời đại tiến bộ này không chấp nhận được hình thức bạo lực, dù là một cuộc giải phóng dân tộc và con người đích thực. Vì ngày nào còn dùng tới bạo lực tất sẽ bị đối đầu bằng bạo lực. Mà thế cách giải-phóng chân chánh là giải-phóng tâm hồn con người khỏi những âm mưu và hành-động vô minh."

(192) Pike, Douglas : Vietcong, the organization and techniques of the N.L.F. of South Vietnam, trang 136-153, 380-383, 358-371, The M.I.T. Press, 1967. Cũng xem : Conley, Michael Charles : Communist thought and Vietcong tactics, Asian Survey, N. 3, tháng 3 năm 1968, trang 206-222 ; Huy, Nguyễn-ngọc : Sách-lược thôn-tính miền Nam của Cộng-Sản, nhật-bao Cấp-Tiến, 20.5.1965.

Trước thái-độ căn-bản ấy, các lực-lượng kia phản ứng thế nào ? và Phật-Giáo đối-phó ra sao ? Ta sẽ trả lời các câu hỏi này trong hai đoạn.

Đoạn I : Phật-Giáo và Mặt-Trận Dân-Tộc
Giải-Phóng Miền Nam.

Đoạn II : Phật-Giáo và Hoa-kỳ.

ĐOẠN I - PHẬT-GIÁO VÀ MẶT-TRẬN DÂN-TỘC GIẢI-PHÓNG MIỀN NAM

Ta xét chiến-thuật của Mặt-Trận đối với tôn-giáo nói chung và phong-trào Phật-Giáo nói riêng. Sau đó ta phân tích thái-độ của Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. đối với Mặt-Trận.

PHÂN ĐOẠN I - CHIẾN-THUẬT CỦA MẶT-TRẬN DÂN-TỘC GIẢI-PHÓNG MIỀN NAM

A - CHIẾN-THUẬT TÔN-GIÁO-VẤN

Mặt-Trận coi tôn-giáo là một bộ-phận của cuộc đấu tranh toàn diện và tìm mọi cách để hội nhập các đoàn thể tôn-giáo vào trong trận-tuyến của họ. Tuy nhiên, họ chỉ tìm cách đưa các cá-nhân tín-đồ vào trong những tổ-chức quần chúng do họ kiểm soát hay vào ngay trong Đảng Nhân-Dân Cách-Mạng. Họ không muốn thiết-lập những tổ-chức tôn-giáo vì sợ rằng không nắm nổi trọn quyền kiểm-soát, và, do đó, các tổ-chức ấy có thể quay lại chống họ, như đã xảy ra vào năm 1964 đối với Cao-Đài.

Chánh-sách tổng quát của Mặt-Trận đối với tôn-giáo được ghi trong một tài-liệu ấn-hành năm 1962 và bắt được tại Kiến-Hòa hồi tháng 5/1963. Tài-liệu ấy ghi :

"Chúng ta phải tăng cường hoạt-động trong các đoàn-thể tôn-giáo và đẩy mạnh công-tác tổ-chức. Những lãnh-tụ tôn-giáo phải được tranh thủ cho chánh nghĩa của chúng ta. Phải đặc biệt chú ý tới các tín-đồ Công-Giáo, Cao-Đài, Hòa-Hảo và Phật-Giáo. Hãy lột mặt nạ

quân thù dùng tôn-giáo để chia rẽ nhân-dân. Hãy giúp đỡ các tôn-giáo duy-trì những nguyên-tắc của họ, sửa chữa chùa chiền, thánh-thất, giáo-đường. Hãy cho phép nhân-dân tiếp tục cầu nguyện, đi lễ và tổ-chức các lễ lạt. Tuyệt đối không được dùng nơi thờ phượng tôn-nghiêm để hội họp, dán khẩu hiệu hay giảng cờ xí."

Nguyễn-hữu-Thọ tuyên bố trong Đại Hội kỳ II năm 1964 của Mặt-Trần : "Cuộc tranh-đấu của các tín-đồ tôn-giáo tại Nam Việt-Nam không tách rời khỏi cuộc đấu tranh giải-phóng dân-tộc, mà đã trở thành một yếu-tố của cao trào cách-mạng tại Nam Việt-Nam (193)".

Trong bản Cương-lãnh được công-bố năm 1967, Mặt-Trần xác nhận :

"Tôn trọng tự-do tín-ngưỡng, tự-do thờ cúng, bảo-vệ chùa chiền, giáo-đường, thánh thất..."

Sự xác nhận này nhằm mục-tiêu chánh-trị rõ-rệt vì bản Cương-lãnh ấn-định mục-dịch giáo-vận là :

"Thực-hiện đoàn-kết giữa tín-đồ các tôn-giáo, và giữa tín-đồ với toàn dân để chống bọn xâm lược Mỹ và tay sai."

Như vậy, đối với Mặt-Trần, tự-do tôn-giáo chỉ là một phương-tiện chánh-trị. Do đó, tùy theo mỗi tôn-giáo, Mặt-Trần đặt những hình-thức tổ-chức khác nhau, như : "Phái Cao-Đài tiến thiên", "Hội chấn-hưng đạo-đức của đồng-bào theo tôn-giáo Hòa-Hào", "Ủy-ban liên-lạc những người Công-Giáo kính Chúa yêu nước", "Hội Liên-đối sư sãi Khờ-me yêu nước", "Hội Phật-tử yêu nước".

Mặt-Trần cũng khôn ngoan đặt các vị lãnh-đạo tinh-thần ngòi "làm vi" trong ban Chấp-Hành Trung-Ưng (như : Thượng Tọa Sơn Vong, Thượng Tọa Thích Thiện-Hào, v.v...) để chính-phục cảm tình của các tín-đồ và tỏ cho

(193) Pike, Douglas : Sách đã dẫn, trang 201 và kế tiếp.

bên ngoài biết họ có một căn-bản nhân-dân rộng rãi.

Với một chánh-sách tôn-giáo-vận như vậy, Mặt-Trần đã lợi dụng được gì trong phong-trào Phật-Giáo tranh đấu ?

B - CHIẾN-THUẬT CỦA MẶT-TRẦN ĐỐI VỚI PHONG-TRÀO PHẬT-GIÁO TRANH-ĐẤU

Mặt-Trần đã dùng chiêu-bài "tự-do tín-ngưỡng" để kêu gọi tín-đồ các tôn-giáo, mặc dầu tự-do này chưa hề thực sự lâm nguy tại Nam Việt-Nam. Trong cuộc họp báo ngày 29.8.1963, Viên Tổng-Trấn Sài Gòn có trưng ba mươi tài-liệu chứng-tỏ Việt-Cộng đã lợi-dụng vụ Phật-Giáo để gây rối loạn (194). Tuy nhiên, dư-luận lại nghi ngờ tính cách xác thực của các tài-liệu này và cho rằng chánh-quyền có thể nguy tạo một số bằng chứng nhằm đánh lạc hướng cuộc đấu tranh. Dầu sao nếu có sự lợi-dụng của Mặt-Trần thì đó cũng không phải là điều lạ, vì với chiến-thuật xâm-nhập và nội tuyến, Cộng-Sản luôn luôn triệt để khai thác tất cả các phong-trào quần-chúng mà cuộc đấu-tranh của Phật-Giáo chỉ là một (195).

Người ta được biết Mặt-Trần đã thành công trong việc tăng cường ảnh-hưởng của họ trong giới Phật-tử thế-tục, nhưng không có bằng cứ nào chứng tỏ họ đã thành công trong việc thâm nhập vào cơ-cấu lãnh-đạo Phật-Giáo tại Sài Gòn và Huế (196).

Thực ra, vào thời-kỳ đầu của vụ Phật-Giáo, Mặt-Trần không công khai chú ý tới biến cố này. Nhưng khi cuộc tranh đấu đến hồi quyết liệt, ngày 4.9.1963,

(194) Văn-dề Phật-Giáo : Lập-trường của Chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa, tập II, Việt Tân Xã, 1963.

(195) Selznick, Philip : The organizational weapon : A study of bolshevik strategy and tactics, The free press of glencoe, Illinois, 1960. Cũng xem : Conly, Michael Charles : Communist thought and V.C. tactics, Asian Survey, 3/1968, trang 206-222.

(196) Pike, Douglas : Sách đã dẫn, trang 203.

Chủ-tịch-đoàn Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-Phóng miền Nam đã họp phiên bất thường, rồi đưa ra một tuyên-cáo lên án hành vi của chánh-phủ Diệm chống Phật-Giáo, và cho rằng người Mỹ có trách nhiệm trước hết về việc này (197).

Chiến-thuật đó có thể coi là áp lực thúc đẩy Mỹ ngưng ủng hộ chánh-phủ đương thời. Sự suy luận này còn có thể được biện minh bằng "chương-trình hòa-bình ba điểm" của Mặt-Trận gửi tới Liên-Hiệp-Quốc ngày 11 tháng 9/1963 nhằm kêu gọi "người Mỹ chấm dứt viện-trợ, rút quân-đội, thành-lập một chánh-phủ đoàn-kết các tổ-chức chánh-trị và tôn-giáo". Như vậy, Mặt-Trận đã phát động một chiến dịch chống Mỹ trên bình diện quốc-tế song hành với cuộc nổi dậy của các lực-lượng nhân-dân miền Nam chống chế-độ Ngô-đình-Diệm.

Vì không phát hiện được sự can-thiệp tích cực nào của Mặt-Trận trong cuộc tranh đấu của Phật-Giáo, nên người ta đi tới kết-luận rằng dù có xâm-nhập được vào các cuộc biểu tình, trà trộn được vào hàng ngũ Phật-tử, Mặt-Trận đã không lái được phong-trào tranh đấu 1963.

Một vài nhà phân tách suy luận rằng Mặt-Trận sợ dĩ không can-dự vào một phong-trào đấu tranh ở bên ngoài vì họ muốn tránh những hoạt-động quần-chúng mà họ không kiểm-soát hoàn toàn được (198). Họ chỉ cần áp-dụng chiến-thuật "đục nước thả câu", hòng làm cho mâu-thuân nội bộ chín mùi để rồi chế-độ Đệ-Nhất Cộng-Hòa phải đi tới chỗ sụp đổ. Ký-giả Bernard Newman tiết-lộ rằng vào hồi đó một vài lãnh-tụ Hà-Nội tin-tưởng rằng phong-trào đấu tranh tại miền Nam đã chín mùi để đồng khởi toàn miền. Nhưng Chủ-tịch Hồ-chí-Minh chống lại ý-kiến đó ; Ông tin rằng một cuộc tấn công của Cộng-Sản sẽ không làm được gì khác hơn là làm cho những phe phái đang chia rẽ đoàn-kết lại với nhau, và người Mỹ sẽ không ngồi yên mà nhìn những người được họ che chở bị

(197) Pike, Douglas : Sách đã dẫn, trang 352

(198) Pike, Douglas : Sách đã dẫn, trang 352 và kế tiếp.

dè bẹp. Ông cũng tin-tưởng rằng những biến cố Phật-Giáo chỉ là một phần của tiến trình tan rã mà Ông đã tiên-đoán từ lâu. Ông chủ-trương rằng chiến-tranh sẽ thắng lợi mà không cần phải có chiến-trận đại quy mô (199).

Một vài sự-kiện sau năm 1963 càng chứng tỏ rằng Mặt-Trận Giải-Phóng chỉ lợi-dụng được sự xáo-trộn do phong-trào Phật-Giáo gây ra, chứ không nắm được phong-trào. Thật vậy những Phật-tử chuyển hướng thành lực-lượng thứ ba đã bị Mặt-Trận công khai buộc tội là bán mình cho Đế-Quốc Mỹ (200). Ngày 8.4.1966, Ban Chấp-Hành Trung-Uyện Mặt-Trận ra lệnh triệt để lợi-dụng các vụ lộn xộn. Ngày 19.5.1966, Mặt-Trận hứa trên đài phát-thanh ủng-hộ cuộc tranh đấu chống chánh-phủ và đề-nghị viện-trợ. Ngày 25.5.1966, Sư-giả Thích Nhất Chí bị Viện Hóa-Đạo báo cho Cảnh-Sát bắt đã cung khai y là cán-bộ Mặt-Trận có nhiệm-vụ xách động để sửa soạn chiến-dịch "nước lũ" kéo ủa về Sài-gòn cướp chánh quyền (201).

Trước mưu-toan lợi-dụng của Mặt-Trận Dân-tộc giải-phóng miền Nam, Phật-Giáo đã có thái-độ thế nào ?

PHẦN ĐOẠN II - THÁI-ĐỘ CỦA GIÁO-HỘI P.G.V.N.T.N.
ĐỐI VỚI MẶT-TRẬN DÂN-TỘC GIẢI-
PHÓNG MIỀN NAM

A - TRÊN BÌNH DIỆN LÝ-THUYẾT

Trong các thông điệp long trọng, Giáo-Hội Phật-Giáo công khai lên án cả Cộng-Sản lẫn Tư-Bản. Đường lối "Dân-tộc và Đạo-Pháp", "Trung đạo" đã bao hàm sự khước từ chủ-nghĩa Cộng-Sản. Ngay từ cuộc tranh-đấu 1963, Phật-Giáo đã công-khai bác bỏ mọi đề-nghị trợ giúp của Mặt-

(199) Newman, Bernard : Background to Vietnam, trang 132-142, Roy Publisher, Inc., New-York, 1965.

(200) Pike, Douglas, : Sách đã dẫn, trang 204. Cũng xem : Nhất-Hạnh, Thích : Sách đã dẫn II, trang 189.

(201) Xem Thêm, Đoàn : Việc từng ngày, 1966.

Trận Dân-Tộc Giải-Phóng Miền Nam.

Nhưng lời tuyên-bố của hàng Giáo-Phẩm Ấn-Quang trong cuộc họp báo ngày 21.8.1968 và quyết-nghị của Đại Hội Phật-Giáo Ấn-Quang toàn quốc kỳ III cho thấy họ không phản đối sự hiện diện của những ý-thức-hệ dị biệt, tức là mặc nhiên chấp nhận Mặt-Trận Dân-Tộc Giải-phóng Miền Nam trong cộng đồng quốc-gia. Thật vậy, trả lời một ký-giả, Thượng Tọa Thiện Minh tuyên-bố :

"Nếu có hòa-bình thì điều mà Phật-Giáo mong muốn phải là một nền hòa-bình hợp tình, hợp lý, một thứ hòa-bình mà quyền tự-do tín-ngưỡng và mọi xu-hướng chánh trị phải được tôn trọng."

Sự tôn trọng rộng rãi này được long trọng xác nhận trong nghị quyết của Đại Hội :

"Đại Hội chủ-trương một sự đoàn kết chân thành và thiết thực vì sự tồn vong và hạnh phúc của dân-tộc vượt trên mọi dị biệt ý-thức-hệ, chính-kiến và tín-ngưỡng... Đại Hội không phản đối quyền tự-do hoạt-động theo những chính-kiến dị biệt của mọi đoàn-thể trong quốc-gia căn cứ trên nghĩa đồng-bào và quyền-lợi dân-tộc."

Trong bản tuyên-cáo ngày 1.12.1969, đồng thời với việc chỉ-trích chánh quyền Việt-Nam Cộng-Hòa, Giáo-Hội Ấn-Quang yêu-cầu chánh-quyền Hà-Nội trả tự-do cho Thượng Tọa Đôn Hậu, dân-chúng Tăng Ni và Phật-tử, cũng như nhận trách nhiệm về các vụ thăm-sát trong biển cổ Mậu Thân, nhất là tại cố đô Huế. Bản tuyên-cáo như vậy đã nói lên lập-trường "Trung đạo" của Giáo-Hội, phủ nhận việc Thượng Tọa Đôn Hậu theo phe bên kia và mặc-nhiên nhìn nhận Hà-Nội đã điều-khiến cuộc chiến-tranh tại miền Nam. Đây là lần đầu tiên Ấn-Quang cho công-luân thấy họ không những không cộng-tác với Mặt-Trận Giải-Phóng Miền Nam mà còn coi Mặt-Trận chỉ là một bộ-phận phụ-thuộc của chế-độ Hà-Nội.

B - TRÊN BÌNH DIỆN THỰC TẾ.

Trong thực-tế, không ai thấy bất cứ một sự hợp-tác nào giữa Giáo-Hội và Mặt-Trần, và Đại Đức Giáo-Đức cho rằng các lãnh-tụ Phật-Giáo, kể cả Thượng Tọa Trí-Quang, đều khước từ chủ nghĩa Cộng-Sản vì nó bất tương hợp với Phật-Giáo (202). Tuy nhiên, có một số sự-kiện lẻ tẻ làm phần nào dư-luận hữu khuynh tỏ về nghi ngờ sự trùng hợp giữa hoạt-động của một số nhân-vật Phật-Giáo tranh-đấu và Cộng-Sản :

- Các chiến-thuật đấu tranh, vận-động quần-chúng của Phật-Giáo tranh đấu rất gần gũi với kỹ-thuật chánh-trị Cộng-Sản. Hành-vi của các "Hội-Đồng Nhân-Dân Cứu-Quốc" và "Lực-lượng Tranh-Thủ Cách-Mạng" đã bị các lực-lượng quốc-gia chống Cộng lên án gắt gao.

- Chánh-phủ duy nhất chiếm được thiện cảm của Phật-Giáo (Chánh-phủ Phan-huy-Quát) lại bị cát đoàn-thể tôn-giáo và chánh-trị chống Cộng đá đảo.

- Ba điểm quan trọng nhất trong chánh-sách của Mặt-Trần là chánh-phủ Liên-hiệp, trung-lập-hóa, và thống nhất đất nước (203) cũng đã thấy xuất hiện trong các chương-trình chánh-trị năm 1966 của Thượng Tọa Trí-Quang (204) và năm 1968 của Thượng Tọa Thiện-Minh (205). Một phần khuynh-hướng chống Cộng tại miền Nam cũng tỏ ý ngờ vực đường lối trung-lập của Phật-Giáo vì theo họ, đường lối ấy mở đường cho Cộng-Sản hay là Cộng-Sản trá hình.

- Người ta chỉ thấy các chiến dịch của Phật-Giáo đá đảo chánh-phủ và người Mỹ, chứ không thấy một cuộc công khai đá đảo Mặt-Trần Dân-Tộc Giải-phóng miền Nam mà phe chống Cộng cho là nguồn gốc của cuộc chiến hiện nay.

(202) Giác-Đức, Thích : Sách đã dẫn, trang 445.

(203) Pike, Doubles : Sách đã dẫn, trang 358-379

(204) Xem trang 78 Luận án này.

(205) Xem trang 78-79 Luận án này.

- Mặc dầu quan-điểm sau đây chỉ do một cá-nhân phát-biểu và không tiêu-biểu cho lập-trường của Giáo-Hội P.G.V.N.T.N., nó vẫn làm dư-luận hoài nghi : trong lời kêu gọi gởi Mặt-Trần Dân-Tộc Giải-Phóng miền Nam nhân ngày kỷ-niệm 1.11.1963, Thượng Tọa Nhất-Hạnh đã cho rằng ngày đó có giá-trị tượng trưng cho sự cộng-tác của mọi người Việt "dù những người Việt này có chân trong Mặt-Trần hay không" (206). Như vậy phải chăng cách-mạng 1.11.1963 mà Phật-Giáo vẫn tự hào đóng vai-trò tiên phong lại có sự cộng-tác của "những người Việt có chân trong Mặt-Trần" như lời tuyên-bố của Thượng Tọa trong khi những người quốc-gia nhất quyết đả kích lối "cướp công Cách-mạng" của Mặt-Trần (207).

Nếu tương-quan giữa Phật-Giáo và Mặt-Trần còn nhiều nghi vấn, thì tương-quan giữa Phật-Giáo và Hoa-kỳ lại khá rõ rệt.

ĐOẠN II - PHẬT-GIÁO VÀ CHÁNH-PHỦ HOA-KỲ

Mối tương-quan giữa Phật-Giáo tranh đấu và chánh-phủ Hoa-kỳ đã diễn biến qua ba giai-đoạn chánh :

1. Hoa-kỳ đã ủng-hộ cuộc tranh đấu năm 1963 của Phật-Giáo.
2. Sau năm 1963, mối giao-hảo giữa hai bên trở nên lạnh nhạt, rồi dần dần Phật-Giáo đã tỏ ra đối nghịch với Hoa-kỳ vì yếu-sách không được thỏa mãn.
3. Từ giữa năm 1969 có những triệu chứng cải-thiện mối tương-quan giữa hai bên.

Ta cần xét diễn-tiến những thái-độ của cả hai bên để giải-thích sự thay đổi chánh-sách đối ngoại của họ.

(206) Nhất-Hạnh, Thích : Sách đã dẫn II, Phần phụ-lục, trang 26-27.

(207) Xem trang 375 Luận an.

PHẦN ĐOẠN I - THÁI-ĐỘ CHÁNH-PHỦ HOA-KỲ ĐỐI VỚI
PHẬT-GIÁO TRANH ĐẤU.

MỤC 1 - Diễn-tiến những thái-độ của Chánh-
Phủ Hoa-Kỳ

A - Trong giai-đoạn I (năm 1963) : Chánh-phủ Hoa-kỳ đã tích-cực ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật-Giáo. Trước hết, Hoa-kỳ đã khuyến cáo chánh-phủ Việt-Nam giải-quyết êm đẹp cuộc khủng hoảng do việc treo cờ gây nên. Rồi sau cuộc lục-soát chùa chiền và bắt giữ Tăng Ni đêm 20.8.1963. Hoa-kỳ đã bày tỏ thiện cảm đối với Phật-Giáo bằng cách áp-dụng những biện pháp quyết liệt đối với chánh-phủ Ngô-đình-Diệm (208).

Sự ủng hộ của Hoa-kỳ đối với Phật-Giáo còn biểu lộ qua sự chấp thuận của Tòa Đại-sứ cho hai Tăng-sĩ Việt-Nam, trong đó có Thượng Tọa Trí-Quang, xin tị nạn và sự khước từ lời yêu cầu của chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa xin giao trả các Tăng-sĩ tị nạn (209). Sau đó Tòa Đại-sứ còn cho ba Tăng-sĩ khác tị nạn và bảo đảm đầy đủ an-ninh cho họ (210).

Báo chí Mỹ còn cho biết chánh-phủ họ không phản đối việc ghi vào chương-trình nghị-sự khóa họp thường niên thứ 18 của Đại Hội-đồng Liên Hiệp-Quốc khiếu tố của 14 (về sau thêm 2) quốc-gia hội-viên lên án hành-vi chống Tăng Ni của chánh-phủ Sài-gòn là vi phạm nhân-quyền. Hoa-kỳ cũng không phải đối thủ-tục đặc biệt - thường chỉ dành cho các vấn-đề quan trọng quá mức - dành ưu tiên cho vấn-đề Phật-Giáo trong nghị trình (211).

(208) Xem trang 30 Luận án này ; Cũng xem Scigliano, Robert : Vietnam, Politics and Religion, Asian Survey, số tháng 1/1964, trang 668 và kế tiếp ; Nhật-báo New-York Times, ngày 29.8.1963.

(209) Washington Post, 30.8.1963.

(210) Washington Post, 2.9.1963.

(211) New-York Times, 17.9.1963.

B - Giai-đoạn II (từ sau 1963 tới 1969) : Mỗi "giao-hảo" tốt đẹp giữa Phật-Giáo và Hoa-kỳ bị dần dần tan vỡ ngay từ năm 1964 vì Hoa-kỳ không ủng-hộ đường lối tranh đấu mới của Phật-Giáo ; còn Phật-Giáo thì cho rằng Hoa-kỳ đã chống lại họ và xâm phạm chủ-quyền Việt-Nam. Sự oán-trách này đã bộc lộ rõ trên nhật-báo Chánh-Đạo cũng như trong các cuộc biểu tình bài Mỹ. Ký-giả Việt-Băng đã viết :

"Hồi tưởng lại thời kỳ trăng mật năm 1963, ai chẳng tưởng rằng vì người Mỹ mới ý-thức được rằng họ đã lầm khi bước chân vào Việt-Nam lại đi qua ngã đường mà trước kia người Pháp đã đi, nên đã tận tình ủng hộ một quảng đại quần chúng bị áp bức đứng lên lật đổ bạo quyền, và sau đó chánh sách của Mỹ sẽ hướng về mục tiêu thỏa mãn nguyện vọng của quần chúng Việt-Nam.

"Nào ngờ sau khi lật đổ được chế-độ Ngô-đình-Diệm rồi thì thái-độ của họ đối với Phật-Giáo lại thay đổi khác hẳn."

Ký giả này cho rằng bằng chứng hùng hồn nhất của sự chuyển hướng là lời tuyên-bố của Đại-sứ H. Cabot Lodge khi Ông từ giã Việt-Nam lần thứ nhất :

"Khi từ giã Việt-Nam tôi chỉ ân hận có một điều là không cứu sống được Ông Diệm."

Vẫn theo ký-giả này, sự phục hồi những nhân-vật thuộc chế-độ cũ đã trực tiếp đàn áp Phật-Giáo cũng như những khó khăn trong nội bộ Phật-Giáo đều do người Mỹ gây nên (212).

Phật-Giáo càng thất vọng nặng nề khi Hoa-kỳ nhất quyết ủng hộ những chánh-quyền mà Phật-Giáo đã đảo. Đáp lại lời yêu-cầu can-thiệp do Thượng Tọa Trí-

(212) Việt Băng : Nguyên-nhân và hậu quả của vụ đàn-áp Phật-Giáo năm 1966, Nhật-báo Chánh-Đạo, 17.1.1968.

Quang đưa ra liên tiếp trong ba ngày 16, 20 và 25.5.1966, Tổng-Thống Johnson tuyên-bố :

"Những hoạt-dộng tuyệt vọng (tức là cuộc tranh đấu của Phật-Giáo) chỉ làm mở tối con đường dẫn tới Quốc-Hội Lập-Hiến tại Việt-Nam (213)."

Dư-luận báo-chí và chánh-giới Mỹ đều không tán thành cuộc tranh đấu bạo động của Phật-Giáo. Chánh quyền Mỹ đã biểu lộ quyết tâm ủng hộ chánh-phủ quân-nhân để tiến hành việc xây dựng dân-chủ mà diễn-trình hoàn-toàn trái ý Phật-Giáo.

C - Giai-đoạn III (từ giữa năm 1969 tới nay) :
Từ giữa năm 1969 một vài triệu chứng cho phép suy đoán Hoa-kỳ đang có khuynh hướng cởi mở đối với phe Phật-Giáo tranh đấu :

1) Hoa-kỳ mong muốn chế-độ Đệ Nhị Cộng-Hòa mở rộng căn-bản nhân-dân hơn để các phe phái đối lập có cơ-hội tham-dự chánh-quyền (214). Ấn-Quang thường được coi là chống chánh-quyền mạnh nhất và, do đó, đương nhiên được bao gồm trong số những phe đối lập.

Thật vậy, một số nhân-vật uy-tín tại Hoa-kỳ đã mong mỏi chánh-phủ Việt-Nam chia sẻ quyền-hành cho các phe đối lập. Tháng 8/1969, Thượng Nghị-sĩ Mac Carthy có võ cho việc thành-lập một chánh-phủ gồm các phe phái lớn của dân-chúng Việt-Nam kể cả Việt-Cộng. Cựu Phó Tổng-Thống Humphrey kêu gọi chấp-nhận tự-do hoạt-dộng của mọi nhóm chánh-trị tại Việt-Nam ; cựu Bộ-Trưởng Quốc-Phòng Clifford hô hào làm áp lực để chánh-phủ Sài-gòn nới lỏng sự kiểm- soát và nhượng bộ các phần-tử chống-đối (215), cựu Đại-sứ Harriman, nguyên Trưởng Phái-đoàn Mỹ tại hòa-đàm Ba-Lê, cũng hô hào đòi chánh-phủ

(213) Lời tuyên-bố ngày 30.5.1966. Xem : Thêm, Đoàn : Việc từng ngày năm 1966.

(214) Christian Science Monitor, 2.4.1969.

(215) Foreign affairs. Vol. 47, N.4, July 1969, pp. 601-622.

Việt-Nam Cộng-Hòa phải liên-kết với các lực-lượng không Cộng-Sản tại miền Nam. Ông nói :

"Đường lối duy nhất để Tổng-Thống Thiệu có thể mở rộng căn-bản của ông là được sự ủng hộ của phe không Cộng-Sản và ngưng bỏ tù họ khi họ chống đối chánh-sách của ông (216)."

2) Quan-tâm tới những vấn-đề văn thường được Ấn-Quang nêu lên là : chiến-tranh, sự đàn-áp tôn-giáo và các lực-lượng chánh-trị tại Việt-Nam, Ủy-ban liên-tôn Hoa-kỳ đã bảo-trợ một Phái-đoàn sang Việt-Nam hồi tháng 5/1969 để tìm hiểu thực trạng chánh-trị, tôn-giáo và tư-pháp. Những sự-kiện sau đây chứng tỏ rằng Phái-đoàn đã đặc biệt để ý tới Giáo-Hội Ấn-Quang :

- Phái-đoàn đã hội-kiến khá lâu và kín đáo với các Tăng-sĩ, chánh-khách Phật-Giáo thuộc Ấn-Quang, dự tiệc trà, dùng cơm trưa và dự lễ Phật đản tại chùa Ấn-Quang ;

- Phái-đoàn đã được Thượng Toạ Trí-Quang trình-bày tất cả những việc liên quan đến tình-hình Phật-Giáo, đặc biệt là quan-điểm và giải-pháp hòa bình của Ấn-Quang ;

- Trong buổi họp báo tại Sài Gòn trước khi về nước, Phái-đoàn càng cho thấy chủ-đích chính của họ là tìm hiểu phe Ấn-Quang, vì tất cả bốn điều quan tâm của họ được trình-bày đều ít nhiều liên quan tới những vấn-đề mà phe này văn thường nêu lên trong các cuộc tranh đấu và vận-động hòa-bình :

a) Những việc làm hiện nay của chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa có dẫn tới một bầu không khí tự-do bày tỏ và hoạt-động chánh-trị ngõ hầu đưa tới một chánh-phủ được sự ủng-hộ rộng rãi của nhân-dân và có thể độc-lập tự tôn không ?

b) Những thủ-tục tư-pháp và luật-pháp có đủ để đảm-bảo quyền tự-do của dân-chúng theo Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa và phù-hợp với những điều ghi trong tuyên-ngôn Quốc-tế Nhân-quyền không ?

c) Sự phân-chia giữa những hoạt-động tôn-giáo và chánh-trị ở miền Nam Việt-Nam đã bị lu mờ vì sự quan-tâm quá mức của một vài nhóm tôn-giáo đối với hòa-bình. Đứng trước hoàn-cảnh đó phải chăng vì biện-pháp được gọi là an-ninh đã đi tới mức vi phạm tự-do tôn-giáo ?

d) Cuối cùng, phải chăng chánh-phủ Việt-Nam Cộng-Hòa có khuynh-hướng liệt tất cả những chống-đối chánh-trị là ủng-hộ Bắc-Việt và Mặt-Trần Giải-Phóng, và như vậy là ngăn-cản việc phát-triển khối đối lập hợp-pháp và được dân ủng-hộ hơn ? (217).

Những sự-kiện trên đây chứng tỏ người Mỹ đã để lộ triệu chứng đối hướng đối với vấn-đề tôn-giáo tại Việt-Nam, vì những quan tâm này trái ngược hẳn thái-độ im lặng, nếu không muốn nói là chống đối, mà họ đã dành cho cuộc biến động Miền Trung năm 1966. Hầu như sự quan-tâm tới lực-lượng Ấn-Quang cũng chỉ nằm trong ý-hướng muốn thấy mọi lực-lượng đối-lập tại Việt-Nam có cơ-hội tích-cực tham-gia quốc sự.

3) Người ta đã và đang thấy một số dấu-hiệu về sự tương-đồng giữa lập-trường hòa-bình của Ấn-Quang và chánh-sách đối ngoại của Hoa-kỳ.

Trước hết, cũng như Ấn-Quang, Hoa-kỳ chủ-trương giải-quyết chiến-tranh Việt-Nam bằng đường lối thương-thuyết (218).

(217) Chính-Luận, 6.6.1969 và 30.5.1969 ; Chánh-Đạo, 29.5.1969, 2, 3, 4, 5 và 6.6.1969 ; Hòa-Bình, 6.6.1969.

(218) Xem U.S. Foreign policy for the 1970's, a new strategy for peace, a report to the Congress by Richard Nixon, february 18, 1970, trang 65 và kế tiếp, The White House, 1970.

Thứ hai, nếu Ấn-Quang hô hào Mỹ rút quân, thì không những triệt thoái quân-đội của họ khỏi Việt-Nam, Hoa-kỳ còn thực sự giảm hẳn quân số của họ trên toàn cõi Á-Châu theo chủ-thuyết Nixon : "Người Á-Châu chống người Á-Châu, Hoa-kỳ trợ lực đồng-minh về các phương tiện tiền bạc và vũ khí".

Thống-kê năm 1971 cho biết quân số Mỹ tại các căn cứ Thái-Lan, Việt-Nam Cộng-Hòa, Đại-Hàn, Nhật-Bản, Okinawa, Đài-Loan, Guam và Phi-Luật-Tân, từ 783.500 người vào tháng 7 năm 1969 giảm xuống 554.200 người vào tháng Giêng năm 1971. Hoa-kỳ dự-liệu sẽ giảm xuống còn 465.400 người vào tháng 5/1971 (219).

Riêng tại Việt-Nam Cộng-Hòa, quân-số Mỹ đã giảm từ 534.500 người xuống trên 200.000 người vào tháng 10 năm 1971. Hơn nữa, trong cuộc họp báo ngày 12.11.1971, Tổng-Thống Nixon chính-thức xác nhận vai-trò hành-quân tấn công của quân-đội Mỹ đã chấm dứt tại Việt-Nam, và công-bố quyết-định rút thêm 45.000 quân theo nhịp độ 22.500 người mỗi tháng trong hai tháng 12/1971 và 1/1972. Như vậy mức độ rút quân này đã tăng gia 50% số với nhịp độ từ 12.000 đến 14.000 người mỗi tháng trước đây. Ông sẽ công-bố đợt rút quân kế tiếp trước ngày 1.2.1972 (220). Trong chuyến viếng thăm Sài-gòn ngày 5.11.1971, Bộ-Trưởng Quốc-Phòng Mỹ Melvin Laird cũng đã trình-bày với các giới hữu quyền Việt-Nam là Tổng-Thống Nixon dự tính rút thêm lối 110.000 quân từ 1.12.1971 trở đi và chỉ để lại một số quân tượng-trưng là 50.000 người (221).

Thứ ba, sự thâm nhập Cộng-Hòa Nhân-Dân Trung-Hoa vào Liên-Hiệp Quốc cũng như cuộc công du

(219) Lowering the US profile throughout Asia, Time, January 18, 1971 trang 16, 17.

(220) Chính-Luận, 14 và 15.11.1971.

(221) Chính-Luận, 7 và 8.11.1971.

Hoa-Lục và Nga-Sô của Tổng-Thống Nixon vào đầu năm 1972 chứng tỏ Hoa-kỳ cố gắng bắt tay với Trung-Cộng và hòa-hoãn với Nga-Sô để tạo thế quân-bình giữa các lực-lượng quốc-tế trên toàn cầu và riêng trong vùng Thái-Bình Dương (222). Trong khi đó Ấn-Quang cũng cố võ cho một chính-quyền liên-hiệp và không liên-kết tại Nam Việt-Nam để tạo một thế quân-bình giữa các lực-lượng quốc-tế tại Đông-Dương và Đông-Nam-Á.

Thứ tư, cả Hoa-kỳ lẫn Ấn-Quang đều hài lòng về kết-quả cuộc bầu cử bán phần Thượng Nghị-Viện năm 1970 vì nó có lợi cho cả hai bên.

Thứ năm, cuối năm 1970 và đầu năm 1971 là lần đầu tiên sau sáu năm Ấn-Quang chống đối Hoa-kỳ người ta thấy có sự trùng hợp giữa ý định của cả Hoa-kỳ lẫn Ấn-Quang về một đề-nghị kéo dài cuộc hưu chiến nhân dịp lễ Giáng-sinh năm 1970 hay Tết Tân-Hợi. Người ta tự hỏi đây là sự trùng hợp ngẫu nhiên hay có xếp đặt trước? Dầu câu trả lời nghiêng về giả thuyết nào chăng nữa, sự trùng hợp ấy chứng tỏ hai bên đã có điểm tương đồng.

Câu hỏi cần đặt ra là tại sao Hoa-kỳ lại có những thái-độ khác nhau đối với Phật-Giáo như vậy?

MỤC II - Tìm hiểu lý-do khiến Hoa-kỳ thay đổi thái-độ đối với phong-trào Phật-Giáo tranh-đấu

Thái-độ của Hoa-kỳ đối với phong-trào Phật-Giáo tranh-đấu xét cho cùng cũng chỉ là một khía-cạnh nhỏ trong toàn bộ chánh-sách ngoại-giao của họ tại Việt-Nam và Đông-Nam-Á.

(222) Xem US Foreign policy for the 1970's, a new strategy for peace, a report to the Congress by Richard Nixon, February 18, 1970, trang 133 và kế tiếp, The White House, 1970.

A - Sở dĩ trong hai giai-đoạn đầu (trong vụ tranh đấu 1963 và sau đó) Hoa-kỳ đã có hai thái-độ khác nhau đối với Phật-Giáo vì sau năm 1963 giới Tăng-sĩ Phật-Giáo đã không đáp ứng mục-tiêu chiến thắng bằng quân-sự của họ. Thật vậy, từ năm 1954 tới năm 1966, Hoa-kỳ chủ-trương phải chiến thắng tối hậu Cộng-sản ngay tại yếu-địa Nam Việt-Nam mà họ coi là con cờ đầu trong thuyết Domino tại Đông-Nam-Á (223). Công-luận và phe thắng thế trong chính quyền Mỹ năm 1963 cho rằng chế-độ Ngô-đình-Diệm là một nguyên-nhân bành trướng của Cộng-Sản vì đường lối độc-tài của gia-đình họ Ngô. Do đó ủng hộ cuộc nổi dậy của Phật-Giáo năm 1963, họ hy-vọng biến khối quần-chúng Phật-tử đông đảo thành lực-lượng chống Cộng hữu hiệu, đồng thời loại trừ được một đồng-minh không chịu tuân theo đường lối của họ.

Nhưng sau ngày lật đổ chế-độ Ngô-đình-Diệm, Hoa-kỳ nhận thấy các lãnh-tụ Phật-Giáo đã theo một đường lối riêng và, do đó, công cuộc chống Cộng trở nên đen tối hơn bao giờ hết (224). Vì vậy, có lẽ họ cho rằng phong-trào Phật-Giáo tranh đấu sau năm 1963 là trở lực cho việc chống Cộng. Ấy là chưa kể tới thái-độ nghi ngờ một số nhân-vật lãnh-đạo Phật-Giáo là trung-lập thân Cộng. Một tờ báo Phật-Giáo đã viết :

"Chính những tờ báo Mỹ trước đây nhiệt-liệt ủng-hộ Phật-Giáo thì sau năm 1963 cũng giở giọng phân nân rằng Phật-Giáo không phải là một tôn-giáo thuần túy, mà chỉ là một tổ-chức chính-trị trá hình... (225)"

(223) Hùng, Nguyễn-mạnh : Chính-sách ngoại-giao của Hoa-kỳ tại Đông Nam Á, Nguyệt-san Cấp-Tiến, số 4 (3/1969) trang 17 và kế tiếp.

(224) Duncanson, Dennis Jr. : Government and revolution in Vietnam, trang 242-279, Oxford University Press, 1968.

(225) Việt-Băng : Nguyên-nhân vụ đàn-áp Phật-Giáo 1966, Chánh-Đạo, số ra ngày 17.1.1968.

B - Sở dĩ căn-cứ vào một số dữ-kiện ta dám suy đoán rằng thái-độ bất thân thiện trên đây đã có khuynh-hướng thay đổi từ giữa năm 1969 vì mục-tiêu của Hoa-kỳ sau năm 1966 đã thay đổi. Đưa ra sáng-kiến hòa-đàm Ba-Lê, Hoa-kỳ từ bỏ ý định tiên khởi là chiến thắng tối hậu Cộng-Sản. Sau ngót 20 năm thí-nghiệm, Hoa-kỳ hình như đã loại bỏ thuyết Domino vì cho rằng : "những điều-kiện thế-giới ngày nay không còn là những điều-kiện giống như cách đây 20 năm. Chủ-nghĩa Cộng-Sản không còn là một khối duy-nhứt, tập-trung và đe dọa (226)".

Chánh sách mới của Hoa-kỳ là : trung-lập miền Đông-Nam-Á để giảm thiểu những xung đột ý-thức-hệ. Khi bước vào Tòa Bạch Ốc, Tổng-Thống Nixon cũng đã xác nhận chủ-trương thương thuyết. Rõ rệt rằng Hoa-kỳ cố tìm cách thỏa hiệp với Cộng-sản để đi tới một nền hòa-bình tại Việt-Nam và Đông-Nam-Á (227). Đồng thời họ cũng chủ-trương giúp Việt-Nam Cộng-Hòa phát-triển về mọi mặt, mở rộng căn-bản nhân-dân, đón nhận những lực-lượng quốc-gia đối nghịch với chánh quyền để tạo thành mặt-trận chánh-trị khả dĩ đương đầu nổi với đối phương. Từ chủ-trương đó, ta suy đoán rằng Hoa-kỳ có khuynh-hướng cởi mở đối với phe Phật-Giáo tranh đấu, một tập-thể vốn được tiếng là chống đối chánh-quyền mãnh liệt nhất.

Tập-thể này đã có thái-độ thế nào đối với chánh-phủ Hoa-kỳ ?

PHÂN ĐOẠN II - THÁI-ĐỘ CỦA PHẬT-GIÁO ĐỐI VỚI CHÁNH-PHỦ HOA-KỲ

Từ cuộc tranh đấu đầu tiên năm 1963 tới nay, Phật-Giáo có hai thái-độ rõ rệt đối với chánh-quyền Hoa-kỳ : thân thiện và chống đối.

(226) Hùng, Nguyễn-mạnh : Bài đã dẫn

(227) Huy, Nguyễn-ngọc : Chánh-sách mới của Hoa-kỳ tại Việt-Nam, nhật-báo Cấp-Tiến 9.8.1968 ; Từ chánh-sách Hoa-kỳ và các đại cường quốc Cộng-sản đối với Việt-Nam đến hội-đàm Ba-Lê, nguyệt-san Cấp-Tiến số 4, trang 7 và kế tiếp.

MỤC I - Diễn-tiến hai thái-độ khác nhau
của Phật-Giáo tranh-đấu

A - Thái-độ thân thiện

Suốt trong cuộc tranh đấu 1963 Phật-Giáo có thái-độ thân hữu đặc biệt đối với chánh-quyền Hoa-kỳ để đền đáp lại sự hỗ trợ đặc biệt của công-luận và chánh-giới Hoa-kỳ dành cho họ. Thiện cảm này còn dư âm sau khi chế-độ Đệ Nhất Cộng-Hòa cáo chung, và Đại-sứ Lodge được coi như ân-nhân của phong-trào tranh đấu. Nhưng cũng chính nhà ngoại-giao này đã làm Phật-Giáo nghi-ngờ người Mỹ vì lời tuyên-bố của ông mà ta đã trích dẫn trong Phân-đoạn trên.

B - Thái-độ chống-đối

Sự nghi ngờ chánh thức biến thành chống đối công khai trong cuộc tranh đấu lật đổ chánh-phủ Trần-văn-Hương.I. Ngày 22.1.1965, hàng trăm Tăng, Ni, Phật-tử biểu tình trước tòa Đại-sứ Mỹ với khẩu hiệu "hãy để cho dân-tộc Việt-Nam tự quyết !"; thư-viện Mỹ tại Sài-gòn bị đập bể cửa kính. Ngày hôm sau Phật-tử Huế cũng noi gương Phật-tử Sài-gòn biểu tình chống Mỹ, ném đá và đốt cháy thư-viện Mỹ với 5.000 cuốn sách. Đây là những cuộc biểu tình bài Mỹ đầu tiên tại Việt-Nam (228).

Phong-trào Phật-Giáo bài Mỹ lên cao độ vào năm 1966 : Phòng Thông-tin, Thư-viện, Tòa Lãnh-sự Mỹ ở Huế đều bị đốt phá. Sinh mạng kiều dân Mỹ tại Huế và Đà-Nẵng bị đe dọa. Từ đó đến giữa năm 1970 phong-trào Phật-Giáo luôn luôn đá kích người Mỹ đã xâm phạm chủ-quyền và nền độc-lập của Việt-Nam. Năm 1967, Thượng Tọa Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo Ấn-Quang cho rằng :

"Việc xé Hiến-Chương Phật-Giáo cũng là ý-định của một số người đang cầm quyền tại Hoa-thịnh-Đốn." (229).

(228) Thêm, Đoàn : Việc từng ngày, năm 1965.

(229) Nhật-báo Tiến : 11.10.1967.

Nhật-báo Chánh-Đạo cho rằng :

"Nếu người Mỹ giữ thái-độ bất can-thiệp vào nội bộ Việt-Nam thì biến cố miền Trung đâu có xảy ra hậu quả trầm trọng như ngày nay (230)."

Nhưng cũng từ năm 1967, những hình-thức chống đối bạo động ngoài đường phố đã được thay thế bằng sự đả kích có hệ-thống trong các lời tuyên-bố, thuyết-pháp và trên báo-chí.

Từ năm 1968, nhật-báo Chánh-Đạo đã dành nhiều bài xã-thuyết để lên án người Mỹ vi phạm chủ-quyền Việt-Nam, làm băng hoại xã-hội và đảo lộn mọi giá trị tinh-thần truyền thống của dân-tộc Việt-Nam.

Đặc biệt trong hạ bán niên 1969 chiến dịch bài Mỹ ấy đột nhiên gia tăng. Tờ Chánh-Đạo chỉ trích cả chánh-sách Johnson lẫn chánh-sách Nixon, và cho rằng dù thuộc đảng Cộng-Hòa hay đảng Dân-Chủ, chánh quyền Mỹ chỉ phục vụ cho quyền lợi quốc-gia họ mà thôi (231). Chiến dịch ấy càng dữ dội hơn trong thời gian hai chánh-quyền Việt-Mỹ đưa ra những sáng-kiến hòa bình và dư-luận Mỹ tỏ ra lưu tâm tới vai-trò của Phật-Giáo Ấn-Quang. Do đó mà người ta nghi ngờ rằng chiến dịch bài Mỹ nhằm tạo áp lực thúc đẩy Mỹ đi vào con đường hòa-bình do Ấn-Quang vạch sẵn (232). Nhất là sau khi Phó Tổng-Thống Nguyễn-cáo-Kỳ lên tiếng phê-bình một vài lỗi lầm của Mỹ, chiến dịch đả kích đã dành 14 số báo liên tiếp để phân tích điều mà tờ Chánh-Đạo gọi là dã tâm của Hoa-kỳ tại Việt-Nam (233). Những lời chỉ-trích trên có thể tóm tắt bằng câu nói tổng quát sau đây của Thượng Tọa Trí-Quang khi được hỏi về bản án 10 năm khổ sai của Thượng Tọa Thiện-Minh :

(230) Nhật-báo Chánh-Đạo, 17.12.1967.

(231) Chánh-Đạo, 22.8.68, 6.3.69, 23.4.69, 3.6.69, 4, 5, 6, 7, 10.6.69

(232) Chánh-Đạo, 11, 13.6.69, 11, 12.7.69, 25 đến 30.6.69, 16, 17.7.69.

(233) Chánh-Đạo, từ 18.7 đến 4.8.69.

"Người Mỹ phải chịu trách nhiệm về những sự-kiện xảy ra ở Việt-Nam dù trực tiếp hay gián tiếp(234)."

C - Thái-độ hòa-hoãn

Chiến dịch bài Mỹ đã dịu bớt kể từ giữa năm 1970, vì từ đó người ta không thấy Ấn-Quang đã kích Hoa-kỳ một cách dữ dội như trước nữa. Tại sao Ấn-Quang đã có những thái-độ khác nhau như vậy ?

MỤC II - Giải-thích sự thay-đổi thái-độ của Phật-Giáo Ấn-Quang

Hai thái độ trái ngược kể trên thực ra không có gì mâu thuẫn vì chúng nằm trong một đường lối duy nhất của các nhà lãnh-đạo Ấn-Quang.

Thật vậy, họ đã chính-thức tuyên-bố khước từ cả đường lối Tư-bản lẫn đường lối Cộng-Sản để theo đuổi đường lối "Dân-Tộc và Đạo-Pháp" do chính họ đề ra. Về phương diện thực tế, Phật-Giáo tranh-đấu chỉ hoan nghênh Hoa-kỳ khi nào cường quốc này thỏa mãn nguyện vọng của họ. Những nguyện vọng ấy, theo họ, chính là nguyện vọng chung của nhân-dân Việt-Nam, vì Đạo-Pháp và Dân-Tộc là một. Do đó, chống đối hay thờ ơ với những nguyện vọng ấy là xâm phạm chủ quyền Việt-Nam. Họ cũng cho rằng đường lối trung-lập của họ và một chánh-phủ gồm đủ mọi xu hướng chánh-trị là những điều-kiện tiên quyết để văn hội hòa-bình và bảo-vệ độc-lập của Việt-Nam. Gần đây chủ-trương ấy hầu như gần gũi với chánh-sách của Hoa-kỳ, một chánh sách nhằm trung-lập-hóa cả miền Đông-Nam-Á để tạo thế quân-bình trên thế-giới.

o_o

KẾT-LUẬN THIÊN II

Cuộc khảo-sát mối tương-quan giữa Phật-Giáo và các lực-lượng chánh-trị khác cho phép ta rút tĩa được những nhận xét sau đây :

1 - Từ năm 1963 tới năm 1967, bất ổn và phân-hóa là hai nét nổi bật nhứt trong sanh-hoạt chánh-trị. Mặc dầu tình-hình chánh-trị đã dần dần được ổn-định từ khi thành-lập nền Đệ Nhị Cộng-Hòa, nạn phân-hóa hiện vẫn còn trầm trọng và gây nhiều thiệt thòi cho quyền-lợi chung. Riêng đối với Phật-Giáo, mối tương-quan giữa phe Phật-Giáo tranh-đấu và chánh-quyền hiện vẫn chưa được bình-thường-hóa. Ngay trong nội bộ Phật-Giáo cũng thiếu hẳn sự đồng tâm nhất trí vì sự đối nghịch giữa các khuynh-hướng dị biệt cũng như sự mâu-thuẫn giữa các cá-nhân trong cùng một khuynh-hướng.

2 - Từ vụ Phật-Giáo 1963 tới nay, tôn-giáo, quân đội và các thế-lực bên ngoài đã có ảnh-hưởng quyết định đối với đời sống quốc-gia. Trong khi đó chánh-đảng tỏ ra quá yếu ớt và hiện vẫn chưa đóng trọn được vai-trò quan-trọng thực sự của nó trong nền Dân-chủ.

3 - Một xã-hội phân-hóa sâu-xa và một hệ-thống chánh-đảng suy yếu rã rời là hai trở lực lớn lao nhất cho công-cuộc kiến quốc và xây-dựng Dân-chủ tại Việt-Nam. Thực ra, những trở lực này xuất hiện ở khắp các quốc-gia chậm tiến mới độc-lập và chỉ có thể được khắc phục bởi những nỗ lực tạo dựng đoàn-kết Quốc-gia.

Kết-luận Phần II

Sự tham-gia chánh-trị của Phật-Giáo Việt-Nam từ 1963 tới nay đã làm cuộc sinh-hoạt chánh-trị liên-tục sôi động và chúng tỏ được khả-năng chánh-trị của một số Tăng-sĩ. Thật vậy, chư Tăng đã biết vận dụng những kỹ-thuật đấu-tranh tân kỳ, linh-động trong chiến-thuật và kiên-trì trong chiến lược.

Thực ra, kỹ-thuật đấu-tranh chỉ tạo thêm sức mạnh cho Phật-Giáo trong những hoàn-cảnh thuận lợi mà thôi. Do đó thời-cơ đã hỗ-trợ đắc lực cho uy-tín xã-hội của đoàn-thể. Có lẽ vì vậy từ cuối năm 1970 Phật-Giáo đã khéo thích ứng chiến-thuật với hoàn-cảnh ngõ hầu khôi-phục lần hồi uy-tín đã bị sút mẻ.

Với nhận xét này ta bước sang nhận-xét tổng-kết cả hai Phần Luận án vừa trình-bày.

Nhận xét tổng kết hai phần Luận án

Sau khi phân-tích trong Phần I và Phần II những thành-tố thể-lực và sự tham-gia chánh-trị của Phật-Giáo, ta có thể rút ra những nhận xét sau đây :

1 - Có một mối tương-quan nhân quả giữa thể-lực và hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo. Nói cách khác, sự thành-công tùy thuộc vào thực-lực của đoàn-thể. Nếu bị suy yếu, đoàn-thể sẽ khó lòng thực-hiện nổi các chương-trình đã dự-định, mặc dầu những kỹ-thuật hành-động tinh-vi được áp-dụng.

2 - Những ước-vọng và giải-pháp do các nhà lãnh-đạo Phật-Giáo nêu lên không nhiều thì ít đều có tánh-cách chánh-trị. Đây là một nhận-xét hoàn-toàn khách quan không những của người Việt-Nam mà còn của những nhà phân-tách chánh-trị quốc-tế (235). Nhận xét này đưa tới một nhận xét thứ ba.

3 - Có sự khác biệt giữa lẽ lối tham-gia chánh-trị của Phật-Giáo Việt-Nam với lẽ lối tham-gia chánh-trị của Giáo-Hội tại các nước tiên tiến :

(235) Halberstan, David : The making of a quagmire, trang 196 và kế tiếp, Random House, New-York, 1965 ; cũng xem Berlo, Victor and Goshal, Kumar : Sách đã dẫn tr. 29-34 ; Lacouture, Jean : Le Vietnam entre deux paix, tr. 85 và kế tiếp, Editions du Seuil, 1965 ; Duncanson, Denis J. : Sách đã dẫn, tr. 327 và kế tiếp ; Shaplem, Robert : sách đã dẫn, tr. 191 và kế tiếp ; Mecklin, John : Sách đã dẫn, tr. 153 và kế tiếp ; Schlesinger, Jr : Sách đã dẫn, tr. 900.

Cũng xem US Congressional record-Senate, August 21, 1967, S1182 (Nghị-sĩ Dodd cho rằng vụ Phật-Giáo 1963 hoàn-toàn có tính-cách chánh-trị).

- Khác hẳn Giáo-Hội tại các nước Âu Mỹ thường đóng vai-trò đoàn-thể áp-lực thuần-túy bên cạnh chánh-quyền và chánh đảng, Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam đã hoạt động như một đoàn-thể chánh-trị thế tục.

- Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất cũng khác Giáo-Hội Công-Giáo Tây-phương về mọi mặt, như : triết-lý và sứ-mạng Giáo-Hội, bản-chất giáo-quyền v.v.. Sự dị biệt này dễ đưa tới sự bất phân lập giữa Giáo-Hội và Nhà Nước.

- Nếu các Giáo-Hội Tây-phương tranh đấu để bảo vệ quyền-lợi riêng của đoàn-thể, thì Phật-Giáo Việt-Nam bảo-vệ cùng một lúc cả Đạo-Pháp lẫn Dân-tộc, và Dân-tộc được công-hóa với Đạo-Pháp.

4 - Phật-Giáo Việt-Nam có những điểm tương đồng với Phật-Giáo Tích-Lan và Miến-Điện :

- Đoàn Tăng Già là đoàn-thể áp lực mạnh mẽ khi bảo vệ quyền-lợi của chính họ hay điều gì mà họ coi là quyền-lợi của Đạo-Pháp. Họ là một đồng-minh đặc lực của các chánh khách thế tục trong mỗi lần bầu cử, một dụng-cụ hữu ích của chánh-quyền trong cuộc tranh chấp ý-thức-hệ Quốc-Cộng. Tuy nhiên, họ cũng gây khó khăn không ít cho chánh-quyền. Sự liên-hệ sâu đậm của họ vào cuộc tranh chấp chánh-trị làm nội tình quốc-gia nhiều khi trở nên căng thẳng.

- Sự phân chia khuynh hướng trong hàng ngũ Tăng Già tại cả ba nước đều giống hệt nhau.

Thứ nhất, Tăng-sĩ trẻ ham thích chánh trị trong lúc Tăng-sĩ già ưa cuộc sống tu-hành hơn. Tăng-sĩ chánh-trị chiếm thiểu số và thường sống tại các đô-thị lớn. Vì vậy học-giả Donald Eugene Smith cho rằng Phật-Giáo tham-gia chánh-trị tại Miến-Điện là một hiện-tượng có tính-cách đô-thị và thiểu số (236).

(236) Smith, Donald Eugene : Sách đã dẫn II, trang 200.

Thứ hai, những Tăng-sĩ chánh-trị còn được chia làm hai khuynh-hướng chính : đa số chống Cộng, thiểu số trung-lập hay khuynh tả.

Thứ ba, những lần ranh phân hóa các Tăng-sĩ trong cả ba quốc-gia đều giống nhau : phân hóa giữa phái già với phái trẻ, hay bảo-thủ với cấp-tiến, phân hóa giữa Tăng-sĩ chân tu với Tăng-sĩ chánh-trị, phân hóa giữa giới khuynh tả với giới chống Cộng, phân-hóa giữa Tăng-sĩ địa-phương hay sắc tộc này với Tăng-sĩ địa phương hay sắc tộc khác.

- Mặc dầu đã cố gắng len lõi vào hàng-ngũ Phật-Giáo, nhưng Cộng-Sản tại ba nước cho tới nay đã thất-bại trong âm mưu lợi dụng Phật-Giáo vì khuynh-hướng chống Cộng vẫn thắng thế trong đoàn Tăng Già.

Tại Việt-Nam và Miến-Điện người ta thấy có một quan niệm giống nhau về vai-trò của Tăng-Già trong cuộc tranh chấp Quốc-Cộng. Nếu tại Miến-Điện Cộng-Sản ve vãn Tăng-sĩ bằng cách đề cao vai-trò truyền thống của họ là trung-gian hòa-giải và kiến tạo hòa bình (237), thì tại Việt-Nam chính Tăng-sĩ Phật-Giáo tranh đấu lại tự đề cao vai-trò ấy. Nhưng tại cả hai nơi, họ vẫn chưa đóng trọn được vai-trò truyền thống vừa kể.

Các kỹ-thuật hoạt-động chánh-trị của giới Tăng-sĩ tại cả ba quốc-gia đều giống nhau. Họ đã đi từ bất bạo động và hợp-pháp tới bạo động và bất hợp-pháp. Hình-thức thông thường nhất vẫn là thuyết-pháp và lập các quyết-nghị. Mạnh hơn một bước nữa là biểu tình, tuyệt thực, hạ tối hậu thư cho chánh quyền. Hành-động mạnh nhất là hỗ-trợ một phong-trào nổi dậy. Tại Miến-Điện và Việt-Nam đều có trường hợp một số Tăng-sĩ ủng hộ cuộc nổi dậy ; chánh-quyền cả hai nơi đều đàn-áp các cuộc nổi dậy và khám phá được một số vũ khí đạn-được cất dấu trong các chùa chiền (238). Tại Tích-Lan

(237) Smith, Donald Eugene : Sách đã dẫn II, trang 197.

chính Tăng-sĩ đã giết Thủ-Tướng (239).

- Trong cả ba quốc-gia, quyền-lực chánh-trị và tiên nghi vật-chất của văn-minh Tây-phương đã làm suy đồi đạo-đức của một số Tăng-sĩ.

- Phật-Giáo cả ba nơi đều chưa thiết lập được một hệ-thống giáo-quyền thống nhất và bao trùm tất cả mọi tập-thể biệt-lập. Vì vậy người ta đã thấy tình trạng vô kỷ-luật, phân hóa, và hủ hóa nơi một số Tăng-sĩ.

5 - Quốc-Gia chủ-nghĩa vẫn được các lãnh-tụ Tôn-giáo cũng như các lãnh-tụ chánh-trị dùng làm khí giới chánh-trị tại Á-Châu. Thật vậy, trong cả ba quốc-gia kể trên, các Tăng-sĩ đều đề cao sự liên-hệ khăng khít giữa Quốc-gia chủ-nghĩa và Phật-Giáo để đi tới chủ-trương rằng Phật-Giáo là yếu-tố hội-nhập quốc-gia và là nền tảng cho tính-cách chính đáng của chính-quyền. Trong khi đó các lãnh-tụ chánh-trị cũng đề-cao Quốc-gia chủ-nghĩa, nhưng họ lại kết hợp nó với từng ý-thức-hệ riêng biệt theo sự chọn lựa của mỗi người. Thủ-Tướng U-Nu của Miến-Điện đã tổng hợp Quốc-gia chủ-nghĩa với xã-hội chủ-nghĩa. Cả U-Nu lẫn Thủ-Tướng S.W. R.D. Bandaranaike của Tích-Lan đều dùng Phật-Giáo làm yếu tố hội-nhập quốc-gia và hậu thuẫn chánh-trị. Ở Việt-Nam về vấn-đề này ta có thể nêu lên hai nhận xét.

Thứ nhất, vì Quốc-gia chủ-nghĩa được coi là một lợi thế chánh-trị, nên cả các nhà lãnh đạo nền Đệ-Nhất Cộng-Hòa cũng như các nhà lãnh-đạo Phật-Giáo tranh đấu trong những hoàn cảnh khác nhau đều tuyên-bố sở dĩ phải đả-kích Hoa-kỳ chỉ vì muốn bảo-vệ chủ-quyền quốc-gia. Thậm chí đến cả Chủ-Tịch Hồ-Chí-Minh cũng ngợi khen Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm là người yêu nước theo cách của ông ấy sau khi vì nguyên-thủ Đệ-Nhất Cộng-Hòa bị thăm sát.

Thứ hai, nếu quốc-gia chủ-nghĩa được triệt-đé khai thác tại nước ta trong vòng nửa thế-kỷ nay, thì tư-tưởng Phật-Giáo chưa hề chiếm được một địa-vị nào trong hệ-thống chánh-trị suốt trên một trăm năm nay. Thật

(239) Smith, Donald Eugene : Sách đã dẫn I, trang 482.

vậy, người Pháp trong 80 năm đô-hộ nước ta đã du nhập tư-tưởng Thiên-Chúa Giáo cùng với nền văn-minh kỹ thuật của họ vào Việt-Nam. Sau khi người Pháp bị lật đổ, lãnh-tụ Hồ-Chí-Minh chỉ kết hợp chủ-nghĩa Quốc-Gia với chủ-nghĩa Cộng-Sản. Tổng-Thống Ngô-dình-Diệm trong chín năm cai-trị đã cố gắng tạo một sự hòa hợp giữa Quốc - Gia chủ-nghĩa và Nhân-Vị chủ-nghĩa, một triết-lý chánh-trị của Thiên-Chúa Giáo phối hợp với Không-Giáo.

Từ năm 1963 đến nay, mặc dầu các nhà lãnh đạo chánh-trị chưa đề ra một chủ thuyết chánh-trị rõ rệt, người ta nhận thấy hiện nay các nhân-vật Công-Giáo vẫn tiếp-tục giữ vai-trò quan trọng trong guồng máy Quốc-gia. Bằng chứng là từ Tổng-Thống tới Chủ-tịch Thượng Nghị-Viện, một số Nghị-sĩ và hội-viên Hội-đồng Văn-hóa Giáo-đục đều là người Công-Giáo ; tại Hạ Nghị - Viện, trong pháp nhiệm thứ nhứt tỷ-lệ dân-biểu có tín-ngưỡng Công-Giáo (tính theo dân số của mỗi tôn-giáo) cũng cao hơn tỷ-lệ dân-biểu có tín-ngưỡng Phât-Giáo.

6 - Kể từ biến-cố Phât-Giáo năm 1963, bài học lịch-sử về sự can-thiệp của ngoại bang lại tái diễn không ngừng. Thật vậy, nếu từ niên-kỷ ấy sự can-thiệp của các lực-lượng bên ngoài vào nội tình Việt-Nam càng ngày càng thô bạo, thì về phương diện lịch-sử hơn một lần nữa người ta lại thấy bất cứ sự can thiệp nào của ngoại bang cũng đều bắt nguồn từ mâu-thuần nội bộ trong quốc-gia chúng ta. Nếu một ngàn năm và một trăm năm trước đây người Trung-Hoa và người Pháp đã mượn có có lời cầu viện của chính người Việt để xâm lăng Việt-Nam, thì từ năm 1963, vụ Phât-Giáo đã là cơ hội tốt để Hoa-kỳ giải-quyết mối xung đột giữa họ với các nhà lãnh-đạo Đệ Nhất Cộng-Hòa Việt-Nam. Rồi từ đó, những vụ tranh chấp quyền-hành vì tham vọng cá nhân hay đầu óc bè phái càng giúp ngoại bang, Đông cũng như Tây, dễ dàng can-thiệp hơn và càng khiến Mặt-Trận Giải-Phóng miền Nam có cơ-hội bành-trướng hơn.

Rút cuộc, trong những năm xáo trộn vừa qua nước ta đã thụt lùi trên đường tiến bộ vì bất ổn chánh trị và phân hóa. Như ta đã nhận xét, hai đặc tính này

cũng là những đặc tính chung của các quốc-gia chậm tiến; chúng có hậu quả làm dễ dàng sự can-thiệp từ bên ngoài và tiêu ma những nỗ lực phát-triển quốc-gia. Đặc biệt đối với Việt-Nam Công-Hòa, cùng một lúc phải giải quyết hai vấn-đề chậm tiến và chiến tranh, những hậu quả ấy càng khốc liệt hơn. Phật-Giáo cũng chịu cùng một số phận với quốc-gia : uy-tín của Tăng-sĩ bị sút mẻ, nội bộ Giáo-Hội bị phân hóa.

7 - Tình-trạng bi đát trên đây của Quốc-Gia cũng như của Giáo-Hội Phật-Giáo khiến một số Tăng sĩ có ý-thức chánh-trị quan-niệm rằng Phật-Giáo chỉ có thể giữ vai-trò quan-trọng được trong một quốc-gia hoàn toàn độc-lập, trung-lập và thoát khỏi sự kìm kẹp của các đại cường quốc. Có lẽ vì vậy nên Ấn-Quang một mặt chấp nhận khung cảnh pháp-lý của chế-độ hiện tại qua việc tham-gia tích cực vào cuộc bầu cử bán phần Thượng Nghị Viện năm 1970, nhưng mặt khác họ lại tiếp tục hô hào lật đổ các nhà cầm quyền hiện hữu để tiến tới việc thành-lập một chính-quyền liên-hiệp và không liên-kết. Giới quan sát chánh-trị coi hai hành-động này không mâu thuẫn nhau, vì lập-trường căn-bản của Ấn-Quang từ các cuộc tranh đấu trong những năm 1967, 1968, 1969 và trong cuộc vận-động hòa-bình 1970, 1971 vẫn trước sau như nhất, nghĩa là phủ nhận Quốc-Hội Lập-Hiến 1966, khước từ Hiến-Pháp Đệ Nhị Cộng-Hòa và các nhân-vật lãnh-đạo chánh-trị hiện tại thoát thai từ cuộc bầu cử 1967 mà họ cho là không tự-do và trung thực. Người ta phỏng đoán rằng việc chấp thuận khung cảnh pháp-lý hiện tại có lẽ là một chiến-thuật cần-thiết để tạo phương tiện tiến tới việc thiết-lập một chính quyền không liên-kết. Nói cách khác, giới quan-sát suy luận rằng Ấn-Quang cố gắng đưa người dân dần vào các guồng máy then chốt của quốc-gia để tạo được tiếng nói quyết-định hợp pháp về vận mệnh đất nước. ý-định này đã biểu lộ từ những cuộc tranh đấu năm 1966 mà ta đã có dịp phân tích.

8 - Sự can-thiệp trực-tiếp của Tăng-sĩ vào sinh-hoạt chánh-trị đã gây nên tình-trạng bất phân ranh giới giữa tôn-giáo và chính-trị. Tình-trạng ấy phát sinh mối tương-tranh giữa Quốc-Gia và Giáo-Hội, mâu

thuần giữa các tôn-giáo với nhau và sự phân-hóa nội bộ Phật-Giáo.

Vậy vấn-đề đặt ra là làm thế nào tôn trọng được cả những nguyên-tắc căn-bản của nền dân-chủ lẫn lý-tưởng tôn-giáo để giúp tôn-giáo và chánh-trị phát-triển song hành mà vẫn không dẫm chân lên nhau ? Giải pháp đề nghị cho vấn-đề này được trình-bày trong Phần III và cũng là phần chót của Luận án.

o
o)
o

Phần Thứ Ba

**GIẢI-PHÁP ĐỀ-NGHỊ
CHO VẤN-ĐỀ PHẬT-GIÁO
TẠI VIỆT-NAM**

Sự phân-tích khoa-học trong hai Phần trên đây cho thấy :

- Một số Tăng-sĩ đã hoạt-động chánh-trị và tin-tưởng rằng mọi hành-vi tranh-đấu đều nhằm "bảo-vệ Đạo-Pháp và Dân-Tộc".

- Hoạt-động chánh-trị của Giáo-Hội có nhiều điều bất lợi cho cả Tôn-Giáo lẫn Quốc-Gia và khiến mối tương-quan giữa hai bên cho tới nay vẫn chưa được bình-thường-hóa. Chánh quyền tự mâu-thuẫn ở chỗ tuy phủ-nhận tư-cách pháp-lý của Giáo-Hội Ấn-Quang, nhưng vẫn để Giáo-Hội này hoạt-động như một đoàn-thể được thành-lập hợp lệ. Trong khi đó Giáo-Hội tỏ thái-độ bất cần ăn-ban pháp-lý do chánh quyền ban-cấp, đã từng phủ-nhận Hiến-Pháp 1.4.1964 và vẫn thường xuyên đả kích từ chánh-sách đến hành-động của Nhà Nước.

- Về phương-diện pháp-lý, mối mâu-thuẫn trên đây giữa Ấn-Quang và Chánh-quyền phát xuất từ sự thiếu hẳn một quy-chế chung cho mọi Giáo-Hội. Khiếm khuyết này có hậu quả gây nên tình-trạng bất bình-dẳng giữa một số Giáo-Hội hiện hữu và để một khe hở cho tôn-giáo dễ-dàng hoạt-động chánh-trị.

Tất cả những dữ-kiện nêu trên giúp ta đi tới một kết-luận là cần phải có một giải-pháp cho vấn-đề Phật-Giáo - hay, nói rộng hơn, một giải-pháp cho vấn-đề tôn-giáo và chánh-trị - tại Việt-Nam. Giải-pháp này vừa quan-trọng vừa cấp thiết vì nó nhằm :

- Giải-quyết mối xung-đột giữa Quốc-Gia và Giáo-Hội,
- Bảo-đảm tự-do và bình-dẳng tôn-giáo,
- Bảo-đảm nguyên-tắc thế-tục của Quốc-Gia,

- Góp phần vào công cuộc tạo lập đoàn-kết Quốc-gia bằng cách thiết-lập những tương-quan pháp-lý tiến-bộ giữa các tập-thể tôn-giáo và chánh-trị.

Nói một cách khác, nếu Tăng-sĩ cho rằng cần tranh-đấu để "bảo-vệ Dân-Tộc và Đạo-Pháp", ta cần tìm giải-pháp nào hữu hiệu nhất để bảo-vệ tự-do tôn-giáo. Đồng thời, ta còn phải xét xem việc bảo-vệ tôn-giáo có nhất thiết gắn liền với việc bảo-vệ Dân-Tộc không? Nói cách khác, có cần phân-biệt rõ rệt tư-cách tín-đồ với tư-cách công-dân không? Ngoài ra, nếu hoạt-động chánh-trị của Giáo-Hội có hậu quả làm căng-thẳng mối tương-quan giữa tôn-giáo với chánh-quyền, gây chia rẽ giữa các tôn-giáo và làm phân-hóa nội bộ Giáo-Hội, ta phải làm thế nào loại-trừ được hậu-quả tệ hại ấy để bảo-vệ được sự đoàn-kết Quốc-Gia và sứ-mạng thiêng-liêng của Tôn-Giáo?

Giải-pháp đề-nghị do Luận án nêu lên trong Phần III này để trả lời tất cả những câu hỏi trên đây được dựa trên kinh-nghiệm quý giá của nhân-loại. Lịch-sử tương-quan Giáo-chánh tại Âu-Châu cho hay sự can-thiệp trực-tiếp của tôn-giáo vào chánh-trị chỉ là một hiện-tượng chậm tiến. Nhằm chấm dứt hiện-tượng này, từ thế-kỷ thứ 17 các quốc-gia Âu-Châu đã quyết tâm xác-định vị-trí của tôn-giáo trong đời sống quốc-gia bằng một quan-niệm quốc-gia thế-tục. Quan-niệm này đã dần dần lan tràn khắp thế-giới như một dụng-cụ hữu hiệu để bảo-vệ tự-do của con người, giá-trị siêu-việt của tôn-giáo và tiến-bộ của xã-hội. Vì quốc-gia thế-tục tượng-trưng cho hướng tiến-bộ tất-nhiên của cả loài người, nên giải-pháp đề-nghị không thể đi ngược giòng lịch-sử văn-minh. Do đó trong Phần III này, ta phải :

- I - Xác-định vị-trí của Phật-Giáo trong đời sống quốc-gia (Thiên I)
- II - Xác-định vai-trò của quốc-gia trong lãnh-vực tôn-giáo (Thiên II)

Thiên 1

XÁC-ĐỊNH VỊ-TRÍ CỦA PHẬT-GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG QUỐC-GIA

Thiết tưởng cần căn-cứ vào quan-niệm căn-bản về tương-quan giữa tôn-giáo và chánh-trị đã được các quốc-gia văn-minh áp-dụng để xác-định vị-trí của Phật-Giáo trong đời sống quốc-gia :

Chương I - Quan-niệm căn-bản về tương-quan giữa Tôn-Giáo và Chánh-trị.

Chương II - Xác-định vị-trí của Phật-Giáo trong đời sống Quốc-Gia.

CHƯƠNG I

QUAN-NIỆM CĂN-BẢN VỀ TƯƠNG-QUAN GIỮA TÔN-GIÁO VÀ CHÍNH-TRỊ

Vấn-đề đặt ra trong Chương này là phải xác-định một quan-niệm tiến-bộ làm nền-tảng cho mối tương-quan giữa Quốc-Gia và Giáo-Hội tại Việt-Nam để duy-trì thế quân-bình giữa xã-hội dân-sự và xã-hội tôn-giáo, vì thế quân-bình đó chính là điều-kiện tối cần cho sự ổn-định và tiến-bộ chung cũng như cho việc bảo-vệ tự-do tín-ngưỡng. Quan-niệm ấy, được đúc kết bởi thành quả chinh-phục tự-do của con người trong diễn-trình tương-quan giáo-chánh (Tiết I), phải nhận nhận vai-trò của tôn-giáo trong sinh-hoạt chính-trị (Tiết II), và phải phù-hợp với tinh-thần khoan-dung truyền-thống của Đạo Phật cùng quan-niệm thế-tục truyền-thống của Việt-Nam (Tiết III).

TIẾT I

LƯỢC SỬ DIỄN-TRÌNH TƯƠNG-QUAN GIỮA QUỐC-GIA VÀ GIÁO-HỘI

Trong phần Dẫn Nhập Luận án, ta đã giới-thiệu tổng quát diễn trình tương-quan Giáo-Chánh. Để nhận thức rõ rệt tầm quan trọng đặc biệt của quan niệm Quốc-gia thế-tục, bây giờ ta phải mô tả diễn trình này cùng sự biến-chuyển của quan-niệm về vai-trò của Tôn-Giáo và Quốc-Gia.

Diễn trình ấy được chia làm 3 giai-đoạn :

I - Trong thời-kỳ sơ khai, nhân-loại đã theo chế-độ Thần quyền trong đó Tôn-Giáo và Chính-trị hoàn-toàn đồng nhất.- Tôn-Giáo khi ấy là một ý-thức-hệ toàn diện : quyền lực thống-trị phát xuất từ một đấng Thiêng-liêng tối cao và độc nhất. Do đó người điều-khiển tập-thể nắm giữ cả uy quyền dân-sự lẫn uy quyền tôn-giáo, và sự thịnh vượng của

tập-thể tùy thuộc vào sự tôn trọng những lễ-nghi và quy-điều do Thần-linh ấn-định (1). Giáo-sư André Hauriou cho rằng vào thời ấy vì Quốc-gia chưa thành hình nên kẻ cầm quyền cần sử-dụng một uy lực mạnh mẽ để kết-hợp xã-hội(2). Tuy nhiên, nhận xét này cũng có trừ lệ, vì hiện nay thuyết Thần-quyền còn tồn-tại trong một số lớn các quốc-gia Hồi-Giáo mặc dầu sự phân lập Giáo-Chánh đã được thiết-lập và nhiều quốc-gia đã thế-tục-hóa, như : Thổ-nhĩ-kỳ và Bắc-Phi (3), v.v...

II - Giai-đoạn phân-tranh Giáo-Chánh - Khi Quốc-gia được thiết-lập, sự phân-lập giữa Thần-quyền và Thế-quyền được xác định (4). Tuy nhiên, trong giai-đoạn đầu của cuộc phân lập giữa hai quyền lực đã xảy ra nhiều cuộc tương tranh gay gắt.

a) Sở dĩ Thần-quyền và Thế-quyền đến giai-đoạn này phải được phân lập vì hai lý-do :

1. Khi các công-dân đã có ý-chí muốn sống chung trong một cộng-đồng chánh-trị, nhà cầm quyền không cần hành xử cả Thần-quyền lẫn Thế-quyền để kết-hợp họ nữa. Ngoài ra, tổ-chức xã-hội càng phức tạp thì công việc trị quốc càng nặng nề khiến quốc-vương phải giao-phó nhiệm-vụ tôn-giáo cho giới Tu-sĩ (5). Đó là một hình-thức phân công tiêu-biểu cho bước tiến văn-minh quan-trọng của nhân-loại.

2. Nếu các Tôn-giáo sơ khai có nhiệm-vụ phụng-sự Quốc-gia, thì với sự xuất hiện các Tôn-giáo xuất thế, mục-tiêu Tôn-giáo không còn đồng nhất với mục-tiêu

(1) Wach, Joachim : Sách đã dẫn, trang 250 và kế tiếp.

(2) Hauriou, André : Sách đã dẫn, trang 113-114. Cũng xem : Mậu, Vũ-văn: Sách đã dẫn I, trang 119-127.

(3) Hauriou André : Sách đã dẫn, trang 114. Cũng xem : Bông, Nguyễn-văn: Sách đã dẫn, trang 38.

(4) Hauriou, André : Sách đã dẫn, trang 114.

(5) Wach, Joachim : Sách đã dẫn, trang 253.

Quốc-Gia nữa (6). Thật vậy, các Tôn-giáo lớn, do tính-cách phổ-quát, đều muốn xóa bỏ biên-cương chủng-tộc hay Quốc-gia để hợp-nhất toàn thể nhân-loại trên căn-bản tâm linh. Cứu cánh của các Tôn-giáo ấy vượt khỏi trần-gian để tìm hạnh-phúc vĩnh-cửu nơi Thiên-Đàng hay siêu thoát tuyệt đối chốn Niết-Bàn cực lạc, trong khi cứu cánh của Chánh-trị là xây dựng hạnh phúc trần-gian. Chính Đức Chúa Jê-sus đã xác nhận sự phân biệt rõ rệt giữa tôn-giáo và chánh-trị khi nói :

"Vương-quốc của ta không ở cõi trần-gian này."

và

"Hãy trả cho César cái gì của César, hãy trả cho Thượng-Đế cái gì thuộc về Thượng-Đế."

b) Tuy nhiên, trong cuộc sống chung giữa các Tôn-giáo với nhau và giữa Tôn-giáo với Quốc-gia, nhiều xung-dột đã xảy ra.

- Trước hết, có những xung dột giữa các Tôn-giáo. Vì Tôn-giáo cũ nhằm phụng-sự Quốc-gia trong khi Tôn-giáo mới lại chủ-trương xuất thế và tách rời Quốc-gia, nên hai bên đã va chạm nhau. Hơn nữa, ngay các Tôn-giáo xuất thế cũng đã từng tranh giành ảnh-hưởng chánh-trị để phát-triển số lượng tín-đồ ; Tôn-giáo nào cũng tự cho rằng mình có sứ-mạng "hợp-nhất nhân-loại", và niềm tin mãnh liệt ấy nơi tín hữu đã biến thành sức mạnh phi thường để đè bẹp đối phương. Những sự va chạm và tranh-giành ấy đã có hậu quả gây nên những cuộc thánh chiến đẫm máu và những bạo-động tuy không đi đến chém giết khốc-liệt nhưng đã phân-hoa cộng-đồng chánh-trị.

- Thứ đến là tranh chấp giữa Tôn-giáo và Quốc-gia. Quyền-hành chánh-trị được coi là phương-tiện hữu hiệu nhất để bành-trướng tôn-giáo. Vì vậy các Tôn-giáo đã hoặc liên-minh với Chánh-quyền hoặc khống chế

(6) Wach, Joachim : Sách đã dẫn, trang 253.

Chánh-quyền để có điều-kiện phát-huy ảnh-hưởng. Trong trường-hợp đầu tiên, sự cộng-tác dựa trên căn-bản quyền-lợi của cả đôi bên. Một mặt Chánh-quyền muốn sử-dụng Giáo-lý để thu-phục nhân-tâm và nắm giữ quần-chúng ; mặt khác Tôn-giáo muốn dùng uy quyền thế-tục để bành-trướng Giáo-lý. Sự cộng-tác giữa Khổng-Giáo và Phật-Giáo với các chế-độ quân-chủ Đông-phương cũng như sự cộng-tác giữa Công-Giáo với đế-quốc Tây-phương trong công cuộc tìm kiếm thuộc-địa và tín-dồ tại Á-Phi đã là những thí-dụ điển-hình. Thế liên-minh giữa hai bên sẽ bị đổ gãy khi quyền-lợi một bên bị đe-dọa, và tranh chấp sẽ xảy ra. Tuy nhiên, Khổng-Giáo và nhất là Phật-Giáo chưa hề gây một xung đột đáng kể nào với Chánh-quyền. Sự xung đột trầm trọng nhất giữa hai bên trong lịch-sử nhân-loại chính là tương tranh quyền lực giữa Giáo-Hội Công-Giáo La-Mã và các quốc-gia Âu-Châu thời Trung-Cổ. Với sự-kiện này, ta bước sang trường-hợp thứ hai : Giáo-quyền khống-chế Chánh-quyền.

Trong tất cả các Tôn-giáo lớn trên thế-giới, chỉ có Công-Giáo và Hồi-Giáo là đối-lực mạnh nhất của Quốc-gia, và trong hai Tôn-giáo chỉ một mình Công-Giáo có quan-niệm thần-học chi-phối một tổ-chức Giáo-Hội hoàn bị nhất. Công-Giáo La-Mã coi Giáo-Hội của họ là một tổ-chức thiêng-liêng (7), và trong suốt thời Trung-Cổ họ đã chủ-trương đặt Quốc-gia dưới sự chi-phối của Giáo-Hội : Thế-quyền phải phục-tùng và phụng-sự Giáo-quyền (8), và quyền bính của Thanh-quốc phải lan rộng khắp các quốc-gia (9). Vì vậy vào thời này hai quyền-lực đều "nằm gọn trong tay hàng Giáo-sĩ. Giám-mục là đấng chăn chiên (pastor arium), đồng thời cũng là đấng bảo-vệ thành (defensor civitatis), nghĩa là chỉ-huy, xếp đặt chánh-phủ, các công cuộc văn-hóa, giáo-duc, xã-hội, quân-sự. Cũng như trên lãnh-vụ tư-tướng, Thần-học dựa vào đức tin để giải-thích

(7) Carter, Gwendolen M. and Herz H. : Government and Politics in the 20th. Century, trang 182, Frederick A. Praeger, Publishers, 1965

(8) Trotabas, J.B. : Sách đã dẫn, trang 32 và kế tiếp.

(9) Bông, Nguyễn-văn : Sách đã dẫn, trang 34. Cũng xem Latreille, André và Siegfried, André : Sách đã dẫn, trang 9 và kế tiếp ; John, Rudolf : Outlines of church history, Bacon Press, 1962.

những hiện-tượng thiên-văn, địa-lý, vật-lý (10)." Sự kiểm tỏa chặt chẽ và thái-độ độc tôn thái quá ấy đã khiến các quốc-gia Âu-Châu từ cuối thời Trung-Cổ quyết tâm chống đối chế-độ Thần-quyền và đưa sự-nghiệp đấu tranh cho lý-tưởng thế-tục tới chỗ toàn thắng.

Còn Hồi-Giáo chủ-trương sự hợp-nhất hoàn-toàn giữa Thần-quyền và Thế-quyền. "Đấng Mohammed trị-vị con dân của Ngài như là một bậc tiên-tri do Thần-linh cảm-hứng và hướng-dẫn. Ngài điều-khiển việc đọc kinh cầu-nguyện công cộng, Ngài là vị Quan-Tòa, Ngài kiểm-soát quân-đội" (11). Kinh Coran tiêu-biểu cho một ý-thức-hệ toàn diện vì nó chi-phối mọi sanh-hoạt chánh-trị, pháp-luật và luân-lý (12). Tuy nhiên, vì một mặt Hồi-Giáo không có một tổ-chức Giáo-Hội hữu hiệu, nên sự phân lập Tôn-giáo và Chánh-trị không quá khó khăn (13) ; mặt khác, vì tín-ngưỡng của tín-đồ, kể cả những người nắm quyền chánh-trị, lại rất mãnh liệt và công việc thế-tục-hóa thực-hiện rất chậm chạp, nên giữa Quốc-gia và Tôn-giáo không có những xung-đột mãnh-liệt như bên Công-Giáo.

III - Giai-đoạn Quốc-gia thế-tục - Vì những xung-đột Tôn-giáo và tương-tranh Chánh-giáo đều có nguyên-nhân chính là Chánh-trị, nên bắt đầu từ thế-kỷ thứ 17 nhiều học-giả Âu-Châu đã chủ-trương tách rời Tôn-giáo ra khỏi Chánh-trường. Lý-thuyết "Quốc-Gia chủ-tể" được xem là một phản-ứng mãnh-liệt chống lại sự phân-tán quyền-hành dưới thời phong-kiến và đồng thời cũng chống lại chủ-trương Độc Tôn của Giáo-Hội La-Mã. Vào thế-kỷ 19, lý-thuyết này càng thêm sức mạnh với phong-trào dân-tộc tự-quyết và chủ-nghĩa Quốc-Gia. Nó đã có hiệu-lực lần lần đưa các quốc-gia Âu-Châu thoát khỏi vòng kiểm-tòa của

(10) Trung, Nguyễn-văn : Khoa-học hiện đại và đức-tin Công-Giáo, Nhận định I, trang 106, Nam Sơn, 1966.

(11) Smith, Donald E. : Sách đã dẫn, trang 17 và trang 20.

(12) Bahm, Archie J. : The World's living religions, trang 320 và kế tiếp, Dell Publishing Co. Inc. 1964.

(13) Smith, Donald E. : Sách đã dẫn, trang 18.

giới Tăng-lữ, và trong đa số các quốc-gia ngày nay giáo-quyền nhường những lãnh-vực chánh-trị cho người thế-tục và chỉ lo hướng-dẫn tín-đồ trên đường đạo-đức (14).

Như vậy hậu quả tất nhiên của lý-thuyết trên là việc loại bỏ chủ-trương quốc-gia phải phục-tùng và phụng-sự Giáo-Hội để thay thế bằng lý-tưởng quốc-gia thế-tục. Với việc định-chế-hóa và thế-tục-hóa chánh-quyền, Quốc-gia là một pháp-nhân công-pháp tối cao và tổng-quát. Về phương-diện đối nội, nó có toàn quyền ban-hành luật-lệ và độc quyền mọi phương-tiện cưỡng-chế để bó buộc mọi cá-nhân và đoàn-thể trung gian - trong đó có các Giáo-Hội - phải tuân-hành mệnh-lệnh của nó. Về phương-diện đối ngoại, nó hoàn-toàn độc-lập đối với mọi tổ-chức và quyền-lực quốc-tế. Tuy nhiên, nó lại không khống-chế bất cứ Tôn-giáo nào, vì theo nguyên-tắc Quốc-gia thế-tục, xã-hội dân-sự và xã-hội Tôn-giáo phải được phân lập : Quốc-gia không hành xử quyền-lực tôn-giáo, và Giáo-Hội không hành xử quyền-lực Chánh-trị (15). Do đó việc hành xử Chánh-quyền tùy thuộc vào những nguyên-tắc, quy-luật hoàn-toàn độc-lập đối với mọi tham chiểu hay chứng minh tôn-giáo. Hơn nữa, cả Quốc-gia lẫn Giáo-Hội đều phải tôn-trọng tự-do ý-thức của con người, và Quốc-gia phải trung-lập đối với mọi Tôn-giáo.

Nguyên-tắc Quốc-gia thế-tục đã chấm dứt thời-kỳ Trung-Cổ dài dặc và đen tối nhất lịch-sử Âu-Châu, giải-phóng con người thoát khỏi mọi kiểm-tòa của Giáo-Hội La-Mã, và mở đầu một kỷ-nguyên khoa-học tiến-bộ cực mạnh : Triết-học tách khỏi Thần-học và Khoa-học tách khỏi Triết-học để biến thành những ngành chuyên-môn biệt-lập (16).

(14) Bông, Nguyễn-văn : Sách đã dẫn, trang 33 và kế tiếp.

(15) Trotabas, J.B. : Sách đã dẫn, trang 10-12.

(16) Easton, Stewart C. : The Western heritage, trang 219 và kế tiếp, Holt, Rinehart and Winston, Inc. 1962. Cũng xem : Trung, Nguyễn-văn : Bài đã dẫn, trang 106.

Tuy nhiên, những thành quả vẻ vang của khoa-học vẫn không tiêu diệt nổi niềm tin tôn-giáo và ngày nay tôn-giáo vẫn còn giữ vai-trò quan trọng trong sinh-hoạt chánh-trị (17).

TIẾT II

VAI-TRÒ TÔN-GIÁO TRONG SANH-HOẠT CHÁNH-TRỊ

Mặc dầu phát xuất từ Âu-Châu, nguyên-tắc thế-tục ngày nay đương-nhiên trở thành đặc-tính pháp-lý căn-bản của tất cả các quốc-gia văn-minh, vì nó vừa bảo-vệ được cả quyền-lợi chung và trật-tự của xã-hội lẫn quyền lợi riêng của mỗi tôn-giáo, vừa duy-trì và phát-triển được những nhân-quyền căn-bản của công-dân. Đặc biệt trong lãnh-vực giáo-dục, nguyên-tắc này đã được các pháp-đình tại Âu-Châu tích-cực bảo-vệ chống lại mọi vi-phạm (18). Trong mối tương-quan Giáo-Chánh, nguyên-tắc nhằm tạo dựng và duy-trì thế quân-bình giữa Quốc-gia và Giáo-Hội, vì có như vậy nền ổn cố xã-hội và tự-do cá-nhân mới được bảo-đảm.

Chính ở thế quân-bình ấy, Tôn-giáo có vai-trò quan-trọng trong cuộc sanh-hoạt chánh-trị tại các quốc-gia dân-chủ. Đặc biệt trong các nước chậm tiến, vai-trò của Tôn-giáo lại càng quan trọng hơn trong các xã-hội tiền tiến. Vì vậy trong Tiết này ta sẽ xét 2 đoạn :

- I - Những lý-do tổng quát biện-minh cho tầm quan-trọng của tôn-giáo trong sanh-hoạt chánh-trị.
- II - Vai-trò quan-trọng đặc-biệt của tôn-giáo tại các quốc-gia chậm tiến.

(17) Carter, Gwendolen M. and Herz, John H. : Sách đã dẫn, trang 181.

(18) Trotabas, J.B. : Sách đã dẫn, trang 163 và kế tiếp.

ĐOẠN I - NHỮNG LÝ-DO TỔNG-QUÁT BIỆN-MINH CHO
TÂM QUAN-TRỌNG CỦA TÔN-GIÁO
TRONG SANH-HOẠT CHÍNH-TRỊ

Hai giáo-sư chính-trị-học Gwendolen M. Carter và John H. Herz nhìn nhận rằng :

"Trong khi chính-trị-học không thể dấn bỏ qua hiệu-lực tối-hậu của chân-lý tôn-giáo, nó có thể và thực ra phải công-nhận sự hiện-hữu của những tư-tưởng tôn-giáo của cá-nhân như là những sự-kiện khách-quan, và sự hiện-hữu của tôn-giáo có tổ-chức như là một định-chế thích đáng cả về phương-diện xã-hội lẫn phương-diện chính-trị." (19).

Thật vậy, không ai có thể phủ-nhận những hậu-quả chính-trị của cả niềm tin cá-nhân lẫn tôn-giáo có tổ-chức.

A - HẬU-QUẢ CHÍNH-TRỊ CỦA NIỀM TIN TÔN-GIÁO

Trước hết, tín-ngưỡng có ảnh-hưởng tới tổ-chức xã-hội, nền kinh-tế (20) và thái-độ chính-trị của tín-đồ (21). Bằng chứng là thái-độ yếm thế và khinh rẻ đời sống vật-chất của đạo Phật cổ-truyền đã làm cho xã-hội Á-Châu ngưng trệ, nền kinh-tế bị chậm tiến, và công-dân không tha-thiết với quốc-sự (22).

Thứ đến, con người bao giờ cũng cần một niềm tin. Chính niềm tin ấy khiến chính-trị và tôn-giáo tương-quan mật thiết. Thật vậy, từ khi những liên-hệ cổ-truyền giữa tôn-giáo và chính-trị đã thay đổi tận gốc rễ với cuộc cách-mạng Dân-Quyền tại Âu-Châu, dưới cờ chiến-thắng

(19) Sách đã dẫn, trang 181 và kế tiếp.

(20) Bras, Gabriel Le : Sách đã dẫn, trang 86.

(21) Meynaud, Jean : Sách đã dẫn I, trang 30 và kế tiếp.

(22) Weimer, Myron, Editor : Modernization : The dynamics of growth, Voice of America from lectures, Forum editor, Voice of America, U.S.I.A., Washington DC.

của chủ nghĩa Tự-Do và Khoa-Học, người ta tưởng rằng xã-hội mới có thể xây-dựng hoàn-toàn vắng bóng Đấng Tối-cao. Đó là lúc mà Frederick Nietzsche tuyên-bố : "Thượng-Đế đã chết rồi" (23), Auguste Comte chủ-trương thuyết ba thời-kỳ : "Thời-dại của chúng ta là thời-dại của khoa-học thực nghiệm, và mọi xây-dựng phải được thực-hiện trên thực nghiệm" (24), Karl Marx say sưa đả-kích tôn-giáo là một thứ á-phiện đầu độc dân chúng (25). Nhất là giữa và sau hai trận Thế-chiến, các chủ-nghĩa độc-tài đã tự hào rằng chỉ có chúng mới khóa lấp được khoảng trống rỗng tâm-linh do sự suy-tàn tôn-giáo gây nên. Nhưng thực tại nghiệt ngã đã chứng tỏ rằng ước mơ khoa-học và tham vọng chánh-trị vừa kể đã không tạo nổi hạnh-phúc thực sự cho con người và bất lực trước những khủng-hoàng tẻ hại do chính chúng gây nên. Hơn nữa, chính các chủ-nghĩa chánh-trị như Quốc-Gia và Cộng-Sản đều chứa đựng những đặc tính của tôn-giáo. Giáo-sư Carlton J. Hayes trong tác phẩm "Quốc-gia chủ-nghĩa : một tôn-giáo", sau khi định-nghĩa tôn-giáo, đã không ngần ngại ứng dụng nó vào Cộng-Sản chủ-nghĩa và Quốc-Gia chủ-nghĩa. Tác giả cho rằng mặc dầu chủ-trương duy-vật và vô-thần, Cộng-Sản cũng hứa hẹn một Thiên-đàng trên trái đất, đã có những vị "Thánh", những kẻ tử-đạo, những nhà thông-thái và những kẻ tà-đạo. Cộng-Sản tuyên-truyền lòng cuồng tín và đòi hỏi đảng-viên niềm trung-thành tuyệt đối. Chánh quyền trung-ương Cộng-Sản tại Điện Cẩm-Linh có cả tính-cách chánh-trị lẫn tính-cách tôn-giáo : Đế-quốc và gần như Giáo-Hoàng. Cộng-Sản không dung thứ một tôn-giáo nào và quyết tâm đi tới việc chinh phục thế-giới (26).

Trước sức tấn công của các chủ-thuyết vừa kể, tôn-giáo ngày nay chẳng những không bị tiêu-diệt mà còn phát-triển mạnh, vì mọi chủ-thuyết đều tỏ ra không thay

(23) Dân, Hoàng-kim : Xã-hội không Thượng-Đế, Quê-Hương số 3 (1955) tr.120.

(24) Hartshorne, M.Holmes : The faith to doubt, tr.29, Prentice Hall 1963.

(25) Nhất-Hạnh, Thích : Sách đã dẫn I, trang 163.

(26) Hates, Carlton J. : "Nationalism : A religion", trang 15, The Mac Millan Company, 1960.

thể nổi niềm tin tôn-giáo (27).

Hơn nữa, vì con người là "một động-vật tôn-giáo", nên chính quốc-gia cũng phải được xây-dựng trên những giá-trị tinh-thần siêu-việt mà các tôn-giáo đã nêu lên (28).

Như vậy quốc-gia không thể đoạn-tuyệt được với tôn-giáo, mà trái lại, trong tình-trạng phân lập, nó phải có bốn-phần quan tâm tới sự-kiện tôn-giáo. Đó chính là giải-pháp phân lập tương đối được áp-dụng trong các quốc-gia văn-minh mà ta sẽ có dịp đề-cấp tới. Một trong những sự-kiện tôn-giáo được thể-hiện trên bình-diện định-chế là Giáo-Hội mà vai-trò của nó trong đời sống quốc-gia cũng như quốc-tế đã được mọi quyền-lực chính-trị nhìn-nhận.

B - HẬU-QUẢ CHÁNH-TRỊ CỦA TÔN-GIÁO CÓ TỔ-CHỨC

Các tôn-giáo xuất thế ngày nay đều tổ-chức thành những Giáo-Hội đứng ngoài chánh-quyền, nhưng ảnh-hưởng tới sự vận chuyển của guồng máy quốc-gia với tư-cách đoàn-thể áp lực mà ta đã có dịp trình-bày trong Phần Dẫn-nhập Luận án này.

Giáo-Hội không những là đoàn-thể áp lực trong quốc-gia mà còn là những nhóm áp lực quốc-tế khá mạnh (29). Thật vậy, các tôn-giáo lớn đã tạo nên xã-hội-tính của các khối trên thế-giới mà mực-độ đoàn-kết tùy thuộc vào bản chất của mỗi tôn-giáo. Đại khái khối Âu-Châu có Công-Giáo La-Mã, khối Bắc Mỹ có Tin-Lành, khối Trung-Đông có Hồi-Giáo và khối Á-Châu có Phật-Giáo.

(27) Carter, Gwendolen M. and Herz, John H. : Sách đã dẫn, trang 176.

(28) Apter, David E. : The politics of modernization, trang 267 và kế tiếp, The University of Chicago Press, 1967.

(29) Maynaud, Jean : La pression des groupes internationaux (Tài-liệu ronéo)

Nhờ Giáo-luật nghiêm-khắc, tinh-thần liên-đới và tổ-chức chặt chẽ, quyền-uy tinh-thần của Giáo-Hội Công-Giáo La-Mã đối với khối tín-đồ 530 triệu người cũng như vai-trò đặc-biệt và lập-trường uyển-chuyển của nó đã có ảnh-hưởng quan-trọng trong bang-giao quốc-tế (30).

Hồi-giáo đã là yếu-tố kết-hợp các quốc-gia Ả-Rập thành một liên-minh tôn-giáo chánh-trị có ảnh-hưởng đáng kể trên trường quốc-tế (31).

Lịch-sử còn chứng-tỏ rằng các Giáo-Hội đã từng dùng thủ-đoạn chánh-trị, như : dựa vào sức mạnh của các quốc-gia để đi gieo rắc đức tin. Lối truyền đạo ấy không phù-hợp với Giáo-điều cao quý và, do đó, Giáo-Hội không thể được đồng-hóa với tôn-giáo (32). Tuy nhiên, quốc-gia càng tiến bộ, thì sự lợi-dụng lẫn nhau giữa tôn-giáo và chánh-trị càng giảm thiểu. Bằng chứng là Giáo-Hội tại các quốc-gia Âu Mỹ ngày nay chỉ là một đoàn-thể áp lực trong khi Giáo-Hội tại các nước chậm tiến vẫn còn giữ vai-trò quan-trọng đặc biệt trong đời sống chánh-trị bằng những hành-động can-thiệp trực-tiếp vào chánh-trường.

ĐOẠN II - VAI-TRÒ TÔN-GIÁO TẠI CÁC NƯỚC CHẬM TIẾN

Các nước chậm tiến Đông-Nam-Á thường là cựu thuộc-địa của Tây-phương trong đó tôn-giáo cổ truyền chiếm trung-bình đến 80% dân số và đã giữ hai vai-trò trái ngược vô cùng quan trọng : vai-trò tích cực và vai-trò tiêu cực.

A - VAI-TRÒ TÍCH CỰC

Tôn-giáo đã được mọi phe phái sử-dụng tích cực vào các mục-tiêu chánh-trị khác nhau.

(30) Sopher, David E. : Geography of Religion, trang 13. Prentice-Hall, 1967. Cũng xem : Latreille, André et Siegfried, André : sách đã dẫn, trang 120 và kế tiếp.

(31) Bahn, Archie J. : Sách đã dẫn, trang 321-322.

(32) Bahn, Archie J. : Sách đã dẫn, trang 21-22.

Tại những nơi có nhiều khác biệt về chủng-tộc, ngôn-ngữ và lịch-sử, thì tôn-giáo cổ truyền đã là chất keo sơn gắn-bó các thành-phần dị biệt trong cộng-đồng quốc-gia thành một khối duy-nhất. Khi đế-quốc thống-trị thuộc một tôn-giáo khác, dân bản-xứ bị trị đã đoàn-kết để bảo-vệ tín-ngưỡng của mình (33). Ngay trong thời-kỳ đầu của phong-trào chống ngoại xâm, các tu-sĩ đã hoặc tham-dự hoặc lãnh-đạo trực tiếp công cuộc cứu quốc (34). Mặc dầu về sau quyền điều-khiến phong-trào hoàn-toàn nằm trong tay các nhà lãnh-đạo thổ-tục và lý-tướng quốc-gia được dùng làm yếu-tố hội nhập mọi lực-lượng yêu nước thay cho niềm tin tôn-giáo (35), các tu-sĩ vẫn còn giữ địa-vị quan trọng, vì một mặt uy-tín của họ có thể lôi cuốn được đông-đạo quần-chúng, mặt khác nơi thờ phượng có thể là chỗ ẩn náu của các chiến-sĩ kháng-chiến trước sự lùng-bắt của Thực-dân (36).

Vì nắm được đông-đạo quần-chúng, nên tôn-giáo cổ truyền vẫn tiếp tục giữ địa-vị quan-trọng sau khi quốc-gia đã giành được độc-lập. Điển hình là vai-trò của các nhà Sư Phật-Giáo tại Miến-Điện và Tích-Lan. Trước hết tại Miến-Điện, trong cả hai cuộc tổng tuyển-cử 1956 và 1959, giới Tăng-sĩ đã xử-dụng mọi đường-lối vận-động, kể cả biểu-tình bạo-động, cho việc thiết-lập Phật-Giáo làm Quốc-Giáo. Thủ-Tướng U-Nu và chánh-đảng của ông đã đắc cử về-vang trong cuộc tuyển-cử 1959 nhờ sự ủng-hộ của Phật-Giáo, vì ông đã hứa hẹn nếu đắc-cử ông sẽ thiết-lập quốc-gia Phật-Giáo. Lời hứa ấy thành sự thực vào năm 1961 với tu-chánh-án Hiến-Pháp thứ ba. Tu-chánh-án này đã bị các tôn-giáo thiểu số đá-kích dữ dội, rồi bạo-động đã làm rối loạn nước Miến-Điện. Cuối cùng U-Nu đã bị Tướng Newin lật đổ

(33) Mehden, Fred R. Von der : Religion and nationalism in South East Asia, trang 10 và kế tiếp, The University of Wisconsin Press, 1968. Cũng xem Schecter, Jerrold : Sách đã dẫn, trang 22.

(34) Menden, Fred R. Von der : Sách đã dẫn I, trang 26 và kế tiếp, trang 115 và kế tiếp.

(35) Mehden, Fred R. Von der : Sách đã dẫn I, trang 74 và kế tiếp.

(36) Mehden, Fred R. Von der : Sách đã dẫn I, trang 147 và kế tiếp.

vào năm 1962. Kể từ đó Phật-Giáo không còn giữ địa-vị Quốc-Giáo nữa (37).

Thứ đến là trường-học Tích-Lan. Tăng-sĩ tại đây đã trực-tiếp hoạt-động chánh-trị mạnh nhất : Tăng-sĩ đích thân đứng ra vận-động tranh-cử cho các ứng-cử viên Phật-Giáo, và Thủ-Tướng S. W. R. D. Bandaranaike đã đắc-cử vào năm 1956, cũng như U-Nu tại Miến-Điện, nhờ sự ủng-hộ của Phật-Giáo, vì ông hứa hẹn phục-hưng đạo Phật (38). Nhưng rồi cũng chính các nhà sư đã ám-sát ông vào năm 1959 vì họ đã không được ông chiều theo ý họ muốn quốc-hữu-hóa các trường học (39).

Nói đến hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo Tích-Lan, người ta không thể quên tên Thượng Tọa Buddharakita, người có thế-lực mạnh nhất trên chánh-trường đến nỗi giáo-sư Donald E. Smith đã so-sánh Ngài với Richelieu và Rasputin. Ngài hành-xử quyền-lực thực-tế của mình bằng những tiếp-xúc riêng với Thủ-Tướng hay các nhân-viên chánh-phủ, và dùng áp lực của các đoàn-thể tôn-giáo và chánh-trị lệ-thuộc Ngài để ảnh-hưởng tới chánh-sách quốc-gia. Phần nhiều công việc chánh-trị của Ngài đều được thực-hiện ngay tại căn-phòng máy lạnh sang-trọng sau đền Kelaniya ; ở đó mỗi buổi sáng có hàng chục người - từ giáo-chức, xã-trưởng tới các nhân-vật đảng phái - đến châu chục để xin ân-huệ, việc làm, thuyên-chuyển và lời khuyên-cáo (40).

Tại Kampuchea ảnh-hưởng mạnh-mẽ của Phật-Giáo trong đời sống quốc-gia được diễn-tả bằng tỷ-lệ Tăng-sĩ so với dân số toàn quốc. Trên một dân số vào khoảng 7 triệu người mà hơn 90% là Phật-tử, có 70.000 nhà Sư tu-

(37) Mehden, Fred R. Von der : Sách đã dẫn I, trang 96 và kế tiếp.
Cũng xem : Vandenbosch, Aary and Butwell, Richard : The changing face of South-East Asia, trang 239-278, University of Kentucky Press, Lexington, 1966.

(38) Smith, Donald E. : Sách đã dẫn, trang 467 và kế tiếp.

(39) Smith, Donald E. : Sách đã dẫn, trang 482.

(40) Smith, Donald E. : Sách đã dẫn, trang 495 và kế tiếp.

hành tại 2.800 ngôi chùa. Người ta nhìn Kampuchea qua hình ảnh bộ ba "Vua, Sư Sãi và dân". Sau chính biến lật-đổ chế-độ Sihanouk năm 1970, trên bước đường lưu vong Sihanouk đã kêu gọi sự ủng-hộ của Sư Sãi. Nhưng hình như Tăng-sĩ đã cố tránh liên-hệ với phe đảo chánh và cố giữ vai trọng-tài trong cuộc tranh chấp (41).

Như vậy, trong sanh-hoạt thường nhật của quần-chúng sống tại khu-vực cổ truyền, tôn-giáo vẫn còn là một lực-lượng sống động. Những nhà lãnh-đạo thế-tục mới thường phải tôn-trọng và có khi sử-dụng tôn-giáo như một lực-lượng chánh-trị. Tuy nhiên, việc chánh-trị-hóa tôn-giáo đã làm trầm-trọng tình-trạng căng-thẳng trong cộng-đồng và duy-trì cuộc đấu tranh giữa những người đòi hỏi một vai-trò quan trọng cho tôn-giáo với những người chủ-trương một chánh-quyền thế-tục (42). Tới lúc này, từ vai-trò tích cực tôn-giáo đã chuyển sang vai-trò tiêu cực.

B - VAI-TRÒ TIÊU CỰC

Nếu các chánh-khách muốn dùng tôn-giáo cổ truyền làm yếu-tố hội nhập quốc-gia, thì trong nhiều trường-hợp vì sự hiện hữu của các tôn-giáo thiểu số bên cạnh tôn-giáo đa số, nên chính tôn-giáo lại là yếu-tố phân hóa quốc-gia chậm tiến. Giáo-sư Fred R. Von der Mehden nhận xét rằng trừ vụ phân-ly tại Katanga và vụ nổi loạn của dân Kurd, những trường-hợp phân-hóa quốc-gia sau đây đều vì tín-ngưỡng của giới điều-khiển chánh-quyền trung-ương khác tín-ngưỡng của nhóm chống đối : Sắc dân Ambon chống Nam-Dương Hồi-Giáo cũng như sắc dân Karens chống Miến-Điện Phật-Giáo đều theo Thiên-Chúa Giáo. Các trường-hợp

(41) Roy, Daniel : "70.000 bonzes et la guerre civile", Problèmes politiques et sociaux, hebdomadaire, n. 50, 11 déc. 1970, pp. 14-15.
Cũng xem : Message spécial du Prince Sihanouk aux moines Bouddhistes khmers (17 sept. 1970), Problèmes politiques et sociaux, hebdomadaire, n. 50, 11 déc. 1970, pp. 16-18.

(42) Almond, Gabriel A. and Coleman, James S., Editors : The politics of the developing areas, trang 537-538, Princeton University Press, 1960.

tại Trung-Đông và Ấn-Độ cũng tương-tự như vậy. Ông còn ghi nhận rằng mặc dầu các nhóm chống-đối có thể gồm nhiều đoàn-viên của tín-ngưỡng đa số, nhưng những phát-ngôn nhân của nhóm thường thuộc tôn-giáo thiểu số.

Vấn theo Mehden, tôn-giáo còn chia rẽ người chế-độ mới với người chế-độ cũ. Tại các quốc-gia như Miến-Điện và Nam-Dương, những người bản-xứ nào chịu theo tôn-giáo của kẻ thống-trị Tây-phương đã được hưởng những đặc quyền. Sau khi quốc-gia độc-lập, họ sợ mất địa-vị, và những nhà cách-mạng nhìn họ như là bọn phản-quốc vì đã hợp-tác với ngoại bang. Sự va-chạm này tệ hại hơn khi nó đưa tới sự mất mát nhiều viên-chức đã được huấn-luyện giỏi giang, vì lớp người cũ không thể hay không được cộng-tác với giai-cấp lãnh-đạo mới (43).

Những thực tại vừa kể chứng tỏ rằng dù luôn luôn giữ địa-vị quan trọng, tôn-giáo khi bị chánh-trị-hóa đã tỏ ra bất lực trong mọi trường-hợp. Nếu nó liên-hệ mật-thiết với Quốc-Gia chủ-nghĩa, thì một mặt mục-tiêu tranh-đấu chống ngoại xâm của giới tu-sĩ cổ truyền không phải là xây-dựng một quốc-gia dân-chủ thế-tục, mà chính là đặt lại trật-tự cũ của thời tự-chủ (44) ; mặt khác, tôn-giáo cũng không tạo được một uy-quyền thần-bí nào khả dĩ giúp họ nắm được quyền lãnh-đạo phong-trào giải-phóng dân-tộc. Chính những người thế-tục bị Tây-phương-hóa đã là các chiến-sĩ quốc-gia thành công trong sứ-mạng lãnh-đạo công cuộc đấu tranh giành độc-lập. Nhận xét này đúng với tất cả các trường-hợp Việt-Nam, Miến-Điện, Nam-Dương và Tích-Lan. Nếu các nhà chánh-trị muốn lợi-dụng hậu-thuần tôn-giáo sau thời-kỳ độc-lập, thì chiến-thuật ấy trong mọi trường-hợp chỉ làm xáo trộn quốc-gia, gây nên nạn phân-hóa hơn là tạo sự đoàn-kết như họ mong muốn. Đó chính là trường-hợp mà các quốc-gia vừa kể đã gặp phải. Xét cho cùng, như vậy sự can-thiệp trực tiếp của tôn-giáo

(43) Mehden, Fred R. Von der : Politics of the developing nations, trang 31-32, Prentice-Hall, 1964.

(44) Mehden, Fred R. Von der : Sách đã dẫn I, trang 26.

vào chánh-trường chỉ tổ-cáo một tình-trạng chậm tiến, và muốn đoạn-tuyệt với dĩ vãng hủ-lậu để thăng tiến trên đường canh-tân-hóa, giải-pháp duy-nhứt là phải thế-tục-hóa chánh-trị, một trong những tiêu-chuẩn phát-triển chánh-trị (45). Đó chính là giải-pháp mà Việt-Nam bó buộc phải lựa chọn vì việc áp-dụng quan-niệm quốc-gia thế-tục cho nước ta không những phù-hợp với hướng tiến của nhân-loại, và tránh được những tệ-đoạn vừa nêu trên, lại còn rất phù-hợp với tinh-thần truyền-thống của cả dân-tộc lẫn Phật-Giáo. Ta cần phải chứng-minh sự phù-hợp sau cùng này.

TIẾT III

SỰ PHÙ-HỢP CỦA QUAN-NIỆM QUỐC-GIA THẾ-TỤC VỚI TINH-THẦN DÂN-TỘC VIỆT-NAM VÀ TINH-THẦN PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Vì quan-niệm quốc-gia thế-tục bắt nguồn từ tư-tưởng Thiên-Chúa Giáo và là sản-phẩm của văn-minh Tây-phương, nên trước chủ-trương của Phật-Giáo đấu-tranh muốn tẩy trừ tất cả những gì phi đạo-pháp và phi dân-tộc, người ta thắc mắc tự hỏi giới Tăng-sĩ có sẵn sàng chấp-nhận quan-niệm tuy ngoại lai nhưng lại cần-thiết kia không? Thiết-tưởng họ có thể chấp-nhận được quan-niệm quốc-gia thế-tục một cách dễ-dàng nếu họ trung-thành với truyền-thống của dân-tộc cũng như của Phật-Giáo vì quan-niệm này phù-hợp với :

- Tinh-thần truyền-thống của dân-tộc (Đoạn I).
- Tinh-thần truyền-thống của Phật-Giáo Việt-Nam (Đoạn II).

Sau hết, quan-niệm quốc-gia thế-tục đã phản ảnh rõ rệt trong luật thực tại của Việt-Nam (Đoạn III).

(45) Mehden, Fred R. Von der : Sách đã dẫn II, trang 6.

ĐOẠN I - QUAN-NIỆM QUỐC-GIA THỂ-TỤC PHÙ-HỢP VỚI
TINH-THẦN TRUYỀN-THỐNG CỦA DÂN-TỘC VIỆT-NAM

Xã-hội cổ-truyền Việt-Nam đã hội đủ các điều-kiện thiết-yếu của quan-niệm quốc-gia thể-tục. Đó là tinh-thần khoan-dung tôn-giáo và tính-cách độc-lập của quốc-gia đối với tôn-giáo.

A - TINH-THẦN KHOAN-DUNG TÔN-GIÁO

Ngay từ thời cổ xưa dân Việt-Nam đã sẵn sàng dung-nạp mọi tôn-giáo từ bên ngoài truyền vào. Tâm hồn họ chứa đựng một sự tổng hợp phong-phú giữa tín-ngưỡng bình-dân với các đạo Phật, Lão, Khổng (46). Đôi khi gia-đình còn là nơi gặp giữa các tôn-giáo cổ truyền và tôn-giáo Tây-phương : cha thờ đạo Khổng, mẹ thờ đạo Phật, và con có thể là tín-đồ của Công-Giáo hoặc Tin-Lành hoặc Ba Hai. Sự dị biệt tín-ngưỡng này không hề phương hại đến sự thuận-hòa gia-đình.

Hơn nữa, chánh-quyền - mà tượng-trưng là nhà Vua - cũng không hề chống đối hay kỳ-thị bất cứ một tôn-giáo cổ truyền nào, và tương-tranh giáo-chánh không hề xảy ra trong vương quốc, vì các tôn-giáo không những không nguy-hiểm cho vương quyền, mà còn giúp nó phát-huy ảnh-hưởng tốt đẹp trong dân-gian. Một trường-hợp kỳ-thị tôn-giáo duy-nhứt xảy ra trong lịch-sử Việt-Nam là việc bách hại đạo Gia-Tô dưới triều Nguyễn. Ta đã có dịp nói rằng nguyên-do chính của trường-hợp này là chánh-trị (47).

Ngoài ra, vì hồi đó đạo Gia-Tô không thừa-nhận sự sùng-bái tổ-tiên, nên bị coi là trái với luân-lý và văn-hóa cổ hữu của ta (48), và chánh-quyền mới ra lệnh đàn áp. Vua Minh-Mạng hạ dụ cấm đạo nói rằng :

(46) Anh, Đào-duy : Sách đã dẫn, trang 202-203.

(47) Xem trang 88 Luận án này.

(48) Anh, Đào-duy : Sách đã dẫn, trang 224.

"Đạo rối của người Tây làm mê hoặc lòng người. Giáo-sĩ Gia-Tô làm tà vạy nhân-tâm, phá hại mỹ-tục, thật là mối hại lớn cho nước nhà."

Theo Thạc-sĩ Sử-học Nguyễn-Thế-Anh, việc cấm đạo ấy nhằm duy-trì "tình-trạng thống-nhất của quốc-gia về mặt tinh-thần cũng như về mặt chánh-trị". (49) Thái-độ hoài nghi đối với đạo Công-Giáo càng trầm trọng khi giáo-sĩ Tây-phương đã giúp đỡ Lê-văn-Khôi (năm 1833) nổi loạn. Với sự xâm-lăng của quân Pháp, đạo Thiên-Chúa càng bị chống đối mạnh, và mạnh nhất trong giới sĩ-phu (50). Giám-mục Jeantet đã viết trong một bức thư đề ngày 11 tháng 1/1866 :

"Sự-kiện đáng được chú ý nhất năm 1864 là âm mưu của các Nho-sĩ. Vào khoảng 5.000 nhà Nho từ mọi tỉnh tới tụ-tập tại Nam-Định... đòi hỏi các quan đại-thần phải hoàn-toàn diệt trừ tín-đồ Thiên-Chúa Giáo. Trước sự từ chối yêu-sách này, họ không muốn ra thi nữa, và không những chạy quanh các đường phố trong tỉnh để hò hét đòi giết tín-đồ Thiên-Chúa Giáo, họ còn nổi loạn ra mặt và tìm cách sát hại vị quan đại-thần trước kia đã cùng đi với sứ-bộ nhà vua phái sang Âu-Châu (51)."

Tất cả những sự-kiện lịch-sử nói trên chứng tỏ rằng chống Thiên-Chúa Giáo hồi đó được giới sĩ-phu lãnh-đạo đất nước coi là một phương-sách duy-nhất để bảo-vệ nền độc-lập và văn-minh của Vương-quốc. Trường-hợp duy-nhất nêu trên không thể tiêu-biểu cho tinh-thần bất khoan dung tôn-giáo được. Bằng chứng là chưa hề có tranh-chấp nào được coi là tranh-chấp tôn-giáo. Những vụ bạo-động xảy ra giữa Công-Giáo và Phật-Giáo hồi 1964 chắc chắn không phải là do sự khác biệt tín-ngưỡng giữa hai cộng-

(49) Anh, Nguyễn-thế : Kinh-tế và Xã-hội Việt-Nam dưới các vua Triều Nguyễn, trang 175, Trình-bày, 1968.

(50) Anh, Nguyễn-thế : Sách đã dẫn, trang 176-179.

(51) Annales pour la propagande de la Foi, 1866, trang 3629, trích dẫn bởi Nguyễn-thế-Anh trong sách đã dẫn, trang 179.

đồng tôn-giáo, mà chỉ vì sự lợi-dụng của chánh-trị gây nên.

Tóm lại, tại nước ta từ xưa tới nay tất cả các tôn-giáo đều sống hòa-bình với nhau, và không một tôn-giáo nào được khống-chế hay tiêu-diệt các tôn-giáo khác và khuynh-loát quốc-gia. Còn trong tương-quan giữa tôn-giáo với quốc-gia, Vương-quyền không hề lệ-thuộc giáo-quyền. Đó là tính-cách độc-lập của quốc-gia đối với tôn-giáo.

B - TÍNH-CÁCH ĐỘC-LẬP CỦA QUỐC-GIA ĐỐI VỚI TÔN-GIÁO

Theo quan-niệm của Nho-Giáo, Quốc-vương tuy là Giáo-chủ độc-nhất và cao nhất trong nước (52), nhưng "nhiệm-vụ của Ngài chỉ là trị nước mà thôi, chứ không phải phụng-sự quyền lợi Giáo-phái nào cả (53)". Ở nước ta, nhà Vua thừa Thiên-Mệnh để trị nước, nhưng "Trời đây là vật vô hình, không có quyền-lợi thực-tế và lòng trời với lòng dân chỉ là một, được lòng dân tức là được lòng trời, tức là làm tròn sứ-mạng mà Trời đã giao-phó cho. Nhà Vua không cần dựa vào Giáo-phái nào để lên ngôi-bầu cả, mà khi ở ngôi cũng không cần phải phụng-sự quyền-lợi một Giáo-phái nào vì thực ra không có một tôn-giáo nào, dù là Phật-Giáo đương lúc thịnh dưới triều Lý, Trần cũng vậy, cũng không được coi như là một Quốc-giáo duy nhất." (54)

Trái lại, theo các lý-thuyết gia Tây-phương, nhất là các lý-thuyết-gia Công-Giáo như Saint Thomas d'Aquin và Bossuet chẳng hạn, thì nguồn gốc chủ-quyền của vị Quốc-vương Pháp là sứ-mạng thiêng-liêng mà Thượng-Đế trao phó cho, vị Quốc-vương là người đại-diện của Thượng-Đế. Nhiệm-vụ của ông không những chỉ trị nước mà

(52) Thông, Vũ-quốc : Sách đã dẫn, trang 60.

(53) Thông, Vũ-quốc : Sách đã dẫn, trang 68.

(54) Thông, Vũ-quốc : Sách đã dẫn, trang 69.

còn phụng-sự Thượng-Đế nữa, hay nói một cách khác, phải bảo-vệ quyền-lợi của Giáo-Hội. Vì Quốc-vương Pháp phải dựa vào Giáo-Hội mới lên ngôi được, và trong suốt thời-kỷ ở ngôi phải luôn luôn bảo-vệ quyền-lợi của Giáo-Hội, dù những quyền-lợi này có trái ngược với quyền-lợi tối cao của Quốc-vương hay của nhân-dân cũng mặc (55).

Như vậy, không phải đợi tới khi từ trào Tây-phương du nhập nước ta mới biết tới quan-niệm thế-tục. Trái lại, quan-niệm này đã là một tinh-thần truyền thống từ lâu đời và có trước Tây-phương. Giáo-sư Nguyễn-văn-Bông đã nhận xét rất xác đáng :

"Nguyên-tắc thế-tục không những phù-hợp với trào-lưu tiến-hóa của nhân-loại, đồng thời còn là truyền thống của dân-tộc Việt-Nam. Dở trang sử cũ, chúng ta có thể quả quyết rằng người Việt-Nam ngày xưa có tinh-thần khoan-dung rõ rệt và không có một xung-đột nào được xem là xung-đột tôn-giáo (56)."

Quan-niệm quốc-gia thế-tục không những phù-hợp với tinh-thần truyền-thống của dân-tộc ta, mà còn phù-hợp cả với tinh-thần truyền-thống của Phật-Giáo tại nước ta.

ĐOẠN II - QUAN-NIỆM QUỐC-GIA THẾ-TỤC PHÙ-HỢP VỚI TINH-THẦN TRUYỀN-THỐNG CỦA PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Vì chấp-nhận sự chung sống yên vui với mọi tôn-giáo, nên tinh-thần khoan dung truyền-thống của đạo Phật nói chung và của Phật-Giáo Việt-Nam nói riêng mà ta đã có dịp phân-tích chính là một yếu-tố quan trọng của quan-niệm quốc-gia thế-tục ngày nay (57).

(55) Thông, Vũ-quốc : Sách đã dẫn, trang 67-77.

(56) Bông, Nguyễn-văn : "Việt-Nam và Hiến-Pháp tương lai", Niên Sao Viện Đại-Học Cần-Thơ, Tập I, trang 12, 1968

(57) Xem trang 64-67 Luận án này.

Hơn nữa, nếu quan-niệm quốc-gia thế-tục nhằm tách rời tôn-giáo ra khỏi chánh-trị và bảo-vệ tự-do của con người, thì chính Đức Phật Thích-Ca là một bậc Hoàng-tử quyền quý đã dứt bỏ uy-quyền chánh-trị để đi tìm đường giải-thoát cho con người, và con đường ấy cốt yếu phải là con đường xuất thế. Tôn-trọng tự-do của con người cũng chính là trọng điểm trong triết-lý của Ngài. Ngài tin-tưởng rằng vì bản sinh có tự-do nên con người có thể tự giải-thoát.

Trong những lời dạy cuối cùng Đức Phật đã để lại cho bậc chân tu tám gương sáng là không nên xen vào văn-đề chánh-trị. Tại Vương-xá, vua Ajatasattu cử vị đại thần Vassakara đến yết-kiến Đức Phật để hỏi có nên cử quân tàn sát dân Vajjihay không? Ngài đã không cho một lời khuyên nào: không trả lời thuận cũng không trả lời nghịch, Ngài chỉ hỏi về những đức tánh của dân Vajji hiện tại và gián tiếp chỉ cho vua Ajatasattu thấy sự cường thịnh và hùng mạnh của nước Vajji. Nếu Ngài trả lời nên đánh, tức là đã trực tiếp khuyên người ta tàn sát sinh-linh, một việc làm trái hẳn với lòng từ-bi của chính mình. Nếu Ngài trả lời không nên đánh dân Vajji, thì dân này có thể nổi lên đánh vua Ajatasattu và, do đó Ngài gián-tiếp chịu trách nhiệm về sự mất nước Magadha của vị vua vừa kể (58). Thái-độ khôn ngoan của bậc Đại Chân tu như vậy rất thích ứng với sự phân-lập hai lãnh-vực chánh-trị và tôn-giáo.

Sự phân-lập này đã có trong mối tương-quan cổ truyền giữa quốc-gia và Phật-Giáo tại Việt-Nam. Hơn nữa, sự phân-lập lại chứa đựng nhiều đặc-tánh của quan-niệm phân-lập hợp-tác mà ngày nay các quốc-gia tiên-tiến đang cố gắng áp-dụng (59). Thật vậy, Phật-Giáo đã nhường nhiệm-vụ trị quốc cho Quốc-vương và Nho-sĩ để chuyên tâm

(58) Minh-Châu, Thích: 1) Những ngày và những lời dạy cuối cùng của Đức Phật, trang 6 và kế tiếp, Đại Học Vạn-Hạnh, 1967; 2) Đức Phật với văn-đề chánh-trị, Tạp-chí Tư-Tưởng số 3, bộ mới (8/1969) trang 159 và kế tiếp.

(59) Xem trang 536-542 Luận án này.

chăm sóc công việc tâm linh. Ngay cả những thời Phật-giáo cực thịnh, danh Tăng cũng không can-thiệp trực-tiếp vào chánh-trường. Họ chỉ giúp ý-kiến cho nhà vua và hợp-tác với chánh quyền trong việc đào-tạo nhân-tài cho đất nước, đúng theo phương châm "Phật-Thánh phân-công hợp-tác".

Ngoài ra, Phật-Giáo cũng không hề được tổ-chức thành một Giáo-Hội với hệ thống giáo quyền, kỷ-luật nội bộ, tổ-chức hành-chánh, pháp-đình như Giáo-Hội Công-Giáo La-Mã dưới thời Trung Cổ. Do đó Phật-Giáo không những không phải là một lực-lượng chánh-trị đe dọa chánh quyền, mà còn tuân phục và ủng hộ chánh quyền. Sự nâng đỡ mà quốc-gia dành cho Phật-Giáo thực ra nhằm phụng-sự quyền-lợi dân-tộc hơn là tôn-giáo, vì trước hết cơ-sở chùa chiền ngày xưa ngoài dụng đích phụng-tự còn có dụng đích đào-tạo nhân-tài cho đất nước. Các Sư Tăng được nhà vua trọng dụng chính vì họ đưa lại lợi ích cho Vương-quyền. Sử-gia Hoàng-xuân-Hãn đã nhận xét :

"Lúc nước ta vừa mới độc-lập, vua đều là những kẻ võ biên. Sở dĩ các vua ấy trọng Tăng-đồ, một phần chắc vì lý-do chánh-trị... Các vua lại nhận thấy rằng các Tăng học rộng hơn mình và hơn các tướng. Tuy bên cạnh võ tướng còn có Nho-thần, nhưng những người này thường hay cố chấp trong thuyết trung quân, cho nên không thể trung thành với một ông Vua mới đã cướp chánh quyền của chúa mình. Vì những lẽ ấy, các vua Đinh, Lê đã lợi-dụng học-vấn của Tăng-đồ để trị dân và đối ngoại. Cũng như đại đa số người đương thời, các vua rất tin rằng các Tăng-sĩ và Đạo-sĩ có những thuật làm cho họ biết trước những sự hay dở tương lai, hay là có thể cầu cho họ được phúc, tránh họa." (60)

Nếu dưới thời Hậu Lê Phật-Giáo bị thất sủng là vì nó đã suy đồi và không giúp ích đặc lực cho quốc-gia

(60) Hãn, Hoàng-xuân : Lý-thường-Kiệt, trang 421, Ban Tu-Thư Viện Đại Học Vạn-Hạnh, Saigon, tái bản lần thứ nhất, 1967.

bằng Nho-Giáo đang lúc cực thịnh với những danh nho, danh sĩ kể ra không xiết như Nguyễn-Trãi, Lê-thánh-Tông, Ngô-sĩ-Liên, v.v... (61).

Kể từ đó, Phật-Giáo dần dần mất ảnh-hưởng trên chánh trường, nhưng vẫn không hề phản ứng mạnh mẽ chống lại mọi sự chèn ép. Tinh-thần Phật-Giáo cũng như thái-độ truyền thông nêu trên của giới Tăng-sĩ Việt-Nam như vậy thật vô cùng phù-hợp với quan-niệm quốc-gia thế-tục do Tây-phương du nhập vào hệ-thống chánh-trị và luật-pháp Việt-Nam.

ĐOẠN III - QUAN-NIỆM QUỐC-GIA THẾ-TỤC PHẢN ẢNH RÕ-RẾT TRONG LUẬT THỰC-TẠI VIỆT-NAM

Trong suốt thời-kỳ đô hộ nước ta, người Pháp đã áp-dụng quan-niệm thế-tục vào mối tương-quan giữa quốc-gia với tôn-giáo. Mặc dầu Đạo-luật Pháp-quốc năm 1905 phân lập Giáo-Hội và Nhà Nước không được ban hành tại Việt-Nam, nhưng tiến trình xâm chiếm Đông-Dương đã song hành với tiến trình tranh đấu cho lý-tưởng quốc-gia thế-tục tại chánh-quốc. Những người điều-khiển Bộ Thuộc-Địa lại là các nhân-vật cấp-tiến chống Giáo-Hội, và các viên-chức Pháp tại Việt-Nam cũng thấm-nhuần tinh-thần thế-tục, mặc dầu chủ-nghĩa chống Giáo-Hội không được Pháp nhập-cảng vào Việt-Nam. Do đó sự phân lập giữa Quốc-gia và Giáo-Hội đã được tôn-trọng và không một tôn-giáo nào được coi là quốc-giáo. Thiên-Chúa Giáo cũng chỉ được hưởng những ưu đãi riêng vì sự liên-hệ giữa Đốc-quốc và Giáo-Hội trong công-cuộc chinh-phục thuộc-địa chứ không hề khống-chế chánh-quyền.

Sau khi chế-độ ngoại thuộc cáo chung, năm 1946 chánh-phủ Việt-Nam Dân-chủ Cộng-Hòa đã ban-hành một Hiến-pháp thế tục. Rồi cuộc chiến-tranh Việt-Pháp bùng nổ cuối năm đó đã đưa tới giải-pháp Bảo-Đại vào năm 1948. Dự số 1 ngày 1.7.1949 ấn-định tổ-chức công-quyền Việt-Nam cũng

(61) Hàu, Nguyễn-văn : Sách đã dẫn, trang 62-63.

gián-tiếp xác nhận tánh-cách thế-tục của quốc-gia khi quy-định :

"Ý-chí quốc-dân là nguồn gốc của mọi ngành hoạt động quốc-gia (62)."

Sau khi Việt-Nam thu-hồi toàn vẹn chủ-quyền, Hiến-Pháp Đệ Nhất Cộng-Hòa 26.10.1956 cũng như Hiến-Pháp Đệ Nhị Cộng-Hòa 1.4.1967 đều long-trọng nhìn nhận tánh-cách thế-tục của quốc-gia.

Lý-tưởng thế-tục này đã ăn sâu tại miền Nam Việt-Nam hơn bất cứ nơi nào khác trên toàn-thế lãnh-thổ, vì ảnh-hưởng trực-tiếp của Pháp-quốc trong hơn 80 năm thuộc-địa, vì là nơi hiện-diện của nhiều giáo-phái nhất trong nước, và vì việc áp-dụng thực sự quan-niệm thế-tục của hai Hiến-Pháp vừa kể.

Tóm lại, vì quan-niệm thế-tục không những phù-hợp với tinh-thần dân-tộc và tinh-thần Phật-Giáo, mà còn là một nguyên-tắc pháp-lý căn-bản của Việt-Nam Cộng-Hòa, nên Phật-Giáo ngày nay không có lý-do gì để phủ-nhận nó. Hơn nữa, hiện nay không những tất cả các quốc-gia Phật-Giáo Bắc Tông tại Á-Châu (Trung-Hoa Dân-Quốc, Trung-Cộng, Đại-Hàn Dân-Quốc, Bắc-Hàn, Mông-Cổ, Nhật-Bản), mà cả Ấn-Độ - là một nước có tinh-thần vị tôn-giáo mạnh nhất thế-giới - cũng đều đã theo quan-niệm quốc-gia thế-tục của Tây-Phương (63).

Việc thực-thi nguyên-tắc thế-tục ấy đòi hỏi sự xác-định vị-trí của Phật-Giáo trong đời sống quốc-gia.

o_o

(62) Bông, Nguyễn-văn : Sách đã dẫn, trang 352.

(63) Heuricou, André : Sách đã dẫn II, trang 154 và kế tiếp.

CHƯƠNG 11

XÁC-ĐỊNH VỊ-TRÍ CỦA PHẬT-GIAO TRONG ĐỜI SỐNG QUỐC-GIA

Quan-niệm quốc-gia thế-tục bao hàm sự phân-biệt hai lãnh-vực tôn-giáo và chánh-trị : mỗi bên có một thẩm-quyền hoạt-động tương ứng và không dẫm chân lên nhau.

Mặc dầu tinh-thần truyền-thống của Phật-Giáo phù-hợp với quan-niệm nêu trên, sự xác-định địa-vị của Giáo-Hội Phật-Giáo trong đời sống quốc-gia vẫn cần-thiết, vì sự phân-biệt giữa Đạo và Đời của Phật-Giáo hiện đại thật tế-nhị nếu không muốn nói là khó-khăn. Trở ngại ấy có nhiều nguyên-do :

- Trước hết, vì Đạo Phật không hề chủ-trương thiết-lập một Giáo-Hội và những nguyên-tắc tổ-chức xã-hội, nên sự phân biệt giữa tôn-giáo và chánh-trị đã không được Ngài minh-giải rõ-rệt như Đức Chúa Jêsus. Không nhìn nhận Thần-quyền, đặt trọng-tâm triết-lý và tôn-giáo của Ngài vào con người, Đức Phật thấy mọi chúng-sinh đều đau khổ (Điều Để thứ nhứt trong tứ Điều Để) và cần phải tự giác để tự giải-thoát (64). Mặc dầu trong những lời dạy cuối cùng Ngài đã khuyên các tỳ khưu không được dính líu vào các vấn-đề chánh-trị, lời giáo-huấn đó chỉ biểu-lộ một thái-độ khôn-ngoa của bậc Đại-sư đạo-hạnh cao siêu (65), chứ nó không dựa vào một sự phân-biệt thần-học giữa Đạo và Đời.

- Về sau này các nhà Phật-học khám-phá thấy Đạo Phật bao gồm cả hai khía-cạnh xuất thế và nhập thế. Trước

(64) Cần, Nguyễn-duy : Phật-Học tinh-hoa, tr. 44-50, Khai-Trí 1965.

(65) Minh-Châu, Thích : Những ngày và những lời dạy cuối cùng của Đức Phật, trang 5-8, Vạn-Hạnh, 1967.

sức quật khởi của các dân-tộc Á-Châu với hai phong-trào giải-phóng dân-tộc và phục-hưng Phật-Giáo, các Tăng-sĩ đã chú trọng quá nhiều vào khía cạnh xuất thế và, do đó, họ đã hoạt-động mạnh-mẽ trong lãnh-vực chánh-trị để xác nhận địa-vị của Phật-Giáo trên trường quốc-tế. Đó là thái-độ tất yếu của lớp người từng bị chèn ép vừa có cơ-hội khôi-phục lại giá-trị đã bị di thất dưới thời lệ-thuộc những cường-quốc bất đồng tôn-giáo với mình.

- Ngoài ra, tinh-thần tự-do của Đạo Phật không chấp nhận giáo-điều cứng nhắc, kinh sách nhà Phật lại man mác như trùng dương và được tự-do giải-thích theo tâm hiểu biết của mỗi người. Phật-Giáo cũng không có một Giáo-Hội siêu việt đầy đủ thẩm quyền để ban-hành giáo-luật ấn-định hoạt-động của đoàn Tăng Già cùng các biện-pháp chế tài. Tất cả những điều đó làm cho một số Tăng-sĩ trong thời-kỳ chấn hưng Đạo Pháp không thể tự mình ấn-định lấy ranh-giới hoạt-động, vì một sự hạn-chế rõ rệt, nếu được đặt ra, sẽ có hậu quả kiểm chế việc mở một kỹ-nghuyên tươi sáng cho Đạo-Pháp, dân-tộc và nhân-loại.

- Tại Việt-Nam ngày nay, Công-Giáo đã có một khái-niệm rõ-rệt về hai lãnh-vực Đạo và Đời ; Cao-Đài và Hòa-Hảo đã có những chánh đảng ngoại vi để hoạt-động chánh-trị một cách dễ-dàng ; Tin-Lành, Ba Hai, Hồi-Giáo và nhiều giáo-phái Phật-Giáo chuyên tâm vào lãnh-vực tôn-giáo. Hiện chỉ có phe Phật-Giáo Ấn-Quang còn nỗ lực hoạt-động trong lãnh-vực chánh-trị vì đường lối "không thiên tả không thiên hữu" cũng như vấn-đề "bảo-vệ dân-tộc", đòi hỏi "chủ-quyền quốc-gia", v.v... hoàn toàn có tánh-cách chánh-trị. Đường lối và hoạt-động của họ về các vấn-đề ấy một mặt thực ra nằm trong phạm-vi quyền-hạn của người thế-tục chứ không phải của tu-sĩ ; mặt khác chúng lại đối nghịch với đường lối và hoạt-động của chánh-quyền. Do đó các Tăng-sĩ đã bước vào lãnh-vực của thế quyền và tương-tranh giữa tôn-giáo với chánh-trị vẫn chưa chấm dứt được vì đường ranh phân lập giữa giáo-chánh đã quá phai mờ (66).

(66) Chính Phái-Đoàn Liên Tôn Mỹ cũng nhận thấy sự phân ranh giữa tôn-giáo và chánh-trị tại Việt-Nam đã không thấy rõ rệt. Xem trang 416 Luận án này.

Do đó việc xác-định vai-trò của Phật-Giáo trong đời sống quốc-gia rất cần-thiết cho việc tạo lập tương quan tốt-đẹp giữa Nhà Nước và Tôn-giáo. Trong việc xác định này, ta phải để ý đến hai điểm căn-bản :

- I - Vai-trò chủ-yếu tôn-giáo của Giáo-Hội Phật-Giáo trong đời sống quốc-gia.
- II - Ảnh-hưởng chánh-trị của Phật-Giáo trong đời sống quốc-gia.

TIẾT I

VAI-TRÒ CHỦ YẾU TÔN-GIÁO CỦA GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG QUỐC-GIA

Muốn xác định được vai-trò chủ-yếu tôn-giáo của Giáo-Hội trong đời sống quốc-gia, trước hết ta cần án-định môi-trường hoạt-động của Giáo-Hội và Tăng-sĩ, vì thực-tế cho thấy rằng những xung đột giữa Phật-Giáo và chánh-quyền đều bắt nguồn ở các hoạt-động của Tăng-sĩ mà cả hai bên đều không đồng ý về cách định danh bản chất. Những hoạt-động bị chánh-quyền coi là có tính-cách hoàn-toàn chánh-trị thì lại bị chư Tăng phủ-nhận và cho rằng đó là những hành-vi nhằm "bảo-vệ Dân-tộc và Đạo-pháp" vì Đạo-pháp và Dân-tộc không thể tách rời nhau được. Như vậy then chốt của mâu thuẫn nằm trong sự đồng-hóa Dân-tộc với Đạo-pháp. Việc đồng-hóa trên đây có thể gây ngộ nhận về việc lẫn lộn tôn-giáo với chánh-trị và ý-định biến một tôn-giáo thành quốc-giáo. Vì vậy để đánh tan ngộ nhận và nhằm tôn-trọng quan-niệm thế-tục, công việc thứ hai của người khảo cứu vô tư là phải phân biệt giữa Dân-Tộc và Đạo-Pháp. Do đó Tiết này gồm có hai Đoạn :

- I - Xác-định phạm-vi hoạt-động của Giáo-Hội Phật-Giáo.
- II - Phân-biệt Dân-Tộc và Đạo-Pháp.

ĐOẠN I - XÁC-ĐỊNH PHẠM-VI HOẠT-ĐỘNG CỦA GIÁO-HỘI PHẬT GIÁO

Muốn xác-định phạm-vi hoạt-động của Giáo-Hội,

ta cần phân-tách quyền-hạn của Giáo-Hội và nhiệm-vụ của Tăng-sĩ, căn-cứ vào nguyên-tắc căn-bản là : Giáo-Hội và Tăng-sĩ chỉ có quyền hoạt-động trong các lãnh-vực tôn-giáo, văn-hóa và xã-hội ; còn lãnh-vực chánh-trị phải dành cho người thế-tục.

PHẦN ĐOẠN I - PHẠM-VI QUYỀN-HẠN CỦA GIÁO-HỘI
PHẬT-GIÁO

Trước hết, cần có một khái-niệm chính xác về ý-nghĩa "Giáo-Hội" theo Phật-Giáo hiện đại.

Ta đã biết rằng Đức Phật Thích-Ca không hề chủ-trương thiết-lập một Giáo-Hội với tư-cách là một xã-hội siêu-nhiên vừa thiêng-liêng vừa nhân-bản để kết-hợp những con người với tư-cách đồng dân của Nước Chúa Trời và dẫn dắt họ đi vào kiếp sống đời đời đã bắt đầu nơi trần thế như bên Thiên-Chúa Giáo (67), vì Ngài không nhìn nhận có một Đấng Thượng-Đế toàn năng. Khi tại Thế Ngài chỉ thành lập một đoàn Tăng Già để chỉ-dẫn cho chúng sinh con đường giải-thoát khỏi đau khổ. Về sau này, và nhất là bắt đầu từ thời Phật-Giáo phục-hưng tiền bán thế-kỷ 20, các nhà lãnh-đạo Phật-Giáo mới nỗ-lực thành-lập các Giáo-Hội.

Với triết-lý vô Ngã và vô Thần, Giáo-Hội Phật-Giáo không phải là hình ảnh của một Đấng Sáng Thế nào hết, không phải là một đoàn-thể của Chúa Jêsus được cấu-tạo một cách siêu nhiên bằng loài người. Nó chỉ là một tổ-chức hoàn-toàn của con người do con người lập ra và vì con người, vì với triết-lý Nhân-chủ của Phật-Giáo, con người là chúa-tể trong xã-hội loài người ở đó không thể có Chúa Trời thứ hai như Thượng Tọa Trí-Quang đã giảng giải (68).

Vì không công-nhận một Đấng Tối-Cao, nên trong Giáo-Hội Phật-Giáo người ta phải áp-dụng chủ-trương bình-

(67) Maritain, Jacques : L'homme et l'Etat, trang 140-141, Presse Universitaire de France, 1965.

(68) Trí-Quang, Thích : Tân Ảnh Lục, Tập I, trang 185-186.

đấng của Đức Phật : Ngài là Người cầm đuốc dẫn đường, là Đại-Sư cao quý dạy bảo giáo-lý ; chư Tăng do ở sự tu-trì và đạo-hạnh đem giáo-lý của Ngài truyền đạt cho Phật-tử ; tất cả chúng sanh đều có Phật-tánh và đều có thể trở thành Phật như Ngài (69).

Vì Đạo Phật là Đạo cứu khổ, nên Giáo-Hội Phật-Giáo có nhiệm-vụ chỉ-dẫn cho Phật-tử con đường thoát khổ để đạt tới cứu cánh siêu việt mà Đức Thích-Ca đã nêu ra là Niết-Bàn.

Như vậy Giáo-Hội Phật-Giáo chỉ có nghĩa là một Hiệp-Hội tôn-giáo, và khác các hội thường bởi cứu cánh siêu việt ấy cũng như bởi tất cả những đặc tính của một tôn-giáo.

Dù không có tính-cách linh-thiên vì hữu thân, Giáo-Hội Phật-Giáo, nhằm những mục-tiêu xuất thế rõ rệt, nên không thể bị đồng-hóa với các hội thường.

Vì những đặc tính nêu trên, nên ở Việt-Nam cũng như ở các xứ Phật-Giáo khác đều có rất nhiều Giáo-Hội Phật-Giáo mà không có một giáo-quyền tối thượng. Cũng vì vậy mà hiện nay Phật-Giáo thế-giới chưa thành-lập được một Giáo-Hội quốc-tế, Việt-Nam chưa hoàn-bị được một Giáo-Hội Thống-nhất.

Đối với quốc-gia thế-tục, chính bản chất vị nhân và phủ-nhận Thần-quyền của Giáo-Hội Phật-Giáo sẽ giúp việc ấn-định phạm-vi quyền-hạn của Giáo-Hội được dễ dàng, vì chánh-quyền không gặp phải sức chống đối gây nên bởi sự khẳng định tính-chất siêu-việt của Giáo-Hội theo quan-niệm thần-học Công-Giáo.

MỤC I - Quyền-hạn của Giáo-Hội Phật-Giáo

Niềm tin tôn-giáo không phải chỉ nằm trong phạm-vi ý-thức, mà còn phải được biểu-lộ ra bề ngoài

(69) Mật Thế, Thích : Thế-Giới quan Phật-Giáo, tr.35, Vạn-Hạnh, 1967.

bằng các hình-thức lễ-nghi, chiêm bái có tánh-cách riêng tư hay tập-thể. Vì tánh-cách tập-thể ấy, những người đồng đạo đã kết hợp nhau lại thành một đoàn-thể có tổ-chức, có chỉ-đạo, để sinh-hoạt thường-xuyên trong lãnh-vực tôn-giáo. Đoàn-thể ấy chính là một hệ-thống quyền-hành tinh-thần đứng ngoài chánh-quyền và không đụng chạm trực-tiếp tới công việc của chánh-quyền, nhưng có ảnh-hưởng gián-tiếp tới sự vận-chuyển guồng máy quốc-gia. Như vậy đoàn-thể ấy - trong trường-hợp này là Giáo-Hội Phật-Giáo hay những Giáo-Hội Phật-Giáo - phải được chánh quyền ban cho tư-cách pháp-nhân để dễ bề hành sử quyền-hạn tinh-thần của mình về cả hai phương-diện đối nội và đối ngoại.

A - Quyền-hành của Giáo-Hội Phật-Giáo
về phương-diện đối nội

Trước hết, Giáo-Hội Phật-Giáo phải có đầy đủ quyền-hành tổ-chức cơ-cấu nội bộ sao cho thích-hợp với tập-quán và giáo-lý của tôn-giáo mình. Quyền tự-do tổ-chức ấy có thể bao gồm :

a) Việc ấn-định và ban-hành Hiến-Chương, nội quy, nội lệnh, ngoài mọi sự can-thiệt của chánh-quyền.

b) Việc thiết-lập các cơ-cấu tổ-chức : hệ-thống giáo-quyền từ trung-ương đến địa-phương, các ngành hoạt-động của Giáo-Hội, các cơ-sở phụng-tự, văn-hóa, xã-hội, giáo-dục và y-tê.

c) Việc ấn-định giáo-chế (70) tức là các quy-chế áp-dụng cho mỗi loại đoàn-viên của Giáo-Hội. Việc này rất quan trọng vì thành hay bại của tổ-chức tùy thuộc vào nhân-sự :

- Đối với giới xuất gia tức là các Tăng-sĩ, Giáo-Hội có toàn quyền tuyển chọn, huấn-luyện, bổ-nhiệm, áp-dụng các biện-pháp kỷ-luật nội bộ.

(70) Trí-Quang, Thích : Tâm Ảnh Lục, tập 4, trang 275-277.

- Đối với giới tại gia tức là các cư-sĩ và Phật-tử thường, thiết tưởng Giáo-Hội cũng có quyền đứng ra tổ-chức các đoàn-thể cư-sĩ và Phật-tử mà mục-đích duy nhất là truyền-báo đạo Phật bằng các hoạt-động văn-hóa, xã-hội do chính người thế-tục đảm nhiệm. Vì mục-đích thuần túy tôn-giáo, nên các đoàn-thể này có thể được lãnh-đạo bởi chính các Tăng-sĩ để bảo-vệ sự nguyên vẹn của Giáo-lý Phật-Đà.

Nhằm mục-đích ấy, chính các đoàn-thể này sẽ có nhiệm-vụ cải-tạo xã-hội theo tinh-thần Phật-Giáo, nhưng không được phép hoạt-động trong các lãnh-vực kinh-tài hay chánh-trị. Có thể nói những tổ-chức này giống như tổ-chức Công-Giáo Tiến-Hành bên Thiên-Chúa Giáo (71). Phong-trào Công-Giáo Tiến-Hành ngày nay đã có mặt trong khắp các tầng lớp xã-hội, mang lại uy-tín lớn lao cho Giáo-Hội, và ích-lợi đáng kể cho Giáo-dân về cả tinh-thần lẫn vật chất. Các tổ-chức Hội-Đoàn Phật-tử của Giáo-Hội Ấn-Quang có thể là bước đầu của phong-trào "Phật-Giáo Tiến-Hành", và, nếu được đẩy mạnh đứng với mục-đích vừa nêu trên, chúng cũng sẽ rất hữu ích cho Giáo-Hội và Phật-Giáo-đồ. Phật-Giáo cũng như Công-Giáo Tiến-Hành tại Việt-Nam đều đã lập các hội-đoàn chuyên-biệt và các hội-đoàn không chuyên-biệt. Hai phong-trào này, nếu thi đua hoạt-động ngoài vòng cương toa của chánh-trị, chắc chắn sẽ đưa lại an-lạc cho đa số nhân-dân.

Việc giới-hạn hoạt-động của các đoàn-thể Phật-tử thế-tục do Tăng-sĩ lãnh-đạo vào mục-đích tôn-giáo có lợi là giữ được uy-tín của Giáo-Hội, tránh được sự lợi-dụng của chánh-trị. Kinh-nghiệm tại Nhật-Bản cho hay rằng một đoàn-thể Phật-tử thế-tục là Hội Soka Gakkai hoạt-động không với tư-cách một chánh đảng, nhưng với tư-cách một giáo-phái mới, đã bị chỉ-trích là hỗn-hợp tôn-giáo

(71) Huyền, Phan-phát : Việt-Nam Giáo-sử, quyển II, trang 470 và kế tiếp, Cửu Thế Tùng Thư, Saigon, 1962.

với chính-trị (72). Muốn tránh sự chỉ-trích này, Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam nên khuyến-khích Phật-tử lập chánh đảng cũng như Hội Soka Gakkai đã bảo-trợ cho chánh-đảng Komeito (73). Đó là đường lối mà các nước dân-chủ Âu Mỹ đã áp-dụng.

d) Tổ-chức sinh-hoạt tôn-giáo theo nghi-lễ riêng của mình. Sinh-hoạt tôn-giáo được thúc đẩy bởi Đức-Tin. Về vấn-đề này, mặc dầu đạo Phật chủ-trương Vô ngã và Vô thần, khi truyền bá trong dân gian nó trở thành Hữu ngã và Hữu thần (74). Sự biến-hóa ấy đã được Phật-Giáo hiện đại phủ-nhận và xác-định lại rằng Phật-tử chỉ tin ở Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng) và tin ở chính mình, chứ đừng tin có một Ông Trời nào hết (75).

Đành rằng Giáo-Hội có nhiệm-vụ dẫn dắt tín-dồ trên đường tu học Chánh-pháp, nhưng thiết tưởng Giáo-Hội cũng không thể dụng chạm mạnh mẽ bằng cách phá bỏ sự tin tưởng truyền thống của đa số Phật-tử Việt-Nam : đó là tin tưởng cả Trời lẫn Phật ; hai vị này đều có thể tác phúc đáng họa cho họ được. Giáo-Hội ngày nay chỉ có thể dần dần thuyết phục họ thế nào là chánh Pháp, vì uy-quyền của Phật-Giáo cũng như của mọi tôn-giáo khác trong quốc-gia đều chỉ có tánh-cách tinh-thần. Thật vậy, Giáo-Hội cai-quản tín-dồ không bằng lực-lượng cảnh-sát hay cưỡng-bách vật-thể, nhưng bằng ảnh-hưởng phi vật chất của việc giáo-huấn, thuyết-pháp, thờ phụng, suy niệm và Đạo-phong khả kính. Hàng Giáo-phẩm Phật-Giáo nói với lương-tâm của tín đồ và trông cậy vào lòng nhiệt thành mộ đạo của họ. Tóm lại, Giáo-Hội được tự-do tổ-chức các lễ-nghi tôn-giáo và

(72) White, James W. : Mass movement and democracy : Soka Gakkai in Japanese politics. The American political science review, Vol. LXI, Sept. 1967, N. 3, trang 744. Cũng xem : Moos, Felix : Religion and politics in Japan : The case of Soka Gakkai. Asian Survey, N. 3, March, 1963, trang 129.

(73) Xem trang 69-71 Luận án này.

(74) Cần, Nguyễn-duy : Sách đã dẫn, trang 43-44.

(75) Đức Tâm : "Vấn-đề Đức-Tin theo quan-niệm Đạo Phật", Lục đăng trong "Kỷ yếu Đại Hội Hoàng-pháp kỳ III tại Ấn-Quang", trang 94-97.

kêu gọi thiện-nam tín-nữ tham-dự. Nhưng có tham-dự hay không lại là vấn-đề hoàn-toàn tùy thuộc vào ý-chí tự-do của tín-đồ, vì Đạo Phật là đạo của Tự-do.

Vì những sinh-hoạt tập-thể của Giáo-Hội liên quan tới xã-hội dân-sự, nên ta cần xác định quyền-hành của Giáo-Hội về phương-diện đối ngoại.

B - Quyền-hành của Giáo-Hội Phật-Giáo về phương-diện đối ngoại

Mặc dầu được độc-lập trong phạm-vi tôn-giáo và có quyền-uy tinh-thần đối với tín-đồ, Giáo-Hội Phật-Giáo vẫn phải liên-lạc với quốc-gia, vì hai lẽ.

Trước hết, Giáo-Hội sinh-tồn, phát-triển trong cộng-đồng chánh-trị và được sự che-chở về an-ninh và trật-tự của quyền lực Nhà Nước.

Hơn nữa, có những hoạt-động mà cả Nhà Nước lẫn Giáo-Hội và các tập-thể khác đều có quyền chủ xướng và thực-hiện : đó là những hoạt-động văn-hóa, giáo-duc, y-tế và xã-hội. Do cuộc sống chung và hoạt-động chung nên giữa Quốc-gia và Giáo-Hội có những vấn-đề "xôi đậu" mà hai bên nên hợp-tác trên căn-bản đồng thuận và ích lợi chung.

Như vậy, về phương-diện đối ngoại, quyền-hành của Giáo-Hội được quan-niệm như sau :

1. Giáo-Hội phải được quyền làm các hành-vi dân-sự để quản-trị quyền-lợi vật-chất của họ mà ta sẽ đề-cập đến trong Thiên II.

2. Giáo-Hội còn phải được Quốc-Gia tạo cho các điều-kiện thuận tiện để hoạt-động trong các lãnh-vực văn-hóa, giáo-duc, xã-hội, vì khuynh-hướng chung của mọi tôn-giáo ngày nay đều muốn thể-hiện những ý-niệm đạo-đức một cách cụ-thể trong các chương-trình xã-hội nhằm bảo-vệ những giá-trị nhân-bản trước những bất công, đói rét, dốt nát và bệnh-tật. Hơn nữa, trong hoàn-cảnh điều linh của

nửa Việt-Nam lâm chiến hiện nay, hoạt-dộng của tôn-giáo trong lãnh-vực này còn bổ xung được những khiếm-khuyết của chánh-quyền trong nhiệm-vụ thỏa-mãn nhu-cầu công-ích.

3. Giáo-Hội có quyền xác-định tương-quan giữa Giáo-Hội và Quốc-Gia. Về vấn-đề này, Thượng Tọa Sangarakshita, một Tăng-sĩ người Anh nổi tiếng trên thế-giới, đã trình-bày quan-điểm chánh-trị của Phật-Giáo trong một bài nhan đề : "Phật-Giáo trong thế-giới tân tiến : những liên-hệ văn-hóa và chánh-trị". Thiết tưởng Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam có thể mô phỏng những ý-kiến của Ngài để xác định tương-quan Giáo-chánh. Ngài đã trình-bày : a) Đạo Phật và những ý thức hệ chánh-trị ; b) Đạo Phật và Quốc-gia ; c) Cư-sĩ và chánh-quyền ; d) Tăng-sĩ và chánh-quyền ; e) Cá-nhân tu-sĩ và chánh-quyền ; f) Cư-sĩ và hoạt-dộng chánh-trị ; g) Tu-sĩ và hoạt-dộng chánh-trị (76).

Ta chỉ trích ra đây những điểm bàn về tương-quan giữa Phật-Giáo và Quốc-Gia, tức là từ điểm (a) tới điểm (e), trong đó chỉ có hai điểm (b) và (e) không hoàn toàn phù hợp với quan-niệm quốc-gia thế tục, còn những điểm khác đáng được dùng làm mẫu mực cho Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam. Hai điểm chót (f) và (g) sẽ được bàn tới khi phân-tách việc lập đảng Phật-Giáo và nhiệm-vụ của Tăng-sĩ (77).

a) Đạo Phật và ý-thức-hệ chánh-trị : Đối với bất cứ ý-thức-hệ hay lý-thuyết chánh-trị nào, Đạo Phật vẫn có thái-độ rõ ràng : ý-thức-hệ chánh-trị phải duy-trì giá-trị tinh-thần và tâm-linh, ý-thức-hệ chánh-trị phải nhận rằng mục-đích chân chánh của đời sống không phải chỉ ăn uống và sinh-sản, mà phải hướng đến việc giải-thoát toàn diện (nirvana). Do đó ý-thức-hệ

(76) Minh-Châu, Thích : Đạo Phật có thể làm gì cho Việt-Nam và nhân-loại, lục đăng trong "Kỷ yếu Đại Hội Hoàng-pháp kỷ III", trang 136-139. Những tư-tương từ (a) đến (e) được chép lại nguyên văn bài này.

(77) Xem trang 507-511 và trang 478-492 Luận-án này.

chánh-trị phải cung hiến một tổ-chức chánh-trị và xã-hội khả dĩ tu-sĩ và cư-sĩ có thể sống theo Phật pháp. Phật-Giáo không phản đối bất cứ một quốc-gia nào theo chủ-nghĩa này hay ý-thức-hệ nào miễn là quốc-gia ấy cung hiến sự an-lạc chẳng những về mặt vật chất mà còn về mặt tinh thần và tâm linh cho người dân.

Với thái-dộ trên đây của Đạo Phật do Thượng-Tọa Sangharaskita trình-bày, người ta thấy Phật-Giáo mặc nhiên phủ nhận Duy-vật chủ-nghĩa và chế-độ độc-tài vì chỉ có chế-độ Dân-chủ tự-do mới thỏa-mãn được đòi hỏi đích đáng của Phật-Giáo.

b) Đạo Phật và Quốc-Gia. Về điểm này ta không đồng ý được với tác-giả.

- Theo tác-giả, bản-chất của tương-quan giữa Phật-Giáo và Quốc-Gia còn thay đổi tùy thuộc vào hai yếu-tố : (1) bản-chất của chính quốc-gia ấy, và (2) sức mạnh của đa số của Phật-tử trong dân-chúng. Trong một quốc-gia mà Phật-tử chiếm thiểu-số, thì Phật-Giáo đòi hỏi phải đối xử một cách bình đẳng như mọi tôn-giáo thiểu số khác, nghĩa là được quyền theo đạo và được hành-động một cách tự-do. Dù có được tự-do hay bị ngược đãi, người Phật-tử vẫn trung thành với Tổ-Quốc. Nhưng trong một quốc-gia mà Đạo Phật chiếm đa số, thì đương nhiên Phật-Giáo phải được nhìn nhận là Quốc-Giáo vì quốc-gia là quần chúng, khi đại đa số quần chúng là Phật tử, thì theo nguyên-tắc dân-chủ, chánh-phủ của quốc-gia ấy phải gồm đa số Phật-tử. Đạo Phật vốn bản chất là phá chấp và hòa-bình, cho nên Đạo Phật có thể sống với Đạo khác mà không kỳ thị, vì đạo Phật chỉ đúng nghĩa là Đạo Phật khi Đạo Phật kính-trọng tất cả các tôn-giáo khác.

- Thiết tưởng quan điểm (b) này không chấp nhận được tại Việt-Nam Cộng-Hòa vì trong một quốc-gia thế tục Hiến-Pháp đã minh định rằng không một tôn-giáo nào được coi là quốc-giáo, mọi tôn-giáo đều bình đẳng.

c) Cư-sĩ và chánh-quyền. Đạo Phật chỉ khuyên dạy, chứ không bắt buộc và cưỡng ép, người Phật tử được

quyền tự-do quyết-định cho chính bản thân và hành-động của họ. Đạo Phật nêu ra những giới cấm, nhưng trách-nhiệm là do mỗi cá-nhân tự quyết-định. Người Phật-tử đúng nghĩa thì phải thăng tiến sự an toàn tâm linh và vật chất cho đồng bào, sống đời sống xã-hội và chánh-trị minh theo ánh sáng Phật pháp.

d) Tăng-sĩ và chánh-quyền. Tăng sĩ có thể khuyến cáo chánh-quyền, nếu chánh-quyền đi ra ngoài nguyện vọng chân chánh của quần chúng. Nhưng sự khuyến cáo này không thể bị chánh-quyền chống đối như là "tu-sĩ chen vào chánh-trị", hiển nhiên lời khuyến cáo của Tăng-sĩ chỉ có ý nghĩa khi lời khuyến-cáo này nhằm thể-hiện hòa-bình và thịnh-vượng cho quốc nội và cả thế-giới. Đối với một quốc vương hay đối với Tổng-thống hoặc đối với một vị chủ-tịch đảng phái, lời khuyến-cáo của Tăng-sĩ phải đặt căn bản từ lời Phật dạy trong kinh Dhammapada : "Không bao giờ ở trần gian này mà sự thù hận có thể diệt được sự thù hận ; chỉ có tình thương mới diệt được sự thù hận. Đó là lẽ luật vĩnh cửu".

Theo thiên ý của kẻ viết Luận-án, đây chính là trường-hợp Giáo-Hội, mặc dầu không hoạt động chánh-trị, cố quyền phát biểu lương tâm tôn giáo trước những biến-cố trọng-đại xảy ra trong hay ngoài quốc-gia. Ý kiến của Giáo-Hội chỉ có tính cách nhiệm ý đối với chánh-quyền mà thôi, vì quốc-gia vẫn có toàn quyền lựa chọn quyết định nào được coi là phù hợp nhất với quyền-lợi chánh-trị trong một trường-hợp nhất-định, mặc dầu quyết-định ấy có khi không phù hợp với giáo-điều của một tôn-giáo nào đó. Chính vì vậy mà chiến-tranh nhiều vùng trên trái đất vẫn tiếp tục bùng nổ và diễn tiến khốc liệt trước những lời kêu gọi hòa-bình rất thiết tha của các Đấng Giáo Chủ từ Đức Giáo Hoàng Paul VI tới Đức Tăng Thống Thích Tịnh-Khiết.

e) Cá-nhân Tu-sĩ và chánh-quyền. Thượng-Tọa Sangharakskita cho rằng cá-nhân Tu-sĩ không nên liên hệ với chánh-quyền, ngoại trừ liên hệ qua tánh cách đoàn thể Tăng Già, hoặc với sự đồng ý chuẩn nhận của Tăng-Già. Tăng-sĩ không thể là công-chức phụng sự cho chánh-phủ,

cũng không thể thi-hành nhiệm-vụ quân-dịch để làm một quân-nhân. Khi một tu-sĩ phạm pháp trong một quốc-gia mà Phật-tử chiếm đa số, thì Tăng Già thiết-lập tòa-án tôn-giáo để phán xử. Khi tu-sĩ phạm pháp bị phán xử là phạm tội thì cá-nhân ấy phải bị khai trừ khỏi Giáo-Hội và có thể được giao cho chánh-quyền để chịu tội như bất cứ công-dân nào khác.

Về điểm này, ta chỉ có thể đồng ý với Thượng Toạ Sangharakshita ở chỗ là Tăng-sĩ không nên liên-hệ với chánh-quyền và không thể là công-chức.

Còn vấn-đề quân-dịch là một trong những mâu thuẫn gay go giữa ý-thức tôn-giáo với đòi hỏi của ý-thức dân-tộc, và ngay trong các nước dân-chủ lâu đời nó vẫn chưa được giải-quyết thỏa đáng.

Thật vậy, từ xưa tới nay các tôn-giáo đều đòi hỏi cho các Tu-sĩ của mình được miễn thi-hành nghĩa-vụ quân-dịch, hoặc ít nữa là được hưởng một quy-chế đặc-biệt nào đó trong quân-đội. Đòi hỏi này hợp lý vì việc chém giết, dầu để tự vệ chánh đáng chăng nữa, cũng vẫn mâu thuẫn với sứ-mạng Tu-sĩ. Nhưng nó lại gây nhiều khó khăn cho quốc-gia trong việc bảo-vệ lãnh-thổ, chủ-quyền và nội giông. Trước hết, ít nữa là trong thời chiến sẽ có một số người sợ chết và giả bộ đi tu để trốn lính : làm sao phân biệt được ai tu thiệt, ai tu giả. Thứ đến, sẽ có một số người khác, không sợ chết, cũng không đi tu nhưng lại có một tinh-thần tôn-giáo chân-thành như các Tu-sĩ và cảm thấy lương-tâm họ không cho phép họ chém giết kẻ khác : đó là trường-hợp những người "từ chối quân-dịch vì lương-tâm". Nhưng ở đây cũng vậy : ai là giả ai là thật ? Và nếu chấp nhận cái nguyên-tắc cho phép "từ chối quân-dịch vì lương-tâm", thì bất cứ ai cũng có thể viện cớ lương-tâm để trốn quân-dịch. Trong một nước giàu mạnh và ít cảm thấy bị đe dọa, vấn-đề trên có thể được giải-quyết một cách tương-đối dễ dàng hơn là tại một nước nhược tiểu (như Việt-Nam chẳng hạn) luôn luôn phải vận dụng toàn-lực để bảo tồn sự hiện hữu của mình (78).

(78) Trung, Lý-chánh : Ý-thức tôn-giáo và ý-thức dân-tộc, Bách-Khoa số 295, ngày 15.4.1969, trang 30-31.

Hiện nay vấn-đề này được đa số các quốc-gia dân-chủ giải-quyết bằng cách dung hòa nguyên tắc "bình đẳng của mọi công dân trước nghĩa-vụ quốc-gia" với sự lưu tâm của chánh-quyền tới các sự kiện tôn-giáo. Vì vậy, các đạo-luật của Pháp quốc ngày 8-7-1880 và ngày 9-11-1935 tổ chức cơ-quan Tuyên-Úy trong thời chiến đều dự-liệu việc gọi nhập ngũ các Tu-sĩ (79).

Tại Hoa-Kỳ, luật trưng binh miễn công việc quân dịch thông thường cho những người nào có thể chứng tỏ rằng về phương-diện lương tâm họ từ chối tham-gia vào tất cả cuộc chiến và như vậy họ từ chối "vì lý-do giáo-dục và tin tưởng tôn-giáo". Trong thế-chiến thứ nhất, luật lệ chỉ miễn trừ nghĩa-vụ tác chiến,... Đạo-luật 1940 cho phép những người từ chối nhiệm-vụ không tác-chiến được chỉ định "làm công tác quan-trọng của quốc-gia dưới sự điều khiển của dân sự" (80).

Tại Việt-Nam Cộng-Hòa Luật Tổng Động Viên nhân lực và trưng dụng tài nguyên quốc-gia số 003/68 ngày 19-6-1968 trong điều 8 cũng chỉ "chấp nhận hoãn dịch có thời hạn cho Tu-sĩ đang học và hành đạo..."

Như vậy mặc dầu không giải quyết dứt khoát được mâu-thuẫn giữa ý-thức tôn-giáo với đòi hỏi của ý-thức dân-tộc, Việt-Nam Cộng-Hòa cũng như các nước tiên tiến nhất đều phải gọi nhập ngũ các Tu-sĩ trong thời chiến với một vài sự quy-định đặc-biệt để giúp họ thực hành được tín ngưỡng khi tại ngũ. Do đó quan điểm (e) nêu trên về vấn-đề này của Thượng-Tọa Sangharakshita không thể chấp nhận được.

Về điểm đoàn Tăng Già có thể lập Tòa-án để xét xử Tu-sĩ, ta cần phân-biệt sự phạm vào giới luật của Phật-Giáo với sự phạm tội do luật pháp quốc-gia quy-định.

(79) Trotabas, J. B. : Sách đã dẫn, trang 158.

(80) Konwitz, Milton R. : Fundamental liberties of a free people, trang 45, Cornell University Press, 1957.

Thiết tưởng Giáo-Hội Phật-Giáo chỉ có thể thiết lập các Hội-Đồng kỷ-luật để chế tài sự vi-phạm giáo-luật nghĩa là một sự chế tài hoàn toàn có tánh cách nội bộ của đoàn-thể mà thôi. Còn mọi vi-phạm tới luật-pháp quốc gia thì bố buộc phải được pháp-đình của quốc-gia xét xử, vì vấn đề này thuộc thẩm-quyền tài-phán trong chủ-quyền tối thượng do quốc-gia hành sử.

Tóm lại quyền-hành của Giáo-Hội, dù đối nội hay đối ngoại, phải có tính-cách thuần-túy tôn-giáo và không thể xâm phạm vào lãnh vực chánh-trị được. Do đó, tự-do của Giáo-Hội phải chịu một giới-hạn do luật-pháp quốc-gia quy-định để duy-trì sự bình đẳng, trật tự và thịnh-vượng chung.

MỤC II - Những giới-hạn quyền-hành của Giáo-Hội Phật-Giáo

Để tôn trọng quyền tự-do tôn-giáo của con người mà ta sẽ phân-tích trong Thiên II, quyền-hành của Giáo-Hội phải chịu hai loại hạn-chế : một loại hạn chế nhằm tôn trọng tự-do của cá-nhân, một loại hạn-chế nhằm tôn-trọng uy-quyền của quốc-gia.

A - Hạn chế nhằm tôn-trọng tự-do cá-nhân : Giáo-Hội phải triệt để tôn-trọng quyền tự-do của tín-đồ

Do tính-chất đa nguyên, nên dân-chủ không thể chấp nhận bất cứ một tình trạng độc chiếm nào. Vì vậy, không một tôn-giáo nào được coi là quốc-giáo và mọi Giáo Hội phải triệt để tôn trọng tự-do của công dân hay tín-đồ.

Cá-nhân nào cũng có toàn quyền tự định đoạt việc gia nhập hay không gia nhập một tôn-giáo, hay rút lui khỏi một Giáo-Hội theo sở thích của mình.

Cá nhân có toàn quyền đứng ra lập một Giáo-Hội biệt lập với Giáo-Hội hiện hữu mà họ đang là đoàn viên. Do đó, một tôn-giáo không nhất thiết phải có một Giáo-Hội duy nhất, nhưng trái lại có thể có nhiều Giáo-Hội

khác nhau mà sự hợp nhất hay liên minh hoàn toàn tùy thuộc vào ý-chí tự-do của mỗi cá-thể biệt-lập. Thiết tưởng giới-hạn vừa nêu trên hoàn toàn phù-hợp với tinh-thần Nhân-Chủ và tự-do cùng truyền-thống của Đạo Phật và đà tiến của nhân-loại. Bằng chứng thứ nhất là Phật-Giáo tại mỗi xứ đã sinh ra biết bao giáo-phái khác nhau, cách tu-luyện khác nhau.

Bằng chứng thứ hai là hiện nay quan-niệm "Giáo quyền duy-nhất và độc tôn" đang gây khủng hoảng trong nội bộ Giáo-Hội Công-Giáo La-Mã. Thật vậy, Đức Hồng-Y Suenens, một trong những vị có uy-tín nhất trong số các nhân-vật Công-Giáo hoàn-cầu và được coi như lãnh-tụ của phe đa số các Nghị Phụ Công-Đồng Vatican II, đã lên tiếng chỉ-trích hình-thức tập quyền, háo-danh và lỗi thời của đĩnh thần La-Mã (81). Ngay trong Giáo-Hội này hiện đang thịnh-hành một hiện tượng "phản chứng". Đó là thái-độ khước từ một tình-trạng, một chế-độ mà họ cho là lỗi thời, cần phải duyệt lại, cần phải thay đổi (82). Tại Việt-Nam, người ta cũng thấy xuất hiện trên báo chí khuynh-hướng "Công-Giáo Cấp-tiến"; khuynh-hướng này đòi hỏi Việt-hóa đạo Công-Giáo và mạnh dạn nhận xét một cách thiếu thiện cảm về thế-lực và tổ-chức của Giáo-Hội Công-Giáo Việt-Nam (83).

Bằng chứng thứ ba là trong các quốc-gia dân-chủ mỗi tôn-giáo đã có rất nhiều Giáo-Hội khác nhau. Tại Mỹ-quốc, một nơi có truyền-thống phân lập tương-đối, theo niên giám thống-kê 1968, có tất cả 241 Giáo-Hội quy-tụ lối 125.778.656 tín-đồ thuộc 50 Tiểu Bang và Quận Columbia.

(81) Đĩnh, Trần-Thái : Hồng Y Suemens lên tiếng về cách làm việc, hình-thức, háo danh và lỗi thời của Đĩnh-Thần La-Mã, Bách-Khoa, số 299 ngày 15.6.1969, trang 63-67.

(82) Lịch, Nguyễn-huy : Contestation - Phản chứng - Là cái gì ? Để làm gì ? Đối-Diện số 1, tháng 7/1969, trang 28-41.

(83) Trung, Lý-chánh : Hai bộ mặt của Giáo-Hội Công-Giáo ở Việt-Nam. Cũng xem Trung, Nguyễn-văn : Vấn-đề Công-Giáo đặt cho dân-tộc. Cả hai bài đều đăng trong tạp-chí Đất-Nước số 9 tháng 2/1969, trang 17 và trang 75.

Trong số các Giáo-Hội kể trên, đại đa số là Giáo-Hội Cơ-Đốc (84).

Tại Nhật-Bản, một quốc-gia tiến bộ nhứt Á-Châu và rất sùng đạo, theo niên-giám thống-kê năm 1962 (Shūkyō Nenkan) của bộ Giáo-Dục, có 400 giáo-phái hoạt-động nhiều hoặc ít ở cấp bậc quốc-gia, và 229.000 tổ-chức giáo-phái địa-phương tức là các chùa chiền, thánh thất quy tụ 352.000 tu-sĩ đã được thọ giới hay không, truyền-bá các tín-ngưỡng khác nhau (85).

B - Hạn-chế nhằm tôn-trọng uy-quyền quốc-gia :
Giáo-Hội bó buộc phải tôn-trọng uy-quyền
quốc-gia.

Biên-luận cách nào chăng nữa, người ta cũng không thể phủ-nhận rằng cứu cánh tối hậu của Phật-Giáo là Niết-Bàn, mục-tiêu của giải-thoát. Niết-Bàn, dù hiểu theo Đại Thừa hay Tiểu Thừa, cũng chỉ là một sự giải-thoát tuyệt đối khỏi mọi chi-phối của thế-giới vật-chất để đoạn-tuyệt với khổ đau do ngoại cảnh ấy gây nên (86). Vì vậy Niết-Bàn hoàn-toàn không có một ý-nghĩa nào tương-dương với Thiên-Đàng của Công-Giáo. Vì coi rẻ giá-trị vật-chất và xem nó là yếu-tố của đau khổ, nên Phật-Giáo không thể có tham vọng quyền-hành thế-tục. Vì phủ nhận Thượng-Đế và không gợi một ý-tưởng về Thiên Đàng (87), nên Phật-Giáo không phải là đại-diện của Thần-quyền để mở rộng Thiên quốc.

Theo tĩ Khuư Danglu (tức Thượng Tọa Nhất Hạnh ?)
"đứng về phương-diện tổ-chức Giáo-Hội, Phật-tử Việt-Nam
phải cương-quyết từ khước ý-niệm liên-kết giáo-quyền với

(84) The World Almanach and book of facts, 1968, Centennial edition, trang 174 và kế tiếp, The News, New-York's picture newspaper.

(85) Moos, Felix : Bài đã dẫn, trang 136.

(86) Càn, Nguyễn-duy : Sách đã dẫn, trang 221-230; cũng xem Thanh-Tuyên: Nam Tông và Bắc Tông, Bách-Khoa số 177, 15.5.1964, trang 26-27.

(87) Tri-Quang, Thích : Tâm Ảnh Lục, tập I, trang 19-20.

chính-quyền, bất cứ một chính-quyền nào. Hãy từ khước việc biến tổ-chức Giáo-Hội thành một đảng-phái chánh-trị, dù áp-lực đòi hỏi có nặng đến bao nhiêu đi nữa. Đi con đường đó là đưa danh-dự và bản-chất Đạo Phật đến chỗ chết. Quần-chúng Phật-Giáo Việt-Nam được xem như đất màu hiền lành và thuần hậu. Người nông-dân nào canh-tác đúng phép thì đất sẽ giúp cho người đó gặt hái đẹp đẽ. Nhà Chính-trị nào hoặc đường lối chính-trị nào hợp ý dân ý nước thì quần-chúng Phật-tử ủng-hộ, không phân biệt và không kỳ thị. Như đã nói một lần : Đạo Phật có mặt không có nghĩa là giáo-quyền lấn vào thế-quyền. Đạo Phật có mặt là khi giáo-quyền Phật-Giáo được xem như uy-dức tâm linh của chúng ngộ, của tử-bi, của khoan dung. Ta cúi đầu trước mặt vị Thiên Sư không phải vì ta kiêng nể quyền-hành của ông mà vì ta kính mến ông, Đạo Phật thật sự có mặt khi những ông kẻ buôn bán Phật-Giáo không có mặt (88)."

Tất cả những điều đó khiến Đạo Phật không thể là địch thủ của quốc-gia được. Nhưng Giáo-Hội Phật-Giáo lại không phải là chính Đạo Phật, và Giáo-Hội Phật-Giáo hiện đại lại muốn lập một hệ-thống giáo-quyền, mặc dầu đối với Đức Phật Tổ quyền hành chẳng đem lại sự giải-thoát được, vì nó chỉ gây khổ đau do sự giành giựt và đố kỵ. Trong thực tại của Việt-Nam, hiển nhiên là một quyền lực Phật-Giáo đã hiện hữu song hành với quyền lực quốc-gia.

Muốn bảo-vệ sự toàn vẹn và thanh khiết của giáo-lý Phật Đà, thiết tưởng Giáo-Hội phải tự giới-hạn quyền-lực của mình vào lãnh-vực thuần túy tâm linh để đạt cứu cánh Niết-Bàn. Nếu các Tăng-sĩ chưa đạt tới bậc giác ngộ để tự giới-hạn quyền-uy tinh-thần của mình trong phạm-vi tôn-giáo, thì đã có những phương-tiện khác giúp họ làm việc này : đó chính là những giới-hạn do luật-pháp của cộng-đồng chánh-trị đặt ra buộc mọi đoàn-thể trung-gian cũng như cá-nhân phải tôn trọng quyền-hành tối cao của Nhà Nước. Với giới-hạn tôn-giáo, Giáo-Hội không thể

(88) Đặng Lu : Đạo Phật ngày mai, trang 105-106. Lá Bối, 1970.

trực-tiếp đứng ra cổ võ cho bất cứ một đường lối chánh-trị nào vì đó là việc của người thế-tục. Giáo-hội lại càng không bao giờ làm công việc "đổi-lập chánh-trị" vì quyền ấy nhất định phải là quyền của chánh đảng trong chế-độ dân-chủ (89). Tất cả những chỉ-trích của một tôn-giáo đối với chánh-phủ không thể gọi là đổi-lập chánh-trị được vì đổi-lập chánh-trị có những đặc tính mà ta sẽ nêu ra khi đề-cập tới ảnh-hưởng chánh-trị của Phật-Giáo.

Vì bản-chất đặc biệt của Đạo Phật, giáo-quyền Phật-Giáo có thể được hành sử bởi cả Tăng-sĩ lẫn Cư-sĩ. Tuy nhiên, nhiệm-vụ và vai-trò Tăng-sĩ vẫn quan-trọng hơn nét, vì họ chính là một trong ba Ngôi Quý (Tam Bảo) mà Phật-tử nương tựa. Nhiệm-vụ của họ được quan-niệm như thế nào ?

PHẦN ĐOẠN II - NHIỆM-VỤ CỦA TĂNG-SĨ PHẬT-GIÁO

Sở dĩ ta phải phân biệt quyền-hành của Giáo-Hội với nhiệm-vụ của Tăng-sĩ, vì Tăng-sĩ không phải là Giáo-Hội và một số Tăng-sĩ lại có tham vọng thực-hiện hoài bão chánh-trị rộng lớn hơn là suy niệm và dẫn dắt tín-dồ trên đường tu học. Do đó, Phật-Giáo Việt-Nam hiện đang ở trong một tình-trạng nan-giải : Giáo-ly Đức Phật cũng như quan-niệm quốc-gia thế-tục không cho phép Tăng-sĩ hoạt-động chánh-trị, nhưng thành-phần Tăng-sĩ thực-sự điều-khiến phong-trào Phật-Giáo lại chính là một số Tăng-sĩ khá mẫn cán về chánh-trị. Để thoát khỏi tình-trạng nan giải này, thiết tưởng những người có trách-nhiệm của Giáo-Hội nên minh-định rõ nhiệm-vụ chánh yếu xuất thế, cùng năng quyền lựa chọn tư-cách hoàn-toàn công-dân của Tăng-sĩ nếu họ muốn làm chánh-trị.

Mục I - Nhiệm-vụ thuần-túy tôn-giáo của Tăng-sĩ

Ta phải quan-niệm nhiệm-vụ thuần-túy tôn-giáo của Tăng-sĩ ra sao ? Quan-niệm ấy có phải là một quan-niệm tiến bộ không ?

(89) Bông, Nguyễn-văn : Luật Hiến-Pháp và Chánh-trị Học, trang 216, in lần thứ hai, Saigon, 1969.

A - Quan-niệm về nhiệm-vụ thuần túy tôn-giáo của Tăng-sĩ.

1. Trước hết, nguyên-tắc phân-lập Quốc-gia và Giáo-Hội đương-nhiên gạt bỏ những hoạt-động chánh-trị ra ngoài môi trường hoạt-động của Tăng-sĩ, vì họ có nhiệm vụ cao cả là dẫn dắt tín-đồ trên đường tu học để giác-ngộ và giải thoát. Chính nhiệm-vụ ấy tạo cho họ địa-vị khá kính trọng lúc các giá-trị tinh-thần đang bị đe dọa nghiêm trọng. Với nhiệm-vụ này, họ có khả-năng trở nên thánh-nhân để đoàn-kết mọi người trên căn-bản tâm linh.

2. Thi-hành nhiệm-vụ, họ phải tổ-chức nếp sống của Phật-tử cách nào để cho "tinh-thần Đạo Phật được thấm nhuần và lưu lộ trong những sinh-hoạt thường nhật" (90). "Mục-dịch sinh-hoạt tôn-giáo mà họ theo đuổi phải là nuôi dưỡng tình cảm từ-bi, phát triển trí huệ, phá chấp và bồi đắp ý-chí phụng-sự (91)". Dù họ có chủ-trương đem đạo Phật vào cuộc đời chăng nữa, thì bản chất chánh yếu của Đạo Phật vẫn là xuất thế. Mọi nỗ lực của họ phải hướng về sinh-hoạt tôn-giáo : "Học giáo-lý, học tham thiền, ăn chay, tụng kinh, niệm Phật, sám hối, tham-gia công-tác xã-hội (92)". Tất cả những công việc ấy cần được thực-hiện nghiêm chỉnh đúng với tinh-thần đạo Phật để làm nổi bật tính-cách khiêm cung và cởi mở của nó.

3. Văn-hóa giáo-dục và các hoạt-động xã-hội chánh là những lãnh-vực ưu đãi nhất của Tăng-sĩ. Các công-trình này sẽ góp phần thiết thực vào việc xây dựng quốc-gia và giải-phóng con người khỏi ngu dốt, bệnh tật để tạo điều-kiện giải-thoát. Một khi không khí từ, bi, hỉ, xả tràn ngập mọi nơi vì các hoạt-động tôn-giáo, văn-hóa, xã-hội của Tăng-sĩ, ảnh-hưởng Phật-Giáo tất nhiên phải nổi bật và, do đó, uy-tín của Tăng-sĩ sẽ trở thành sức mạnh chánh-trị đáng kể.

(90) và (91) Nhất-Hạnh, Thích : Sách đã dẫn III, trang 103.

(92) Nhất-Hạnh, Thích : Sách đã dẫn III, trang 107.

Tóm lại, Tăng-sĩ không được đụng chạm tới quyền-hành thế-tục. Quan-niệm này cũng là quan-niệm chung của các nước tân tiến : Ta chỉ cần dẫn chứng trường-hợp Pháp-quốc.

B - Nhiệm-vụ Tu-sĩ tại Pháp-quốc

Cũng như mọi quốc-gia dân-chủ, Pháp-quốc, do Đạo-luật 1905 và các văn-kiến kế tiếp, đã cấm đoán mọi sự xâm-phạm của Tu-sĩ vào lãnh-vực thế-tục :

a) Điều 34 và 35 của Luật 1905 đã định rằng các vị Cha sở nào lằng nhục hay phí báng tại nơi phụng-tự các nhân-viên công-sở hay kêu gọi sự chống đối những đạo-luật hay những quy-tắc hành-chánh sẽ phải chịu những hình-phạt đặc biệt và bị đưa ra tòa-án Hình-sự.

b) Một vị Cha sở cử-hành hôn lễ theo tôn-giáo trước khi các đương-sự làm giá thú trước mặt viên Xã-Trưởng sẽ bị chế-tài bởi điều 199 Bộ Hình-luật Pháp-quốc...

c) Các Cha sở không được giảng-dạy về tôn-giáo trong các giờ học (93).

Vì nhiệm-vụ Tu-sĩ bất khả kiêm-nhiệm với nhiệm-vụ chánh-trị, tất cả các quốc-gia thế-tục đều cấm đoán Tu-sĩ hoạt-động chánh-trị. Thiết tưởng Việt-Nam cũng phải theo nguyên-tắc đó.

Mục II - Tăng-sĩ không hoạt-động chánh-trị

A - Nguyên-tắc chung

Tăng-sĩ không được hoạt-động chánh-trị, tức là không tham-gia chánh-đảng, không trực tiếp đứng ra cổ võ cho một lập-trường, một chủ-trương chánh-trị nào, không sử-dụng quyền tham chánh, tuy họ vẫn có quyền đi

(93) Burdeau, Georges : Les libertés publiques, trang 296, Paris, 1961.

bầu người đại-diện vào các chức-vụ dân cử. Như vậy tư-cách Tu-sĩ đã hạn-chế của họ mất một số quyền công-dân. Nếu muốn hành xử đầy đủ các quyền chánh-trị, họ chỉ có cách từ bỏ đời sống tu-sĩ để trở về vị-trí một công-dân thường. Ngay với tư-cách Tu-sĩ, trước pháp-luật họ cũng vẫn được coi như mọi công-dân khác. Tại sao Tu-sĩ lại không được hoạt-dộng chánh-trị ? Sự cảm-doán này có biệt lệ nào không ?

B - Lý-do của nguyên-tắc

Có rất nhiều lý-do biện-minh cho việc cấm đoán Tu-sĩ hoạt-dộng chánh-trị :

1. Về phương-diện pháp-lý, tính-cách thế-tục của quốc-gia đã bao hàm sự loại trừ chánh-trị ra khỏi tôn-giáo.

Nhà Lập-Hiến 1967 đã tỏ ra e ngại và chống đối rõ rệt việc Tu-sĩ hoạt-dộng chánh-trị. Vì kinh-nghiệm của những năm xáo trộn chánh-trị một phần vì tôn-giáo, sự chống đối ấy khá mạnh. Dân-biểu thuyết-trình viên Nguyễn-minh-Đang đề-nghị một khoản 4 của điều 9 dự-thảo Hiến-Pháp như sau :

"Các Tu-sĩ không được hành xử quyền chánh-trị. Không ai được hoạt-dộng chánh-trị tại các trụ-sở tôn-giáo..."

Các dân-biểu đã tranh-luận rất sôi nổi và lâu nhứt về khoản này. Nhưng có lẽ vì không-khí chánh-trị hồi đó vẫn còn bị ảnh-hưởng mạnh-mẽ bởi tôn-giáo, nên điều-khoản đề-nghị ấy, tuy được sửa lại nhẹ nhàng và hợp lý hơn, đã bị gạt bỏ bằng hai vòng biểu-quyết rất gay go (94).

2. Về phương-diện tôn-giáo, nền-tảng của sự cảm-doán này nằm ngay trong giáo-lý Đức Phật. Trong

(94) Công-Báo Việt-Nam Cộng-Hòa số 9, ấn-báo Quốc-Hội, 24.4.1967, trang 948-978.

kinh Mahàparinibànasutta, Đức Phật đã dạy Tăng-sĩ không nên dính líu vào các vấn-đề chánh-trị (95). Trong bài đã dẫn ở trên, Thượng Tọa Sangharakshita cũng nhìn nhận sự cấm đoán ấy. Khi bàn về "Tu-sĩ và hoạt-động chánh-trị", Ngài đã viết :

"Theo tinh-thần của Dhammapada, 75 : "Có một con đường đưa tới sự thụ hưởng thế-tục và một con đường khác đưa tới Niết-Bàn. Tu-sĩ, kẻ theo Phật, không nên khoe khát danh vọng ở đời, mà trái lại phải từ bỏ tham ái. Để thể-hiện tinh-thần này, Tu-sĩ không nên tham-gia hoặc ủng-hộ hoặc đề-cử bỏ phiếu cho bất cứ một tổ-chức chánh-trị nào. Tu-sĩ không nên tham-gia những buổi hội-họp công cộng có tánh-cách chánh-trị hoặc có tánh-cách bán chánh-trị. Đối với Tu-sĩ nào mà đời sống công-dân quan trọng hơn đời sống Tu-sĩ thì Tu-sĩ ấy có thể cởi áo để sống như một công-dân".

Thượng Tọa Sangharashita kết luận :

"Người ta không thể thu-đạt đồng lúc sự giác ngộ và sự tuyến-cử."

Trên phương-diện lý-thuyết, tinh-thần phi chánh trị vừa nêu trên đã được các Tăng-sĩ và Cư-sĩ uy-tín của Phật-Giáo Việt-Nam chấp nhận. Thượng Tọa Minh-Châu trong bài "Đức Phật với vấn-đề chánh-trị", đã căn-cứ vào lời Phật dạy để xác định :

"... Đối trị là trách nhiệm của Cư-sĩ và dân-chúng. Người tu-hành không thể đứng thế đứng của đảng-phái, chủ-nghĩa mà hô-hào hăm hại đối phương, đầu dưới chiêu-bài bảo-vệ Đạo-Pháp và Dân-tộc. Thái-độ ấy không phải là thái-độ thờ ơ khi Đạo-Pháp suy vong và quốc-gia lâm nạn ! Còn có một trăm cách tích cực, hợp với lòng từ,

(95) Minh-Châu, Thích : Đức Phật với vấn-đề chánh-trị, tạp-chí Tu-Tương, số 3 bộ mới, trang 159-165. Cũng xem : Vijayavardhana : The revolt in the Temple, trang 576, Sinha publication, Colombo, 1953.

xúng với vị-trí xuất thế để chấn-hưng Đạo-Pháp và bảo-vệ quốc-gia, như hồng pháp lợi sanh, giáo-dục, cứu-tế xã-hội. Nhưng đã khoác chiếc áo cà sa, xuất gia hành-đạo, chúng ta phải giữ địa-vị xuất thế vô cầu (96)."

Chính Thượng Tọa Trí-Quang, lãnh-tụ số một của Phật-Giáo tranh đấu, cũng cải chính dư-luận cho rằng Tăng-sĩ làm chánh-trị. Trong lời mở đầu cuốn "Tâm Ảnh Lục", tập 4, xuất bản năm 1964, Ngài viết : "Gần đây có người nói Tăng-sĩ muốn làm chánh-trị. Điều đó thực là vô căn-cú, nhưng khoan nói, chỉ nói rằng lời nói trên đây chỉ xuất từ thiện cảm hoặc ác cảm mà thôi, không có tính cách thích trung. Nhưng tôi thì tôi nghĩ rằng Tăng-sĩ phải đứng nơi cương-vị Phật-Giáo để phục-vụ cho dân-tộc và tín-ngưỡng của dân-tộc. Tăng-sĩ không thể là con người chỉ có tính-cách thời đại, cục bộ, chỉ nhìn những ích-lợi thiên cận... (97)".

Đáp lời phỏng vấn của Tuần-báo Tinh-Hoa về việc bắt giữ Thượng Tọa Thiện-Minh, Ngài còn minh định :

"Đạo là đạo, chính-trị là chính-trị. Hai môi trường không thể đồng-hóa được con người mang áo cà sa và con người chính khách (98)."

Mặc dầu thực tế có nhiều khi trái ngược với lý-thuyết, những lời khẳng định trên đây cũng có thể được dùng làm căn-bản cho việc phân-biệt chánh-trị và tôn-giáo trong hoàn-cảnh Việt-Nam.

Ngoài ra, Cư-sĩ Mai-thọ-Truyền cũng khẳng định với một xác tín mãnh liệt rằng Phật-Giáo không thể hoạt-động chánh-trị được. Trả lời cuộc phỏng vấn của chúng tôi ngày 21.5.1969, Cư-sĩ cho biết chính ông đã phản đối mọi việc đem Đạo Phật vào chánh-trị, phản-đối việc lập

(96) Bài đã dẫn, tập san Tư-Tướng số 3 bộ mới, trang 165.

(97) Tâm Ảnh Lục, tập 4, trang 10.

(98) Tuần-báo Tinh-Hoa số II, từ 23 tới 30.3.1969, trang 24-25.

đảng Phật-Giáo. Theo ông, chỉ có người công-dân làm chánh trị, chứ không phải người Phật-tử làm chánh-trị. Ông cũng cho rằng Phật-Giáo bị chia rẽ chỉ vì chánh-trị, ông chỉ đến với Ấn-Quang và Quốc-Tự nếu cả hai bên sửa đổi lại "tất cả cho Đạo-Pháp, vì Đạo-Pháp mà thôi".

Được hỏi về khuynh-hướng đồng-hóa Dân-tộc và Đạo-Pháp, ông nhận định rằng "Phật-Giáo là Quốc-gia" là quan-niệm không thể chấp nhận được vì như thế là chấp ngã. Theo ông, việc chánh-trị-hóa Phật-Giáo ngoài tham-vọng cá-nhân còn có lý-do "ban-năng tự-vệ", vì người ta nghi ngờ Công-Giáo có kế-hoạch nếu không triệt thì cũng làm suy giảm Đạo Phật. Văn theo ông, một số vị Sư sau khi nhà Ngô bị lật đổ tự cho là mình có sau lưng một thực lực quần-chúng ghê gớm, và đã bất chấp cả giáo-lý. Trả lời cuộc phỏng vấn của nhật-báo Cấp-Tiến nhân dịp Phật-Đản 2513, ông cũng cho biết :

"Khối Phật-tử Việt-Nam nói chung cho Nguyên-Thủy và Đại-Thừa, là một lực-lượng to. Nhưng nó chỉ to và mạnh trong lãnh-vực thuần túy tôn-giáo, hoặc giả trong địa-hạt từ-thiện xã-hội. Đem rừng Phật-tử này sang trồng trên đất chánh-trị, rừng sẽ cỗi vì lẽ cây Phật-tử không hợp thủy thổ chánh-trị."

Ông nhận định tiếp :

"Tôi biết có nhiều người viện-dẫn những gương Đại Sư tham chánh dưới các triều Lý, Trần. Xin nhớ rằng đó là việc làm của một vài cá-nhân xuất sắc của Phật-Giáo, chứ không phải của toàn khối Phật-Giáo. Hai tiếng "sĩ khí" thường nghe nói đến trong lịch-sử kháng địch bảo quốc của nước nhà, luôn luôn là để tặng cho những anh hùng cứu quốc xuất thân từ cửa Không sân Trình (99)."

Ngoài lý do căn-bản của tôn-giáo, người ta còn có rất nhiều lý-do chánh-trị để loại trừ chánh-trị ra khỏi hoạt-động của Tăng-sĩ.

(99) Nhật-báo Cấp-Tiến, ngày 30.5.1969.

3. Về phương-diện chánh-trị, sở dĩ Tăng-sĩ không nên và không được hoạt-dộng chánh-trị vì :

- Một là kinh-nghiệm lịch-sử cho biết khi tình-cảm tôn-giáo nhảy vào chánh-trị, thì lý-trí sẽ bị lấn át và con người tôn-giáo trở thành quá khích để cho hậu quả thảm khốc dễ xảy ra vì việc bảo vệ đức tin.

Bằng chứng thứ nhất là khi quân-dội La-Mã bao vây để tiêu-diệt thành Jérusalem, thì dân Do-Thái ở trong thành lo diệt nhau hơn là chống lại Tướng Titus.

Bằng chứng thứ hai là khi quân-dội Thổ tấn-công thành Constantinople, thì Giáo-dân phân chia làm hai phái Thần-học, và lo đánh bại đối thủ hơn là tiêu diệt ngoại xâm (100).

Bằng chứng thứ ba gần đây nhất là cuộc phân tranh Ấn-Hồi vì dị biệt tôn-giáo.

Bằng chứng mới nhất là thảm-kịch Lương-Giáo tại nước ta năm 1964.

Vấn đưng về phương-diện lịch-sử, nếu Tăng-sĩ làm chánh-trị trực-tiếp tức là đi ngược lại trào lưu tiến-hóa của nhân-loại, vì khi ấy Tăng-sĩ sẽ giống các Tu-sĩ Công-Giáo La-Mã thời Trung-Cổ tại Âu-Châu, ở đó Tăng-lữ vừa là "đấng chặn chiến", vừa là "đấng bảo-vệ thành". Nhiệm-vụ "chặn chiến" tương đương với sứ-mạng "bảo-vệ Đạo-Pháp"; việc "bảo-vệ thành" giống như việc "bảo-vệ Dân-tộc".

- Hai là những đoàn-thể chánh-trị do tôn-giáo trực-tiếp lãnh-dạo sẽ gây nhiều điều bất lợi. Thật vậy, tôn-giáo "không đủ lý-do thúc đẩy tín-dồ tham gia đấu tranh và cách-mạng", đoàn-thể sẽ "mau tan rã vì

(100) Từ Chung : "Nhân Lễ Phật-Đản 2508, bàn về Cách-mệnh tôn-giáo và dân-chủ", Chính-Luận, 26.5.1964.

thiếu cán-bộ để huấn-luyện quần-chúng (101)". Một mặt hoạt-động chánh-trị phải được biện-minh bằng lý-do chánh-trị trong khi Tu-sĩ chỉ nắm giữ được một khí-giói mạnh nhất là tình-cảm tôn-giáo. Mặt khác, nếu mình nhiên dùng tình-cảm tôn-giáo phục-vụ mục-tiêu chánh-trị, tín-đồ hiểu biết sẽ xa lánh tu-sĩ vì nghi kỵ và bất tín nhiệm.

Ngay cả trong trường hợp khai thác được tình-cảm tôn-giáo, Tu-sĩ vẫn bất lực trong lãnh-vực chánh-trị và dễ thất bại vì nhiều nguyên-do.

Trước hết, hoạt-động chánh-trị của Tu-sĩ đặt họ ngang hàng với mọi lực-lượng thế-tục và đưa họ vào cuộc tranh-đấu đầy thủ-đoạn gian manh mà quyền lực phải là mục-tiêu thiết-yếu.

Thứ đến, trong cuộc tranh giành ấy, trong trường-kỳ chánh khách Tu-sĩ khó có thể đương đầu nổi với chánh khách thế-tục, vì Tu-sĩ đi ngược lại nhiệm-vụ xuất thế của mình, sẽ bị lúng túng trong việc biện-minh cho hành-vi chánh-trị. Sự lúng túng ấy trở thành bất lực khi Tu-sĩ không đủ phương tiện, thủ-đoạn, sự liêu lĩnh và tính-cách chánh đáng để quyết "ăn thua đủ" trong cuộc tương-tranh chánh-trị.

Trong mọi trường hợp, hoạt-động chánh trị của Tu-sĩ đều có hậu quả làm tâm thương tôn-giáo, vì tôn-giáo vốn có tính-cách siêu việt, vượt khỏi và cao cả hơn những giá-trị và quyền-lực thế tục. Có lẽ vì vậy mà trong những năm gần đây, một số Tu-sĩ đã thực sự hoạt-động chánh-trị nhưng vẫn phủ-nhận tính-cách chánh-trị của mọi hành-vi của họ. Hậu quả tất nhiên là họ đã bị mất mát nhiều uy-tín.

- Ba là vì bản năng tự-vệ, một tôn-giáo hoạt-động chánh-trị sẽ gây phản ứng dây chuyền sang các

(101) Chiến Hạc : Hai hình-thức lãnh-đạo đoàn-thể, Nội-san Tân Đại Việt, 7/1965, trang 39-42.

tôn-giáo khác, và các tôn-giáo sẽ có ảo tưởng bị đe dọa. Bằng chứng là một số tu-sĩ của mỗi bên Công-Giáo và Phật-Giáo trong những năm xáo trộn vừa qua đều biểu lộ ý chí "đoàn kết để tự vệ". Phản ứng tự-vệ ấy có thể được nhận thấy tại Việt-Nam ngay cả trong thời kỳ ổn-định.

Thật vậy, những hoạt-động tôn vinh cổ Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm như một chiến sĩ quốc-gia yêu nước nhân ngày giỗ lần thứ sáu của Ông đã làm cho một số Phật-tử đấu tranh hạ bệ Ông năm 1963 phải bực bội. Họ càng bực bội hơn khi sự tôn vinh ấy được họ coi như sức bồi sinh của quyền lực Đệ I Cộng-Hòa và do những người đồng đạo và đồng chí của vị cố nguyên thủ quốc-gia thực hiện. Sự bực bội ấy đã biến thành ý chí tự vệ rõ rệt khi điểm 6 về chánh-sách đối ngoại trong bản tuyên-cáo long trọng ngày 1.12.1969 của Giáo-Hội Ấn-Quang công bố nhân dịp Đại Hội Cư Sĩ kỳ I đã minh định :

"Giáo-Hội phản đối mọi âm mưu phục hồi các tổ chức có thế lực, có chủ-trương và thành tích tiêu diệt Phật-Giáo và dân chúng, và dùng đòn Phật-Giáo vào thế phải tự vệ" (102).

Người ta phỏng đoán những "tổ-chức" này ám chỉ tập thể vẫn bị gọi là "bọn cần lao ác ôn" hay nói rõ hơn, là những người mà đại đa số là Công Giáo đã phục vụ đắc lực chế độ Đệ I Cộng-Hòa.

Ý định tự-vệ của Ấn-Quang lại càng mạnh mẽ hơn với văn thư ngày 6.12.1969 - sau bản tuyên-cáo một tuần lễ - của Thượng-Tọa Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo gửi Tổng-Trưởng Nội-Vụ nhằm đặt vấn-đề với chánh quyền về việc "Phật-Giáo vẫn bị chèn ép ở nhiều nơi". Văn thư này nhận định rằng :

"Chính quyền vẫn giữ chính-sách cố hữu chèn ép Phật-Giáo dưới mọi hình thức, trong ấy có sự lợi dụng quyền thế và tiếp tay của các tổ-chức có thành tích

(102) Chánh-Đạo, 3.12.1969.

đàn áp Phật-Giáo vừa mới công khai phục sinh".

Sau đó văn-thư nhấn mạnh :

"Trước tình trạng bất công, đàn áp, kỳ thị trên, Giáo-Hội chúng tôi cảm thấy như chúng tôi đang sống lại trong các năm 1954 - 1963 trước đây (103)."

Văn-thư trên đây làm người ta liên tưởng tới những lời của Thượng-Tọa Trí-Quang năm 1964 tố-cáo chánh-quyền Cách-Mạng vẫn tiếp tục đàn áp Phật-Giáo. Trả lời thư phỏng vấn của Nhật Báo Dân-Chủ ngày 7.5.1964, Ngài xác nhận : "Phật-Giáo do có cảm tưởng chánh sách khủng bố Phật-Giáo vẫn tiếp tục" (104). Sau lời tố cáo đó, cuộc xung đột bạo động giữa Phật-tử và Công-giáo-dân đã xảy ra, rồi trở nên khốc liệt nhất vào ngày 27.8.1964. Trong bài "27.8.1964, ngày lịch sử", Ngài đã viết: "nguyên nhân cuộc vận động mới của Phật-Giáo là sự trả thù công khai, một sự trả thù lợi dụng tình trạng chiến tranh mà hành động, của những kẻ đã và vẫn còn thừa hưởng ân huệ của gia-đình Ngô-đình-Diệm" (105).

- Bón là, nếu hoạt động chánh-trị, tu-sĩ sẽ bị lợi dụng và sự lợi dụng chỉ có hại cho tôn-giáo. Thật vậy, hoạt-dộng chánh-trị đòi hỏi những chiến thuật giai đoạn : nay liên minh để lợi dụng lẫn nhau, mai có thể thành ra thù nghịch vì quyền lợi hai bên không còn đồng nhất nữa. Tình trạng chánh-trị lợi dụng tôn-giáo như vậy đã gây nhiều hậu quả tai hại trong những năm gần đây tại Việt-Nam cũng như từ xưa tới nay tại nhiều nơi trên thế giới.

Trong hoàn cảnh chiến tranh toàn diện tại Việt-Nam, sự lợi dụng ấy lại càng nguy hiểm. Thật vậy, trước kỹ thuật tinh vi về xâm nhập và nội tuyến

(103) Chánh-Đạo, 7.12.1969.

(104) Trí-Quang, Thích : Tâm Ảnh Lục, tập 4, trang 52-58.

(105) Trí-Quang, Thích : Tâm Ảnh Lục, tập 4, trang 101-108.

của Cộng-Sản, tu-sĩ chánh-trị, dù có lập-trường quốc-gia, làm thế nào phân biệt được đâu là bạn, đâu là đối phương? Sự xâm nhập ấy, có thể ngoài sự am tường của tu-sĩ, lại gây mối nghi kỵ đối với chánh-quyền và các lực-lượng chống Cộng. Nữ sĩ Suzanne Labin đã cho biết sự xâm nhập này xảy ra trong khắp mọi Giáo-Hội tại các quốc-gia chậm tiến, từ Giáo-Hội Công-Giáo Nam Mỹ, Phi-Châu, đến các Giáo-Hội Hồi-Giáo, Phật-Giáo v.v... tại Á-Châu (106).

- Năm là, nếu tu-sĩ hoạt-động chánh-trị căn cứ vào tín-ngưỡng của mình, thì trong trường hợp thành công, họ dễ đi đến chỗ độc tài chuyên chế. Thật vậy, trong một chế-độ còn chút ít biết tôn-trọng giá trị tinh-thần và nhân-phẩm, kẻ thế tục chủ-trương độc tài cá nhân hay đảng trị hay gia đình trị còn có thể e ngại sự kiểm soát và phán xét của lương tâm tôn-giáo, nghĩa là những nguyên-tắc luân lý và tôn-giáo còn có cơ-hội soi đường cho họ. Trái lại, khi theo tôn-giáo-trị, thì người ta không còn bị kiểm soát và phán xét bởi một uy quyền siêu việt nào nữa, người ta có thể nhân danh tôn-giáo để làm những tội ác mà vẫn tự cho là mình phụng sự tôn-giáo (107).

Lịch sử các cuộc thánh chiến Âu-Châu chứng tỏ rằng khi người ta nhân danh thần thánh để giết đối phương, thì người ta tin chắc hai điều. Một là có thần linh phù trợ và, do đó, thế nào cũng giết được đối phương. Hai là lỡ ra mình có bị đối phương giết chết thì mình cũng được phúc "tử đạo".

- Sáu là trái lại khi tôn-giáo đứng ra ngoài chánh-trị thì có thể lấy sự thanh-bình và minh-chánh của tôn-giáo để soi sáng lương tâm con người

(106) Labin, Suzanne : Le tiers monde entre l'Est et l'Ouest, vivre en dollars, voter en roubles, trang 76-86. Collection "L'ordre du jour", Edition de la Table Ronde, 1964.

(107) Thành, Lê-quý : Tôn-giáo và chánh-trị. Bách-Khoa số 178, 1.6.1964, trang 21 và kế tiếp.

chánh-trị. Hơn nữa, khi chánh-trị độc-lập với tôn-giáo, Nhà Nước mới có đủ tự do để từ chối những yêu sách không hợp lý của tôn-giáo (108).

- Bấy là nếu lợi dụng tôn-giáo để chống Cộng-Sản, thì vấn-đề vẫn chưa giải-quyết tận gốc rễ được vì mầm mống Cộng-Sản phát sinh từ những bất công, thối-nát, nghèo đói, dốt nát và bệnh tật. Do đó phương-pháp hữu hiệu để ngăn chặn nó là phải trị bệnh tận gốc, tức là phải thực-hiện cách-mạng xã-hội để đem lại công bằng, ấm no, thịnh-vượng và tự-do cho mọi người.

Hơn nữa, chống Cộng bằng tôn-giáo cũng không phải là đường lối dân-chủ vì cách chống đối ấy được thúc đẩy do bản chất phản tôn-giáo của chủ-nghĩa Mác-Xít, trong khi sự chống Cộng dân-chủ nhằm chống lại những tư-tưởng độc tài. Phản ứng chống Cộng nơi người dân-chủ hiện ra như một khía cạnh chống đối tất cả hệ-thống cai-trị độc tài, không cần để ý tới bản chất của điều khoản tham chiếu mà hệ thống ấy nêu lên để tự biện minh (109).

Tất cả những lý-do pháp-lý, tôn-giáo và chánh-trị kể trên chứng tỏ rằng chủ-trương không để Tăng-sĩ hoạt-động chánh-trị rất hợp-lý và lợi ích cho cả tôn-giáo lẫn quốc-gia. Tuy-nhiên, chủ trương ấy cũng phải chấp nhận một vài ngoại lệ, được biện minh bởi những hoàn cảnh đặc biệt.

C - Ngoại-lệ của nguyên-tắc

Nguyên-tắc "Tăng-sĩ không được hoạt-động chánh-trị" phải chấp nhận hai ngoại-lệ vì quyền-lợi tối thượng của quốc-gia hay sự sống còn của tôn-giáo.

(108) Thành, Lê-quý : Bài đã dẫn, trang 25.

(109) Thiết, Phan-văn : sách đã dẫn, trang 60.

Về tính-cách thế-tục của quốc-gia, xem bài của J. Viailoutoux đăng trong tạp-chí Esprit, tháng 3 và 4 năm 1949.

1. Quyền-lợi tối thượng của quốc-gia.

Đọc lịch-sử Việt-Nam, ta thấy trong hoàn-cảnh chánh-trị bế tắc, các lực-lượng kháng chiến chống ngoại xâm đã phải dựa vào tôn-giáo để quy-tụ quần-chúng và lẫn tránh sự lùng bắt của đối-phương. Khi đó Tăng-sĩ Phật-Giáo Việt-Nam cũng như đồng-nghiệp của họ tại Miến-Điện, Tích-Lan hay các Tu-sĩ Hồi-Giáo tại Nam-Dương đã trực-tiếp tham-gia phong-trào giải-phóng quốc-gia. Vì vậy chủ-nghĩa Quốc-Gia đã liên-hệ mật thiết với tôn-giáo tại những nơi vừa kể (110).

Tại nước ta Nho-sĩ và Tăng-sĩ đã là lực lượng yểm-trợ căn-bản cho phong-trào Cần Vương chống Pháp từ năm 1885 đến 1898. "Giặc Thầy Chùa" Võ-Trứ ở Phú-Yên, Nghĩa-Đang của Tăng-sĩ Vương-quốc-Chính ở Chương-Mỹ, và các tổ-chức kháng chiến chống Pháp ở miền Nam như Nghĩa-Hòa, Thiên-Địa-Hội, Nhơn-Hòa-Đường, v.v... đều là các phong-trào yêu nước do Tăng-sĩ khởi xướng và lãnh-đạo (111). Người ta còn kể hình-ảnh một Sư Trạch và một số Tăng-sĩ khác hiện có mặt trong Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam : họ đã từng hoạt-động trong các đảng cách-mạng như Việt-Nam Quốc-Dân Đảng hay Đại-Việt để mưu-đồ khôi phục nền độc-lập cho nước nhà (112).

2. Sự sống còn của tôn-giáo.

Ngoài lẽ sống còn của đất nước, sự sống còn của tôn-giáo cũng là động-cơ mạnh mẽ và lý-do chính đáng để các Tăng-sĩ hoạt-động chánh-trị. Tại nước ta trong mấy chục năm gần đây, một vài tôn-giáo đã ở vào vị-thế bó buộc phải đấu tranh chánh-trị. Công-Giáo đã chống Việt-Minh Cộng-Sản từ năm 1946 tới 1954 tại miền Bắc và đã lập cả những khu tự-trị tại Bùi-Chu, Phát-Diệm và

(110) Mehden, Von der : Sách đã dẫn. I.

(111) Nhất-Hạnh, Thích : Sách đã dẫn II, trang 62-70.

(112) Hoài, Cao-xuân : "Phật-Giáo Việt-Nam : Thực-chất và tổ-chức",
Quần-Chúng số 12 (5.6.1969), trang 50.

miền Duyên-hải Thái-Bình, trong đó giáo-quyền kiêm nhiệm cả chánh quyền để bảo-vệ đức-tin chống lại chủ-nghĩa vô thần.

Riêng về phía Phật-Giáo, cuộc tranh-dấu do Tăng-sĩ lãnh-đạo năm 1963 được biện-minh bởi cả hai lý-do như đã trình-bày trong phần đầu Luận án : những vụ đối xử bất công với Phật-Giáo-đồ khiến giới lãnh-đạo Phật-Giáo lo sợ cho sự sống còn của Đạo-Pháp, và Phật-Giáo hiện ra như một lối thoát duy-nhất, trong tình-trạng bế tắc hết mọi đường lối đấu tranh, cho các lực-lượng chống-đối chế-độ đương thời.

Ngoài hai ngoại lệ trên, mọi sự can-thiệp trực tiếp của tôn-giáo vào chánh-trị, như ta đã biết, đều có hậu quả tai hại. Vì tôn-giáo phải được tách rời chánh-trị nên người ta cũng phải phân biệt Dân-Tộc với Đạo-Pháp trong đời sống chánh-trị.

ĐOẠN II - PHÂN-BIỆT DÂN-TỘC VỚI ĐẠO-PHÁP

Một sự đồng-hóa Dân-Tộc với Đạo-Pháp, dù được thúc đẩy bởi động-cơ yêu nước mến đạo và không có tham-vọng quyền-hành chằng nữa, cũng có thể gây nên ngộ nhân đối với các cộng-đồng tôn-giáo khác về ý định muốn biến Phật-Giáo thành quốc-giáo, hay ít ra nó cũng biểu-lộ một sự làm lẫn tôn-giáo với chánh-trị, vì quốc-gia thế-tục phải độc-lập đối với mọi tôn-giáo. Vì đây là vấn-đề khá tế-nhị, nên kẻ viết Luận án phải cố giữ thái-độ vô tư bằng cách trước hết định nghĩa các danh từ "Dân-Tộc" và "Đạo-Pháp", rồi giải thích sự liên-hệ giữa hai thực-thể ấy, và sau hết, trình-bày lý-do phân-biệt chúng.

PHẦN ĐOẠN I - ĐỊNH-NHĨA DÂN-TỘC VÀ ĐẠO-PHÁP

A - Dân-Tộc : Nhận xét đầu tiên là người ta thường dùng lẫn lộn danh từ "Dân-Tộc" với danh từ "Quốc-Gia", và danh từ "Quốc-Gia" với danh từ "Chánh-quyền".

Thực ra, Dân-Tộc không đồng nghĩa với Quốc-gia. Danh từ Dân-Tộc ám chỉ một đoàn-thể đông đúc bao gồm một

số người chung sống với nhau trong một tình đoàn kết chặt chẽ xuyên qua những sự-khiến thực tế mà chúng ta thường thấy ở đa số các quốc-gia : một chủng-tộc, một tôn-giáo, một ngôn-ngữ.

Song song với khía-cạnh có thể coi là vật-chất của danh từ dân-tộc, ta cần ý-thức khía cạnh tinh-thần : danh từ dân-tộc cho ta ý niệm về một số người có chung một dĩ vãng, nghĩa là đã cùng có một lý-tưởng và một ý chí muốn sống chung, một cách sống riêng biệt (113).

Còn danh-từ Quốc-Gia dùng để chỉ một xã-hội chánh-trị hiện nay được coi là hoàn bị nhất và gồm có ba thành tố : một dân-tộc, một lãnh-thổ và một chánh-thế.

Như vậy, Dân-Tộc chỉ là một trong ba thành-tố Quốc-Gia.

Theo một nghĩa thông thường, danh từ Quốc-Gia còn dùng để chỉ Nhà Nước, tức là bộ máy chánh-quyền.

Theo Jacques Maritain, Quốc-Gia theo nghĩa thứ nhất được gọi là một đoàn-thể hay một xã-hội chánh-trị, còn nghĩa thứ hai ám chỉ một phần của đoàn-thể ấy mà mục tiêu thiết yếu là duy-trì luật-pháp và trật-tự, mưu cầu thịnh-vượng chung và quản-trị những công việc chung. Quốc-Gia theo định nghĩa thứ hai này là một phần chuyên biệt trong lợi ích của toàn thể (114).

Như vậy, dù theo nghĩa nào chăng nữa, danh từ Quốc-Gia cũng bao hàm một ý-niệm về quyền-lực thống-trị. Khi nói về sự liên-hệ giữa Dân-Tộc và Đạo-Pháp, người ta thường hiểu danh từ Dân-Tộc theo nghĩa Quốc-Gia. Đó là sự liên-hệ giữa một xã-hội chánh-trị và một tôn-giáo.

(113) Bông, Nguyễn-văn : Sách đã dẫn II, trang 31-32.

Cũng xem : Snyder, Louis L. : The meaning of nationalism, Rutgers University Press, 1954.

(114) Maritain, Jacques : Sách đã dẫn, trang 9-18.

B - Đạo-Pháp : Đạo-Pháp là danh-từ kép của hai chữ Đạo và Pháp. Ta cần phân tích từng chữ để đi tới một định-nghĩa xác thực của danh-từ Đạo-Pháp.

- Pháp : Chữ Pháp dịch từ Phạn-ngữ Dharma. Chữ này bao gồm ba nghĩa :

- Nghĩa thứ nhất : Pháp chỉ mọi hiện tượng và siêu-hiện-tượng tự chúng giới thiệu với ta chúng là cái gì.

- Nghĩa thứ hai : Pháp có nghĩa là Pháp-Môn, tức là những lời dạy của Đức-Phật. Các nhà Phật-Học thường nói rằng Đạo Phật có 84.000 Pháp-môn bao gồm mọi quan-niệm về nhân sinh và vũ-trụ, từ Pháp-môn tu chứng đến Pháp-môn cải tiến xã-hội (115).

- Nghĩa thứ ba : Nghĩa cao cả nhất của Dharma là Chánh-Pháp. Suy luận đến cùng, Chánh-Pháp lại có nghĩa là Bản-Thể của vũ-trụ, là Phật, là Chân-Như.

- Đạo : Đạo là danh từ của Đông-Phương dùng để chỉ tôn-giáo của Tây-phương, vì hai bên có hai quan-niệm khác nhau về tôn-giáo. Thí-dụ : Đạo Khổng, Đạo Lão, Đạo Thiên-Chúa, tức là Khổng-giáo, Lão-giáo, và Thiên-Chúa Giáo.

Như vậy, chữ Pháp phải được hiểu theo nghĩa thứ hai kể trên khi nó được ghép với chữ Đạo. Cả danh từ ghép Đạo-Pháp được đặt ra sau này để chỉ MỘT CÔNG-ĐỒNG PHẬT-GIÁO SINH-HOẠT theo lời DAY CỦA ĐỨC PHẬT.

Đó là lối định nghĩa của Đại Đức Giác-Dức, một Tăng-sĩ trí-thức Việt-Nam. Còn người thường vẫn hiểu Đạo-Pháp tức là ĐẠO-PHẬT hay Phật-Giáo. Chính lối định nghĩa bác-học trên đây giúp ta xác định một cách dễ dàng mối liên-hệ giữa Phật-Giáo và Quoc-Gia.

PHẦN ĐOẠN II - LIÊN-HỆ GIỮA DÂN-TỘC VÀ ĐẠO-PHÁP

Không ai có thể phủ nhận được mối liên-hệ sâu xa giữa Phật-Giáo và Quốc-Gia. Mối liên-hệ ấy biểu-lộ qua sự đóng góp của Phật-Giáo vào việc xây dựng Quốc-Gia và dân-tộc tính của Đạo Phật mà ta đã phân-tích trong Phần I Luận Án này (116). Đó là khía cạnh chủ-quan của mối liên-hệ, vì bản chất của Đạo Phật khiến nó thích-ứng được ngay với các điều-kiện xã-hội, địa -du và lịch-sử của địa-phương mà nó du nhập. Do mối liên-hệ ấy, Đạo Phật đã thăng trầm cùng với Quốc-Gia.

Như vậy, nếu hiểu Đạo-Pháp là cộng-đồng Phật-Giáo thì sự liên-hệ giữa Đạo-Pháp và Dân-Tộc lại càng sâu xa hơn vì trong thời-kỳ Phật-Giáo độc thịnh đồng thời cũng là giai-đoạn huy hoàng của Dân-Tộc, có thể nói rằng tất cả mọi người Việt-Nam, kể cả tín-đồ Không-giáo và Lão-giáo, đều có tín-ngưỡng Phật-Giáo. Trong giai-đoạn ấy, quả thực Dân-Tộc và Đạo-Pháp là một.

Nhưng từ thế-kỷ thứ XVI với sự du nhập các tôn giáo Tây-phương và về sau này với sự xuất hiện các tôn-giáo địa-phương, Đạo-Pháp và Dân-Tộc đã dần dần được phân biệt theo hai ý-nghĩa.

Trước hết, cộng-đồng Phật-Giáo Việt-Nam không còn bao gồm hết thấy được mọi người dân Việt nữa ; bên cạnh Phật-tử người ta còn thấy tín-đồ các đạo Công-Giáo, Tin Lành, Ba Hai, Cao-Đài, Hòa-Hảo, v.v... Thứ đến, kể từ cuối thế-kỷ thứ XV, Phật-Giáo đã mất địa-vị một quốc giáo và dần dần bị các tôn-giáo khác dành dặt tín-đồ.

Ngoài khía cạnh chủ-quan nêu trên, sự liên-hệ giữa Đạo-Pháp và dân-tộc còn biểu hiện qua khía-cạnh khách quan : đó là sự lệ-thuộc của Phật-Giáo vào quyền lực nhà nước. Trong tất cả quốc-gia Á-Châu, sự phát-triển của Đạo Phật đều lệ-thuộc vào lòng ưu đãi của

(116) Xem trang 59-64 Luận án này.

vương-quyền. Không có tổ-chức hành-chánh, không có hệ-thống giáo-quyền, không có pháp-đình riêng biệt như Giáo Hội Công-Giáo La-Mã, các Tăng-sĩ Phật-Giáo ngày xưa đã nhờ chính-quyền giúp đỡ việc truyền giáo. Quốc-vương là người bảo-vệ Phật-Pháp, phụ-trách việc thỉnh kinh, tạc tượng, xây chùa, kiểm-soát kỹ-luật của Tăng chúng. Nhờ sự ưu đãi ấy, việc thờ Phật tại nước ta ngày xưa đã là công việc chung của dân làng. Ở Bắc-Phần và Trung-Phần, mỗi làng thường có một ngôi chùa song song với ngôi đình. Làng còn phải trích suất công điền công thổ làm "Thần từ Phật-tự điền" để lấy tài-nguyên thờ thần cúng Phật. Đạo Phật dưới hai đời Lý, Trần sở dĩ cực thịnh là nhờ sự hợp tác chặt chẽ giữa quốc-vương và Tăng-sĩ. Vua chúa đã hết lòng nâng đỡ Phật-Giáo để đền bù lại công-trạng của các Thiền Sư ưu tú đã tích-cực cố-vấn cho họ trên các địa-hạt văn-hóa giáo-dục, nội trị và ngoại giao.

Vì không tạo được một tổ-chức có uy-quyền bao trùm toàn-thể Tăng, Ni và Phật-tử trên toàn quốc, không có được một quyền-hành độc-lập với Nhà Nước, nên Phật-Giáo đã tỏ ra bất lực trước ảnh hưởng càng ngày càng mạnh của các Nho-sĩ cũng như trước làn sóng xâm lăng của Tây-phương.

Từ thế-kỷ thứ XV, Phật-Giáo bắt đầu suy-vĩ vì không còn được chánh-quyền hỗ-trợ nữa.

Như vậy, nếu hiểu sự gắn liền vận-mệnh Phật-Giáo với vận-mệnh Quốc-Gia theo nghĩa sự thịnh suy của Đạo Phật tùy thuộc vào sự giúp đỡ của chính quyền, mối liên-hệ ấy quả đã chứng tỏ sự yếu kém về tổ-chức và sự lệ-thuộc vào quyền-lực bên ngoài của Phật-Giáo. Chính vì khuyết điểm ấy mà trong thời hiện đại tại Thái-Lan, Tích-Lan và Miến-Điện Nhà Nước đã phải trực tiếp can-thiệp vào việc cải-tổ Phật-Giáo (117). Phật-Giáo ngày

(117) Ishii, Yoneo : Bài điễn, Asian Survey, Oct. 1968, tr. 865-871.

Cũng xem : Smith, Donald E. : - Sách đã dẫn I, trang 30-33
- Sách đã dẫn II, trang 140 và kế tiếp.

nay đang quyết tâm khắc phục nhược điểm ấy ngõ hầu tiến tới tự lực tự cường và đóng vai trò quan-trọng trong quốc gia thế tục, ở đó chính quyền và giáo quyền phải được phân biệt.

PHÂN ĐOẠN III - PHÂN-BIỆT DÂN-TỘC VỚI ĐẠO-PHÁP

Phân biệt Dân-tộc với Đạo-pháp nghĩa là phân lập quốc-gia với Giáo-Hội. Ta đã nhiều lần xác nhận đó là một nguyên tắc chính-trị căn-bản đã được các quốc gia tiên tiến công nhận và được Việt-Nam long trọng quy định trong cả hai bản hiến pháp Đế-Nứt và Đế-Nhị Cộng-Hòa. Nếu về phương diện pháp-lý, nguyên-tắc hiến định này không thể là đối tượng tranh luận hay chỉ trích được nữa, thì trong thực tại chính-trị người ta cũng không thể đồng hóa dân-tộc - hiểu theo nghĩa chính quyền hay quốc-gia - với Đạo Pháp - hiểu theo nghĩa Cộng đồng Phật-Giáo.

Để tránh mọi ngộ nhận và đồng thời làm sáng tỏ lý-tưởng quốc-gia thế-tục, ta cần trình-bày những lý-do bổ buộc phải phân biệt dân-tộc với Đạo Pháp trong mối tương quan pháp-lý giữa quốc-gia với Phật-Giáo.

1) Nếu "dân-tộc" được hiểu theo nghĩa một trong ba thành tố của quốc-gia hay theo nghĩa quốc gia - tức là một xã-hội chính-trị - chẳng nữa, người ta cũng không thể đồng hóa Dân-tộc với Đạo-Pháp được (đạo pháp không phải là quốc gia), vì ngày nay không phải toàn thể dân-tộc Việt-Nam là Phật-giáo-đồ. Trái lại, người Việt-Nam đã theo nhiều tôn-giáo khác nhau ngoài Phật-Giáo, như : Khổng-Giáo, Công-Giáo, Tin-Lành, Ba-Hai, Cao-Đài, Hòa Hảo ; ấy là chưa kể tới Hồi-Giáo, và các phiếm-Thần-Giáo của đồng bào sắc-tộc thiểu số. Dù Phật-Giáo có chiếm đa số đến 70% hay 80% dân số, người ta cũng không thể áp dụng chính sách đồng hóa về phương-diện tôn-giáo được, vì lấy đa số để đồng hóa thiểu số là biện-pháp độc tài, trái với tinh-thần cởi mở của chính đạo Phật. Đặc biệt trong lãnh vực tín ngưỡng, đụng chạm đến Đức tin của các tôn giáo khác là điều nguy hại cho sự đoàn kết Dân-tộc, vì nói "quốc gia là

Phật-Giáo" tức là đã gián tiếp phủ nhận sự hiện hữu của các tôn-giáo khác trên đất nước này.

Nếu "dân-tộc" được hiểu theo nghĩa Bộ Máy Nhà Nước, thì đồng hóa dân-tộc với Đạo-Pháp tức là đồng nhất-hóa chánh-quyền với Phật-Giáo. Khi đó đạo Phật sẽ trở thành quốc-giáo và người điều khiển quốc gia còn có nhiệm vụ bảo-vệ Phật-Giáo nữa. Đó là một điều hoàn toàn trái ngược với Hiến-Pháp và hướng tiến của nhân-loại.

2) Về phương-diện tôn-giáo và lịch-sử, đồng-hóa Đạo-Pháp với Dân-tộc tức là vô-tình hạ thấp giá-trị siêu việt, xuất thế và đại đồng của nền giáo-lý Phật Đà đã hiện diện càng ngày càng rộng rãi trên khắp thế-giới suốt hơn 25 thế-kỷ. Thật vậy, chỉ tôn-giáo cổ sơ mới có mục đích duy-nhất là phụng-sự quốc-gia trong thời-kỳ mà loài người chưa đạt tới trình độ văn-minh và chưa biết phân biệt tôn-giáo với chánh-trị. Phật-Giáo phải cao hơn tất cả các tôn-giáo cổ sơ, và việc phụng sự quốc-gia chỉ là một đặc tính "địa phương hóa" của nó. Đặc-tính ấy là một khía cạnh nhỏ nhất vì không tiêu biểu cho giá-trị chánh yếu của đạo Phật tức là khía cạnh xuất thế. Cứu cánh tối hậu của Đạo Phật chắc chắn không phải là quốc-gia, mà còn rộng hơn, cao hơn quốc-gia, tức là giải thoát toàn diện hết thảy mọi con người bị khổ đau, không phân biệt biên cương, chủng tộc v.v...

Ngoài ra, nếu sự liên hệ hay đồng hóa quốc-gia với đạo Phật được hiểu theo nghĩa lệ thuộc của Phật-Giáo vào quốc-gia, thì ngày nay người ta lại càng phải từ bỏ ý nghĩa này, vì nó vừa tố-cáo sự yếu kém của Phật-Giáo-điều mà các nhà lãnh đạo tôn-giáo này không chấp nhận được, vừa vi phạm nguyên-tắc thế-tục.

3) Sự đồng hóa Dân-tộc với Đạo-Pháp còn có những hậu quả quá tai hại :

- Hệ luận từ nhiên của sự đồng hóa này là sự đồng hóa lòng yêu Đạo với lòng yêu Nước : Kẻ nào không yêu Đạo tức là không yêu nước và ngược lại. Hậu-quả ấy về phương diện quốc-nội sẽ gây ra sự chia rẽ

dân-tộc , vì dù có cởi mở tới đâu tín đồ của đạo này khó lòng mà yêu đạo khác. Về phương-diện đối ngoại nó sẽ đưa tới chủ-nghĩa quốc-gia cực đoan nguy hại cho sự hợp-tác quốc-tế và hòa-bình (118).

- Ý-thức quốc-gia cực đoan còn trái với tính-chất đại-đồng của đạo Phật (119), vì đối với Đức Phật không thể có bất cứ một lần ranh nào phân biệt loài người khi họ cùng có Phật tính, cùng đau khổ và cùng cần được giải thoát như nhau. Khi coi muôn loài đều là chúng sinh khổ ải, Ngài đã gieo vào lòng người cái đời hỏi chấm dứt hận thù, tranh chấp giữa các dân-tộc để kiến-tạo một nền hòa-bình toàn diện và vĩnh cửu.

- Nếu nói "Đạo Pháp là Dân-tộc, những gì phi Đạo Pháp tức là Phi Dân-tộc và phải bị loại trừ", người ta sẽ đi tới bất khoan dung, một thái-độ phản-bội giáo-lý của Đức Phật. Thật vậy đạo Phật không nhìn nhận đức tin mù quáng, không chủ trương độc quyền chân lý. Đạo Phật khoan dung không những đối với những dị đồng ý kiến trong nội bộ, mà còn đối với cả các tôn-giáo khác. Ngay trong thời vàng son của Phật-Giáo tại Ấn-Độ, A Dục Vương đã ban hành một chỉ Dụ khắc lên đá khuyến cáo sự khoan dung đối với các tôn-giáo :

"Chúng ta không nên chỉ tôn kính riêng tôn-giáo của mình mà kết án tôn-giáo của kẻ khác (...). Làm như vậy chúng ta vừa làm sáng danh tôn-giáo của mình, vừa giúp ích cho tôn-giáo của người khác. Làm ngược lại là đào mồ chôn tôn-giáo của mình, đồng thời làm hại tôn-giáo của người khác" (120).

(118) Doob, Leonard W. : Patriotism and nationalism, their psychological foundations, New Haven and London, Yale University Press 1964.

(119) Trung, Lý-chánh : Bài đã dẫn. Bách-Khoa số 295, ngày 15.4.1969 trang 27.

(120) Asoka : Rock Edict XII, dẫn trong Walpola Rahula : "L'enseignement de Bouddha", Paris, Seuil, 1961, trích dẫn bởi Lý-chánh-Trung trong bài đã dẫn, Bách-Khoa số 300, ngày 1.7.69, tr. 66.

4) Dân-tộc và Phật-Giáo không thể được đồng-hóa với nhau vì một lý-do căn bản là giữa ý-thức dân-tộc và ý-thức tôn-giáo có những mâu thuẫn căn-bản. Thật vậy, dự phóng nguyên-thủy của dân-tộc là tồn tại vĩnh viễn trong trần gian, dự-phóng nguyên thủy của tôn-giáo là vĩnh viễn thoát khỏi trần gian. Tôn-giáo có tính cách xuất thế và đại đồng. Trái lại, Dân-tộc có tính cách tại thế, đặc thù và khép kín (121). Vì vậy dầu rằng Phật-Giáo có "đi vào cuộc đời" (122) nhưng vẫn đứng ngoài và đứng trên cuộc đời mới khá dĩ hơn cuộc đời được. Trong tình trạng phân lập ấy, Phật-Giáo đi vào cuộc đời cốt để thăng hóa con người và dân-tộc mà vẫn giữ được bản chất siêu việt của nó.

Trên bình-diện chánh-trị, người ta nhìn thấy rõ rệt mâu thuẫn giữa đức từ bi và quyền-lợi quốc gia. Thật vậy về mặt quyền lợi quốc gia, đức từ bi chỉ có thể bày tỏ dễ dàng với người đồng bào hay anh em đồng đạo để làm cho tình tự dân-tộc thêm phong phú. Trái lại, dân-tộc vì quyền-lợi của mình không thể chấp nhận chiều hướng phổ quát của từ bi hỉ xả trên bình-diện đối ngoại, vì dân-tộc là một toàn-thể đóng kín, và phải đóng kín để tự vệ. Không ai có thể vừa đánh giặc vừa xem những người bên kia chiến tuyến là anh em. Đó cũng chính là tằm thắm kịch bi đát tại Việt-Nam và mối mâu thuẫn giữa lương tâm Phật-Giáo do hàng Tăng Già đại diện và ý-thức quốc-gia do những người lãnh đạo chánh-trị đại diện, khi cuộc chiến này không còn là cuộc nội chiến nữa mà đã thực sự mang tính cách quốc-tế một cuộc tranh chấp giữa Cộng-San Quốc-tế và Thế-Giới Tự-Do. Trong một thế giới đầy mâu thuẫn và gian manh, dân-tộc luôn luôn phải ở tư thế phòng vệ và không thể cho phép đức Từ-Bi của con dân đi lang thang ra ngoài

(121) Trung, Lý-chánh : Bài đã dẫn. Bách-Khoa số 293, 294, 295, 296 và kế tiếp.

(122) Mượn tên một tác-phẩm đã dẫn của Thích Nhất-Hạnh.

biên cương lãnh thổ hay ý-thức-hệ. Thực tại chánh-trị phủ phàng trong bang giao quốc-tế ngày nay là : giữa các quốc-gia chỉ có những liên minh tạm bợ dựa trên sự gặp gỡ thuận tiện của các quyền-lợi mà mỗi bên đều coi là tối thượng.

Thượng-Tọa Shangharashita cũng nhận-định rằng đứng về mặt chánh-trị Phật-Giáo không theo phe nào cả... vì nếu từ bi mà chỉ từ bi đối với một phe, không từ-bi đối với phe khác, thì đó không thực sự là từ-bi. Từ bi có tính cách đại-đồng, phổ-biến, và hòa-bình cũng thế, hòa-bình phải là hòa-bình cho tất cả, không phải là hòa-bình theo phe phái nào (123).

Như vậy, tôn-giáo không muốn giới hạn quốc-gia, nhưng quốc-gia lại muốn giới hạn tôn-giáo.

5) Nếu sự liên kết giữa Phật-Giáo và Dân-Tộc nhằm xây dựng một chủ-nghĩa Quốc-Gia Phật-Giáo để chiến thắng cả Duy Thần lẫn Duy Vật ngõ hầu xây dựng một nước Việt-Nam độc-lập và phú cường, thì ý đồ này có thể làm các nhà chánh-trị-học và chánh khách hoài nghi.

- Trước hết, nhìn lại tiến trình của Quốc Gia Chủ-nghĩa tại Á-Châu, người ta thấy nó đã bất lực trong việc kiến quốc. Chủ-nghĩa này mà Phật-Giáo Á-Châu đã liên hệ trong công cuộc giải-phóng dân-tộc thực ra lại là sản phẩm của Tây phương do giới trí thức thế-tục bán xứ du nhập. Sau thế chiến thứ hai, nó đã bao trùm sinh hoạt chánh-trị tại các tân quốc gia. Nhưng ngày nay người ta thấy nó chỉ có hiệu lực mạnh nhất trong việc dấy động những tình cảm chống thực-dân chứ nó không đủ mạnh để đoàn kết dân-tộc hướng về mục tiêu xây dựng và phát triển quốc gia. Sở dĩ như vậy một phần vì những hy vọng cao xa tưởng rằng sẽ thực hiện được sau khi người Tây phương bước chân ra đi đã không được toại nguyện. Sau khi thu hồi độc lập, các lực lượng chánh trị

(123) Minh-Châu, Thích : Trước sự nô lệ của con người và con đường thứ thách văn-hóa Việt-Nam, trang 261, Viện Đại-Học Vạn-Hạnh, 1970.

và các lãnh tụ của các tân quốc gia đã xâu xé nhau đến nỗi đất nước càng nát bét, dân chúng càng khổ sở.

Về phương diện đối ngoại, chủ-nghĩa Quốc Gia nhiều khi còn là một trở lực cho việc cộng tác quốc tế, vì một mặt các tân quốc-gia nhìn để quốc cũ bằng cặp mắt nghi ngờ trong khi vẫn cần vốn đầu tư của họ để phát triển kinh tế. Mặt khác, chính các nhà tư-ban Tây-Phương đã ngần ngại không dám bỏ vốn kinh doanh tại các nước chậm tiến vì nạn bất ổn chánh-trị và chánh-sách quốc-hữu-hóa.

- Thứ đến, Phật-Giáo vốn có bản chất phi chánh-trị, từ khước quyền-hành, dễ dàng thỏa hiệp vì đức bao dung, độ lượng mênh mông, trong khi chủ-thuyết chánh-trị lại cần đến quyền-lực, đến những cán-bộ cường tín và chiến-đấu-tính mãnh liệt. Như vậy e rằng cuộc "hôn nhân" giữa Phật-Giáo và Quốc-Gia chủ-nghĩa chưa chắc đã phải là mẫu nhiệm. Và nếu trở nên mẫu nhiệm, chưa chắc nó còn phù hợp hoàn toàn với chân giáo-lý nhà Phật.

Sự phân lập Phật-Giáo với Quốc-Gia, Tăng-sĩ với chánh-trị, Giáo quyền với chánh quyền đã xác định được vai-trò chủ yếu tôn-giáo của Đạo Phật trong đời sống quốc gia. Sự xác định ấy nếu được thực hiện một cách trung thực, sẽ có lợi là bảo vệ được giá-trị siêu việt của tôn-giáo, uy tín đạo đức cao trọng của giới Tăng-sĩ, quyền lực chánh-trị của các nhà lãnh-đạo thế tục và sự ổn-cố chánh-trị, điều kiện tiên quyết của việc phát triển quốc-gia. Chính trong vị trí đã được xác định đó Phật-Giáo nhất định phải có một ảnh hưởng chánh-trị rất quan-trọng.

TIẾT II

ẢNH-HƯỞNG CHÁNH-TRỊ CỦA PHẬT-GIÁO

TRONG ĐỜI SỐNG QUỐC-GIA

Sự phân-lập giữa quốc-gia và Phật-Giáo chắc chắn không thể ngụ ý loại bỏ ảnh-hưởng quan-trọng của Phật-Giáo trong sanh hoạt chánh-trị. Trái lại, ở cương vị cao trọng của mình, Phật-Giáo phải là một lực-lượng tinh-thần rộng lớn khả kính và được mọi lực lượng chánh trị vì nể. Trong Tiết này, ta xác định ảnh-hưởng chánh trị của Phật-Giáo (Đoạn I). Ảnh hưởng ấy được biểu lộ qua vai trò đoàn thể áp-lực của Giáo-Hội (Đoạn II) cùng tương-quan giữa Giáo-Hội với chánh đảng (Đoạn III).

ĐOẠN I - XÁC NHẬN ẢNH-HƯỞNG CHÁNH-TRỊ CỦA PHẬT-GIÁO
TRONG ĐỜI SỐNG QUỐC-GIA

Ngoài những lý-do tổng-quát biện minh cho tầm quan-trọng của tôn-giáo trong sanh hoạt chánh-trị và vai-trò đặc biệt của nó trong các quốc-gia chậm tiến mà ta đã có dịp trình bày trong chương I, còn có những lý-do riêng biệt do hoàn cảnh chánh-trị của Việt-Nam tạo nên khiến Phật-Giáo có ảnh hưởng rất quan trọng :

A - ẢNH-HƯỞNG CỦA ĐẠO PHẬT
TRONG ĐỜI SỐNG NGƯỜI DÂN VIỆT-NAM

1) Ảnh-hưởng cổ-truyền - Trải qua mười tám thế kỷ hiện diện tại Việt-Nam, Đạo Phật đã ăn sâu vào nếp sinh hoạt của đại đa số nhân dân. Sự hiện hữu ở mỗi làng miền Bắc và miền Trung một ngôi chùa cùng tính-cách công cộng của việc thờ Phật đối với dân làng cũng như niềm tin vào "Trời Phật" của người dân đã chứng tỏ ảnh-hưởng chánh-trị và xã-hội của Phật-Giáo. Chính vì lối sống xuất thế coi nhẹ giá-trị vật chất của Phật-Giáo ngày xưa mà xã-hội Việt-Nam đã không thấu đạt được những tiến bộ về kinh-tế trong khi nền văn-hóa lại khá phong phú. Tư tưởng luân hồi, nghiệp báo, tử bi hỉ xả hiện nay vẫn tồn tại trong tâm hồn dân Việt.

2) Ảnh-hưởng của Phật-Giáo phục-hưng - Khởi đầu từ biến cố trọng đại 1963, sức sống mới của Phật-Giáo phục-hưng hiện đang gây cho đa số Phật-tử một niềm hân diện về khả năng nhập thế của Đạo Phật. Sinh lực của Đạo Phật hiện đang tuôn chảy rào rạt trong mọi hoạt động chánh-trị, văn-hóa, xã-hội. Nhiều Tăng, Ni và Phật tử đã từ bỏ lối sống đạo cổ điển để hăm hở tham dự vào sự nghiệp trần gian của dân-tộc. Tuy nhiên, thiết tưởng sự dân thân của Phật-Giáo chỉ làm uy-tín của mình cao vút lên trên giá trị trần gian nếu các hoạt-động vì đời của Tăng-sĩ nhằm hướng dẫn cái nhìn của Dân-tộc vượt khỏi trần gian, đưa đất dân-tộc đi tìm cái tuyệt-đối là Giải thoát toàn diện (Nirvana).

Tất cả những ảnh-hưởng cổ truyền cùng ảnh hưởng Phục-hưng đã quyết định một phần không nhỏ sự lựa chọn thái-độ chánh-trị của các Phật-tử thuần-thành và làm cho các tập thể ngoài Phật-Giáo phải kính nể. Một trong nhiều bằng chứng là chỉ mới có sự can-thiệp của Thượng-Tọa Tâm-Châu mà các nhà Dân biểu Lập-Hiến 1967 đã phải bỏ ba chữ "Đấng Tối Cao" ra ngoài Hiến Pháp đệ II Cộng-Hòa.

B - SỰ LIÊN-HỆ TÔN-GIÁO (RELIGIOUS AFFILIATION)
LÀ MỘT ĐẶC TÍNH QUAN-HỆ TRONG THỰC TẠI
CHÁNH-TRỊ CỦA VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

1) Khi lập thống-kê các lực-lượng chánh-trị quan-trọng tại Việt-Nam Cộng-Hòa, người ta không thể không đề ý tới các khối tôn-giáo; khối Cao-Đài, khối Hòa-Hảo, khối Phật-Giáo, khối Công-Giáo. Vì nhiều chánh khách muốn dựa vào các khối đó để tạo hậu thuẫn, nên mỗi khối đều thu hút được một số nhân-vật và lực-lượng chánh-trị.

2) Sự phân phối tín đồ trên căn bản địa dư làm cho người ta nhận thấy tầm quan-trọng chánh-trị của Phật-Giáo Ấn-Quang tại Trung-nguyên Trung phần, Phật-Giáo nguyên thủy Việt gốc Miên và Hòa-Hảo tại miền Tây Nam phần, Cao-Đài tại miền Đông Nam phần. Vì vậy mà năm 1964 có một vị Thủ-Tướng đã định dùng ảnh-hưởng tôn-giáo trong mỗi khu-vực để chống Cộng.

Có ảnh-hưởng chánh-trị trong đời sống quốc-gia, Phật-Giáo biểu-lộ ảnh-hưởng ấy bằng những hình-thức nào ?

ĐOẠN II - HÌNH-THỨC BIỂU-LỘ ẢNH-HƯỞNG CHÁNH-TRỊ :
GIÁO-HỘI LÀ MỘT ĐOÀN-THỂ ÁP-LỰC

A - GIÁO HỘI CAN THIỆP RA SAO ?

Phải thành-thật nhìn-nhận rằng hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo với tư-cách một đoàn-thể áp-lực trong những năm qua đã đi quá mạnh và quá xa. Ngày nay trong khung cảnh Hiến-Pháp, thiết tưởng với tư-cách là một đoàn thể áp-lực, Phật-Giáo chỉ nên can-thiệp với chánh-quyền mỗi khi cần để bảo vệ giáo-lý Phật-Đà và quyền-lợi chính đấng tôn-giáo của Giáo-Hội.

Sự can-thiệp ấy, tuy được coi là hành-vi chánh-trị vì nó tham dự việc quản-trị chung và có ảnh hưởng tới diễn trình cấu tạo quyết định của Nhà Nước, nhưng Giáo-Hội vẫn không trực tiếp hoạt-động chánh-trị, vẫn đứng ngoài chánh quyền và chánh đấng.

Vị trí ấy giúp cho hàng Tăng-sĩ bảo vệ được địa vị cao cả của mình và tránh được mọi lời cuốn chánh trị. Do đó Giáo-Hội duy trì được cả giá-trị xuất thế lẫn giá-trị nhập-thế của đạo Phật hiện đại. Phật-Giáo nhập thế "để làm chứng cho những giá-trị siêu việt trong lịch sử, hầu canh chừng và đảm bảo cho tính cách tốt lành của những phương tiện, những giải-pháp mà các thế-lực áp-dụng để giải-quyết những vấn-đề trần gian. Nói một cách cụ thể, tôn giáo phải nhìn nhận tính cách độc lập tương đối của phạm vi sinh hoạt trần gian (chánh-trị, kinh-tế, văn-hóa, khoa-học v.v...) và chỉ can thiệp khi phương tiện, biện pháp được áp dụng trong những phạm vi này mâu-thuẫn với những giá-trị tinh-thần mà mình đại diện (124)."

(124) Trung, Lý-chánh : Bài đã dẫn. Bách-Khoa số 303, ngày 15.8.1969, trang 29.

B - SỰ CAN-THIỆP KHÔNG CÓ TÍNH-CÁCH THƯỜNG-XUYÊN

Được quan-niệm như trên, sự can-thiệp với chánh-quyền không phải là hoạt-động thường-xuyên và chính yếu của Giáo-Hội Phật-Giáo. Giáo-Hội có những nhiệm-vụ riêng biệt do Giáo-Hội đích thân thực hiện mới được, và chỉ có Giáo-Hội mới có đủ tư cách làm việc ấy : đó là sứ mạng tôn-giáo. Nếu công quyền gây trở ngại cho việc chu toàn sứ mạng "cứu nhân độ thế" của mình, Giáo-Hội sẽ có phản ứng. Như vậy việc gây áp-lực với chánh-quyền chỉ là một phần nhỏ hoạt-động có tính cách cơ hội của Giáo-Hội.

Đại diện cho những giá trị tinh-thần, hàng giáo phẩm phát biểu nhận định về những biến cố có liên hệ tới những giá-trị đó. Mặc dầu phát xuất từ một quan tâm tôn-giáo chứ không do ý chí đấu tranh ý-thức-hệ, nhận định ấy vẫn có những liên hệ chánh-trị mà Phật-Giáo không thể không biết tới. Để hỗ trợ cho yêu sách do nhận-định nêu lên, Tăng-sĩ đòi hỏi hậu-thuần của tín đồ. Hỗ trợ đặc lực nhứt của Phật-tử trong chế độ dân-chủ thường là khí giới bầu cử. Ứng-cử-viên nào cam-kết ủng-hộ yêu-sách của Giáo-Hội sẽ có hy-vọng chiếm được đa số phiếu của công-dân Phật-tử. Do đó đức tin có ảnh-hưởng tới thái độ chánh-trị của công dân.

Ngoài tư cách là một đoàn-thể áp-lực để ảnh-hưởng tới sinh-hoạt chánh-trị, Giáo-Hội còn biểu lộ ảnh-hưởng chánh-trị của mình một cách gián-tiếp qua vai trò trung-gian của chánh đảng.

ĐOẠN III - ẢNH-HƯỞNG CHÁNH-TRỊ CỦA GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO TRONG MỐI TƯƠNG-QUAN VỚI CHÁNH ĐẢNG

Muốn có một giải pháp thực tiễn cho vấn-đề Phật-Giáo, người ta không thể không lưu tâm tới thực tại chánh-trị. Trong những lần tiếp xúc, chúng tôi nhận thấy Chư Tăng dù thuộc bất cứ phe phái nào, đều biểu-lộ một ý-thức chánh-trị, một hoài bão cách-mạng xã-hội và một niềm tin vào khả-năng chánh-trị của Phật-Giáo. Như vậy

vấn đề quan-trọng thực tế không phải là loại bỏ ý-thức đó, hoài bảo đó hay khả năng đó, mà phải làm thế nào để tất cả những cái đó thể hiện được trong đời sống quốc-gia mà vẫn tôn trọng được nguyên tắc phân lập chánh giáo.

Muốn đạt được mục tiêu đó trong quốc-gia thế tục, chỉ có một cách là Tăng-sĩ thúc đẩy tín đồ hoạt-dộng chánh-trị và đưa ra cho họ những nguyên tắc chỉ đạo tổng quát. Sự thúc đẩy hữu hiệu như không phải là thúc đẩy cá nhân hoạt-dộng lẻ tẻ, mà là thúc đẩy cá nhân kết hợp thành chánh đảng để thể hiện ước vọng chánh đáng của Giáo-Hội. Thiết tưởng Giáo-Hội có thể phát huy ảnh-hưởng của mình trong sinh hoạt chánh trị qua các tổ-chức chánh đảng bằng hai cách :

- Cách thứ nhất là đặt tương-quan ưu-dãi giữa Giáo-Hội và chánh đảng. Theo cách này, chánh đảng cam kết ủng-hộ những yêu sách của Giáo-Hội. Đền đáp lại, Giáo-Hội cố gắng giúp đỡ chánh đảng trong các cuộc tuyển cử bằng cách dùng Đức tin để ảnh hưởng tới thái độ đầu phiếu của cử-tri. Tuy-nhiên, chánh đảng và Giáo Hội vẫn giữ tư thế độc lập đối với nhau.

Với phương pháp này, Giáo-Hội Phật-Giáo có thể liên minh với bất cứ chánh đảng nào, có khuyến-hướng Phật-Giáo hay không, cốt để tìm cơ hội thỏa mãn những yêu sách cấp thời của mình.

- Cách thứ hai : Giáo-Hội Phật-Giáo là một trung tâm thúc đẩy hay phối trí hoạt-dộng của các "đoàn thể bảo vệ" hay các chánh đảng coi việc bảo vệ quyền lợi Phật-Giáo là một nhiệm vụ chuyên biệt hay là một trong những mục tiêu. Với phương pháp này, Giáo Hội đóng vai trò bảo-trợ tinh-thần cho các lực-lượng chánh-trị của Phật-tử thế tục để bảo vệ lý-tưởng và yêu sách của mình trong Quốc-Hội cũng như ngoài công luận.

Phương pháp này khá thông dụng tại Âu-Châu và Nam Mỹ, ở đó lãnh tụ các chánh đảng Dân-Chủ Thiên Chúa Giáo thường tham khảo ý kiến hàng giáo phẩm

Công-Giáo về những vấn đề quan-trọng. Trong những trường hợp này, khó có thể khẳng định rằng các vị lãnh-đạo tôn giáo đã cho chỉ thị hay khuyến cáo, vì vai-trò tu-sĩ trong chánh-trị mang những hình-thái và mục độ khác nhau tùy theo mỗi quốc gia. Có điều chắc chắn là sự can thiệp của Giáo-Hội Công-Giáo không giống sự can thiệp của các đoàn thể khác : một vài lời nói hay chỉ một thái độ im lặng thôi cũng có uy lực đặc biệt đối với tín đồ (125). Vì vậy trong nhiều trường hợp, lập-trường của Giáo-Hội có một giá-trị quyết định.

Nếu thực hiện phương pháp thứ hai này, Giáo-Hội Phật-Giáo sẽ được ba điều lợi :

- Trước hết, ý-thức chánh-trị của Tăng-sĩ có cơ-hội giúp ích cho tín-đồ ; hoài-bảo cách-mạng của Tăng-sĩ sẽ được người thế tục lo thực hiện ; lý-tưởng của Đức Phật có cơ-hội thể-hiện trong đời sống chánh-trị. Thiết tưởng với tư cách bảo trợ tinh-thần, Giáo-Hội chỉ nên đề ra những nguyên tắc đại cương cho những phạm vi thế tục. Những nguyên tắc ấy sẽ phản ảnh giáo lý nhà Phật và được dùng làm ngọn đuốc soi đường cho hoạt động của chánh đảng Phật-Giáo, và cũng có thể biến thành hấp lực thu hút những công dân không Phật tử nhưng chấp nhận lý-tưởng Phật-Giáo (126). Được tôn-giáo soi sáng, chánh-trị có thể trở nên lương hảo.

- Điều lợi thứ hai là chỉ qua trung-gian của chánh đảng, sự đối lập của Giáo-Hội - đặc biệt là Giáo-Hội Phật-Giáo Ấn-Quang - mới có ý-nghĩa. Nếu ngày nay người ta thường cho rằng Ấn-Quang đối lập với chánh quyền, thì thực ra đó là sự lạm dụng danh từ "đối lập

(125) Meynaud, Jean : Sách đã dẫn I, trang 126-127. Cũng xem Sopher, David E. : Sách đã dẫn, trang 75-76.

(126) Thượng Toạ Sangharakshita đã phát-biểu ý-kiến về vấn-đề cư-sĩ và hoạt-động chánh-trị như sau : "Khi một cư-sĩ liên-hệ với chánh-quyền thì hiển nhiên họ phải hoạt-động chánh-trị, nhưng hoạt-động chánh-trị cũng phải đặt cơ-sở tinh-thần theo Phật-Pháp, chứ không được phan đạo mà đồng lõa với những thế-lực phá hoại sự an-toàn vật-chất và tâm linh của con người".
(Xem Thích Minh Châu : Bài đã dẫn, trang 138).

chánh-trị", bởi vì đối lập có ba đặc điểm không thể tìm thấy nơi Giáo-Hội, nhưng nơi chánh đảng : một sự bất đồng về chánh-trị, có tính cách tập thể và hợp pháp (127).

Tôn-Giáo không có chủ-đích chánh-trị nên sự bất đồng với chánh-quyền không có thể gọi là bất đồng chánh-trị được. Thật vậy, nếu đoàn-thể tôn-giáo có thể biểu tình đòi hỏi những cái gì, dành rằng sự kiện ấy có hậu quả chánh-trị, nhưng đó không phải là đối-lập. Đó chỉ là một sự từ khước, kháng cự hay phản đối. Hiện tượng đối-lập chỉ có khi nào sự từ khước ấy, sự kháng cự ấy, sự phản đối ấy được chánh-trị-hóa, tức là khi nào kẻ chống đối có thể tổng-hợp lại tất cả những vấn đề được đặt ra, đưa chúng lên một mức độ đại cương, và phán đoán theo một tiêu chuẩn chánh-trị. Tất cả những việc này trái ngược với thiên-chức của một Giáo-Hội.

Dành rằng Giáo-Hội là một tập-thể có chỉ đạo, và đối lập phải có tính cách tập thể, nhưng tập-thể của Giáo-Hội không thể có tính cách chánh-trị được, và sự bất đồng chánh-kiến có tính cách tập thể khi nào nó là kết quả biểu hiện một sự hành động có tổ-chức của những kẻ chống đối, một loại hành động dành riêng cho những người thế tục. Thật vậy, nói đến sự hành động có tổ-chức là nghĩ ngay đến chánh đảng. Chỉ có đối lập khi nào có một chánh đảng đối lập.

Xét về phương-diện lịch sử, đối lập phát sinh ở sự thực hành chánh-trị chứ không phải thực hành tôn-giáo, và liên quan đến lịch trình biến chuyển của chế độ đại-nghị. Nói đến đối lập là nói đến cái gì ở ngoài đa số, ngoài chánh phủ. Đối lập là thiểu số. Đây là khía cạnh nghị viện của vấn đề.

Ngoài sự bất đồng chánh kiến có tính cách tập thể, đối lập phải hợp pháp nữa. Tất cả những cuộc đấu tranh bạo động đốt thư viện ngoại quốc, chống cự nhân-

(127) Bông, Nguyễn-văn : Sách đã dẫn II, trang 215-229.

viên công lực và quân đội bằng vũ khí, đều không phải là đối lập chánh-trị, mà chỉ được xem là những vụ phản kháng, hay nổi loạn. Vì những cuộc tranh đấu ấy lại do tôn-giáo điều khiển, nên chúng lại càng không phải là đối lập nữa.

Thời gian xáo trộn mà tôn-giáo hầu như đóng vai trò chánh đảng đã qua rồi. Ngày nay trong khung cảnh Hiến-Pháp Đệ II Cộng-Hòa, là một đoàn thể tôn-giáo, Giáo-Hội không thể hoạt-động chánh-trị được với bất cứ lý-do nào. Nhưng hàng giáo phẩm có những hoài bão chánh trị đối nghịch với đường lối của chánh-quyền và muốn thực hiện những hoài bão đó. Nếu cứ tiếp tục từ khước, kháng cự, phản đối chánh-quyền, chư Tăng không thể nào thỏa mãn được nguyện vọng chánh-trị. Phương sách duy nhất để thực hiện đường lối đối-lập ấy một cách hợp pháp, đối với họ, là thúc đẩy Phật-giáo-đồ thành lập chánh đảng đối-lập. Chánh đảng này sẽ là "nắp xả hơi" (Soupape de sûreté) của Tăng-sĩ vì điều 27 Luật 009/69 ngày 19.6.1969 về quy-chế chánh đảng và đối lập chánh trị đã ấn định : "Việc hành sử quyền đối lập chánh-trị bao gồm :

a) Quyền tự-do trong việc phê-bình, chỉ trích đường lối, chủ-trương của chánh-phủ, quyền tố-cáo các hành-động áp bức, tham nhũng của nhân-viên chánh-quyền cao cấp.

b) Quyền được có cơ-quan ngôn-luận chính-thức, phổ biến các loại truyền đơn, bích chương, biểu ngữ, tổ chức những buổi nói chuyện công khai sau khi thông-báo với chánh-quyền sở tại" (128).

- Điều lợi thứ ba và sau chót đối với Giáo-Hội là khi có cơ-quan chuyên-biệt hoạt-động chánh-trị, Giáo-Hội không còn có mấy may trách-nhiệm gì đối với sự trà trộn của hàng ngũ đối phương để lung đoạn quốc-gia, vì Giáo-hội đứng ở cương-vị thuần-túy tôn-giáo

(128) Công-Báo Việt-Nam Cộng-Hòa số 22, ngày 24.6.1969.

không thể bị bất cứ lực-lượng chánh-trị nào lôi cuốn và lợi-dụng.

Hơn nữa, kỷ-luật chánh đảng còn có thể giúp Phật-Giáo loại trừ được những phần-tử bất-hảo và làm nội bộ của mình trở nên thuần nhất. Điều đó đưa lại cho Phật-Giáo một lợi thế chánh-trị để mặc cả với chánh-quyền.

KẾT-LUẬN THIÊN I

Tóm lại, mặc dầu không hoạt-dộng chánh-trị, Giáo-Hội Phật-Giáo vẫn có ảnh-hưởng quan-trọng đối với cuộc sinh-hoạt chánh-trị, vì Giáo-Hội vừa là đoàn-thể áp-lực, vừa đặt những tương-quan ưu-đãi với các chính-đảng hoặc bảo-trợ tinh-thần cho chánh đảng Phật-Giáo. Như vậy Giáo-Hội không đứng trên Nhà Nước mà cũng không lệ-thuộc Nhà Nước. Giáo-Hội có cuộc sống trần-gian trong lòng Dân-tộc và bên cạnh Nhà Nước như một phần xét thường xuyên và vô-tư, nhân danh cái Tuyệt-đối (129).

Tuy nhiên, sự xác định cương-vị cao trọng của Giáo-Hội Phật-Giáo chỉ mới giải-quyết được một nửa vấn đề, vì Giáo-Hội và Quốc-Gia là hai vế của một phương-trình chánh-trị. Nắm giữ và hành xử quyền chủ tể, Nhà Nước phải định-chế-hóa cương-vị vừa nêu trên của Giáo-Hội, tức là phải ấn-định trong luật-lệ sự phân lập giữa Giáo-Hội và Nhà Nước cùng các biện-pháp bảo-vệ tự-do tôn-giáo. Do đó, song song với việc xác-định vị-trí của Phật-Giáo trong đời sống quốc-gia, ta cần phải xác định vai-trò của quốc-gia trong lãnh-vực tôn-giáo. Việc xác định thứ hai này là đối-tượng của Thiên II và cũng là Thiên chót trong Phần cuối cùng của Luận án.

o
o)
o

(129) Trung, Lý-chánh : Bài đã dẫn. Bách-Khoa số 294 (ngày 1.4.1969) và số 303 (ngày 15.8.1969).

VAI-TRÒ CỦA QUỐC-GIA TRONG LÃNH-VỰC TÔN-GIÁO

Trong lịch-sử các quyền tự-do công-cộng, tự-do tôn-giáo là một quyền được hình thành và phát-triển chậm chạp nhất (130), và hiện nay nó vẫn còn là đối-tượng của mối bất đồng giữa các Giáo-Hội và Nhà Nước trong nhiều quốc-gia, đặc-biệt là các quốc-gia chậm biến. Tại Việt-Nam Cộng-Hòa, mối bất hòa giữa phe Phật-Giáo tranh-đấu và chánh-quyền cũng bắt nguồn từ vấn-đề tự-do tôn-giáo. Lịch-sử Phật-Giáo nước ta lần đầu tiên vào năm 1963 có "Thánh Tử Đạo" để bảo vệ tín-ngưỡng. Rồi từ sau năm 1963 trở đi phe Phật-Giáo tranh đấu vẫn cho rằng mình thường-xuyên là nạn-nhân của chánh-sách kỳ thị và âm-mưu tiêu diệt, trong khi các nhà cầm quyền kế tiếp lại hoàn toàn phủ nhận điều tố-cáo ấy. Như vậy, rõ ràng hai bên đã có hai quan-niệm khác nhau về tự-do tôn-giáo. Ngày nay trên đường xây-dựng dân-chủ, để giải quyết mâu-thuân này và ngăn chặn mọi mâu thuẫn khác có thể xảy ra, thiết tưởng chánh-quyền cần phải cấp thời đề ra một chánh-sách tôn-giáo rất rõ rệt để áp dụng cho mọi tín-ngưỡng. Chánh-sách ấy cần phải được xây-dựng trên một quan-niệm tự-do tôn-giáo thật tiến-bộ và dự liệu những biện-pháp hữu hiệu để bảo-vệ tự-do này. Do đó, thiên chót của Luận-án gồm có hai Chương :

- I. Xác-định quan-niệm căn-bản tiến-bộ về tự-do tôn-giáo.
- II. Quy-định và bảo-vệ tự-do tôn-giáo.

(130) Komvitz, Milton R. : Sách đã dẫn, trang 5.

CHƯƠNG I

XÁC-ĐỊNH QUAN-NIỆM CĂN-BẢN TIẾN-BỘ VỀ TỰ-DO TÔN-GIÁO

Việc hoạch định chính-sách phải dựa vào lý-thuyết căn-bản và các dữ-kiện thực tế. Dữ-kiện đã khá phong-phủ trong hai phần đầu của Luận-án. Nay đến lúc cần đặt nền tảng lý-thuyết, tức là xác định quan-niệm căn-bản tiến bộ về tự-do tôn-giáo. Sự trình bày lý-thuyết trở nên khẩn thiết đối với nền dân-chủ phối thại trong đó những điều khoản hiến định về tự-do tôn-giáo rất tổng quát và có điểm không hợp lý. Hơn nữa, luật thực tại của Việt-Nam về vấn-đề này cũng thiếu sót, nếu không muốn nói là lạc hậu và mâu thuẫn. Như vậy, quan-niệm tiến-bộ được trình-bày trong Chương này sẽ có thể dùng làm nền tảng cho một trật-tự pháp-lý mới về vấn-đề tôn-giáo dẫn xuất từ Hiến-Pháp 1.4.1967, và gồm có hai điểm, đối-tượng của hai Tiết :

- I. Xác-định nội-dung quyền tự-do tôn-giáo.
- II. Đề-nghị một quan-niệm phân-lập Quốc-Gia và Giáo-Hội.

TIẾT I

XÁC-ĐỊNH NỘI-DUNG QUYỀN TỰ-DO TÔN-GIÁO

Tự-do tôn-giáo ngày nay thực sự là một nhân quyền căn-bản được mọi quốc-gia văn-minh công nhận. Tổ-chức Liên-Hiệp-Quốc ngày 10.12.1948 đã long trọng tuyên bố trong điều 18 Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền :

"Mọi người đều có quyền tự-do tư-tưởng, tự-do ý-thức và tự-do tôn-giáo. Quyền ấy bao gồm tự-do thay đổi tôn-giáo và tín-ngưỡng của mình, và tự-do, với tư-cách cá-nhân hay cộng-đồng, công cộng hay riêng tư,

biểu lộ tôn-giáo hay tín-ngưỡng của mình trong việc giáo-huấn, thực hành, thờ phượng và tuân theo các lễ nghi" (131).

Trên bình diện địa-phương và quốc-gia, bản Tuyên-Ngôn Nhân-Quyền Âu-Châu và Hiến-Pháp các quốc-gia dân-chủ, trong đó có Việt-Nam Cộng-Hòa, đều ấn-định các quyền tự-do vừa nêu trên (132). Vấn đề được đặt ra trong Tiết này là phạm vi và giới hạn của quyền "tự do tôn-giáo" do hiến-pháp 1.4.1967 quy định.

ĐOẠN I - PHẠM-VI CỦA QUYỀN TỰ-DO TÔN-GIÁO

Điều 9 đoạn I Hiến-pháp 1.4.1967 của Việt-Nam Cộng-Hòa ấn-định phạm-vi tự-do tôn-giáo gồm có quyền tự-do tín-ngưỡng, tự-do truyền đạo và tự-do hành đạo. Trong các tự-do này, quan-trọng hơn hết là tự-do truyền đạo. Vì vậy trong đoạn này, ta sẽ phân tích về phương-diện lý-thuyết phạm-vi của quyền tự-do tôn-giáo và, sau đó, ta sẽ nói đến tầm quan-trọng của tự-do truyền đạo.

(131) Konvitz, Milton R. : Sách đã dẫn, trang 4 và trang 363.

(132) Những điều-khoản sau đây của Hiến-Pháp Việt-Nam 1.4.1967 liên-quan đến tự-do tôn-giáo, tự-do tư-tưởng :

- * Điều 2 - Quốc-Gia công-nhận và bảo-đảm những quyền căn-bản của mọi công-dân.
- * Quốc-Gia chủ-trương sự bình-dẳng giữa các công-dân, không phân biệt... tôn-giáo...
- * Điều 9 - I. Quốc-Gia tôn-trọng và bảo-đảm quyền tự-do tín-ngưỡng, tự-do truyền giáo và hành-đạo của mọi công-dân, miễn là không xâm phạm đến quyền-lợi quốc-gia, không phương-hại đến an-ninh trật-tự công-cộng và không trái với thuan-phong mỹ-tục.
- * 2. Quốc-Gia không thừa-nhận một tôn-giáo nào là Quốc-Giáo. Quốc-Gia vô tư đối với sự phát-triển của các tôn-giáo.
- * Điều 10 - 1. Quốc-Gia công-nhận quyền tự-do giáo-duc...
- * Điều 12 - 2. Quốc-Gia tôn-trọng quyền tự-do tư-tưởng, tự-do ngôn-luận.
- * Điều 29 - Mọi sự hạn-chế các quyền công-dân căn-bản phải được quy-định bởi đạo-luật có ấn-định phạm-vi áp-dụng trong thời-gian và không-gian. Tuy nhiên, trong mọi trường-hợp, tính-cách thiết yếu của các quyền công-dân căn-bản vẫn không được vi-phạm."

A - PHÂN-TÁCH LÝ-THUYẾT

Tự-do tôn-giáo là một trong những tự-do tư-tưởng và, trước hết, nằm trong lãnh vực ý-thức. Hiểu theo nghĩa rộng nhất của nó, tự-do ý-thức chỉ tự-do của công dân có quyền tin-tưởng điều gì mình muốn. Nó bao gồm đồng thời tự-do về những ý-kiến chánh-trị, xã-hội, triết học, và tự-do về những tin tưởng tôn-giáo.

Mãi tới gần đây, người ta mới coi tự-do ngôn-luận và tự-do tư-tưởng như tự nhiên mà có. Duy chỉ có tự-do về những tin-tưởng tôn-giáo còn được bàn cãi, không phải vì những nguyên tắc của nó mà không ai dám chối bỏ, nhưng về cách áp-dụng, tức là những phương-thức quy định chế-độ phụng-tự thích-hợp với quyền tự-do đó. Người ta đã đi tới chỗ đồng hóa tự-do ý-thức với tự-do phụng-tự (133). Vì vậy khi nói tới tự-do tôn-giáo là người ta nghĩ ngay tới hai khía cạnh của nó : tự-do ý-thức và tự-do phụng tự. Theo nguyên tắc tự-do ý-thức, cá-nhân được tự-do lựa chọn tín-ngưỡng mà mình gia nhập và cũng được tự-do không có một tín ngưỡng nào hết. Tự do này không những là một tự-do nội tại trong tâm hồn, mà còn được tiếp nối bởi quyền tự-do tuyên xưng đức tin. Sự biểu lộ những niềm tin-tưởng là hệ luận của tự-do ý-thức. Nguyên tắc này không thể hiểu khác được ngay khi mà một vài tôn-giáo, như Công-Giáo chẳng hạn, giao phó cho tín-đồ nghĩa vụ làm sáng tỏ đức tin, biểu lộ đức tin ấy bằng gương mẫu và để vinh danh Thượng Đế. Từ những biểu lộ đó việc phụng tự lại vừa cần thiết vừa hữu hình nhất. Như vậy quyền tự-do phụng tự chính là quyền của mỗi người được thực hành ra bề ngoài tôn-giáo do mình lựa chọn bằng cách theo những lễ nghi của nó và hoàn tất những cuộc tế tự. Quyền này tiên niệm khả-năng phụng-tự công cộng, bởi vì đối với một số những hành vi sinh hoạt tôn-giáo, dầu rằng sự phụng tự riêng tư có cần thiết chăng nữa nó cũng vẫn không đáp ứng nổi được tất cả những đòi hỏi

(133) Burdeau, Georges : Les libertés publiques, trang 215, Paris, 1966.

của một quyền tự-do thực sự (134). Do đó, đúng như Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-Hòa quy định, tự-do tôn-giáo không phải chỉ có tự-do tín-ngưỡng, mà điều quan-trọng là việc thực-hành tín-ngưỡng (hành đạo), và truyền bá tín-ngưỡng đó (truyền đạo).

B - TẦM QUAN-TRỌNG CỦA QUYỀN TỰ-DO TRUYỀN ĐẠO

Truyền đạo, nhằm kết nạp những người tân tòng để phát triển cộng đồng tôn-giáo, là một quyền rất quan trọng đối với một tôn-giáo. Vì tính cách chủ-động của quyền này, nên giáo-sư Milton R. Konvitz đã gọi nó là quyền tự-do tích cực hay tấn công (135). Quan trọng vì nó liên quan tới các quyền tự-do khác và nó chấp nhận lý giáo (Schisme).

1. Quyền tự-do truyền đạo liên quan tới các quyền tự-do khác

Theo Milton R. Konvitz, quyền tự-do này hiển nhiên là một khía cạnh của các quyền tự-do ngôn-luận, tự-do báo-chí, tự-do hội họp... Vì mối liên hệ đó, ngăn cấm việc truyền đạo sẽ mâu thuẫn với các quyền tự-do vừa kể. Thật vậy, ở một vài nơi trên thế-giới, mặc dầu luật-pháp có quy định biện-pháp bảo-vệ việc hành sự quyền tự-do ngôn-luận, tự-do báo-chí và tự-do hội họp, nhưng một số công tác truyền giáo như phân phát kinh sách, giảng đạo công khai cũng bị ngăn cản đối với một số giáo phái. Chẳng hạn như ở Tây-Ban-Nha, một nhà thờ Tin-Lành không thể mang dấu hiệu bề ngoài như một cơ sở phụng tự. Các mục-sư Tin-Lành cũng không được phép tổ-chức những cuộc hội họp ngoài trời, đưa người vào đạo bằng bất cứ cách nào, và phân phát các truyền đơn tôn-giáo. Một bài xã-luận đăng trên trang đầu của nhật báo iêu biểu cho quan-điểm của

(134) Burdeau, Georges : Sách đã dẫn, trang 315.

(135) Konvitz, Milton R. : Sách đã dẫn, trang 103.

Giáo-Hội Công-Giáo La-Mã tại Catalonia và của Đức Tổng Giám-Mục giáo khu Barcelona, đã lý-luận về sự hạn chế đó như sau :

"Chúng ta không ngần ngại xác nhận rằng chúng ta thích thấy 10 triệu người Cộng-Sản tại Tây-Ban-Nha hơn là một triệu người Tin-Lành. Điều tai hại nhất có thể xảy ra cho xứ sở chúng ta là sự ly giáo. Chủ-nghĩa Cộng-Sản sẽ đi qua khỏi thế-giới, nhưng sự chia rẽ tôn giáo tại Tây-Ban-Nha sẽ có thể vĩnh viễn và gây ra những cuộc nội chiến đẫm máu nhưt. Những người Tây-Ban-Nha chúng ta đã viết những trang sử cốt nhục tương tàn về những vấn đề chánh-trị, tuy-nhiên nếu những lý-do thiêng liêng của cuộc tranh đấu xuất hiện ở chân trời, dân-tộc chúng ta sẽ không thể sống còn được" (135b).

Ý-Đại-Lợi cũng có tình trạng tương-tự như Tây-Ban-Nha. Đức Tổng-Giám-Mục giáo-khu Milan đã giải thích vào năm 1952 rằng nước Ý là một quốc gia Công-Giáo La-Mã và "vì những lý-do tối thượng thuộc phạm-vi tôn-giáo và chánh-trị, phải kiểm soát quyền tự-do, đặc biệt là quyền tự-do của các tu-sĩ thuộc những tín-ngưỡng khác làm phân hóa nền thống nhất Ý quốc bằng cách lập trên lãnh thổ chúng ta những đạo quân thứ bảy đặt dưới quyền chỉ huy của các hàng giáo phẩm ngoại bang" (135c).

2. Tự-do truyền đạo chấp nhận ly giáo hay "tà giáo"

Cả hai tình-trạng trên đây tại Tây-Ban-Nha và Ý-Đại-Lợi tố cáo sự vi-phạm tự-do truyền đạo. Thật vậy, một chế độ tôn trọng tự-do tôn-giáo phải chấp nhận ly giáo hay "tà giáo" vì nó chính là điều kiện cần thiết và cũng là hậu quả của quyền tự-do này, và việc đem người vào Đạo của mình lại là sự mạng của kẻ đi truyền giáo.

(135b) và (135c) Konvitz, Milton R. : Sách đã dẫn, trang 103.

Tình trạng ly-giáo chính là một khía cạnh của tính-chất đa nguyên trong nền dân-chủ, bởi vì có sự di-biệt sâu xa giữa lãnh-vực tín-tưỡng tôn-giáo và lãnh-vực tín-tưỡng chánh-trị. Về phương-diện tôn-giáo, tín điều đối với người này có thể là tà-giáo đối với người kia. Nhưng về phương-diện chánh-trị, quan-niệm tự-do bó buộc công-dân phải tôn-trọng quyền tự-do của kẻ khác và chấp nhận sự di biệt tôn-giáo.

Do đó, trong một chế-độ dân-chủ tự-do, các tôn-giáo, giáo-phái phải được tự-do truyền đạo một cách công khai. Điều này đã là một truyền thống có từ ngàn xưa tại nước ta. Tuy nhiên, tự-do tôn-giáo không thể có tính-cách tuyệt đối, và phải chịu những giới-hạn.

ĐOẠN II - NHỮNG GIỚI-HẠN CỦA QUYỀN TỰ-DO TÔN-GIÁO

A - NHỮNG GIỚI-HẠN HIẾN ĐỊNH

Theo điều 9 đoạn I Hiến-Pháp 1.4.1967, quốc-gia tôn trọng và bảo đảm quyền tự-do tín-ngưỡng, miễn là :

- 1) Không xâm phạm đến quyền-lợi quốc-gia.
- 2) Không phương hại đến an-ninh trật-tự công cộng.
- 3) Không trái với thuần phong mỹ tục.

Đó là ba giới hạn hiến định của quyền tự-do tôn-giáo. Trong những giới hạn ấy, hai giới hạn sau cùng đã được quy định trong luật thực tại và án lệ. Các tội phạm về an-ninh quốc-gia được dự liệu tại Bộ Hình Luật canh cải, Hình Luật Hoàng Việt, và dụ số 47 ngày 21.8.1956 v.v... Nhiều điều khoản rai rác trong Hình Luật và các luật-lệ khác nhằm trừng trị sự phá rối trật tự công cộng. Còn thuần phong mỹ tục là một quan-niệm thực tế do Tòa xét định tùy trường hợp. Mặc dầu sự định nghĩa khái niệm đó tùy thuộc vào những nguyên tắc đạo đức trong một xã-hội vào một thời gian nào đó, nền pháp chế của ta cũng đã trù liệu những biện pháp chế tài về dân sự cũng như về hình sự những

hành vi trái với hay xâm phạm thuần phong mỹ tục (136).

Duy chỉ có giới-hạn đầu tiên - "quyền lợi quốc gia" - là có tính cách mơ hồ và có thể mở đường cho những mưu toan độc tài bóp chết một nhân quyền thiêng liêng. Người ta có thể đưa ra nhiều lý-do để chỉ trích giới-hạn này. Đồng thời, đặt mình trong giai đoạn mà Hiến-Pháp đệ II Cộng-Hòa được soạn thảo, người ta có thể giải thích được tại sao nhà Lập Hiến đã quy định như vậy.

B - NHỮNG LÝ-DO CHỈ TRÍCH GIỚI-HẠN
"QUYỀN LỢI QUỐC-GIA" ĐỐI VỚI TỰ-DO TÔN-GIÁO

Người ta có thể nêu lên ba lý-do để chỉ-trích giới-hạn vừa kể :

1) Vì không có một điều khoản nào của luật thực tại quy-định khái niệm "xâm phạm đến quyền-lợi quốc-gia", nên sự thẩm định sẽ hoàn toàn tùy thuộc vào ý-chí riêng của nhà cầm-quyền. Do tính-cách mơ hồ và thiếu tiêu chuẩn pháp-lý, ý-niệm "quyền-lợi quốc-gia" có thể dùng để biện minh cho những biện-pháp hà khắc của Nhà Nước. Nhất là "quyền-lợi quốc-gia" liên hệ đến lãnh-vực tôn-giáo lại vừa có tính-cách tinh-thần vừa có tính cách vật thể, nên ý-niệm ấy có thể dùng để xâm phạm đến cả tự-do tư-tưởng lẫn tự-do biểu lộ đức tin ra bề ngoài.

2) Sự quy-định giới-hạn trên còn không phù hợp với triết-lý căn bản của các quyền tự-do công cộng. Thật vậy tự-do tôn-giáo là một trong những nhân-quyền căn-bản có trước và ở trên quốc-gia, nó có tính cách

(136) Xem Linh, Trần-thúc : Danh từ Pháp-luật lược-giải, trang 113-119 (Về các tội xâm phạm an-ninh quốc-gia và các tội xâm phạm thuần-phong mỹ-tục), nhà sách Khai-Trí 1965.

bất khả di nhượng, bất khả thời tiêu và phổ quát (137). Vì con người là cứu cánh của luật-pháp và quốc-gia (138), nên người cầm quyền không thể nhân danh "quyền lợi quốc-gia" để hạn chế hay xâm phạm nhân quyền ấy nếu nó không phương hại đến an ninh trật tự công cộng và thuần phong mỹ tục do luật thực tại chế tài. Như vậy giới-hạn nêu trên còn có thể đi ngược lại với điều 29 hiến pháp vì điều này khẳng định "... Trong mọi trường hợp tính cách thiết yếu của các quyền công dân căn-bản vẫn không được vi phạm".

3) Trên bình diện luật-học đối chiếu, pháp-chế của các quốc-gia văn-minh và các tổ-chức quốc-tế không hề nêu ý-niệm "xâm phạm quyền-lợi quốc-gia" để giới-hạn tự-do tôn-giáo.

- Tại Hoa-Kỳ, trong các tu chính án Hiến pháp I và XIV năm 1791, liên quan đến các quyền tự-do công cộng và đặc biệt là tự-do tôn-giáo, không có một câu nào nói tới "quyền lợi quốc gia" (139).

Trong bản án Reynolds năm 1878, Tối Cao Pháp Viện Hoa-Kỳ đã đề ra nguyên-tắc vững chắc là tín-ngưỡng không thể được chấp nhận như một sự kiện biện minh hay khoan miễn cho một hành-vi công-khai mà cơ-quan Lập-pháp định là phạm tội (140). Như vậy, tự-do tôn-giáo chỉ phải chịu giới-hạn do luật-pháp đặt ra một cách rõ rệt mà thôi.

(137) Pelloux, Robert : Introduction à l'étude des droits de l'homme et des libertés fondamentales en Europe, lục đăng trong "Essais sur les droits de l'homme en Europe" (Première série), Tome I. l'Institut universitaire d'Études Européennes de Turin, 1959, trang 176.

(138) Burdeau : Sách đã dẫn, trang 4 và kế tiếp.

(139) Bông, Nguyễn-văn : Sách đã dẫn II, xem phần Phụ-lục Hiến-Pháp Hoa-kỳ.

(140) Konvitz, Milton R. : Sách đã dẫn, trang 44-45.

Hiến-Pháp Ý-Đại-Lợi năm 1947 trong điều 3 còn cam kết loại bỏ những trở lực kinh-tế, xã-hội có thể giới hạn trong thực tế quyền tự-do, bình đẳng của các công dân, và ngăn cản sự phát triển toàn diện của con người ... (141).

Tại Bỉ tuy rằng theo Hiến-Pháp tự-do tôn-giáo không bao hàm một sự phân lập hoàn-toàn giữa quốc-gia và Giáo-Hội, người ta cũng không thấy một điều khoản nào vi phạm dẫn ý-niệm "quyền-lợi quốc-gia" để hạn chế tự do tôn-giáo. Hiến-Pháp định rằng quyền tự-do này chỉ bị hạn-chế bởi sự tôn-trọng tự-do của kẻ khác và sự cam xâm phạm vào một tội phạm hình sự nhân khi hành xử quyền tự-do. Luật-pháp Bỉ còn cấm Cơ-an tư-sĩ không được núp dưới chiêu bài tự-do tôn-giáo để xử dục sự bất tuân luật-pháp (142).

Tại Anh, tục-lệ-pháp cũng chỉ đặt ra hai hạn-chế duy nhất, không nhân danh quyền lợi quốc-gia. Đó là : 1) Những điều khoản nhằm bảo-vệ cá-nhân và thanh danh của y chống lại sự tấn công bằng lời nói hay giấy tờ của kẻ khác, ; 2) Những quy-tắc nhằm duy-trì trật tự công cộng, an-ninh quốc-gia và bảo tồn tín-ngưỡng cùng nền luân-lý (143).

Tại Thụy-Sĩ "sự hành xử quyền tự-do phụng-tự được bảo-vệ trong giới-hạn phù hợp với trật tự công cộng và thuần phong mỹ tục. "Sự hạn-chế này được Tòa-án

-
- (141) Alciator, Maurizio et Fois, Paolo : La reconnaissance et la garantie des droits de l'homme dans la constitution italienne, lục đăng trong "Essais sur les droits de l'homme en Europe", trang 4-5.
- (142) Lavalleye, Paul : Les droits de l'homme et les libertés fondamentales en Belgique, lục đăng trong "Essais sur les droits de l'homme en Europe", trang 25.
- (143) Cartwright, Hilary : Les droits de l'homme et les libertés fondamentales en Grande Bretagne, lục đăng trong "Essais sur les droits de l'homme en Europe", trang 51.

liên bang giải-thích rất chặt chẽ, và các chánh-quyền địa-phương chỉ có thể can-thiệp chống lại một hoạt-động tôn-giáo hay việc hành-sử tự-do phụng-tự nếu sự can-thiệp này quả thực cần thiết cho sự duy-trì trật-tự công cộng và hòa-bình giữa các tín-đồ thuộc những tôn-giáo khác nhau. Ngoài ra, còn một vài hạn-chế khác mà luật-gia Thụy-Sĩ cho là một vết nhơ trong Hiến-Pháp. Tuy-nhiên những hạn-chế này được biện minh không bởi ý niệm "quyền lợi quốc-gia" mà bởi những xung khắc vào hậu bán thế-kỷ trước, nhằm tiết chế hoạt-động của một vài giáo phái. Người ta hy-vọng những hạn-chế vừa kể sẽ phải được bãi bỏ trước một phong trào chống đối dữ dội (144).

Tại Pháp, Đạo Luật 9.12.1905 chỉ ấn-định một giới-hạn duy nhất cho tự-do tôn-giáo là trật-tự công cộng (145).

Ngoài luật căn bản của năm quốc-gia tiên tiến vừa kể, hiệp ước Âu-Châu về nhân quyền 4.11.1950 cũng không quy định "quyền-lợi quốc-gia" là một hạn-chế nhân quyền. Văn-kiến này chỉ nêu ba hạn chế : 1) Hạn-chế hoạt-động chánh-trị của người ngoại quốc ; 2) Từ khước tự-do đối với kẻ phá hoại tự-do và 3) Định chỉ việc xử dụng nhân quyền trong tình-trạng chiến-tranh hay trong trường-hợp có nguy-cơ đe dọa quốc-gia. Ngay hạn-chế sau chót này cũng không được gọi là "xâm phạm đến quyền-lợi quốc-gia", vì mệnh đề này hàm chứa một ý-nghĩa mơ-hồ thiếu tiêu-chuẩn pháp-lý, trong khi sự hạn chế các tự-do trong những tình-trạng đặc-biệt đều đã được luật thực tại và án lệ của phần lớn các quốc-gia, nhất là sau thế chiến thứ II, quy định (146).

(144) Kundig, Theo : Les droits constitutionnels en Suisse, lục đăng trong "Essais sur les droits de l'homme en Europe", trang 75-76.

(145) Burdeau, Georges : Sách đã dẫn, trang 333 và kế tiếp.

(146) Bông, Nguyễn-văn : Sách đã dẫn, trang 417.

Vì những lẽ nêu trên, giới hạn "xâm phạm đến quyền lợi quốc-gia" do Hiến-Pháp Việt-Nam đặt ra cho tự-do tôn-giáo thật khó có thể được chấp nhận. Tuy-nhiên nó đã trở thành một nguyên-tắc pháp lý căn-bản. Trước nghịch cảnh ấy, ta phải truy nguyên lý-do sự quy định không hợp lý để tìm phương bổ cứu.

C - TÌM HIỂU LÝ-DO QUY-ĐỊNH GIỚI-HẠN
"XÂM-PHẠM ĐẾN QUYỀN-LỢI QUỐC-GIA"

Đặt mình trong khung-cảnh lịch-sử của bản văn Hiến-Pháp 1967, ta có thể quả quyết rằng lý-do quy-định một giới hạn quá mơ hồ và bao la ấy chính là mặc cảm của nhà Lập Hiến sợ sệt sự tái hiện tình trạng xáo trộn một phần vì tôn-giáo can thiệp mạnh mẽ vào chánh-trị. Mặc cảm sợ sệt ấy được biểu lộ ngay trong những cuộc bầu cử qua Quốc-Hội, vì các dân biểu đã bày tỏ sự quan tâm lớn lao đối với mối tương-quan giữa tôn-giáo và chánh-trị.

Trước hết, dân biểu thuyết-trình-viên Nguyễn-minh-Đặng đã đề nghị một hạn chế quá khắt khe đến vô-lý đối với hoạt-dộng của tu-sĩ :

"Các tu-sĩ không được hành xử các quyền chánh trị".

Sau khi nêu 4 khoản của dự-thảo điều 9 Hiến Pháp, ông tuyên bố :

"Sẽ đúc kết ý-kiến của các dân biểu thế nào cho hai việc quan-trọng là tôn-giáo và chánh-trị không có sự va chạm lẫn nhau về sau".

Thứ đến, tính cách mơ hồ và bao la của ý-niệm "xâm phạm quyền lợi quốc-gia" đã được dân biểu Võ-thượng-Kính nêu lên. Ông nhấn mạnh :

"Chúng ta không nên vì một đôi lần sự nhỏ nhặt xảy ra do một số cá nhân lợi dụng danh nghĩa tôn-giáo làm xáo trộn đất nước, mà chúng ta ghi vào Hiến-Pháp những đoạn không tốt đẹp cho tương lai của các

tôn-giáo, và có tai hại đến sự truyền giáo".

Nhưng ý-kiến ấy đã không được Quốc-Hội Lập-Hiến chấp nhận (147) vì mặc cảm nêu trên, Mặc cảm ấy còn khiến các nhà Lập Hiến 1967 quy-định tự-do tôn-giáo tỉ mỉ hơn các nhà Lập-Hiến 1956 (148). Tâm trạng này cũng giống như tâm trạng nhà Lập-Hiến nước Bỉ năm 1831 vì những lý-do lịch-sử (149).

Tâm-trạng hoài-nghi và lo sợ của nhà Lập-Hiến 1967 đã khiến họ tự mâu thuẫn và lúng túng khi quy-định quyền tự-do tôn-giáo :

- Mâu thuẫn vì trong khi sợ nạn độc tài tái phát, họ lại vô-tình mở đường cho khuynh-hướng độc-tài có cơ-hội len lỏi vào chế-độ mới qua khe hở của một giới hạn mơ hồ dành cho tự-do tôn-giáo.

Hơn nữa, nguyên-nhân sâu xa đưa tới việc thành lập nền Đệ II Cộng-Hòa chính là cuộc tranh-đấu nhân danh tự-do tín-ngưỡng. Như vậy đáng lẽ họ phải bảo vệ quyền tự-do ấy một cách hữu hiệu hơn thì họ lại vô tình để một sơ hở.

- Lúng túng vì một mặt họ tỏ ra cương-quyết loại chánh-trị khỏi tôn-giáo, mặt khác họ lại chịu ảnh-hưởng của những áp-lực trái ngược do các đoàn-thể tôn-giáo gây nên trong khi biểu quyết bản văn Hiến-Pháp. Để thỏa mãn yêu sách của Phật-Giáo, họ đã loại bỏ danh từ "Đấng Tối Cao" ra khỏi Hiến-Pháp. Rồi, trước phản ứng đối nghịch của các tôn-giáo khác, họ lại phải ra một tuyên-ngôn phụ đính bản Hiến-Pháp để nói vớt vát rằng họ có tin-tưởng ở đấng Thiêng Liêng

(147) Công-Báo Việt-Nam Cộng-Hòa số 9, Quốc-Hội, ngày 24.4.1967, trang 948-978.

(148) Điều 17 Hiến-Pháp 26.10.1956, chỉ có một đoạn duy-nhứt và chỉ nêu hai giới-hạn là loạn-lý và thuận-phong my-tục.

(149) Lavallege, Paul : Bài đã dẫn, trang 20, 24 và 25.

của oáo tôn-giáo. Thái-độ lúng-túng, nửa cương-quyết nửa nhu-nhược này thật ra chẳng thỏa mãn trọn vẹn được bất cứ một đoàn-thể tôn-giáo nào.

Khuyết điểm trên đây của nhà Lập-Hiến nên được sửa chữa bằng cách ấn-định chặt-chẽ giới-hạn tự-do tôn-giáo.

D - ĐỀ-NGHỊ ÁN-ĐỊNH CHẶT-CHẼ GIỚI-HẠN
TỰ-DO TÔN-GIÁO

Trước viễn ảnh không tốt đẹp của một giới-hạn không hợp-lý đặt cho tự-do tôn-giáo, người ta có thể đề-nghị hai giải pháp :

1) Giải-pháp tạm-thời : Giới hữu quyền phải giải-thích hết sức chặt chẽ giới-hạn hiến định "xâm-phạm đến quyền-lợi quốc-gia". Sự hữu hiệu của giải-pháp này tùy thuộc vào tinh-thần bảo-vệ nhân quyền của Tối Cao Pháp Viện, cơ-quan có nhiệm-vụ giải-thích Hiến-Pháp.

2) Giải-pháp dứt khoát : Nên hủy bỏ giới-hạn hiến định này để tránh mọi lạm dụng hay nghi kỵ.

Tóm lại tự-do tôn-giáo tại Việt-Nam chỉ nên chịu hai giới-hạn là : an-ninh và trật-tự chung, cùng thuận phong mỹ tục.

Chính tự-do tôn-giáo đã đưa tới việc xác-định nguyên-tắc phân-lập giữa Quốc-Gia và Giáo-Hội (150). Nói một cách khác, việc phân-lập nhằm đặt một lần ranh mà cả hai bên đều phải tôn-trọng để bảo-vệ tự-do tôn-giáo. Việt-Nam nên có một quan-niệm thế nào về vấn đề này ? Trả lời câu hỏi đó là đối-tượng của Tiết II.

(150) Konvitz, Milton R. : Sách đã dẫn, trang 6.

TIẾT II

ĐỀ-NGHỊ MỘT QUAN-NIỆM PHÂN-LẬP
GIỮA GIÁO-HỘI VÀ QUỐC-GIA

Hiến-Pháp Việt-Nam 1.4.1967 trong điều 9 đoạn II đã nhìn-nhận nguyên-tắc "phân lập giữa quốc-gia và Giáo-Hội" khi định rằng : "Quốc-Gia không nhìn nhận một tôn-giáo nào là quốc-giáo. Quốc-gia vô tư đối với sự phát triển của các tôn-giáo".

Muốn đề-nghị một quan-niệm hợp-ly về nguyên-tắc phân lập, ta cần phải biết nội-dung cùng những quan-niệm dị biệt của nguyên-tắc. Do đó, Tiết II gồm có ba đoạn :

1. Nội-dung nguyên-tắc phân-lập giữa Quốc-gia và Giáo-Hội.
2. Hai quan-niệm phân-lập khác nhau.
3. Đề nghị một quan-niệm phân lập thích-hợp cho Việt-Nam Cộng-Hòa.

ĐOẠN I - NỘI-DUNG CỦA NGUYÊN-TẮC PHÂN-LẬP GIỮA
QUỐC-GIA VÀ GIÁO-HỘI

A - NGUYÊN-TẮC

Khi phân-tích nguyên-tắc thế tục của quốc-gia, ta đã nói rằng nguyên-tắc phân-lập có nghĩa là quốc-gia không hành sử quyền hành tôn-giáo và Giáo-Hội không hành sử quyền-lực chánh-trị (151). Mỗi bên có một nhiệm vụ khác nhau : công việc của quốc-gia là điều-hành xã-hội chánh-trị và phục-vụ những nhu-cầu dân-sự của cộng-đồng. Công việc của Giáo-Hội là săn sóc phần tâm linh của con người và thực-hiện những hoạt-động thích-hợp

(151) Xem trang 440-441 Luận án này.

với ý-thức tôn-giáo. Theo giáo-sư Paul G. Kauper, sự phân-lập này không những bắt nguồn từ một quan-niệm phân công thích-hợp, mà còn dựa trên lý-thuyết theo đó chánh-nghĩa của con người được phục-vụ hữu-hiệu nhất khi tôn-giáo cùng những định-chế của nó được xây-dựng trên căn-bản tự-nguyện và không tùy thuộc vào sức mạnh chánh-trị (152).

B - HẬU-QUẢ CỦA NGUYÊN-TẮC

Nguyên-tắc phân-lập đem lại ba hậu-quả chính yếu : tính-cách trung-lập của quốc-gia và những tập-thể công-quyền, sự không thừa nhận việc phụng-tự, và tự-do phụng-tự (153).

1. Tính-cách trung-lập - Tính-cách trung-lập đã được pháp-chế của mọi quốc-gia thế tục nhìn nhận. Hiến pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ấn định : "Quốc-Gia vô-tư đối với sự phát triển của các tôn-giáo".

Luật ngày 9.12.1905 của Pháp, trong điều 2, xác-nhận rằng quốc-gia không thừa nhận, không trả lương, không trợ cấp cho bất cứ một phụng tự nào. Tu-chánh-án I của Hiến-Pháp Hoa-Kỳ ấn-dịnh :

"Quốc-Hội không thảo luận một đạo luật nào để thiết-lập một tôn-giáo hoặc để cấm đoán tự-do tôn-giáo".

Với tính cách trung-lập, quốc-gia không đối nghịch với tôn giáo và cũng không tán phong một chủ-thuyết tôn-giáo chánh-thức nào hay bất cứ một phụng-tự nào. Không nâng đỡ một tôn-giáo nào, quốc-gia có thể trợ cấp cho những hoạt-dộng văn-hóa xã-hội của mọi

(152) Kauper, Paul G. : Civil liberties and the constitution, tr. 26, University of Michigan, 1962.

(153) Burdeau, Georges : Sách đã dẫn , trang 326 và kế tiếp.

tôn-giáo với điều-kiện là những hoạt-động ấy chỉ nhằm thỏa mãn nhu-cầu công-ích của xã-hội dân-sự, chứ không nhằm bành trướng tôn-giáo (154).

Hơn nữa, do tính cách trung lập của quốc-gia, tôn-giáo không thể là một tiêu-chuẩn để thẩm định việc tham gia vào các chức-vụ công cử hay dân cử hoặc việc hưởng dụng các dịch vụ của mọi tập-thể công quyền. Luật-pháp các quốc-gia tiến bộ đều ấn-định như vậy. Điều 6 Bản Tuyên-Nghôn Nhân-Quyền 1789 của Pháp-quốc xác nhận : "Tất cả mọi công-dân đều có thể tham-gia một cách bình đẳng vào mọi chức tước, địa-vị và nghề nghiệp, tùy theo khả năng và không có sự phân biệt nào khác hơn là sự phân biệt về đức hạnh và tài năng". Hiến-Pháp Đệ Ngũ Cộng-Hòa Pháp-quốc cũng ghi rõ : "Không ai có thể vì nguồn gốc chính kiến hay tín-
ngưỡng ... mà bị làm thiệt hại trong công việc làm hay nghề-nghiệp". Hiến-Pháp Đệ-nhi Cộng-Hòa Việt-Nam cũng công nhận nguyên-tắc này khi ghi trong điều 2 đoạn 1 : "Quốc-gia chủ trương sự bình đẳng giữa các công-dân, không phân biệt... tôn-giáo...". Nguyên-tắc này trở nên rất vững chắc trong án-lệ Hành-chánh Pháp-quốc mà các pháp-đình Hành-chánh Việt-Nam thường hay mô phỏng (C.E., 25 juillet 1939, Beiss, Rec. 534 ; 5 janvier 1944, Tétaud, Rec. 1).

2. Không thừa nhận sự phụng-tự - Do sự-kiện phân-lập, việc phụng-tự không thể là một công-vụ và không thể chiếm bất cứ phần nào trong ngân-sách công-quyền. Tu-sĩ không được quốc-gia trả lương và không có một địa-vị công nào trong quốc-gia, họ cũng là những công-dân như mọi người khác.

(154) Kauper, Paul G. : Sách đã dẫn, trang 35 và kế tiếp.

Tuy nhiên, sự không nhìn nhận ấy không có tính-cách toàn diện. Trong thực tế quốc-gia phải để ý tới các sự-kiện tôn-giáo và hành sử quyền cảnh-sát đối với việc hành sử quyền tự-do phụng-tự để bảo-vệ an-ninh trật-tự chung và sự an-toàn cá-nhân.

3. Tự-do phụng-tự - Quyền tự-do phụng-tự được biểu-lộ dưới ba khía cạnh :

- Trước hết, quyền tự-do tổ-chức phụng-tự của các tôn-giáo phải được tôn-trọng. Quốc-gia không được xen lẫn vào việc điều-hành nội bộ của tôn-giáo.

Tuy nhiên, trong thực-tế, tại Pháp-quốc đôi khi quốc-gia đã can-thiệp vào việc bổ-nhiệm các tu-sĩ của Giáo-Hội. Theo một sự thỏa-thuận không chính thức vào năm 1921 với Tòa Thánh La-Mã, chánh-phủ Pháp đã được thông-báo cho biết ý-định, và có thể đưa ra những phán đối, về việc chỉ-định một nhân-vật nào đó vào chức-vụ tông-dồ (155).

- Thứ đến, việc hành-xử quyền tự-do phụng-tự phải được bảo-vệ. Theo nguyên-tắc, các lễ tôn-giáo phải được cử-hành tự-do, không cần có phép trước của chánh-quyền. Chế-độ hội-hợp về tôn-giáo phải được luật-pháp

(155) Burdeau, Georges : Sách đã dẫn, trang 328-329.

quy-dịnh thế nào để quyền tự-do tôn-giáo được triệt để tôn-trọng.

- Sau hết, tự-do hành giáo còn ngụ ý rằng không một cản trở pháp-lý hay thực-tế nào có thể đặt ra cho sự thực hành phụng-tự. Hiểu một cách phóng khoáng, tại các quốc-gia Pháp, Mỹ cũng như tại Việt-Nam Cộng-Hòa, ý-tưởng này đưa tới việc tổ-chức những cơ-sở tuyên-uy trong quân đội, bệnh viện và nhà tù (156). Hành động ấy của nhà cầm quyền tiêu-biểu cho quan-niệm phân-lập tương-đối, trái ngược với quan-niệm phân-lập tuyệt đối. Hai quan-niệm này như thế nào ?

ĐOẠN II - HAI QUAN-NIỆM PHÂN-LẬP KHÁC NHAU

Không kể tới lập-trường cũ kỹ của Giáo-Hội La-Mã đã từng bác bỏ nguyên-tắc phân-lập để thay thế bằng nguyên-tắc hợp tác (157), hiện nay người ta thấy có hai quan-niệm khác nhau về phân-lập. Sự khác biệt giữa hai quan-niệm nằm trong mức độ phân-lập chứ không phải trong chính sự phân-lập. Thật vậy, cả hai đều chấp nhận nguyên-tắc, nhưng một bên cho rằng sự phân-lập có tính cách tuyệt-đối, bên kia chỉ nhìn nhận tính cách tương đối của nguyên-tắc.

PHÂN ĐOẠN I - QUAN-NIỆM PHÂN-LẬP TUYỆT-ĐỐI

Xét về phương-diện lịch-sử, quan-niệm phân-lập tuyệt-đối bắt nguồn từ chủ-nghĩa tự-do và cuộc cách-mạng Dân-quyền 1789 tại Pháp. Vì khó có thể áp-dụng được trong thực-tế, quan-niệm này ngày nay chỉ

(156) Trotabas, J. B. : Sách đã dẫn, trang 154 và kế tiếp. Cũng xem : Pauker, Paul G. : Sách đã dẫn, trang 36.

(157) Xem những lời tuyên-bố của các Giám-mục Công-Giáo La-Mã, đăng trong New-York Times, 21.11.1948 ; và Parsons : The First free-dom ; Cũng xem lời tuyên-bố của Đức Hồng Y Mc Intyre, New-York Times, 28.8.1955 (Konwitz, Milton R. : sách đã dẫn, trang 56).

có tính cách lý-thuyết và tiêu-biểu cho khuynh-hướng thiểu-số tại cả Pháp quốc lẫn Hoa-Kỳ.

A - Tại Pháp

Cách-mạng 1789 đã tước bỏ những đặc quyền của giới tăng-lữ và thế-tục-hóa tôn-giáo (1789-1795).

Về sau, trong thời kỳ phân-lập (1795-1801) và thời-kỳ hòa-thuận với Giáo-Hội La-Mã (chế-độ hiệp-ước : 1802-1905), chánh-quyền Pháp vẫn có thái-độ chống đối Giáo-Hội và muốn đặt nó lệ-thuộc quốc-gia, mặc dầu tự-do tôn-giáo đã được thiết-lập (158).

Nếu chế-độ phân-lập năm 1905 đưa tới giải-pháp phóng khoáng cho vấn-đề tương-quan giữa Nhà Nước và Giáo-Hội trong thực-tế (159), thì trên bình-diện lý-thuyết cho tới nay vẫn còn khuynh-hướng chống Giáo-Hội. Tinh-thần thế-tục bị đồng-hóa với sự bất tín-nhiệm Giáo-Hội, và cả hai được coi là phương-sách bảo-vệ tính cách thế-tục của quốc-gia chống lại chủ-nghĩa Giáo-Hội. Người chủ-trương chống-đối sự ràng quan-niệm thế-tục bị thâm nhập bởi toan tính của một Giáo-Hội muốn bảo toàn địa-vị của mình trong quốc-gia (160).

Vì vậy, theo quan-niệm phân-lập tuyệt-đối, quốc-gia không cần biết tới sự-kiện tôn-giáo bởi lẽ hai bên hoàn-toàn biệt-lập, mặc dầu tự-do tôn-giáo vẫn được nhìn nhận. Đó là một quan-niệm thế-tục quá-khích nhằm loại trừ mọi ảnh-hưởng của Giáo-Hội khỏi sinh-hoạt chánh-trị. Theo quan-niệm này, trong mọi trường-hợp quốc-gia không được giúp đỡ một tôn-giáo hay tất cả mọi tôn-giáo trong bất cứ lãnh-vực nào. Sự cấm đoán tuyệt đối ấy không có một trừ lệ nào.

(158) Trotabas, J.B. : Sách đã dẫn, trang 126 và kế tiếp.

(159) Trotabas, J.B. : Sách đã dẫn, trang 133 và kế tiếp.

(160) Về chủ-nghĩa chống Giáo-Hội, xem : Actualité de l'Anticléricalisme, Revue Politique et Parlementaire, N. 776, Mars 1967.

Số phận của quan-niệm phân-lập tuyệt-đối này đã ra sao từ năm 1905 trở đi ? Thật ra, từ năm 1905, quan-niệm quá-khích vừa nói không ảnh-hưởng tới chánh-sách phong-khoảng của nhà cầm quyền đối với Giáo-Hội, mà chỉ được bàn cãi nhiều trong giới lý-thuyết-gia và chánh-khách.

Quan-niệm thế-tục dưới khía cạnh đặc-biệt của vấn-đề học-đương đã được trình-bày như một "khẩu-hiệu tranh-cử" bởi "Ủy-Hội Quốc-Gia hành-động thế-tục". Nhưng hình như vấn-đề này cũng không gây được sôi nổi trong kỳ bầu-cử 1956.

Trong giới Lập-Pháp của Pháp quốc, người ta cũng thấy biểu-lộ một khuynh-hướng phân-lập tuyệt-đối qua một quyết-nghị, đệ nạp tại văn-phòng Quốc-Hội ngày 25.1.1956, yêu cầu chánh-phủ tôn-trọng triệt để điều 2 Luật 1905 (161). Quyết-nghị, nêu ra hàng loạt những vi-phạm của Nhà Nước vào nguyên-tắc thế-tục, muốn chứng minh ảnh-hưởng của Giáo-Hội trong sinh-hoạt chánh-trị Pháp quốc để đi đến kết-luận là phải áp-dụng chặt chẽ nguyên-tắc phân-lập tuyệt-đối theo đó quốc-gia không biết tới các sự-khiện tôn-giáo.

Theo chiều-hướng ấy, bị coi là không phù-hợp với tính-cách thế-tục của quốc-gia lời tuyên-thệ có tham chiếu tôn-giáo của nhân-viên Viện Bảo Hiến Tối Cao (162). Theo J.B. Trotabas, muốn thanh-khiết-hóa khái-niệm thế-tục người ta hình như đã đi đến chỗ biến thể nó phần nào. Quyết-nghị trên đây cho rằng chế-độ đương-thời của Pháp đã quá dung-hòa với tôn-giáo. Như vậy trong danh-từ "bảo-vệ thế-tục" tại Pháp vẫn còn

(161) Xem trang 527 Luận án này. 527

(162) "Tôi xin thề và tôi hứa làm tròn nhiệm-vụ, giữ gìn bí mật một cách kính-cân (religieusement) những điều thăm nghị và biểu-quyết, luôn luôn cư xử như một tham-phán xứng đáng và trung-thành" (điều 6 Luật 27.10.1946). Văn-thức này đã bị Hiến-Pháp 4.10.1958 hủy-bỏ.

một sự bất tín-nhiệm Giáo-Hội, một sự sợ hãi chống lại chủ-nghĩa Giáo-Hội mà hiển nhiên chế-độ phân-lập đã muốn bãi bỏ. Trong một vài lãnh-vực, mọi hoạt-động của Giáo-Hội bị nghi ngờ bởi vì Giáo-Hội săn sóc con người xã-hội toàn diện :

"Còn phải hiểu rằng đạo luật phân-lập Giáo-Hội và Quốc-Gia, về nhiều phương-diện, là một cái chọt lửa bíp đối với Nhà Nước. Thật vậy, nếu sự vô-thẩm-quyền tôn-giáo của quốc-gia được tôn-trọng một cách trung-thành trong mọi trường hợp, người ta không thể nói rằng Giáo-Hội Công-Giáo đã giữ cùng một sự thận-trọng như vậy đối với đường lối chánh-trị của Pháp quốc" (163).

Nhiều giới thế-tục thuộc nhiều lãnh-vực đã khám phá ra sự can-thiệp ấy của Giáo-Hội. Người ta tố-giác Giáo-Hội đã tìm cách chiếm một địa-vị quá to lớn trong những hoạt-động của đời sống xã-hội. Người ta cũng trách cứ chánh-quyền đã tỏ ra quá hòa-hoãn trước những đòi hỏi của Giáo-Hội. Người ta còn phê-bình sự hiện-hữu của các cơ-quan tuyên-úy trong các công-sở như nhà thương, trường học, quân-đội, và việc bang giao giữa Pháp quốc và Tòa Thánh La-Mã, cùng vấn-đề trợ cấp cho các trường tư (164).

B - Tại-Hoa-Kỳ

Tại Hoa-Kỳ, quan-niệm phân-lập tuyệt-đối đã được ghi nhận trong các phán-quyết của Tối-Cao Pháp-Viện, và nó chỉ tiêu-biểu cho lập-trường của các Thám-Phán phe thiểu số. Toàn thể thám-phán đều chấp-nhận nguyên-tắc phân-lập, và chỉ bất-đồng về mức-độ của sự phân-lập tức là sự áp-dụng nguyên-tắc trong thực tế.

(163) Deixonne, Maurice : "Les prétentions du cléricisme", la Revue socialiste, N. 83, Janvier 1955, p. 23, trích dẫn bởi J. B. Trotabas : Sách đã dẫn, trang 154.

(164) Trotabas, J. B. : Sách đã dẫn, trang 147-202.

Thật vậy, án-lệ quan-trọng Everson cho ta thấy rõ lý-luận của lập-trường này (165). Theo án-lệ vừa nêu trên, Tối-Cao Pháp-Viện Hoa-Kỳ đứng trước một vụ kiện như sau : Luật lệ của Tiểu bang New Jersey cho phép Ủy-ban Giáo-Dục địa-phương cung-cấp phương-tiện chuyên-chở cho các học-sinh tư-thục đi và về học, ngoại trừ các trường có mục đích kiếm lời, trên những lộ-trình của các trường công-lập, hay bằng những phương-tiện khác khi đưa trẻ sống "xa bất cứ trường học nào". Chiếu luật lệ trên, Ủy-ban Giáo-Dục thành phố Ewing quyết-định cung cấp phương-tiện chuyên chở cho học-sinh một vài trường công "và những trường Đạo ...". Theo quyết-định này, phụ-huynh học-sinh trường công hay xứ Đạo trả lệ phí chuyên chở được Ủy-ban Giáo-Dục địa-phương bồi hoàn từng bán niên một. Tòa-Án Tối-Cao Tiểu-bang New Jersey cho rằng sự quy-định ấy phù-hợp với Hiến-Pháp Tiểu-bang và Hiến-Pháp Liên-Bang. Tối-Cao Pháp-Viện Hoa-Kỳ, trong một phúc quyết với 5 phiếu thuận và 4 phiếu chống đã y án của tòa dưới.

Các thẩm phán thiểu số cho rằng trong khi đa số chủ trương "sự phân-lập hoàn-toàn và không thỏa hiệp giữa quốc-gia với Giáo-Hội", quyết-định của họ thực ra đã vi-phạm nguyên-tắc này, bởi vì trong hiện vụ tiền thu thuế được sử-dụng để ủng-hộ sự vi-phạm nguyên-tắc phân-lập chủng nào mà tiền đó còn được dùng để bồi hoàn cho phụ-huynh học-sinh những tổn-phí chuyên chở con em họ đi và về học tại những trường trong đó tôn-giáo là một đặc điểm rõ rệt của chương-trình giáo-dục.

Thẩm-phán Jackson nói :

"Tôi phải ngạc nhiên nếu bất cứ người Công-Giáo nào có thể chối cãi rằng trường Đạo là một phần thiết yếu, nếu không phải là thiết yếu nhất, của Giáo-Hội... Nền giáo-dục Công-Giáo là một tảng đá trên đó toàn thể kiến trúc dựa vào, và việc giúp đỡ tiền thuế

(165) Kauper, Paul G. : Sách đã dẫn, trang 11 và kế tiếp.

cho trường Đạo, đối với tôi không thể phân biệt được với việc giúp đỡ cùng thứ đồ cho chính Giáo-Hội. Việc phụng-tự hay giáo-dục tôn-giáo hay tham-dự vào những định-chế tôn-giáo thuộc bất cứ tính-cách nào không bao giờ có thể là công-vụ được".

Các thăm-phán thiếu số biện luận rằng Hiến-Pháp có hiệu-lực gạt bỏ mọi hình-thức tuyên-truyền tôn-giáo ra ngoài phạm-vi những vấn-đề có thể "trực-tiếp hay gián-tiếp được trở-thành công-vụ và, do đó, chiếm được sự hỗ-trợ" toàn phần hay một phần của Nhà Nước. Tự-do tôn-giáo được bảo-đảm một cách "tuyệt-đối, mạnh mẽ, và vững chắc".

Cùng lập-trường phân-lập tuyệt-đối với thăm-phán Jackson, thăm-phán Black đã phát biểu :

"Điều khoản "thiết-lập tôn-giáo" trong tu-chánh-án I của Hiến-Pháp ít nhất cũng có nghĩa là : cả Tiểu-bang lẫn chánh-phủ Liên-bang không được thiết lập bất cứ một Giáo-Hội nào, không được thông qua những đạo-luật nhằm nâng- đỡ một tôn-giáo, nâng- đỡ tất cả mọi tôn-giáo, hay thiên-vị tôn-giáo này hơn tôn-giáo khác. Cũng không được cưỡng bách hay ảnh-hưởng một người nào vào hay ra khỏi một Giáo-Hội trái với ý-muốn của y hay bắt buộc y phải tuyên xưng lòng tin-tưởng hay không tin-tưởng vào bất cứ một tôn-giáo nào. Không một người nào có thể bị trừng phạt về việc chấp nhận hay tuyên-xưng những tin-tưởng hay không tin-tưởng, tôn-giáo, về việc đi nhà thờ hay không đi nhà thờ. Không một sắc thuế nào thuộc bất cứ giá ngạch nào, dù nhỏ hay lớn có thể được hành thâu để yểm-trợ bất cứ hoạt-động hay định-chế tôn-giáo nào, bất luận chúng có thể được mệnh danh là gì hay bất luận chúng chọn hình-thức nào, giảng dạy và thực-hành tôn-giáo, cũng mặc lòng. Cả Tiểu-bang lẫn chánh-phủ Liên-bang đều không thể, một cách công-khai hay bí mật, tham-dự vào những công việc của bất cứ tổ-chức hay đoàn-thể tôn-giáo nào".

Vấn theo phe thiếu số trong án-lệ trên, việc

bảo-dảm tự-do tôn-giáo thực-hiện bằng hai cách : quốc-gia không dính dáng đến tôn-giáo, và tôn-giáo không đụng chạm tới quốc-gia. Tối-Cao Pháp-Viện Hoa-Kỳ đã nhiệt thành bảo-vệ tôn-giáo bất cứ lúc nào quốc-gia toan tính, dầu gián tiếp chẳng nữa, đụng chạm đến nó, ngay cả trong trường hợp sự bảo-vệ tôn-giáo có nghĩa là một việc hy sinh sự quan tâm của quốc-gia đối với việc duy-trì trật-tự công cộng, tính-cách riêng tư của cơ sở, hay thuế khóa. "Nhưng chúng ta không thể có sự bảo đảm nước đôi". Nếu tôn-giáo không thể được lập ra để chịu những hạn-chế do quốc-gia ấn-định, nó cũng không thể tìm kiếm những lợi lộc nơi quốc-gia. "Nếu những nguyên-tắc này có vẻ khác nghiệt trong việc cấm đoán trợ cấp cho nền giáo-dục Công-Giáo, người ta cũng không thể quên được rằng cũng chính Hiến-Pháp này bảo đảm cho những người Công-Giáo quyền được duy-trì những trường học khi tình-cảm địa-phương trở yếu có thể ngăn cấm các trường đó... Nếu tiểu-bang được phép trợ cấp cho các trường Đạo, nó cũng được phép quy định các trường ấy".

Hiến-Pháp cấm-đoán mọi hình-thức xâm-phạm tự-do hành đạo. Do đó, nó cấm-đoán "mọi hình-thức trợ cấp của nhà nước hay ủng-hộ tôn-giáo". Thẩm phán Rutledge nói :

"Sự cấm đoán ngăn cản rộng rãi sự ủng hộ của Tiểu-bang bằng tài-chánh hay phương-tiện khác đối với tôn-giáo dưới bất cứ hình-thức và cường độ nào. Nó đặt ra ngoài vòng pháp luật tất cả việc sử dụng công quỹ vào các mục-dịch tôn-giáo. Có phải hành-động của Tiểu-bang New Jersey đã ủng-hộ tôn-giáo bằng cách sử dụng quyền đánh thuế không ? Chắc chắn rằng, nếu cuộc thảo luận còn nguyên vẹn như Jefferson và Madison đã làm, tiền thuế thâu của người này không được đem sử dụng để ủng-hộ một sự huấn-luyện hay niềm tin tôn-giáo của người khác,... và sự cấm-đoán có tính-cách tuyệt-đối".

Như vậy, các thẩm-phán thiểu số đều cho rằng việc cấm-đoán trợ cấp phải bác bỏ không những đối với phí-tồn chuyên chở, mà còn đối với cả "tiền sách vở,

com trưa ở lớp học, dụng-cụ thể-thao, giấy bút và các vật-liệu khác", thực ra, bất cứ cái gì giúp đỡ, đóng góp, cố võ, hay nuôi dưỡng việc tuyên truyền các tín-ngưỡng.

Quan-niệm phân-lập tuyệt-đối cho rằng tu chính án I đặt một lần ranh, một "tường thành bất khả xâm phạm" một sự "phân-lập hoàn-toàn và bất thỏa hiệp". Tuy nhiên đó chỉ là ý-kiến của phe thiểu số, và càng ngày quan-niệm phân-lập tương-đối càng thắng thế.

PHÂN ĐOẠN II - QUAN-NIỆM PHÂN-LẬP TƯƠNG ĐỐI

A - Tại Hoa-Kỳ

Đa số thẩm-phán Tối-Cao Pháp-Viện Hoa-Kỳ đã gạt dũa nguyên-tắc phân-lập thành một quy-tắc lý-trí. Về phương-diện lý-thuyết, họ chấp-nhận nguyên-tắc phân-lập. Trong thực-tế họ có ý-định theo chiều-hướng nguyên-tắc hợp tác. Họ cố theo đuổi đường lối trung-lập, nhưng một đường lối trung-lập giữa phân-lập và hợp-tác chỉ có nghĩa là hợp-tác. Tuy nhiên có một sự khác biệt quan-trọng giữa sự hợp-tác toàn diện do các tu-sĩ chủ-trương và sự hợp-tác hạn-chế do các Thẩm-phán Tối-Cao Pháp-Viện chấp thuận. Quan-điểm sau này là một sự "phân-lập hợp-tác".

Thẩm-phán Reed là người đầu tiên xác-định quan-điểm ấy. Trong ý-kiến phản-đối của ông về vụ Mc Cullum, ông đã lưu-ý tới "nhiều trường-hợp hợp-tác chặt chẽ giữa Giáo-Hội và Quốc-Gia trong xã-hội Mỹ", và ông nhắc lại rằng "nhiều mối giao hảo là một phần của truyền-thống và nền văn-hóa chúng ta" đã được chấp nhận một cách không bàn cãi. Ông cho rằng tu chính án thứ nhất của Hiến-Pháp Hoa-Kỳ "không phải là một sự cấm đoán tuyệt-đối chống lại mọi trường-hợp có thể quan-niệm được "trong đó Giáo-Hội và Quốc-Gia có thể làm việc cùng nhau, tu-chánh-án ấy không ngăn chặn" mọi thái-độ thân-hữu giữa Giáo-Hội và Quốc-Gia. Phạm-vi của tu-chánh-án I được giới-hạn bởi những "tiền lệ, tục lệ và tập tục"

bởi "tập tục đã ăn sâu trong xã-hội chúng ta do nhiều năm kinh-nghiệm", bởi "tục lệ dân tộc", "những thói quen của dân chúng đã được chấp nhận": "lich-sử của những tập tục quá khứ", và bởi "những lợi ích ngẫu-nhiên mà các đoàn-thể tôn-giáo... thụ đắc như là một phó sản của xã-hội có tổ-chức".

Vấn theo Thám-phán Reed, những điều sau đây nằm trong số "những tập tục đã được nhìn nhận rõ rệt, đã có lâu đời" và hợp hiến: "nhìn nhận mỗi quan tâm của dân-tộc chúng ta đối với tôn-giáo qua việc ban cấp cho những người đại-diện có thẩm quyền của các tín-ngưỡng chính cơ-hội trình bày tôn-giáo như một môn học nhiệm ý ngoài chương-trình vào một giờ nghỉ ngơi của lớp học trong các trường công-lập". Cũng như vậy việc chuyên chở học-sinh tới các trường Đạo trong án-lệ Everson, việc phát sách miễn phí cho học-sinh trường Đạo trong án-lệ Cochran, đãi thọ cơm trưa cho học-sinh các trường được miễn thuế theo đạo Luật "ăn cơm trưa nhà trường", sự đóng góp của chánh-phủ liên-bang vào một bệnh-viện thuộc quyền sở-hữu và điều-hành của Giáo-Hội Công-Giáo, và những chức-vụ Tuyên-úy trong quân-lực v.v... Tất cả những hành-vi vừa kể của chánh-quyền đều nhằm phục-vụ công-ích của xã-hội dân-sự, chứ không phải nhằm phát-triển một tôn-giáo nào.

Tóm lại, nguyên-tắc phân-lập của tu-chánh-án I Hiến-Pháp Hoa-Kỳ đã được Tối-Cao Pháp-Viện giải-thích một cách mềm dẻo và được áp-dụng trong thực-tế một cách tương-đối thay vì tuyệt-đối.

Tuy nhiên cơ-quan tài-phán này cũng không minh-nhiên chấp-nhận là hợp-hiến tất cả mọi tập tục đã có trong lịch-sử Hợp-chúng-quốc Mỹ. Tối-Cao Pháp-Viện cho rằng đó là vấn-đề "mục-độ" của sự phân-lập

giữa quốc-gia và Giáo-Hội (166).

Giải-pháp phóng khoáng này cũng là giải-pháp được áp-dụng tại Pháp quốc.

B - Tại Pháp

Mặc dầu tình-cảm chống Giáo-Hội ở Pháp đã từng dấy động mạnh, từ ngày áp-dụng Luật 1905 nhà cầm quyền đã có thái-độ khoan-dung đối với Giáo-Hội. Cộng-Hòa thế-tục Pháp quốc đã để ý tới các sự kiện tôn-giáo trên nhiều bình-diện. Làm như vậy, quốc-gia đã cố gắng thể-hiện nguyên-tắc tự-do tín-ngưỡng. Do đó nguyên-tắc phân-lập được phối-hợp với nguyên-tắc tự-do tín-ngưỡng để đảm bảo cho công dân có thể thực-hành tín-ngưỡng do họ lựa chọn một cách dễ dàng.

Trên bình-diện cá-nhân, mặc dầu các tu-sĩ không được miễn trừ nghĩa-vụ quân-dịch, các chức vụ tuyên-úy đã được thiết-lập trong những cơ-sở quân-đội, nhà thương, trường học, nhà tù để giúp các tín-đồ có cơ-hội thực hành tín-ngưỡng.

Nhằm bảo-vệ tính-cách kín đáo của tư-tưởng mà các cá-nhân muốn giữ gìn, quốc-gia Pháp ngay từ 1881 đã loại bỏ hẳn những câu-hỏi ghi rõ tôn-giáo trong cuộc kiểm-tra.

Trên bình-diện gia-đình, vì những mâu-thuẫn có thể phát sinh bởi lý-do tôn-giáo, luật đã định rằng quyền làm chủ đoàn-thể hôn-nhân của người chồng phải ngừng lại ở ngưỡng cửa niềm-tin tôn-giáo của người vợ

(166) Ngoài Kauper, Paul G. : Sách đã dẫn, trang 11 và kế tiếp, cũng xem Konvitz, Milton R. : Sách đã dẫn, trang 66 và kế tiếp; Kelly, Alfred H. and Harbison, Wilfred A : The American constitution, trang 973 và kế tiếp, 3rd Edition, 1963, W. Norton and Company, Inc. ; Cũng xem : Murray, S.G. and Courtney, John : We hold these truths, catholic reflections on the american proposition, trang 45-78 và trang 143-154, Sheed and Ward, New-York, 1960.

để bảo-vệ tự-do ý-thức của người sau này (167). Ngay cả khi người vợ còn lệ-thuộc vào người chồng, trước các Đạo-luật 18.2.1938 và 22.9.1942, án lệ đã nhìn nhận rằng người đàn bà thoát-khỏi phụ quyền trong lãnh-vực tự-do tôn-giáo và người chồng không thể bó buộc, hay can đoán y thị thực hành một tôn-giáo. Ngay cả về sau này với Đạo-luật 22.9.1942 không còn ghi bổn-phận vợ vâng lời chồng, sự kiện người vợ theo một giáo-phái trái ý thích người chồng không tạo thành một nguyên-nhân ly-hôn (168).

Ngay cả thân quyền cũng bị giới-hạn trước vấn-đề tự-do tín-ngưỡng. Đứa trẻ đủ trí phán-đoán có thể tự-do chọn lựa tôn-giáo nào đáp ứng được những đòi hỏi của ý-thức nó, và có thể chịu phép rửa tội không cần sự ưng-thuận của cha mẹ (169).

Bằng mọi cách, án lệ Pháp đã nhìn nhận tầm quan-trọng của sự-kiện tôn-giáo, nhưng không đứng nó như một cứu cánh. Án lệ cố gắng bảo-vệ tự-do ý-thức, tự-do này phải cho phép dung-hòa những sự đối-lập gay go nhất.

Vai-trò này của án lệ còn được nhận thấy trong vấn-đề mai táng. Thật vậy, trước chế-độ phân-lập, các nghĩa địa đã được thế-tục-hóa bởi một Đạo-luật ngày 14.4.1881 bãi bỏ mọi sự phân-biệt theo những phụng-tự. Rồi một đạo luật ngày 15.11.1887 nhìn nhận cho mọi người từ lúc thành niên (hay thoát quyền) có thể cho làm việc mai táng mình theo hình-thức tôn-giáo hay thế-tục theo ý thích của mình. Sự tuyên-bố này có thể làm bằng chúc-thư, chứng thư chưởng khế hay tư thục chứng thư. Sự hủy bỏ một lời khai như vậy có thể mặc-

(167) Xem *Traité de droit civil, de Planiol et Ripert*, trang 2; *La famille par Rouast*, N. 375, do Trotabas, J. B. trích-dẫn trong sách đã dẫn, trang 135.

(168) *Tribunal civil Seine*, 18 Juin 1945. R.T.D.C. 1945, p. 84, trích dẫn bởi Trotabas, J. B. : Sách đã dẫn, trang 136.

(169) Trotabas J. B. : Sách đã dẫn trang 138.

nhiên hay phát sinh từ những trường-hợp cho người ta hiểu rõ ràng rằng người khai đã có thể thay đổi ý-kiến. Thường thường người quá cố đã không tiên-liệu hình-thức mai táng mình, nên các pháp-định đã có dịp giải-quyết những tranh-chấp trong các gia-đình về vấn-đề này. Tòa Phá Án đã để tòa xử về nội-dung quyền xét xem người nào trong gia-đình được đảm-nhiệm việc chôn cất hợp với ý-định được phỏng đoán của người quá cố. Trong nhiều trường-hợp, các Tòa Án thường công-nhận quyền người phối ngẫu thượng tôn hơn là những thừa kế hay tôn thuộc, bởi vì người này biết rõ hơn ai hết những ý-chí sau cùng của kẻ quá cố, nhất là về điểm này (170).

Trên bình-diện công-pháp, về vấn-đề học-đường nguyên-tắc trung-lập và thế-tục của quốc-gia đã được áp-dụng một cách rất tế-nhị. Từ khi có đạo luật tổ-chức trợ cấp cho các trường tư-thục, những khó khăn pháp-lý đã phát-sinh ; công-trình án-lệ Pháp quốc đã cho phép dung-hòa những quyền-lợi các trường tư và tự-do ý-thức của phụ-huynh học-sinh với nguyên-tắc thế-tục :

- Dựa trên sự im-lặng của nhà Lập-pháp, Tham-Chánh-Viện Pháp coi là hợp pháp những khoản trợ cấp cho các trường và sinh-viên Cao-đẳng với điều-kiện duy nhất là trợ-cấp không tạo nên một trường-hợp ưu-đãi cho các sinh-viên tư-thục đối với các sinh-viên Công-lập (Tham-Chánh-Viện Pháp 1.1.1956, Canivez, Rec. 220).

- Đối với nền giáo-dục trung-học, những khoản trợ-cấp được chấp-thuận với sự dè dặt là không được vượt quá một phần mười những chi tiêu của nhà trường và phải có ý-kiến của Hội-đồng học-vụ (điều 69 Luật Falloux, Tham-Chánh-Viện Pháp 29.1.1954, Insti., N.D. de Kreisker, Rec. 64).

- Đối với bậc tiểu-học, nguyên-tắc cấm-đoán

tuyệt-đối trợ cấp đã được tiết giảm bởi năng quyền công nhân cho các tập-thể địa-phương được giúp đỡ học-sinh. Án lệ rất linh động để đảm bảo rằng sự giúp đỡ có lợi cho học-sinh, chứ không phải cho nhà trường (vào ở học xá : Tham-chánh-viện Pháp 11.1.1952, hội Phụ-huynh học-sinh tư-thục Seine-et-Oise, S.1952.3.69, kết luận trạng của Braibant ; phát thưởng khuyến khích chuyên cần : Tham-chánh-viện Pháp 26.11.1954, Com. de Fregné, D. 1955-27, kết luận trạng của Mosset), và những trường này không vì có trợ cấp mà được ưu đãi hơn các trường công (Tham-chánh-viện Pháp 15.7.1955, Com. de Pertre, Rec. 443). Trợ cấp phải được trao cho phụ-huynh học-sinh, chứ không phải cho hiệu-trưởng trường tư (171).

Người ta biết rằng ngoài vấn-đề ý-thức, tôn-giáo còn có khía cạnh của một định-chế, một đoàn-thể xã-hội, có những quy-tắc riêng mà quốc-gia không thể không biết tới. Vì vậy nước Pháp, với quan-niệm phân-lập phóng-khoảng, đã nhìn nhận các sự-kiện tôn-giáo cả trên bình-diện định-chế. Án-lệ đã nhìn nhận rằng một tu-sĩ trong hoạt-động thuần-tuỳ tôn-giáo thuộc thẩm-quyền những quy-tắc của Giáo-Hội. Các Tòa-án từ chối áp-dụng các quy-tắc Dân-luật trong những tương quan giữa các cha sở với vị giám-mục của họ, hay giữa tu-sĩ với Hội Đạo. Đôi khi Pháp quốc còn đi tới chỗ nhìn-nhận một số luật-lệ hay định-chế của Giáo-hội. Cần ghi nhận rằng một tình-trạng như vậy chỉ xảy ra trong trường-hợp một tranh-chấp nội-bộ Giáo-hội, do ý-chí của một phe đương sự, lan rộng sang bình-diện dân-sự. Chẳng hạn như khi một đoàn-viên bị Giáo-hội chế tài bằng những hình phạt, các tòa-án tuyên-bố vô thẩm quyền để quyết định xem một biện-pháp kỷ-luật Giáo-hội phù hợp hay không phù hợp với Giáo-Hội (172). Ngược lại,

(171) Burdeau, Georges : Sách đã dẫn, trang 327-328.

Cũng xem : Trotabas, J. B. : Sách đã dẫn, trang 163-196.

(172) V. C. de C., Ch. Civ. , 30.10.1912, S. 1913.I.379, trích dẫn bởi Trotabas, J. B. : Sách đã dẫn, trang 142.

đôi khi các pháp đình cũng chấp nhận quyết-định của Giáo-Hội bằng cách xem xét hợp-thức-tính của nó với những quy-luật tổ-chức của Giáo-Hội (173). Tuy nhiên cũng không nên quên rằng những nguyên-tắc này dẫn-xuất từ án-lệ Pháp quốc không đưa tới một chế-độ ngoại lệ của thường luật (174).

Thực-tại pháp-lý này chứng tỏ rằng nguyên-tắc phân-lập đã được áp-dụng một cách rất phóng-khoảng để đi tới một thể quân-bình giữa Quốc-Gia và Giáo-Hội. Tuy nhiên ta cũng không thể quả quyết rằng tình-trạng tại Pháp đã được coi như nhất định. Người ta chỉ có thể nhận xét rằng, có lẽ ngoài vấn-đề học đường, không có những vấn-đề liên quan tới cả quốc-gia lẫn Giáo-Hội mà không tìm ra được giải-pháp từ khi tái lập bang-giao giữa Ba-lê và Tòa-Thánh La-Mã vào năm 1921. Hình như những quy-tắc nội-bộ Giáo-Hội đã ảnh-hưởng tới án-lệ Pháp quốc.

Những Giáo-Hội Công-Giáo La-Mã ngoài tính-cách đại-diện cho một tôn-giáo, còn là một quốc-gia và đã đặt những liên-lạc ngoại giao với nhiều quốc-gia thế-tục trong đó có Pháp và Việt-Nam. Do ở bản-chất đặc-biệt này mà ngày nay một số người đã chỉ-trích rằng chính Tòa-Thánh Vatican đã không tôn-trọng tuyệt đối nguyên-tắc phân-lập, vì riêng tư-cách quốc-gia của Tòa-Thánh đã biến nó thành một tổ-chức chánh-trị có một lực-lượng tinh-thần bao trùm thế giới. Người ta cho rằng địa-vị Quốc-Trưởng của Giáo-Hoàng chỉ có thể làm cho tư-cách Giáo-Chủ của Ngài kém phần giản-dị, trong suốt, (175) và chức-vụ ngoại-giao của các Sứ thần Tòa-Thánh có vẻ ngược đời : nó đặt đối thoạ giữa La-Mã và các quốc-gia trên bình diện những uy-quyền chánh-trị (176). Thực-tại chánh-trị này càng khiến cho nguyên-tắc

(173) Trotabas, J.B. : Sách đã dẫn, trang 142.

(174) Trotabas, J.B. : Sách đã dẫn, trang 134 và kế tiếp.

(175) Trung, Lý-chánh : Ý-thức tôn-giáo và ý-thức dân-tộc, Bách-Khoa, số 303 (15.8.1969) trang 54-55.

(176) Đình, Trần-thái : Bài đã dẫn, Bách-Khoa số 299, ngày 15.6.1969, trang 66-67.

phân-lập không thể nào có tính-cách tuyệt-đối được.

Ý-thức được thực-tại chánh-trị này trên cả hai bình-diện quốc-gia lẫn quốc-tế và nhìn rõ hai quan-niệm phân-lập vừa trình-bày trên đây, ta thử đề-nghị một quan-niệm phân-lập cho Việt-Nam Cộng-Hòa.

ĐOẠN III - ĐỀ-NGHỊ MỘT QUAN-NIỆM PHÂN-LẬP QUỐC-GIA VÀ GIÁO-HỘI CHO VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Trong hai quan-niệm phân-lập nêu trên, quan-niệm nào thích-hợp với Việt-Nam Cộng-Hòa ? Và mức-độ phân-lập như thế nào ? Đó là hai vấn-đề cần được giải quyết trong đoạn này.

PHẦN ĐOẠN I - LÝ-DO LỰA CHỌN QUAN-NIỆM PHÂN-LẬP TƯƠNG-ĐỐI

Thiết tưởng chỉ có quan-niệm phân-lập tương-đối mới nên được áp-dụng tại Việt-Nam Cộng-Hòa, vì nó phù-hợp với hướng tiến chung của nhân loại văn-minh, truyền-thống dân-tộc và hoàn-cảnh đất nước ta.

A - Về phương-diện lịch-sử

1. Sau bao biến-chuyển trong mối tương-quan giáo-chánh, ngày nay các nước dân-chủ tiến-bộ đều có thái-độ cởi mở đối với mọi tôn-giáo, mà vẫn giữ được bản-chất thế-tục của quốc-gia. Khuynh-hướng đối-nghịch Giáo-Hội chỉ còn được thể hiện trên bình-diện lý-thuyết trong chế-độ tự-do và được thi-hành một cách chuyên-đoán trong các chế-độ độc-tài.

Đặc-biệt trong những nước chậm tiến, nhà lãnh-đạo chánh-trị vẫn còn cần sự ủng-hộ của nhà lãnh-đạo tôn-giáo, vì các tinh-hoa có truyền-trong đó có tư-sĩ còn giữ được ảnh-hưởng đáng kể trong quần chúng. Đây cũng là điều nan-giải cho một số quốc-gia như Hồi-Quốc, Miến-Điện trước khi Newin đảo-chánh ở đó người ta thấy Hiến-Pháp pha trộn cả hai tính-chất thế-tục

và tôn-giáo. Thật vậy, trong khi Hồi-Giáo ở Hồi và Phật-Giáo ở Miến-Điện được công nhận có một địa-vị quan-trọng, Hiến-Pháp vẫn có những điều khoản tôn-trọng tự-do tư-tưởng, tự-do tôn-giáo.

2. Tại Việt-Nam chưa bao giờ có một "bức tường ngăn cách tuyệt-đối giữa Quốc-Gia và Giáo-Hội". Ngày xưa vương quyền hợp tác với các tôn-giáo và vẫn giữ được tính-cách thế-tục. Ngày nay Nhà Nước không hề phủ-nhận lợi-ích của tôn-giáo, trong khi chủ-trương tách rời Giáo-Hội khỏi chánh-trị.

3. Quan-niệm phân-lập hợp-tác còn phù-hợp với truyền-thống Phật-Giáo Việt-Nam. Có thể nói rằng quan-niệm này đã tiềm tàng trong nếp sống của Thiên Sư và của các vị quốc vương. Tăng-sĩ là những nhà lãnh đạo tôn-giáo đầu tiên cộng-tác với quốc-gia trong lãnh vực văn-hóa. Đã biết giới-hạn hoạt-động của mình trong lãnh-vực tâm linh, họ chỉ đáp ứng lời kêu gọi giúp đỡ của chánh-quyền mà không đưa điều-kiện tiên-quyết nào hết. Về phía chánh-quyền, Việt sử đã ghi tên tuổi các vị vua sau khi chu toàn sứ-mạng trị quốc an dân mới từ bỏ ngôi báu đi tìm hạnh-phúc tâm-hồn ở chốn Thiên môn. Khi tại vị, họ giúp Phật-Giáo tạo bầu không khí từ-bi hỉ xả khắp vương quốc để dễ bề trị dân theo tinh thần Nhân-trị của Đông phương.

B - Về phương-diện xã-hội

Tôn-giáo tại Đông phương cũng như tại Tây phương đều có nhiệm-vụ đạo-đức. Sự liên-hệ giữa tôn-giáo và đạo-đức mật thiết quá đến nỗi nhiều người coi đạo-đức như là tôn-giáo vì tôn-giáo nào cũng dạy tín đồ ăn ngay ở lành. Nhưng ngày nay sự giáo-dục về đạo-đức theo khuôn-khố cá-nhân tỏ ra không hữu-hiệu vì các tôn-giáo hiện phải đối phó với những vấn-đề xã-hội rộng lớn đe dọa nghiêm-trọng nền luân-lý và những giá-trị nhân-bản. Do đó các hàng giáo phẩm ý-thức được rằng sự can-thiệp của tôn-giáo chỉ có kết-quả do những nỗ-lực tập thể có tổ-chức, và nền đạo-đức xã-hội phải hỗ-trợ cho sự tu-trì cá-nhân. Vì vậy, các tôn-giáo đều có

khuyh-hướng dẫn thân vào hoạt-động xã-hội để thể-hiện lý-tưởng bác-ái, từ-bi (177). Làm như vậy họ đã cộng-tác với quốc-gia trong các chương-trình cải-tiến xã-hội để thăng hóa con người.

C - Về phương-diện chánh-trị

Vì chánh-trị và tôn-giáo liên-hệ mật thiết với nhau, người ta không thể dựng một bức tường ngăn cách hoàn-toàn giữa hai bên được. Giáo-sư Paul G. Kauper cho rằng điều quan-trọng thực-sự mà ngày nay ta phải đối phó là tương-quan thực-tế liên-hệ đến việc thừa nhận nhiệm-vụ của mỗi bên (tôn-giáo và chánh-trị) và việc thừa nhận sự đóng góp của mỗi bên vào sinh-hoạt chung của xã-hội. Quốc-gia và Giáo-Hội đều hoạt-động trong cùng một cộng-đồng và đều phải nương tựa vào nhau. Giáo-Hội phải nhờ cậy chánh-quyền bảo-vệ tự-do, trật tự và an-ninh. Chánh-quyền phải quan tâm tới những giá-trị đạo-đức trong việc trị quốc.

Như vậy, một mặt chỉ có sự phân-lập mới bảo vệ được tự-do. Mặt khác chỉ có sự hợp-tác trên căn-bản phân-lập mới tránh cho con người khỏi bị giăng co, khâu xích giữa hai quyền-lực tôn-giáo và chánh-trị. Nhưng phân-lập tới mức nào trong hoàn-cảnh Việt-Nam ngày nay ?

PHÂN ĐOẠN II - MỨC-ĐỘ PHÂN-LẬP HỢP-TÁC

Mức-độ phân-lập hợp-tác giữa Quốc-Gia và Giáo-Hội có thể được xác-định bằng hai tiêu-chuẩn : phân-lập và hợp-tác.

A - Tiêu-chuẩn phân-lập

Theo nguyên-tắc phân-lập nêu trên, mỗi bên

(177) Ogburn, William F. and Ninkoff, Meyer F. : Sociology, trang 564-568. 3rd edition, Houghton Mifflin Company, Boston, 1958.

- Quốc-Gia và Giáo-Hội - có một lãnh-vực hoạt-động riêng biệt. Mỗi bên phải tôn-trọng không những giới-hạn thẩm-quyền của nhau, mà còn cả tự-do của công-dân và tín-đồ. Trong mọi trường-hợp, tín-ngưỡng không thể được coi là một yếu-tố để gây-sự phân-biệt giữa các công dân trước pháp luật. Tuy nhiên, có những vấn-đề xã-hội mà cả quốc-gia lẫn Giáo-Hội đều quan tâm và có thể đi tới hợp-tác.

B - Tiêu-chuẩn hợp-tác

Nhà Nước không thể không biết tới sự-kiện tôn-giáo trên bình-diện cá-nhân cũng như trên bình-diện định-chế, trong lãnh-vực công-pháp cũng như lãnh-vực tư-pháp.

Các công-trình giáo-dục, xã-hội và y-tế vốn được coi là lãnh-vực hoạt-động ưu-đãi của Tôn-giáo và đồng thời cũng là đối-tượng của mối quan tâm lớn lao của chánh quyền trong một quốc-gia an lạc. Hiện nay vì Nhà Nước chưa có phương-tiện để thỏa mãn đầy đủ những nhu-cầu công ích này, nên nó phải khuyến-khích các tôn-giáo tích-cực thực-hiện các chương-trình xã-hội bằng cách giúp đỡ các điều-kiện vật-chất và tạo một khinh-cảnh hợp-tác hữu-hiệu. Cách ủng-hộ cụ-thể là việc trợ-cấp cho những hoạt-động này, chứ không phải trợ cấp cho chính các tôn-giáo, vì người thụ-hưởng các tiện ích chính là các công-dân không phân-biệt tín-ngưỡng.

Trong lãnh-vực giáo-dục, cần phân-biệt việc ủng-hộ một chương-trình tôn-giáo trong trường công-lập với việc trợ-cấp cho các hoạt-động giáo-dục do các Giáo-Hội chủ-trương.

Việc làm đầu tiên không thể được chấp-nhận vì nó hoàn toàn mâu-thuẫn với quan-niệm phân-lập. Thật vậy, quốc-gia phải có bốn-phận khước-từ mọi chương-trình giảng đạo hay đọc kinh tại trường công bất cứ vào giờ nào. Về việc trợ-cấp cho các hoạt-động giáo-dục, thiết tưởng Việt-Nam Cộng-Hòa có thể du nhập các giải-pháp của

Pháp quốc và Hoa-Kỳ đã được các pháp đình minh định (178). Theo nguyên-tắc quốc-gia hay các tập-thể địa-phương phân-quyền chỉ có thể trợ-cấp thẳng cho học-sinh, sinh-viên các trường của tôn-giáo, chứ không thể trợ-cấp cho chính các trường đó hay cho Giáo-Hội.

Nguyên-tắc này có thể có một ngoại-lệ đối với các Viện Đại-Học. Thiết tưởng trong khuôn khổ phát triển quốc-gia, chánh-phủ có thể trợ-cấp đồng đều cho các Trường Đại-Học do các Giáo-Hội thiết-lập, vì việc đào tạo cán-bộ cao cấp cho quốc-gia thật có tính-cách cấp bách mà một mình chánh-phủ không thể đảm đương nổi.

Việc trợ-cấp cũng phải thực-hiện thế nào để tránh sự ưu-đãi các học-sinh trường tư hơn học-sinh trường công. Ngoài ra, các trường tôn-giáo còn phải theo đúng chương-trình học-vụ do chánh-phủ ấn định, việc giảng giáo-lý chỉ có thể thực-hiện ngoài giờ của chương-trình trên và không được có tính-cách bó buộc đối với các học-sinh dù thuộc tín-ngưỡng của trường hay tín-ngưỡng khác.

Những hoạt-động xã-hội và y-tế của các tôn-giáo nhằm cải-thiện cuộc sống của quảng đại quần chúng và lành-mạnh-hóa xã-hội thật đáng được chánh-phủ khuyến khích và nâng đỡ, vì trong lãnh-vực này cả quốc-gia lẫn Giáo-Hội đều chia sẻ chung niềm lo-âu trước những đe dọa của dốt nát, bệnh tật, nghèo đói, và bất công v.v... Các tôn-giáo đứng ra diễn thuyết những thiếu sót của chính-quyền, tức là đã giúp đỡ quốc-gia có thêm phương tiện hoàn-thành sứ-mạng thực-hiện nền phúc-lợi công cộng. Do đó các hoạt-động này của tôn-giáo xét theo quan-niệm thực chất của Luật Hành-Chánh có thể được đồng hóa với các công-vụ. Vì vậy chúng thật xứng đáng được hưởng một số đặc quyền do quốc-gia ban cấp, với điều-kiện là trong mọi trường-hợp các đặc quyền ấy không thể được sử-dụng vào mục-đích bành trướng tôn-giáo

này dễ thiệt hại tới tôn-giáo khác (179). Nếu đã được hưởng một số đặc quyền như trợ-cấp, miễn thuế hay giảm một số sắc thuế chẳng hạn, các hoạt-động xã-hội, y-tế và giáo-dục phải được đặt dưới sự kiểm-soát của chánh-phủ về các phương-diện chuyên-môn, vệ-sinh và trật-tự công cộng. Ngoài ra, quốc-gia cũng có thể kiểm-soát các cơ-sở tôn-giáo khi Giáo-Hội lợi dụng công-tác văn-hóa xã-hội để hoạt-động chánh-trị có hại cho quyền-lợi chung. Những sự kiểm-soát ấy không những là đối giá của sự giúp đỡ, mà còn thể hiện tinh-thần hợp tác và mối quan tâm của chánh quyền nhằm bảo vệ quyền-lợi chung.

x

x x

Việc xác-định nội-dung quyền tự-do tôn-giáo và nguyên-tắc phân-lập Giáo-Hội với Quốc-Gia vừa trình bày trên đây chỉ mới có tính cách lý-thuyết, một lý-thuyết cần thiết cho chánh-sách tôn-giáo của Việt-Nam Cộng-Hòa. Muốn bảo vệ hữu hiệu tự-do tôn-giáo và giải quyết mâu thuẫn giữa Quốc-Gia với Giáo-Hội, điều quan trọng là lý-thuyết ấy phải được cụ-thể-hóa trong trật-tự pháp-lý và hành-vi của công quyền. Nói cách khác, Quốc-Gia phải quy-định và bảo-vệ quyền tự-do tôn-giáo căn cứ vào lý-thuyết vừa kể.

o
o)
o

(179) Kauper, Paul G. : Sách đã dẫn, trang 35 và kế tiếp.

CHƯƠNG 11

QUY-ĐỊNH VÀ BẢO-VỆ TỰ-DO TÔN-GIÁO

Sự thừa-nhận các nguyên-tắc phân-lập Giáo-Chánh và tự-do tôn-giáo sẽ vô nghĩa nếu đó chỉ là sự xác-nhận suông. Điều cần thiết là phải đặt tự-do trong khuôn khổ trật-tự xã-hội, vì không một xã-hội nào sinh tồn nổi nếu không được quy-định. Hơn nữa, sự quy-định thực ra không mâu-thuẫn với tự-do, và Hiến-Pháp chính là kỹ-thuật dung-hòa quyền-hành với tự-do trong khung cảnh pháp-lý.

Vì vậy, trong nền dân-chủ phôi thai của nước nhà, trước sự quy-định tự-do tôn-giáo một cách thiếu sót và không hợp lý của Hiến-Pháp, trước sự vắng bóng một quy-chế pháp-lý chung cho các tôn-giáo, vấn-đề cấp bách đặt ra cho các giới hữu quyền là phải quy-định rõ rệt tự-do tôn-giáo bằng những điều khoản luật-lệ thể hiện sự thừa-nhận các nguyên-tắc vừa nêu trên. Luật-lệ ấy sẽ tạo thành một chế-độ pháp-lý duy nhất áp-dụng chung cho mọi tôn-giáo và được gọi là chế-độ phụng-tự. Trong chương này, ta cần phân biệt cơ-quan công quyền nào có thẩm quyền quy-định tự-do tôn-giáo ? (Tiết I), và các cơ-quan nào cần có những biện-pháp tương ứng gì để bảo-vệ tự-do tôn-giáo ? (Tiết II).

TIẾT I

THẨM-QUYỀN QUY-ĐỊNH TỰ-DO TÔN-GIÁO

Thẩm quyền quy-định tự-do tôn-giáo - một quyền trong các quyền tự-do công cộng - thuộc lãnh-vực chuyên độc của cơ-quan lập-pháp (180). Phát xuất từ ý-chí toàn

(180) Burdeau, Georges : Sách đã dẫn, trang 32.

dân, được ban bố dưới sự kiểm-soát của công-luận, đạo-luật, và chỉ đạo-luật mà thôi, mới có thể đảm-bảo việc điều-hợp các tự-do trong trật-tự, mà không bị nghi ngờ đưa tới áp chế. Hiến-Pháp Đệ II Cộng-Hòa Việt-Nam giao thẩm quyền ấy cho Quốc-Hội khi quy-định trong điều 6 khoản 2 :

"Luật-pháp bảo vệ tự-do, sinh mạng, tài-sản và danh-dự của mọi công dân".

Theo điều 29 Hiến-Pháp, việc hạn-chế tự-do tôn-giáo cũng như mọi tự-do căn-bản khác đều phải được quy-định bởi một đạo-luật có ấn-định rõ rệt phạm-vi áp dụng trong thời gian và không gian. Soạn-thảo một chế độ phụng-tự được coi như công-tác lập-pháp cần thiết cho việc hợp-lý-hóa nền pháp-chế quốc-gia hiện còn nhiều khiếm khuyết. Một chế-độ phụng-tự vừa tôn-trọng được tự-do tôn-giáo vừa thỏa-mãn được những đòi hỏi chung của xã-hội dân sự cần được hướng-dẫn bởi những nguyên-tắc căn-bản nào ? Câu hỏi này là đối-tượng của Đoạn I.

Ngoài ra sự-kiện các Giáo-Hội hiện bị đặt dưới những chế-độ pháp-lý khác nhau vẫn còn là đầu đề chỉ-trích chánh-quyền và là một trong nhiều nguyên-nhân mâu-thuẫn giữa chánh-quyền và phe Phật-Giáo tranh đấu. Do đó việc soạn thảo một chế-độ pháp-lý duy-nhứt cho tất cả các Giáo-Hội phải được coi là vấn-đề lập-pháp quan-trọng, vì nó có thể tiêu trừ một nguyên-nhân xích mích giữa Nhà Nước và các đoàn-thể tôn-giáo. Vấn-đề này là đối-tượng của Đoạn II.

ĐOẠN I - NHỮNG NGUYÊN-TẮC CHỈ HƯỚNG CỦA MỘT CHẾ-ĐỘ PHỤNG TỰ

Chế-độ dân-chủ là điều-kiện tiên quyết của việc hành xử các quyền tự-do. Vì có các quan-niệm dân-chủ khác nhau, trình-độ tiến-hóa khác nhau, và chế-độ pháp-lý về các quyền tự-do công cộng khác nhau, nên muốn bảo-vệ hữu hiệu tự-do tôn-giáo, chế-độ phụng-tự

của Việt-Nam cần được xây dựng trên quan-niệm dân-chủ nào ? Theo hướng tiến-hóa nào ? Giải đáp những câu hỏi ấy tức là nêu ra những nguyên-tắc chỉ hướng của chế độ phụng-tự.

A - TRƯỚC HẾT, CHẾ-ĐỘ PHỤNG-TỰ CẦN ĐƯỢC XÂY-DỰNG TRÊN MỘT QUAN-NIỆM DÂN-CHỦ VÀ TIẾN-BỘ LẠI VÀ PHÙ-HỢP VỚI THỰC TRẠNG VIỆT-NAM

1. Việt-Nam Cộng-Hòa không thể theo quan-niệm Dân-Chủ chánh-trị của Tây-phương được vì nó chỉ lợi cho một thiểu số giàu có, học thức và có thế lực. Theo quan-niệm dân-chủ chánh-trị, tự-do có tính-cách thiên-nhiên ; điều cốt yếu là làm thế nào ngăn cản sự can-thiệp của quốc-gia vào việc hành xử quyền tự-do. Như vậy sự chinh-phục tự-do chánh-trị không có đối-tượng nào khác hơn là thiết-lập sự bảo-vệ chống lại quốc-gia.

Quan-niệm này đã bị phe Xã-hội lên án và không phù-hợp với tình-trạng chậm tiến của xã-hội Việt-Nam trong đó đa số nhân dân còn nghèo khổ, dốt nát ; chỉ có thiểu số là đủ điều-kiện để hành xử tự-do. Quan-niệm Dân-chủ xã-hội nhận xét rằng sự ngự-trị của các định-luật thiên-nhiên, sự vận dụng sáng kiến của tư nhân, sự tự-do cạnh-tranh đưa đến sự độc chiếm quyền hành của một giai cấp xã-hội. Những điều ấy làm gia tăng những bất bình đẳng giữa con Người. Vấn-đề căn bản là tạo lập một xã-hội công-bằng. Tình-trạng của kẻ bị trị không thể chỉ được thám-định bằng cách tham-chiếu với một quy-chế chánh-trị, mà còn phải tham-chiếu với những lực-lượng kinh-tế. Như vậy, điều quan-trọng là giải-thoát cá nhân khỏi sự áp-bức kinh-tế, chứ không phải chỉ giải-thoát khỏi sự áp-bức chánh-trị mà thôi. Quốc-Gia có nhiệm-vụ thực-hiện một kế-hoạch, điều-khiển nền kinh-tế để đem lại sự tự-do toàn-diện (181).

(181) Burdeau, Georges : Sách đã dẫn, trang 32 và kế tiếp.

2. Việt-Nam Cộng-Hòa cũng không thể theo quan niệm Dân-chủ xã-hội được, vì một sự tự-do tuyệt đối phải trả giá bằng hy-sinh tự-do hiện tại cho nền độc-tài, và lại quá xa vời. Thật vậy, theo quan-niệm Dân-chủ xã-hội, tự-do chỉ có trong tương lai và chỉ có thể đạt được bằng cách đặt toàn thể sinh-hoạt xã-hội dưới sự chi-phối của ý-chí nhà cầm-quyền. Tự-do chỉ đạt được bằng sự đấu-tranh, và đấu-tranh chỉ khởi sự khi nào còn người ý-thức được tình-trạng lệ-thuộc của mình. Như vậy, nếu theo quan-niệm này, chúng ta phải hy-sinh ngay tự-do tôn-giáo cũng như mọi tự-do khác cho ý-chí Nhà Nước. Đó là điều không chấp nhận được.

3. Thiết tưởng Việt-Nam Cộng-Hòa nên chọn quan-niệm Dân-chủ nhân-bản và xã-hội để dung-hòa tự-do của cá-nhân với những đòi hỏi của cuộc sống tập thể. Quan-niệm này vừa tiến-bộ vừa phù-hợp với truyền thống dân-tộc và thực trạng đất nước. "Nhân-bản" là giá-trị truyền-thống của dân-tộc và phù-hợp với tất cả mọi tôn-giáo hiện hữu tại Việt-Nam. "Xã-hội" là một khuynh-hướng cấp-tiến giúp ta tổ-chức được một chánh-quyền vững mạnh để bảo-đảm cho mọi công-dân không những tự-do chánh-trị mà còn cả các quyền-lợi về kinh-tế và xã-hội nữa. Trong nền Dân-chủ nhân-bản và xã-hội, bất-công xã-hội sẽ bị tiêu trừ, tự-do tôn-giáo và những giá-trị tinh-thần sẽ được bảo-vệ triệt để, các tôn-giáo sẽ có cơ-hội thuận-tiện để thực-hiện các chương-trình xã-hội, giáo-dục ngõ hầu thăng hóa con người.

B - Dựa trên quan-niệm Dân-chủ Nhân-Bản Xã-hội, chế-độ phụng-tự của Việt-Nam Cộng-Hòa phải phù-hợp với đà tiến-hóa chung của nhân-loại, nghĩa là phải làm thế nào loại bỏ được những hình-thức mê tín dị đoan. Muốn thế, chế-độ phụng-tự phải có một định-nghĩa tôn-giáo rất rõ rệt và thích đáng.

Ngoài việc loại được những hình-thức mê-tín dị đoan, một định-nghĩa chính-thức về tôn-giáo lại có tầm quan-trọng đặc-biệt tại Việt-Nam, vì nó có thể ứng dụng được cho mọi tôn-giáo và, do đó, làm tiêu tan đi những bất-đồng do các định-nghĩa riêng biệt gây ra.

Thật vậy, nếu, vì tin vào nỗ lực của cá-nhân để tự giải thoát, Phật-Giáo có lẽ không chấp-nhận được lối định-nghĩa Tây-phương theo đó "tôn-giáo là những thái-độ đối với các mãnh-lực siêu nhân" (182), thì Công-Giáo cũng khó lòng chấp nhận được định-nghĩa của Phật-Giáo theo đó tôn-giáo không tham-chiếu vào một quyền lực Thần linh nào ngoài con người.

Hơn nữa tình-trạng chậm tiến và chiến-tranh liên miên khiến người dân quê đau khổ càng dễ tin vào mãnh-lực siêu nhiên và những lối thờ phượng thoái hóa.

Sau hết, tự-do tư-tưởng trong chế-độ dân-chủ thực sự không bó buộc người dân phải có một tín-ngưỡng.

Vì vậy, một định-nghĩa chánh-thức về tôn-giáo cũng là một điều-kiện cho sự canh-tân-hóa xứ sở và phát triển chánh-trị. Một định-nghĩa thỏa-mãn được những điều vừa nêu trên có thể tìm thấy trong định-nghĩa của Giáo sư William A. Carroll. Theo tác gia, tôn-giáo là sự đi tìm kiếm những giải-đáp cho các van-đề tối-hậu - chẳng hạn như : ai tạo nên con người và vũ-trụ ? Cấu cánh của con người là gì ?

Đó là những câu hỏi trong lịch-sử đã được trả lời trên căn-bản tôn-giáo, và đã phát xuất từ sự mặc khải, tập quán, lý-trí, từ những nguồn gốc khác, hay sự phối-hợp của hai hay nhiều nguồn gốc này.

Những câu hỏi ấy cũng được giải-đáp trên căn-bản các hệ-thống tư-tưởng không liên-hệ với tôn-giáo theo nghĩa tin tưởng vào một đấng Thượng đế, những vị Thần hay những điều kiện siêu nhiên.

Những ai phủ nhận hữu thần sẽ trả lời câu hỏi đầu tiên ở thể phủ-định - Không có ai tạo nên

(182) Religion is attitudes toward superhuman powers (Ogburn, William, F., and Ninkoff, Meyer F. : sách đã dẫn, trang 547-548.

con người và vũ-trụ... (183). Tuy nhiên đó là vấn-đề quan tâm đối với họ, vì nếu họ đã quyết-định tiêu-cực về vấn-đề ấy, thì họ cũng không muốn chánh-quyền cưỡng bách họ phải có một quyết-định tích-cực. Câu hỏi thứ hai nêu trên có thể được những người vô tín-ngưỡng trả lời ở thể phủ định, nhưng người ta cũng tìm thấy những câu hỏi ở thể khẳng định (184).

Thiết tưởng với định-nghĩa tôn-giáo vừa nêu trên, một mặt mọi công-dân được hoàn toàn tự-do tín-ngưỡng; mặt khác nếu tôn-giáo nào trả lời được những câu hỏi đó chắc chắn không có hình-thức phụng-tự thoái hóa bất lợi cho trật-tự chung được vì chúng bao-hàm niềm suy-tư triết học chứ không phải một tinh-thần mê-tín dị đoan.

C - Một nguyên-tắc chỉ hướng sau chốt và quan-trọng nhất trong thực-tế là một chế-độ pháp-lý duy-nhất cho mọi Giáo-Hội phải phản ảnh trung thành quan-niệm tiến-bộ về tự-do tôn-giáo đã được trình-bày trong Chương trước.

1. Thiết tưởng chế-độ pháp-lý khả dĩ bảo-vệ tự-do một cách hữu-hiệu nhất phải là chế-độ trùng-trị, chứ không thể là chế-độ dự phòng được. Theo chế-độ trùng-trị, Quốc-Gia để cho công-dân được tự-do hành-động theo sự tự quyết của y, nhưng bó buộc y phải gánh chịu những hậu quả do hành-vi của y trái với luật-pháp

(183) Phật-Giáo cho rằng "Vũ-trụ từ một bản-tính thuần-túy mà phát-hiện và biến-hóa theo luật nhân quả, chứ không phải do ý hướng của một Thiên Thần nào đã tạo ra". Đây là điểm (2) trong 14 yêu điểm tín-ngưỡng chung trong Phật-Giáo đã được các đại-biểu Tăng Già các nước Nhật, Miên-Điện, Thái-Lan công-nhận là đúng với chánh pháp của Đức Phật (xem kỹ-yếu Đại Hội Hoàng-pháp kỷ III tại Ấn-Quang, trang 193); Cũng xem: Thái Đạo Thành: Xây-dựng nhân-sinh-quan Phật-Giáo, tr. 32-38, Vạn-Hạnh xuất bản 1969.

(184) Carroll, William A.: The constitution, the Supreme court and Religion, The American political science review, vol. LXI, Sept. 1967, pp. 664-666.

gây ra. Trong trường-hợp này cá-nhân được tự-do hành-dộng, nhưng sự sử-dụng vụng-về hay hiểm-độc quyền tự-do phải bị chế-tải để tránh mọi lạm dụng.

Do ở vũ quyền dành cho cá-nhân, chế-độ trưng-trị này còn được định danh là chế-độ pháp-trị.

Trái lại, chế-độ dự-phòng nhằm hạn-chế việc hành xử quyền tự-do để tránh những lạm dụng có thể xảy ra (chẳng hạn như chế-độ xin phép trước, báo kê v.v...). Như vậy, chế-độ này có mục-đích trước hết là che chở công quyền, trong khi chế-độ đầu tiên nhằm bảo-vệ tối đa tự-do của cá nhân.

Tuy áp-dụng chế-độ trưng-trị, nhà cầm quyền cũng phải lưu tâm tới tình-trạng hành xử quyền tự-do quá mức có thể phát sinh hỗn loạn, và khi đó quyền cảnh-sát phải được sử-dụng để sửa chữa mọi lạm-dụng (185).

Hoàng-Việt Hình-Luật cũng như Hình-Luật canh-cải có trụ liệu những biện-pháp chế-tải mọi vi-phạm tự-do tôn-giáo. Tuy nhiên sự quy-định đó ngày nay đã trở nên thiếu sót vì hoàn-cảnh kinh-tế và xã-hội hiện hữu đã đổi thay khác hẳn ngày những Đạo-luật kể trên ra đời. Do đó việc cải tiến luật-lệ về vấn-đề này trở nên rất cần thiết.

2. Vì tự-do tôn-giáo liên-hệ mật thiết đến các quyền tự-do khác, nên cùng lúc với việc quy-định tự-do tôn-giáo Nhà Lập-Pháp cần nghĩ ngay tới việc quy-định các quyền tự-do giáo-dục, tự-do hội-hợp và tự-thập có tính-cách tôn-giáo. Vì vậy chỉ với sự quy-định tất cả các tự-do vừa kể, người ta mới dám quả quyết rằng tự-do tôn-giáo được tôn-trọng toàn-diện, ít ra cũng trên lý-thuyết.

(185) Burdeau, Georges : Sách đã dẫn, trang 30-31 ;

Cũng xem Pelloux, Robert : Introduction à l'étude des droits de l'homme et des libertés fondamentales en Europe, lục đăng trong Essais sur les droits de l'homme en Europe, trang 178.

Sau khi nêu những nguyên-tắc chỉ hướng của một chế-độ phụng-tự, vấn-đề quan-trọng nhất còn lại là đề-nghị một chế-độ pháp-lý duy-nhất cho tất cả các Giáo-Hội.

ĐOẠN II - ĐỀ-NGHỊ MỘT CHẾ-ĐỘ PHÁP-LÝ DUY-NHẤT
CHO MỌI GIÁO-HỘI

Những quy-chế pháp-lý riêng biệt của các Giáo-Hội khác nhau đã sinh ra những bất bình đẳng. Chính sự bất bình đẳng ấy là một trong những động-ơ thúc đẩy Phật-Giáo đấu tranh năm 1963. Sau năm đó, Thượng-Tọa Trí-Quang lại phát động cuộc tranh-đấu mới để đòi hỏi bình đẳng tôn-giáo vì một chế-độ pháp-lý đặc-biệt áp-dụng cho mọi đoàn-thể tôn-giáo vẫn chưa được ban hành (186). Vì vậy, hiện nay vấn-đề lập-pháp quan-trọng nhất trong lãnh-vực tôn-giáo chắc chắn phải là việc soạn thảo, biểu quyết và ban hành càng sớm càng hay một chế-độ pháp-lý duy-nhất áp-dụng cho mọi Giáo-Hội. Muốn đề-nghị một chế-độ pháp-lý tiên-bộ, ngoài việc căn cứ vào các nguyên-tắc chỉ hướng vừa nêu trên, ta cần phải kiểm điểm những quy-chế hiện hành để tránh mọi khuyết-điểm đã có.

MỤC I - Trình-bày các quy-chế pháp-lý riêng-biệt của các Giáo-Hội

Hiện nay tại Việt-Nam Cộng-Hòa có nhiều quy-chế pháp-lý khác nhau áp-dụng cho các Giáo-Hội :

- Quy-chế của các Giáo-Hội Công-Giáo và Tin-Lành.
- Quy-chế của các Giáo-Hội thoát khỏi sự chi-phối của Dự số 10 ngày 6.8.1950.
- Quy-chế của các Giáo-Hội còn bị Dự số 10 chi phối.

(186) Trí-Quang, Thích : Tâm Ảnh Lục, tập 4, trang 53-64.

1. Công-Giáo và Tin-Lành

Công-Giáo và Tin-Lành là hai tôn-giáo do các nhà truyền giáo Tây Phương du nhập nước ta, và riêng Công-Giáo đã phát triển mạnh trong thời kỳ Thực-dân cũng như được chế-độ Đế I Cộng-Hòa.

Trong thời Pháp thuộc, theo những bản hiệp-ước, các nhà truyền giáo Công-Giáo được tự-do đi lại trong nước ta để truyền đạo. Những nhà truyền đạo Tin-Lành không được thừa nhận quyền này (187). Mãi về sau một chế-độ tự-do mới được ban hành, nhưng chỉ áp-dụng cho các nhà truyền giáo Tin-Lành có Pháp tịch mà thôi (Nghị-định Khâm sứ Trung kỳ ngày 1.5.1929, nghị định Thông sứ Bắc kỳ ngày 22.3.1930). Các nhà truyền giáo Tin-Lành ngoại quốc ngoài người Pháp phải xin phép trước khi hoạt-động.

Hiện nay các Hội truyền giáo Công-Giáo và Tin-Lành đều có quy-chế riêng ấn-định trong hai sắc-lệnh 16.1.1939 và 6.2.1939. Đây là các hội ngoại quốc hay quốc-tế hoạt-động tại Việt-Nam (188). Chánh quyền Đế I Cộng-Hòa đã xác nhận quốc-tịch ngoại quốc của các hội ấy trong việc giao-dịch và trước phải đoàn-điều tra Liên-Hiệp-Quốc năm 1963 (189). Các hội truyền giáo Công-Giáo và Tin-Lành đều có thể lập các Hội-đồng

(187) Pinto, Roger : Aspects de l'évolution gouvernementale de l'Indochine française, trang 94, trích dẫn bởi Trần-văn-Đỉnh trong Lược-khảo về những quyền tự-do công cộng, Nghiên-Cứu Hành-Chánh, số 6 và 7, tháng 6 và 7/1961, trang 127.

(188) Caratini, Marcel et Grandjean, Philippe : Le statut des missions en Indochine, tr. 91. Etudes indo-chinoises et Extrême-orientales publiées sous la direction de G. H. Camerlynck. Riêng Hội Truyền-giáo Gia-Tô là một chi nhánh của Hội Truyền-giáo Hai-ngoại của người Pháp thiết-lập từ thế-kỷ 17, Hội-sở đặt tại số 128 Bac, Paris (tr.4). Vấn-đề quốc-tịch các Hội truyền-giáo rất phức-tạp không thể phân-tích trong một luận án chánh-trị học được.

(189) Xem : Rapport de la Mission d'enquête des Nations Unies au Việt-Nam Sud, trang 31.

quản-trị để thủ-đắc tư-cách pháp-nhân và năng-lực pháp-ly ngõ hầu thực-hiện các hành-vi dân sự. Các hội ấy có quyền tạo mãi bất-động-sản dùng vào việc phụng-tự hay các công-tác giáo-dục, cứu tế xã-hội. Tuy nhiên việc tạo mãi bất-động-sản không có dụng-dịch vừa kể cần phải có phép trước của nhà chức trách Hành-Chánh.

Về sau, thông-tư số 116/TTK/I ngày 23.9.1960 của Tổng-Thống-Phủ buộc mọi việc tạo mãi bất-động-sản của Giáo-Hội phải có phép trước của Tổng-Thống, không phân-biệt quốc-tịch của Giáo-Hội hay dụng-dịch tạo mãi.

Sau cách-mạng 1963, vì các Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất, Cao-Đài và Hòa-Hảo, đều không phải xin phép trước khi tạo mãi bất-động-sản dùng cho mục-dịch cần thiết của Giáo-Hội, nên Giáo-Hội Công-Giáo Việt-Nam đã xin hủy bỏ thông-tư nêu trên.

Trước đòi hỏi ấy, nhà cầm quyền, bằng công-văn số 6373 UBHP/HCTQ/I ngày 7.12.1965 của Phủ chủ-tịch Ủy-ban Hành-Pháp Trung-Uơng và thông-tư số 1491 PCT/LĐQG/TTK ngày 23.12.1965 của Văn-phòng Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia, xác nhận rằng Giáo-Hội Công-Giáo Việt-Nam đương nhiên có quốc-tịch Việt-Nam. Tiếp theo, thông-tư số 345/UBHP/CT ngày 31.12.1965 của Phủ Chủ-tịch Ủy-ban Hành-Pháp Trung-Uơng xác nhận Hội Thánh Tin-Lành được xem như Giáo-Hội có quốc-tịch Việt-Nam và có pháp nhân tư cách.

Do đó, các Giáo-Hội Công-Giáo và Tin-Lành từ những ngày kể trên không phải xin phép trước khi tạo mãi bất-động-sản dùng vào các mục-dịch tôn-giáo, giáo-dục và cứu tế xã-hội. Các thông-tư nêu trên được tái xác nhận bằng thông-tư số 345/UBHP/CT ngày 11.12.1965 của Phủ Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-Pháp Trung-Uơng theo đó :

- Giáo-Hội có quốc-tịch Việt-Nam chỉ cần xin phép trước trong trường-hợp bất-động-sản tạo mãi không dùng vào các mục đích tôn-giáo, giáo-dục, và cứu-tế xã-hội.

- Giáo-Hội có ngoại tịch phải xin phép trước, bất luận bất-động-sản tạo mãi được dùng vào mục-đích nào.

2. Các tôn-giáo khác

Trước ngày 1.11.1963, các Hiệp-Hội Tôn-Giáo khác hơn là Công-Giáo và Tin-Lành đều bị chi-phối bởi Dự số 10 ngày 6.8.1950 về quy-chế Hiệp-Hội. Như vậy, các hội này đều bị coi như mọi hội thường khác và bị nhà chức trách kiểm-soát chặt chẽ về mọi phương-diện mà ta đã cố dịp trình-bày trong phần đầu luận án (190).

Sau chính biến 1.11.1963, một số Giáo-Hội đã thoát khỏi Dự số 10, trong khi đó còn có những Giáo-Hội khác hiện nay vẫn bị chi-phối bởi Dự này.

a) Các Giáo-Hội đã thoát khỏi Dự số 10 ngày 6.8.1950 - Sau ngày 1.11.1963, các Giáo-Hội sau đây đã được ban cấp một quy-chế pháp-ly riêng biệt rộng rãi nhất so với tất cả mọi Giáo-Hội khác tại Việt-Nam.

- Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất : Sắc-luật số 158 SL/CT ngày 14.5.1964 được thay thế liên tiếp bởi các Sắc-luật số 005/66 ngày 26.2.1966 và số 23/67 ngày 18.7.1967 công-nhận Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất cùng với bản Hiến-Chương.

- Tổng Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam : Sắc-luật 001/64 ngày 8.12.1964 công-nhận Tổng Giáo-Hội cùng bản Hiến-Chương.

- Giáo-Hội Hòa-Hảo : Sắc-luật số 002/65 ngày 12.7.1963 cho phép Giáo-Hội Phật-Giáo Hòa-Hảo hoạt-động theo Hiến-Cương ngày 6.12.1964.

- Giáo-Hội Đại Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ (Cao-Đài) :

Sắc-luật số 003/65 ngày 12.7.1965 cho phép Đại Đạo Tam Kỳ Phổ-Độ hoạt-động theo Hiến-Chương ngày 21.1.1965.

Theo các văn-kiến có giá-trị lập-pháp vừa kể, những Giáo-Hội liên-hệ có tư-cách pháp-nhân, được quyền sở hữu, thủ đắc, tạo mãi hoặc chuyển nhượng bất-động-sản cần-thiết để đạt mục-đích của Giáo-Hội. Những bất-động-sản đó là các cơ-sở phụng-tự, hoặc các cơ-sở hoạt-động văn-hóa, xã-hội. Những Giáo-Hội ấy còn có quyền thâu nhận tài-sản sinh tặng hoặc di tặng bởi các thể nhân hoặc pháp-nhân khác.

b) Các Giáo-Hội hiện vẫn còn bị Dự số 10 chỉ phối - Hiện còn nhiều hiệp hội tôn-giáo bị Dự số 10 chỉ phối :

- Đạo Bahai.
- Hội Giáo.
- Trong số 35 Hội Phật-Giáo hiện hữu, chỉ có hai Giáo-Hội kể ở đoạn (a) là thoát khỏi Dự số 10 ; 33 hội còn lại hiện vẫn còn bị chỉ phối bởi Dự vừa kể (Xem Danh-sách, phần phụ lục). Ấy là chưa kể tới Giáo-Hội Ấn-Quang, vì Giáo-Hội này không được Nhà Nước công-nhận.

Ta có nhận xét thế nào về tình-trạng phức-tạp này ?

MỤC II - Nhận-xét về các Quy-chế Pháp-lý hiện hành

A - Nhận xét trước tiên là các quy-chế pháp-lý hiện hành tổ-cáo một tình-trạng phi lý, hỗn độn và bất bình đẳng giữa các đoàn-thể tôn-giáo.

- Phi lý vì những biện-pháp lập-quy và lập-pháp liên-hệ tới quy-chế các Giáo-Hội ban hành sau năm 1963 đều có tính-cách cục bộ, vấ vứu và tạm bợ.

Thật vậy, hễ tôn-giáo nào có ảnh-hưởng chánh-trị mạnh đòi hỏi những điều-kiện khả quan cho quy-chế

của mình thì chánh-phủ phải cố tìm cách thỏa mãn. Người ta tự hỏi tại sao thay vì giải-quyết lẽ tẻ từng trường-hợp như vậy, và, do đó, gây ra những phản ứng dây chuyền yêu sách, chánh-quyền không ban-hành một chế-độ phụng-tự chung cho mọi tôn-giáo ? Người ta cũng thắc mắc tự hỏi tại sao hai Hội Truyền-giáo Công-Giáo và Tin-Lành trước đây đã được các bản văn lập-pháp nhìn nhận là các Hội Truyền-giáo ngoại quốc, tự nhiên sau 1963 nhà cầm quyền bằng một bản văn lập-quy đã biến đổi chúng thành Giáo-Hội Công-Giáo Việt-Nam, Giáo-Hội Tin-Lành Việt-Nam và, do đó, đương nhiên có quốc-tịch Việt-Nam. Mặc dầu lối giải-thích ấy phù-hợp với thực trạng vì hiện nay không phải các Hội Truyền-giáo ngoại quốc quản-trị quyền-lợi của hai cộng-đồng tôn-giáo ấy, mà chính là hàng giáo-phẩm Việt-Nam, hành-vi kể trên của nhà chức-trách đã không tôn-trọng nguyên-tắc song đối của các văn-kiên pháp-lý khi dùng một thông-tư để sửa đổi một sắc-lệnh có giá-trị một đạo-luật (191). Sự vi-phạm này chỉ có thể được biện-minh bằng nhu-cầu chánh-trị trong một giai-đoạn lịch-sử.

- Hỗn độn vì nếu trước ngày 1.11.1963 chỉ có sự phân-biệt một bên là Công-Giáo và Tin-Lành, một bên là các tôn-giáo khác, thì sau 1.11.1963 lại phát-sinh ra nhiều sự phân-biệt hơn : phân-biệt giữa Công-Giáo và Tin-Lành với Phật-Giáo ; phân-biệt giữa các Giáo-Hội Phật-Giáo với nhau ; phân-biệt giữa các Giáo-Hội có quy-chế riêng biệt với các Giáo-Hội bị coi như các hiệp-hội thường.

- Tình-trạng phi-lý và hỗn-độn đưa tới nhiều sự bất bình-dẳng.

(191) Tổng-Thống Pháp hành-xử quyền Lập-pháp tại Thuộc-địa Nam-kỳ và các nhượng địa bằng Sắc-lệnh. Sắc-lệnh ấy được ban-hành bằng nghị-định của Toàn-Quyền Đông-Dương.

Trước hết là bất bình đẳng giữa một bên là Công-Giáo và Tin-Lành và một bên là G.H.P.G.V.N.T.N., Tổng Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam, Cao-Đài và Hòa-Hảo, vì các Giáo-Hội thuộc loại trước hiện không được đãi ngộ rộng rãi như các Giáo-Hội thuộc loại sau. Thật vậy, mọi sự thụ nhận di tặng hay sinh tặng đối với Công-Giáo và Tin-Lành đều phải xin phép trước cơ-quan Hành-chánh địa-phương, trong khi G.H.P.G.V.N.T.N., Cao-Đài, Hòa-Hảo lại không cần phải có phép này (191b) và không chịu sự kiểm-soát của chánh quyền.

Thứ đến là bất bình đẳng giữa Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. và Tổng Giáo-Hội Phật-Giáo với tất cả các hội Phật-Giáo khác vì các Hội sau này đều vẫn bị dụ số 10 chỉ phối.

Sau hết là bất bình đẳng giữa Công-Giáo, Tin Lành, G.H.P.G.V.N.T.N., Tổng Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam, Cao-Đài và Hòa-Hảo với tất cả các Giáo-Hội còn lại, vì cùng là tôn-giáo như nhau nhưng các Giáo-Hội sau này phải chịu một quy-chế pháp-lý khác-khác hơn.

B - Nhận xét thứ hai là sự tự-do do các sắc-luật dành cho một số đoàn-thể tôn-giáo sau năm 1963 có lẽ hơi quá rộng và, do đó, có thể phương hại tới tài-nguyên thuế khóa của quốc-gia. Việc dành cho các đoàn-thể ấy được toàn quyền thụ nhận sinh-tặng hay di tặng mà không chịu một sự kiểm-soát nào về phương-diện tài-chánh có thể tạo nên những khối tài-sản lớn khó chuyển dịch và, do đó, làm mất đi của quốc-gia một số thuế. Sự tích-lũy tài sản dễ dàng ấy còn có thể giúp cho các đoàn-thể trung-gian gây được một quyền-lực thực-tế càng ngày càng mạnh, đối diện với quyền-lực quốc-gia.

(191b) Điều 44 Hiến-Chương G.H.P.G.V.N.T.N. do sắc-luật 23/67 ngày 18.7.1967 phê-chuẩn, ấn-định : "G.H.P.G.V.N.T.N. có quyền thụ nhận những tài-sản sinh tặng hoặc di tặng bởi các thể nhân hay bởi các pháp-nhân khác.

Đành rằng tài-sản thật cần thiết cho các hoạt-động tôn-giáo, văn-hóa và xã-hội được công nhận là có ích lợi chung, nhưng cũng cần phải cân phân giữa lợi ích này và sự phương hại đến quyền lợi tài-chánh quốc-gia cùng viễn tượng một thế lực kinh-tài quá lớn.

C - Nhận xét thứ ba là tình trạng phi lý, hỗn-độn và bất bình đẳng nêu trên còn làm đầu đề cho các đoàn-thể chỉ-trích chánh-quyền. Bằng chứng thứ nhất là sắc-luật 23/67 đã là lý-do phát sinh mối mâu-thuẫn giữa chánh-quyền và Ấn-Quang. Bằng chứng khác là các đoàn-thể tôn-giáo như Ba-Hai, Giáo-Hội Phật-Giáo Tăng-Già Nguyên-Thủy đều bày tỏ nguyện-vọng xin thoát khỏi dụ số 10.

Trong khung-cảnh Hiến-Pháp Đệ II Cộng-Hòa, tình-trạng hỗn độn ấy không thể có lý-do tồn-tại vì nó vi phạm nguyên-tắc tự-do, bình đẳng tôn-giáo và chứng tỏ sự thờ-ơ của Nhà Lập-Pháp đối với quyền-lợi chung. Vì vậy đề-nghị một quy-chế pháp-lý chung cho tất cả mọi Giáo-Hội là việc làm cần thiết cho việc bảo vệ tự-do tôn-giáo, thế-tục-hóa chánh-trị và tạo lập đoàn-kết quốc-gia.

Mục III - Đề nghị một chế độ pháp lý
duy-nhất cho mọi Giáo-Hội

Sở dĩ trong luận-án về Phật-Giáo lại đề-nghị một chế-độ pháp-lý chung cho mọi Giáo-Hội vì nguyên-tắc tự-do và bình đẳng tôn-giáo bao hàm ý-nghĩa là quốc-gia phải áp-dụng đồng đều cho tất cả mọi đoàn-thể tôn-giáo một luật-pháp duy-nhất. Hơn nữa, nguyên-tắc này còn chấp nhận một tôn-giáo có thể có nhiều Giáo-Hội.

Thật ra không phải nhà cầm quyền không nghĩ tới việc soạn-thảo một chế-độ pháp-lý duy-nhất áp-dụng cho tất cả các đoàn-thể tôn-giáo. Bằng chứng là vào năm 1957 Bộ Nội-Vụ đã lập một phúc-trình về việc sửa đổi quy-chế các Hội truyền giáo (phúc-trình số 8814-BNV/NA/P5 ngày 12.8.1957). Đến năm 1964, Bộ này cũng dự-thảo xong một quy-chế các Giáo-Hội. Nhưng vì các tôn-giáo cho rằng một số điều khoản có tính-cách nghiệt ngã nên dự-thảo phải xếp lại.

Thiết tưởng ngày nay Quốc-Hội phải đặt việc soạn-thảo và biểu-quyết dự-luật ấn-định một chế-độ pháp-lý duy-nhất này lên hàng ưu-tiên trong chương-trình lập-pháp để tiêu trừ mọi phi lý, hèn dộn và bất bình đẳng do nền pháp-chế hiện hành gây ra. Căn-cứ vào những nguyên-tắc chỉ hướng đã trình-bày, một chế-độ pháp-lý chung cho mọi Giáo-Hội khả dĩ bảo-vệ hữu-hiệu tự-do tôn-giáo có thể được quan-niệm đại cương như sau :

A - Tư-cách pháp-nhân của các Giáo-Hội

Ngoài tính-cách cá nhân, phụng-tự còn có tính-cách công cộng. Với tính-cách sau này, những người đồng đạo có quyền tập-hợp lại thành đoàn-thể để tổ-chức việc hành đạo chung của cộng đồng tôn-giáo. Khi đó các phương-tiền vật-chất trở nên tối cần : nhà thờ, chùa-chiền, thánh thất, trường học v.v...

Một mặt tài-sản vừa kể là tài-sản chung của đoàn-thể ; mặt khác trật-tự pháp-lý của xã-hội dân sự bó buộc mỗi một quyền đều phải có chủ thể, và chủ thể ấy trong trường-hợp này chính là đoàn-thể tôn-giáo. Về phương-diện luật pháp, đoàn-thể phải có tư-cách pháp nhân mới có năng-lực pháp-lý và mới được coi là chủ thể của các quyền-lợi và nghĩa-vụ. Vì vậy một chánh thể tôn trọng các quyền tự-do cần ấn-định những điều-kiện mà một đoàn-thể tôn-giáo phải hội đủ để được ban cấp tư-cách pháp-nhân một cách dễ dàng. Đoàn-thể có tư-cách pháp-nhân ấy được gọi là Giáo-Hội.

Đối với quốc-gia, Giáo-Hội chỉ có nghĩa là hiệp-hội tôn-giáo hay hiệp-hội phụng-tự, vì nguyên-tắc thể-tục không cho phép nó quan tâm tới việc tổ-chức và điều-hành nội bộ của các tôn-giáo. Như vậy danh xưng Giáo-Hội không thể mang một ý nghĩa riêng của bất cứ một tôn-giáo nào, vì nó là một định-chế pháp-lý thể-tục và, do đó, tách rời khỏi tôn-giáo. Định-chế ấy là một khuôn khổ mà hoạt-động tôn-giáo không thể vượt ra ngoài được, vì trên bình-diện thể-tục, giáo-hội chỉ là một đoàn-thể trung-gian nằm trong quốc-gia, được sự che chở của quốc-gia và phải tuân hành luật-pháp quốc-gia. Do đó Giáo-Hội phải chịu sự kiểm-soát của chánh-quyền đối với các hành-vi dân sự :

- Việc quản-trị quyền-lợi dân sự : Quốc-gia có quyền ấn-định rằng việc quản-trị quyền-lợi dân-sự của Giáo-Hội được đảm-nhiệm bởi một hội-đồng hay ban quản-trị. Cơ-quan này là đại-diện hợp-pháp của Giáo-Hội để làm các hành-vi dân-sự : khởi tố, tạo mãi, chuyển nhượng động sản và bất động sản, thu nhận sinh

tặng hay di tặng.

- Quốc-gia có quyền kiểm-soát về tài-chánh để bảo-vệ các quyền-lợi vật-chất của xã-hội dân-sự. Thiết tưởng quốc-gia nên trừ liệu biện-pháp hạn-chế việc tích-lũy quá nhiều những tài-sản không di nhượng được (biens de mainmorte) và nhất là không cần thiết cho mục-dịch của Giáo-Hội. Chẳng hạn như đặt sự tạo mãi các bất-động-sản sinh-lợi hay sự thụ nhận các tặng dũ dưới chế-độ xin phép trước.

- Không chen vào nội-bộ tôn-giáo nhưng vì phải quan tâm tới các sự-khiến tôn-giáo và nhìn nhận vai-trò công ích của nó, quốc-gia nên dành cho các giáo-hội những ưu đãi chánh đáng như : miễn thuế điền thổ, nóc gia, v.v... đối với các cơ-sở phụng-tự, giảm hay miễn thuế đối với các cơ-sở cùng hoạt-động giáo-đục, xã-hội, y-tế của Giáo-Hội.

- Thể hiện rõ rệt nguyên-tắc phân-lập giữa quốc-gia và Giáo-Hội, Nhà Nước cần minh định quy-chế các ngôi chùa Làng, Quốc tự và phật-tự-điền. Nhằm dung hòa truyền-thống tín-ngưỡng dân-tộc với đòi hỏi của quan-niệm thế-tục, quốc-gia có thể xác nhận rằng những tài-sản ấy thuộc khối Công-Sản và được sung dụng cho Giáo-Hội Phật-Giáo với dụng đích phụng-tự. Như vậy các chùa làng sẽ không còn giữ tính-cách công sở của xã thôn nữa ; đồng thời giá-trị cổ truyền của dân-tộc vẫn được duy-trì và quốc-gia vẫn có quyền kiểm-soát khối tài-sản ấy.

B - Nguyên-tắc thành-lập Giáo-Hội

Trong nền dân-chủ ta phải áp-dụng nguyên-tắc "Tự-do thành-lập Giáo-Hội".

Theo nguyên-tắc này, nhà Lập-Pháp phải chấp-nhận chế-độ khai báo, theo đó Giáo-Hội được hoạt-động công khai sau khi đã khai báo hợp lệ tại Bộ Nội-Vụ.

Sự khai báo hợp lệ được chứng-minh bằng

phải lại của Bộ sở quan. Dĩ nhiên luật-pháp phải dự-liệu một số điều-kiện để được cấp phải lại và những bảo-đảm tài-phần chống lại sự từ khước cấp phải lại.

Nhưng muốn có tư-cách pháp-nhân, các Giáo-Hội cần phải được một nghị-định thừa nhận. Sự ban cấp tư-cách pháp-nhân phụ thuộc vào một số điều-kiện như : Hội-đồng quản-trị trung ương, các Chi-hội tại một số tỉnh, số lượng tín-đồ, quốc-tịch và tư pháp lý-lịch của các sáng-lập-viên và Hội-chủ.

Với nguyên-tắc tự-do thành-lập Giáo-Hội, chính-quyền không thể can-thiệp vào nội bộ tôn-giáo, không phê-chuẩn Hiến-chương của Giáo-Hội. Điều quan-tâm duy-nhất của Nhà Nước là kiểm-soát sự hợp-thức và hợp-pháp của việc thành-lập. Chỉ được coi như hợp-pháp các Giáo-Hội nào không vi-phạm trật-tự công cộng và thuần phong mỹ tục.

Riêng đối với các Giáo-Hội ngoại quốc hoạt-động tại Việt-Nam, sự kiểm-soát của Nhà Nước phải chặt chẽ hơn đối với các Giáo-Hội của bản dân ngõ hầu bảo vệ quyền-lợi quốc-gia một cách hữu hiệu.

Thiết tưởng nguyên-tắc nêu trên là một tiến-bộ khá lớn nếu được áp-dụng tại Việt-Nam. Hiện nay các Hội-đoàn tôn-giáo (Congrégations religieuses) tại Pháp do Đạo-luật ngày 8.4.1942 quy-định cũng được chi-phối bởi nguyên-tắc này (192).

C - Hoạt-động của Giáo-Hội

Mọi Giáo-Hội phải hoạt-động trong khuôn-khó luật định. Hoạt-động của Giáo-Hội đóng khung trong phạm vi tôn-giáo, văn-hóa, giáo-dục và cứu tế xã-hội.

Trong nội vi cơ-sở phụng-tự, tu-sĩ có quyền cạnh-sát. Người ta nhận thấy sự cạnh-hợp của hai quyền

cảnh-sát : tu-sĩ và công quyền. Tu-sĩ có quyền thực hành tôn-giáo theo trật-tự, kỷ-luật và lễ nghi do chính tôn-giáo thiết lập, và chỉ trong phạm-vi cơ-sở phụng-tự Ông được hành xử quyền cảnh-sát để duy-trí trật-tự.

Do đó, giải-pháp được áp-dụng là : quyền cảnh sát trong lợi ích hội họp tôn-giáo thuộc tu-sĩ, quyền cảnh-sát trong lợi ích trật-tự và yên tĩnh công cộng thuộc đại diện công quyền.

Vì vậy, tu-sĩ không được quyền thuyết giảng chánh-trị nơi phụng tự, và công quyền phải quy-định đầy đủ việc hành xử quyền phụng-tự tại nơi công cộng, trên đường lộ, trong các cuộc tang lễ, việc treo cờ, thỉnh chuông, v.v... Các chi tiết này trông có vẻ nhỏ nhặt, nhưng sự quy-định thiếu sót có thể gây ngộ nhận tai hại giữa Nhà Nước và Giáo-Hội. Bằng chứng trước mắt chính là vụ hạ cờ Phật-Giáo năm 1963 đã là nguyên-nhân trực tiếp của cuộc tranh đấu rộng lớn.

Trên bình-diện luật-học đối chiếu, án-lệ vững chắc của Tham Chánh Viện và Tòa Phá Án tại Pháp đã xác nhận các vị cha sở có đủ mọi quyền hành cần thiết để đảm bảo việc hành đạo tự-do trong những nơi mà Đạo đó được thực hành. Không những để cho tu-sĩ hành xử quyền cảnh-sát tại nơi phụng-tự, quốc-gia còn chế tài nghiêm khắc tất cả những vi-phạm vào nguyên-tắc này. Luật 1905 phạt tiền hay phạt tù những kẻ nào phá rối việc hành đạo ; những việc hội họp công cộng ở nội vi nơi phụng-tự không thể bị phá rối (193).

Thiết tưởng tất cả những điểm vừa nêu trên chỉ là những điểm đại cương quan-trọng khả dĩ thể-hiện được sự hợp nhứt tất cả các quy-chế riêng biệt thành một chế-độ pháp-lý duy-nhứt.

(193) Groshens, Jean-Claude : Les Institutions et le régime juridique des cultes protestants, trang 183 và kế tiếp, Paris, L.G.D.J.1957.

Quy-chế pháp-lý các Giáo-Hội vừa đề-nghị có thể có những hậu quả gì ?

MỤC IV - Hậu-quả của quy-chế Pháp-lý đề-nghị

- Hậu quả đầu tiên đương nhiên của chế-độ pháp lý vừa đề-nghị trên đây là hủy bỏ được tất cả các quy-chế riêng biệt hiện hành. Như vậy nó sẽ thủ tiêu được tất cả các tình-trạng phi lý, hỗn độn và bất-bình-dẳng mà ta đã có dịp nhận xét.

- Hậu quả thứ hai là nguyên-tắc thế-tục trở nên rõ rệt hơn và, do đó, chánh-trị khó có cơ-hội xen vào tôn-giáo, vì mỗi bên đã có một phạm-vi hoạt-động được minh định.

- Hậu quả thứ ba là các tôn-giáo sẽ không còn đối-tượng để chỉ-trích chánh-quyền nữa. Hậu quả này rất quan-trọng vì nó đương nhiên giải-quyết được mọi tranh chấp vừa pháp-lý vừa chánh-trị giữa chánh quyền và phe Phật-Giáo Ấn-Quang. Thật vậy, một khi chế-độ pháp-lý duy-nhứt được ban hành, tất nhiên cả sắc luật 23/67, đối-tượng chỉ-trích của Ấn-Quang, lẫn sắc-luật 005/66 mà phe này quyết tâm đòi phục hồi, đều bị hủy bỏ (194). Mọi cá-nhân hay tập-thể đều có quyền đứng ra lập Giáo-Hội nếu hội đủ các điều-kiện luật định. Như vậy trong nội bộ Phật-Giáo sẽ không còn có tranh luận về việc độc quyền chính thống giữa một xã-hội dân-chủ vốn có tánh-cách đa nguyên.

Tóm lại, quy-định mọi vấn-đề liên-hệ đến việc phụng-tự là điều-kiện cần để hành xử tự-do tôn-giáo. Tuy nhiên đó vẫn chưa phải là điều kiện đủ vì

(194) Thực ra, trong khung-cảnh Hiến-Pháp hiện nay vấn-đề hủy bỏ một văn-kiên Lập-pháp không thuộc thẩm quyền của Tổng-Thống, mà thuộc thẩm quyền của Tối Cao Pháp-Viện (Xét hợp-hiến-tính và hợp-pháp-tính của các văn-kiên Lập-Pháp và Lập-quy) và Quốc-Hội (hủy-bỏ luật này và thay thế bằng luật khác).

không phải cứ có hiến-pháp là có dân-chủ và cứ có luật pháp là có tự-do. Điều quan-trọng là các cơ-quan công-quyền phải áp-dụng mọi biện-pháp tổ-chức việc hành xử quyền tự-do tôn-giáo trong thực-tế và bảo-vệ quyền đó chống lại mọi vi-phạm.

TIẾT II

VIỆC BẢO-VỆ QUYỀN TỰ-DO TÔN-GIÁO

Các luật gia Tây-Phương thường nhấn mạnh vào những biện-pháp bảo đảm tài-phần chống lại mọi vi-phạm tới các quyền tự-do.

Không phủ nhận tầm quan-trọng của vai-trò tư-pháp trong sứ mạng bảo-vệ nhân quyền (195), ta thấy có nhiều yếu tố chứng tỏ rằng biện-pháp tài phần chưa đủ hữu hiệu tại Việt-Nam. Trước hết, tình trạng chiến tranh, hiện tượng tăng cường quyền Hành-pháp (196) và sự hiện hữu của các quyền lực thực tế khiến một số người cầm cân công-lý hầu như khó giữ được tính-cách độc-lập. Thứ đến, trình-độ dân trí thấp kém, tổ-chức tư-pháp lạc hậu và khiếm khuyết khiến quang đại quần chúng mà đa số sống trong khu vực cổ truyền nông thôn khó có đủ các điều-kiện để tự bảo-vệ quyền-lợi của mình.

Vì vậy, sự bảo vệ tự-do chỉ hữu hiệu và đầy đủ khi các chức quyền Hành-chánh ý-thức được rằng nền Dân-chủ chỉ còn có ý-nghĩa khi chính họ có thiện-chí bảo-vệ tự-do. Nói một cách khác, tại Việt-Nam Cộng-Hòa việc bảo-vệ tự-do tôn-giáo trong thực tế phải do cả hai công quyền Tư-pháp và Hành-chánh đảm nhiệm.

(195) Burdeau, Georges : Sách đã dẫn, trang 63-82.

(196) Lành, Nguyễn-hữu : Sự tăng cường quyền Hành-pháp trong chế-độ Dân-chủ ngày nay, Luận án Tiến-sĩ Luật-khoa, Sài-gòn, 1967.

ĐOẠN I - NHIỆM-VỤ CỦA HÀNH-PHÁP

Trong thực-trạng nước nhà, việc quy-định quyền tự-do tôn-giáo của nhà Lập-pháp chỉ thực sự có ý-nghĩa nếu cơ-quan thi-hành luật-pháp chứng-tỏ ý-chí phụng-sự Tự-do bằng cách ban hành các biện-pháp chánh-trị và hành-chánh nhằm giáo-dục công dân thấu hiểu các định-chế tự-do, và ngăn chặn mọi lạm-dụng của các nhân viên thuộc quyền.

PHẦN ĐOẠN I - NHỮNG BIỆN PHÁP CHÁNH-TRỊ

Sự phân-tích trong Phần I Luận-án cho thấy rằng những lỗi lầm và lạm-dụng của các viên chức Hành-chánh tại một số địa-phương đã khiến Phật-tử bất mãn và có lý-do chánh đáng để tranh đấu vào năm 1963. Sự phân tích trong Phần II Luận-án cho thấy Mặt trận Dân-tộc Giải-phóng miền Nam đã có một chánh sách tôn-giáo-văn khá khôn ngoan để tranh thủ sự ủng-hộ của các tín đồ thuộc đủ mọi tôn-giáo.

Những kinh-nghiệm sống động ấy khiến người ta nghĩ rằng vì sự sống còn của chính thể tự-do tại miền Nam, Hành-Pháp cần phải có cả một kế-hoạch bảo-vệ hữu-hiệu tự-do tôn-giáo ngõ hầu tranh thủ nhân dân mà đa số là tín đồ của các tôn-giáo. Thật vậy, trước sự suy yếu của các chánh đảng và lòng hoài nghi của một phần số quần chúng đáng kể đối với chánh quyền, các tôn-giáo đều bị phân-hóa cũng vẫn duy-trì được thiện cảm và niềm tin của khối nông dân đông đảo hiện còn sống trong khu vực cổ truyền. Do đó, nếu các Giáo-Hội không còn có những lý-do để bất mãn với Nhà Nước và lại nhận được những cơ-hội đồng đều để phát triển đoàn-thể và cải-tiến dân sinh, ta có thể chắc chắn rằng sự hưng thịnh tôn-giáo cũng nguồn an lạc cả về tâm linh lẫn thể chất do các Giáo-Hội đem lại cho con Người sẽ là một thách đố lớn lao cho chủ nghĩa Mac-Xít, và chánh quyền quốc-gia sẽ có một hậu thuẫn vĩ-đại mà vẫn không sợ tôn-giáo xen lẫn vào chánh-trị. Các biện-pháp chánh-trị nhằm thể-hiện sự bảo-vệ tự-do tôn-giáo trong đời sống thường nhật có thể bao gồm ba công-tác chính :

1. Huấn-luyện nhân-viên công quyền các cấp - Chương-trình giáo-dục chánh-trị dành cho cán-bộ các ngành phải nhấn mạnh vào tầm quan-trọng của tự-do tôn-giáo trong cuộc tranh thủ nhân tâm. Do đó, nhân-viên công quyền sẽ có thái-độ vô-tư và khéo léo đối với tu-sĩ, các cơ-sở phụng-tự và tín-dồ thuộc mọi tôn-giáo. Nếu công-tác tôn-giáo-vận đã được đối phương đặt lên hàng đầu, thì tại sao Việt-Nam Cộng-Hòa lại chịu kém họ về phương-diện này trong khi bản-chất của chế-độ là Tự-do, nhân-bản và khước từ Duy-vật chủ-nghĩa ?

2. Giáo-dục công dân - Giáo-dục cán-bộ là cần nhưng vẫn chưa đủ. Chính những cán-bộ Công cũng Tư lại phải có nhiệm-vụ giáo-dục quần chúng. Trong hiện tình nước nhà, người dân mà trình-độ hã còn thấp kém cần phải được huấn-luyện về chánh-trị phổ-thông để được thông suốt về quyền-lợi, nghĩa-vụ của họ, chánh-sách của Nhà Nước và nhất là ý-thức quốc-gia. Vì trong các xứ chậm tiến, người dân thường có khuynh-hướng ưu tiên trung-thành với địa-phương, tôn-giáo, chủng tộc và phe phái, nên những biện-pháp chánh-trị nhằm phát huy lòng chung-thủy quốc-gia thường được các chánh khách coi là điều-kiện tiên quyết để tạo lập đoàn kết nội bộ và phát triển xứ sở (197). Chỉ có thuyết phục, hơn là cưỡng chế, mới hy vọng đem lại sự đồng nhất quốc-gia và ổn cố chánh-trị (198). Người ta có thể coi vụ biến động miền Trung năm 1966 do phe Phật-Giáo tranh đấu lãnh đạo là trường hợp điển hình của lòng chung thủy tôn-giáo và địa-phương. Mặc dầu tình trạng hỗn loạn tại Việt-Nam không tệ hại hơn tại nhiều xứ chậm tiến khác, nhưng nó có nguy cơ trở nên trầm trọng vì sự khai thác của đối phương (199).

(197) Mehden, Fred R. Von der : Sách đã dẫn II, trang 31-52.

(198) Kobschull, Harvey G. : Politics in transitional societies, the challenge of change in Asia, trang 255 và kế tiếp, New-York 1968.

(199) Duncanson, Dennis J. : Sách đã dẫn, trang 376.

Do đó, giảng giải cho người dân về một ý-thức-hệ tự-do dân-chủ - trong đó có tự-do tôn-giáo - và một chủ-nghĩa quốc-gia tiến-bộ là điều-kiện cần-thiết để bảo-vệ quyền-lợi công-dân và công-ích xã-hội. "Chúng ta phải làm thế nào để in vào tư-tưởng và lòng dân ý-thức-hệ ấy, một ý-thức-hệ đặt trên căn-bản giá-trị của con người, tình-thương và thông-cảm, đồng thời phát-triển con Người trong sự phát triển cộng đồng" (200). Có như thế, tự-do tôn-giáo mới nổi bật được ý-nghĩa cao đẹp của nó.

3. Phát-triển chánh đảng - Chỉ dùng cán-bộ chánh quyền để huấn-luyện công dân là một điều rất thiếu sót trong chế-độ dân-chủ và nhất là trong thực trạng của Việt-Nam hiện nay.

Thật vậy, ngày nay giữa quốc-gia và công dân, các đoàn-thể trung gian đã giữ một vai-trò đặc biệt quan-trọng mà ta đã nhấn mạnh nhiều lần trong luận-án này. Vì vậy, trong việc phát triển các quyền tự-do công công trong đó có tự-do tôn-giáo, chánh quyền phải tìm ở các đoàn-thể ấy sự hợp-tác chân-thành trên căn-bản quyền-lợi chung của quốc-gia. Sự hợp-tác chánh trị ấy không thể dựa ưu tiên vào đoàn-thể nào khác hơn là chánh đảng, vì nó là một dụng cụ, một phương tiện của sự tham gia chánh-trị, một trường huấn-luyện công dân. Chánh thể dân chủ, một điều-kiện hành xử các tự-do trong đó có tự-do tôn-giáo, ngày nay không thể ăn sâu vào quần chúng, không thể tồn tại nếu không có sự hiện diện của chánh đảng, vì chánh đảng - chủ chắc chắn không phải đoàn-thể tôn-giáo vì nó là tổ-chức không có mục-tiêu chánh-trị - mới là cơ-quan vận-dụng và tập trung dư luận (201).

Trên bình-diện tương-quan giáo-chánh, khuyến-khích việc thành-lập chánh đảng có xu hướng tôn-giáo là

(200) Bông, Nguyễn-văn : Mặt-trận chánh-trị (IV và V), nhật-báo Cáp-Tiến, ngày 11 và 12.9.1969, 13.9.1969.

(201) Bông, Nguyễn-văn : Sách đã dẫn, trang 181-193.

biện-pháp khá thích ứng với thực trạng nước nhà, vì nó phân-biệt được tôn-giáo và chánh-trị, giúp các đoàn-viên của Phật-Giáo cũng như của các tôn-giáo khác với tư-cách công-dân có phương-tiện tranh thủ và hành xử chánh-quyền một cách hợp pháp để thực-hiện lý-tưởng tôn-giáo. Do đó các công-dân sẽ khỏi là nạn nhân của sự xấu xí giữa tình cảm tôn-giáo và tình-cảm quốc-gia phát sinh do sự lẫn lộn giữa tôn-giáo và chánh-trị.

Các công-tác chánh-trị : Giáo-dục cán-bộ, giáo-dục công-dân và phát-triển chánh đảng, chỉ đem lại kết-quả tốt đẹp nếu các cơ-quan hành-chánh ở mọi cấp ý-thức được phạm-vi quyền hạn và trách-nhiệm của mình trong việc bảo-vệ các quyền tự-do công cộng của công-dân. Ý-thức ấy phải được thể hiện bằng các biện-pháp hành-chánh để phối hợp với các biện-pháp chánh-trị vừa kể.

PHẦN ĐOẠN II - CÁC BIỆN-PHÁP HÀNH-CHÁNH

Độc quyền xử dụng các phương tiện cưỡng chế vật thể để duy-trì trật-tự, an-ninh và thịnh-vượng chung, nên hành-chánh có trách-nhiệm trước tiên trong việc bảo-vệ tự-do tôn-giáo. Muốn chu toàn trách nhiệm này, nhà chức trách cần tổ-chức các công-vụ nhằm tạo cơ-hội cho sự hòa đồng tôn-giáo và xác định một quan-niệm dân-chủ tiến-bộ về quyền cảnh-sát, vì hòa đồng thể hiện tinh-thần khoan dung của đa số các tôn-giáo phổ quát và của nền dân-chủ, và quan-niệm dân-chủ về quyền cảnh-sát là một đảm bảo cho tự-do của công-dân.

A - Tổ-chức các công-vụ nhằm tạo cơ-hội cho sự hòa-đồng tôn-giáo

Kinh-nghiệm cho thấy giữa một vài tôn-giáo vẫn còn sự nghi kỵ của một số phần-tử hoặc vì lý-do chánh-trị, hoặc vì lòng nhiệt thành mộ đạo tin-tưởng rằng có âm mưu triệt hạ tôn-giáo của mình, và âm mưu ấy lại thành hình do sự liên minh giữa các lực-lượng thần quyền và thế quyền. Sự nghi kỵ ấy có thể không

chánh đáng, không thực tế và nguy hại cho nỗ lực đoàn kết quốc-gia trong hiện tình khá nguy ngập. Vì vậy nhà cầm quyền nên thiết lập những công vụ nhằm tạo sự thông cảm và hợp tác chân thành giữa các tôn-giáo trên một vài lãnh vực thể-tục thích-hợp với thiên chức của các Giáo-Hội.

1. Vì lãnh-vực ưu đãi nhất của mọi Giáo-Hội là hoạt-dộng văn-hóa xã-hội, nên các cơ-quan văn-hóa của Nhà Nước nên thiết lập hẳn một phần vụ đóng vai-trò liên lạc với tất cả mọi đoàn-thể tôn-giáo để cố võ và thực hiện sự hợp tác văn-hóa xã-hội.

Một khi các tôn-giáo đã gần gũi nhau và đồng ý với nhau về việc chăm sóc cho cuộc sống tinh thần và vật-chất của công dân, mối xung đột vì nghi kỵ sẽ có triển vọng nếu không tiêu tan thì cũng giảm thiểu.

Hơn nữa, trong thời đại này, mọi cố gắng riêng lẻ đều không hữu hiệu trên bình-diện quốc-gia.

Sau hết, trước nỗi thống khổ hiện nay của đại đa số nhân-dân, sự hợp-tác ấy sẽ gây được ảnh-hưởng tốt đẹp cho các tôn-giáo và Nhà Nước.

Trung thành với lý-tưởng thể tục, trong các hoạt-dộng vừa kể, quốc-gia phải giữ thái-độ hoàn toàn vô tư và độc-lập, nghĩa là không làm lợi riêng cho sự phát-triển một tôn-giáo nào ; ích lợi duy nhất là công ích xã-hội dân-sự.

2. Song song với công-tác nêu trên, việc cải tổ Hội-dồng tôn-giáo hiện hữu là việc làm cần thiết, vì cơ-quan này chưa quy tụ được đầy đủ các khuynh-hướng tôn-giáo. Hội đồng Tôn-giáo được cải tổ phải đại diện cho tất cả mọi đoàn-thể tôn-giáo để thể-hiện sự đoàn-kết rộng lớn, ngăn chặn mọi mầm mống chia rẽ vì bất cứ nguyên nhân nào, và hợp-tác với Nhà Nước trong các vấn-đề thuần-túy văn-hóa và xã-hội. Phần vụ văn-hóa đặc trách việc liên lạc với các tôn-giáo kể ở đoạn trên sẽ liên lạc trực tiếp với Hội-dồng tôn-giáo và giúp đỡ Hội-dồng các phương-tiện cần thiết.

Tại Nhật-Bản, người ta đã thành lập được một Hội mệnh danh là "Liên Minh Tôn-Giáo" với mục đích tương thân tương ái, tìm hiểu và giúp đỡ lẫn nhau. Do sự đoàn-kết này, các tôn-giáo ở Nhật-Bản đã đóng góp một phần rất xứng đáng trong việc xây dựng nền văn-hóa quốc-gia ở cận đại và hiện đại (202). Thiết tưởng đó có thể là tấm gương sáng cho Hội-đồng Tôn-giáo tại Việt-Nam.

Các công tác nêu trên sẽ tiêu biểu cho quan niệm phân-lập tương đối giữa quốc-gia và Giáo-Hội, đồng thời còn phù hợp với khuynh-hướng cấp tiến của Công-Giáo và Phật-Giáo, vì các nhân-vật trí thức thuộc cả hai bên đều đã chân thành nói lên nguyện vọng, hoài bão hợp tác giữa họ cho quyền-lợi cao cả của dân tộc (202 bis).

Hơn nữa, về phía chánh-quyền, vị đương kim quốc-vụ-khanh đặc trách văn-hóa, trả lời cuộc phỏng vấn của chúng tôi ngày 21.5.1969, cũng hoàn toàn tán đồng những đề-nghị vừa kể vì Ông cho rằng chánh quyền không thể thiên vị một tôn-giáo nào, nhưng nên giúp đỡ các công-tác xã-hội, giáo-dục của mọi tôn-giáo.

Sự hợp-tác giữa các tôn-giáo cũng như giữa chánh-quyền và các Giáo-Hội chỉ thực sự tốt đẹp khi tín-đồ thực sự nhìn nhận rằng chánh-quyền đã chân thành bảo-vệ tự-do tôn-giáo. Muốn như vậy, giới chức hành-chánh cần có một quan-niệm chính xác về quyền cảnh-sát để tránh mọi nghi kỵ trong nhân dân.

B - Xác định quan-niệm chính xác về quyền cảnh-sát

Tương quan giữa quyền cảnh-sát và tự-do của công dân là vấn-đề hệ trọng, vì kinh-nghiệm cho thấy

(202) Thiện-Ân, Thích : Lịch-sử tư-tưởng Nhật-bản, trang 389, Đông-Phương xuất-bản 1965.

(202bis) Nhất-Hạnh, Thích : Sách đã dẫn II, trang 206.

một số tín-đồ đã nghi-ngờ những hành-vi bảo-vệ an-ninh, trật-tự chung của Nhà Nước là những biện-pháp đàn áp tự-do tôn-giáo. Hơn nữa, ngay trên bình-diện học lý, người ta cũng đã bàn cãi nhiều về tương quan giữa tự-do và sự quy-định (203). Vì vậy, thiết tưởng nên xác-định một quan-niệm chính-xác về quyền cảnh-sát để đánh tan mọi nghi kỵ trong dân chúng.

Quyền cảnh-sát được xác-định ở đây là cảnh-sát hành-chánh. Nó là một hình-thức can-thiệp do một số giới-chức hành-chánh xử-dụng và gồm có việc đặt những giới-hạn cho tự-do của cá-nhân để bảo-vệ trật-tự công cộng.

Thực ra việc giới-hạn các quyền tự-do công-cộng không phải chỉ phát xuất từ việc hành-xử quyền cảnh-sát hành-chánh. Thật vậy, có những đạo-luật ấn-định chế-độ pháp-lý tổng-quát cùng giới-hạn của các quyền này. Chẳng hạn như chế-độ pháp-lý chung cho các Giáo-Hội vừa đề nghị ở trên có tính-cách pháp định và có những hạn-chế rõ rệt. Vì vậy, một Đạo-luật tổ-chức tự-do tôn-giáo cũng liên-hệ với khái-niệm cảnh-sát. Đó là Đạo-luật cảnh-sát theo nghĩa rộng của danh-từ này.

Nhưng trong khuôn-khố của quyền cảnh-sát lập-pháp có một quyền cảnh-sát hành-chánh do các nhà chức trách hành-chánh hành xử. Họ có thẩm quyền áp-dụng chế-độ tổng-quát (chẳng hạn như chế-độ khai báo áp-dụng cho việc thành lập các Giáo-Hội), và bổ-túc vào chế-độ đó những quy-định mới có hậu-quả hạn-chế tự-do trong phạm-vi thẩm quyền quản hạt của họ. Quyền hành ấy gọi là cảnh-sát hành-chánh hay cảnh-sát phòng ngừa, khác với cảnh-sát tư-pháp hay cảnh-sát trừng trị (204).

(203) Burdeau, Georges : Sách đã dẫn, trang 29-30.

(204) Laubadere, André de : Sách đã dẫn, tome II, trang 521 và kế tiếp. Cũng xem Burdeau, Georges : Sách đã dẫn, trang 34 và kế tiếp.

Vấn-đề đặt ra ở đây là làm thế nào để tránh sự lạm quyền ngõ hầu bảo-vệ hữu hiệu tự-do hành đạo và truyền đạo. Muốn thế, nhà cầm quyền cần ý-thức rõ rệt mục-đích của quyền cảnh-sát là bảo-vệ sự yên tĩnh an-ninh, vệ-sinh và tiêu trừ sự bại luân nếu nó phát sinh ra hỗn-loạn vật thể. Đó là những mục-đích mà luật thực tại của Việt-Nam phỏng theo quan-niệm Pháp quốc đã chấp nhận. Như vậy, đặc-tính của quyền cảnh-sát không phải là đối-tượng tức là những hoạt-động mà nó chiếu cố, nhưng là mục-đích, tức là kết-qua của nó : đó là sự duy-trì một nền trật-tự tốt đẹp theo định-nghĩa rộng nhất.

Phương-pháp tốt nhất để khỏi xâm phạm tới tự-do tôn-giáo cũng như những quyền tự-do khác là phải có một quan-niệm dân-chủ về "trật-tự". Nền trật-tự dân chủ tiên niệm sự hiện hữu và việc hành xử các quyền tự-do. Thật ra giữa tự-do và sự quy-định không có gì mâu thuẫn vì tự-do phải được hành xử trong một xã-hội vốn có mối liên đới giữa các cá-nhân và, do đó, đòi hỏi một trật-tự. Chính sự liên đới với kẻ khác đánh dấu biên giới giữa trật-tự và hỗn loạn và biện minh cho tính cách chánh đáng của việc quy định. Tóm lại, không có những quy-tắc xã-hội thì không thể có trật tự vì những quy-tắc tôn-giáo, đạo đức hoàn toàn không có tính cách cưỡng chế như các quy-tắc pháp-luật của quốc gia ; và không có trật-tự sẽ không có tự-do. Vậy trật-tự dân-chủ là một dụng-cụ của các quyền tự-do vì nó tổ-chức việc hành xử các quyền này. Nhưng nếu tự-do phải được quan-niệm theo trật-tự, thì, đến lượt nó, trật-tự chỉ có ý-nghĩa trong nền dân-chủ thực sự nếu bảo đảm hữu hiệu được việc hành xử các quyền tự-do của công dân. Do đó, người ta không thể tham định một biện pháp cảnh-sát bằng cách chỉ căn cứ vào sự hữu dụng của nó đối với trật-tự mà thôi, người ta còn phải xét tới những cản trở mà nó có thể gây ra cho quyền tự-do liên-hệ. Như vậy, mối quan-tâm về quyền tự-do phải là một thành tố của việc tham định nền trật-tự dân chủ (205).

Trong nền trật tự ấy, thiết tưởng có thể du nhập vào pháp-chế của ta giải-pháp của Pháp-quốc, vì nó khá tiến bộ ở chỗ bảo-đảm được cả tự-do tôn-giáo lẫn trật-tự, an-ninh chung.

Theo giải-pháp này, việc hành-đạo là điểm mà tự-do tín-ngưỡng đụng chạm với những đòi hỏi của trật-tự chung. Do đó phải cùng một lúc để ý tới những dữ-kiện của tôn-giáo và nghĩa-vụ của nhà chức-trách trong việc duy-trì an-ninh cùng trật-tự công cộng. Vì vậy về phương-diện pháp lý việc hành đạo nằm trong những sự hạn của quyền cảnh-sát. Nhưng nếu có một phạm-vi dành cho sự quy-định cảnh-sát, thì chế-độ pháp-ly của sự quy-định này cũng phải được chi-phối bởi nguyên-tắc mà Đạo-Luật 1905 đã đặt ra trong điều 1 là : "Nhà Nước bảo đảm quyền tự-do hành đạo" (205b).

Sự quy-định này liên-quan tới hai vấn-đề quan-trọng là chế-độ hội họp phụng tự và những cuộc tế rước.

1. Về vấn-đề thứ nhất, Luật 1905 trong điều 25 đã miễn cho việc hội họp tôn-giáo thể-thức dự-liệu ở điều 8 Luật ngày 30.6.1881 (phải lập một văn-phòng lo việc duy-trì trật-tự và chịu trách nhiệm về những tội phạm xảy ra) và chỉ đòi hỏi một lời khai duy-nhất có giá-trị đối với tất cả các cuộc hội họp thường trực, định kỳ hay ngẫu-nhiên, trong suốt một năm. Nhưng vì người Công-Giáo từ-chối khai như vậy, nên Luật ngày 28.3.1907 hủy bỏ việc khai báo trước. Do đó chế-độ hội họp phụng tự là một chế-độ ưu đãi vì không phải lập một văn-phòng như điều 8 Luật 1881 đòi hỏi, không phải khai báo trong lúc bình thường và ngay cả trong tình trạng giới nghiêm mà Dự ngày 17.9 năm 1943 đã xác nhận.

Áp-dụng những sự quy-định trên, những lễ lạt cổ truyền, cử hành ở trong trụ-sở tôn-giáo rất dễ được hưởng chế-độ ưu đãi, vì người ta chỉ cần tham-khảo ngay định nghĩa của tế thức. Nhưng đối với những trường-hợp tuân thánh với việc lập lại những biến-cố trong những ngày cuối cùng của Đức Chúa Jêsus trước khi chịu nạn, việc giảng đại phúc, châu mình thánh trọng thể, hầu như người ta phải công-nhận cho Tham-Chính Viện Pháp-quốc một năng quyền tham định bản chất của cuộc hội họp bằng cách căn-cứ vào những giáo-lý của việc tế tự.

Pháp-định tối cao này đã tuyên nhiều bản án liên-quan đến quyền cảnh-sát hội họp. Như đã nói, pháp định chọn giải-pháp : "Quyền cảnh-sát vì lợi ích hội-họp thuộc tu-sĩ, quyền cảnh-sát vì lợi ích trật-tự và yên-tĩnh công cộng thuộc đại-diện chính quyền". Trước hết, việc công nhận một quyền cảnh-sát cho tu-sĩ có thể gây ngạc nhiên, vì kể từ Đạo-luật Phân-lập (1905) việc phụng tự không còn là một công-vụ và quốc-gia không công nhận tôn-giáo. Tuy nhiên, quyền này có thể được biện minh ngay khi người ta thấy nhà lập-pháp đã đồng ý rằng việc hành đạo được thực hiện trong các giáo-đường, như trước khi có Đạo-luật Phân-lập, tức là theo trật-tự, kỷ-luật và lễ-nghi của tôn-giáo. Loại bỏ quyền này của tu-sĩ tức là xâm phạm tự-do hành đạo, vì chính việc phụng tự đã tiên niệm uy quyền ấy của họ. Chính vì nhìn nhận vai-trò của tu-sĩ trong việc điều-khiển các buổi lễ nên Đạo-luật Phân-lập đã miễn cho những cuộc hội họp tế tự nghĩa-vụ thiết-lập một văn-phòng lo việc giữ trật-tự.

Nhưng tu-sĩ chỉ có quyền ấy trong nội vi trụ-sở tôn-giáo và vì lợi ích của kỷ-luật tôn-giáo. Vì vậy án-lệ đã công-nhận cho tu-sĩ quyền quyết-định về giờ-giấc mở và đóng cửa trụ-sở tôn-giáo (C.E. 11.4.1913, R. 412), quyền loại một cá-nhân ra ngoài cộng-

đồng các tín-dồ bằng cách từ chối không cho làm phép xác, không được đưa thi hài vào nhà thờ và không được chọn cất trong đất thánh (D. 1911, 2, 105), quyền ấn-định chỗ ngồi của tín-dồ trong giáo-đường (Crim., 12.1.1911, S.1911, 1, 345 ; Montpellier, 19.3.1930, D. 1931, 2, 113), v.v...

Ngoài ra, tu-sĩ không thể có công lực được, các quyết-định của ông không có một tính-cách cưỡng hành nào. Trong trường-hợp những quyết-định này gặp sự kháng cự, ông phải nhờ đến nhà cầm quyền hành-chánh đặc trách cảnh-sát, và yêu-cầu họ can-thiệp. Nếu họ từ chối, ông còn có những đường lối hành động khác nữa, vì điều 32 Luật 1905 đã dự-liệu những ngân hình và nhục hình trừng trị "những kẻ nào ngăn cản, làm chậm trễ hay làm gián đoạn các việc hành đạo bằng cách gây phiền nhiễu và rối loạn tại nơi hành đạo." Nếu không có nhân-viên tư-pháp cảnh-lại, sự khiếu tố của tu-sĩ hay tín-dồ có thể phát-động công-tố-quyền. Tòa án Tư-pháp sẽ có thẩm quyền thụ lý nội vụ (Confli., 4.7.1934, S. 1935, 3, 97).

Còn về quyền cảnh-sát của chánh quyền, điều 25 Luật 1905 định rằng những cuộc hội họp phụng tự được đặt dưới "sự giám-thị của chánh quyền vì lợi ích của trật-tự công cộng." Vì những cuộc hội họp phụng tự, theo định nghĩa, không có thể xảy ra trên công lộ, nên quyền cảnh-sát chỉ được hành sử trong hai trường-hợp :

- Hoặc có lời yêu-cầu của vị tu-sĩ cai-quản cơ-sở phụng tự.
- Hoặc nơi đó xảy ra những hỗn loạn nguy hại cho trật tự và an-ninh công cộng.

Theo điều 34 và 35 Luật 1905, quyền cảnh-sát của nhà chức-trách hành-chánh còn được tăng cường đặc biệt khi các tu-sĩ dùng tòa giảng để mạ lý hay phỉ báng một công-dân được giao-phó một công-vụ, hay để xách động tín-dồ chống lại luật lệ của công quyền. Đây là những tội phạm mà nếu tu-sĩ phạm phải sẽ bị trừng trị nghiêm khắc hơn những công-dân thường.

2. Về vấn-đề thứ hai : Những cuộc tế rước, Nguyên-tắc tự-do của Luật 1905 chấp nhận những sự biểu lộ ra bề ngoài của việc phụng tự ; đó có thể là việc tiếp nối một buổi lễ chính đã được cử hành trong trụ-sở tôn-giáo (những cuộc rước trên công lộ) hay là hậu quả trực tiếp của những tập tục tôn-giáo (việc mang mình thánh tới kẻ liệt, việc mai táng).

Vì những cuộc tế rước xảy ra trên công lộ và, do đó, liên hệ nhiều tới trật-tự công cộng hơn là những cuộc hội họp ở trong trụ-sở tôn-giáo, nên quyền cảnh-sát được hành xử một cách bình thường : nhà cầm quyền có thể cấm đoán một đám rước nếu nhận thấy nó có thể gây xáo trộn cho trật tự công cộng. Áp-dụng phối hợp điều 97 Luật 5.4. 1884 và điều 27 Luật 9.12.1905, chính viên Xã-Trưởng tại Pháp có quyền quy-định những cuộc lễ, tế rước.

Nhưng quyền này phải được dung hợp với nguyên-tắc tự-do hành đạo của Luật 1905, và Tham-Chánh Viện Pháp-quốc, khi thụ lý những tố-tụng xin tiêu hủy các quyết-định hành-chánh về việc tế rước, đã nhắc nhở các viên Xã-Trưởng phải luôn luôn tôn trọng quyền tự-do này mỗi khi không chứng tỏ được rằng việc hành xử tự-do phương hại tới an-ninh và trật tự công cộng (C.E. 19.2.1909, Abbé Olivier, D. 1910, 3, 121, Concl. Chardenet).

Đặc biệt về những lễ rước, Tham-chánh Viện Pháp quốc đã có một quan điểm khác hẳn quan điểm của một số tác giả của Luật 1905. Trong khi những người sau này có lẽ không muốn coi việc lễ rước là một quyền, Tham-chánh Viện đã chấp nhận rằng việc tổ-chức những lễ rước phù hợp với tập tục địa phương chỉ có thể bị ngăn cản vì nhu-cầu duy trì trật tự công cộng. Sự cấm đoán chỉ là một ngoại lệ.

- Án lệ căn-cứ trước hết trên sự tôn trọng các tập tục địa phương (C.E., 2.3.1934, S. 1934, 3, 9 ; 4.2.1938, S. 1938, 3, 25).

- Tham-chánh Viện đòi hỏi rằng quyết-định cảnh-sát phải căn-cứ vào những lý-do cụ thể. Do đó việc cấm đoán bằng những lời lẽ tổng quát bị coi là bất hợp pháp vì, do tính cách tổng quát ấy, nó không xét từng trường hợp cá biệt (C.E., 5.3.1948, Jeunesse Chrét., Rec. 121).

- Người ta cũng tìm thấy một tinh thần tự-do trong các án-lệ giải thích điều 28 Luật 1905 ; điều này cấm đoán việc treo giáo kỳ trên các công thự hay tại các địa điểm công cộng ngoài những cơ-sở tôn-giáo, tại nghĩa trang hay địa điểm triển lãm. Tham-chánh Viện đã phán quyết rằng nếu viên Xã-Trưởng vì hoàn cảnh địa-phương có thể cấm đoán việc treo giáo-kỳ trên đài chiến-sĩ trận vong, thì ông lại không thể cấm đoán việc treo giáo-kỳ xung quanh đài (C.E. 23.12.1927, Rec. 1257), việc gắn vào những vòng hoa phúng điếu đặt trên đài những giòng chữ ghi lời cầu xin của tôn-giáo (C.E., 14.1.1927, Rec. 44).

Qua các điều luật và án-lệ trên đây, ta thấy Pháp-quốc đã có một quan-niệm dân-chủ rõ rệt về quyền cảnh-sát thuộc lãnh-vực tôn-giáo. Thiết tưởng chỉ với một quan-niệm dân-chủ về trật-tự như vậy nhà cầm quyền mới hành-xử hợp pháp quyền cảnh-sát để bảo-vệ hữu hiệu tự-do tôn-giáo.

Nhưng nếu các chức quyền hành-chánh chưa thấm nhuần những tư-tưởng tự-do và vẫn lạm quyền, thì quyền tự-do tôn-giáo của công-dân cần được các cơ-quan Tư-pháp bảo-vệ.

ĐOẠN II - NHIỆM-VỤ CỦA CƠ-QUAN TƯ-PHÁP

Theo sự phân quyền và phân nhiệm của nền dân-chủ, cơ-quan Tư-pháp có nhiệm-vụ trông coi sự thi-hành luật-pháp và chế-tài những vi-phạm. Đặc biệt trong việc bảo vệ các quyền tự-do của công-dân, giới luật-gia đặt rất nhiều tin-tưởng vào vai-trò của các pháp đình. Vấn-đề được đặt ra ở đây là trong khung-cảnh Hiến-pháp và thực-trạng chánh-trị, cơ-quan Tư-pháp Việt-Nam có thể đóng trọn được vai-trò chiến-sĩ bảo-vệ tự-do tôn-giáo cũng như các tự-do khác không ? Và nếu không, thì phải có biện-pháp cải tiến nào ?

A - VAI-TRÒ CỦA TỐI-CAO PHÁP-VIÊN

1. Vai-trò và những khó khăn của Tối-Cao Pháp-Viên

Theo Hiến-pháp Đệ II Cộng-Hòa Việt-Nam (206), quyền Tư-Pháp được ủy-nhiệm cho Tối-Cao Pháp-Viên và được hành sử bởi các Thẩm-phán xử án.

Thoạt mới nhìn, người ta tưởng rằng vì quyền Tư-Pháp được nâng ngang hàng với quyền Lập-Pháp và Hành-Pháp, Tối-Cao Pháp-Viên sẽ có đầy đủ sự độc-lập và quyền-hành cần-thiết để bảo-vệ tự-do của công-dân.

Nhưng xét cho kỹ, điều lạc quan này đã bị thu hẹp lại khá nhiều và việc bảo-vệ tự-do tôn-giáo

(206) Xem Hiến-Pháp 1.4.1967, từ điều 76 tới điều 84.

đặt ra cho Tối-Cao Pháp-Viện nhiều vấn-đề gai góc. Thật vậy, muốn bảo-vệ tự-do tôn-giáo, thẩm-phán phải có hai điều-kiện cần thiết là sự độc-lập của pháp đình và những điều-khoản luật-pháp rõ ràng và đầy đủ. Hai điều kiện này hầu như còn thiếu sót.

Về điều kiện thứ nhất, người ta e ngại rằng Hiến-pháp 1967 thực ra đã để cho yếu tố chánh-trị xen vào pháp đình và, do đó, làm mất đi phần nào tính-cách độc-lập của ngành Tư-pháp. Nhà Lập-Hiến tưởng rằng dành cho Quốc-Hội quyền tuyển-chọn Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viện là thể hiện sự ủy quyền gián tiếp của quốc dân và, do đó, thể hiện được sự độc lập của Tư-pháp. Nhưng, trái lại, sự tuyển chọn ấy trong thực tế đã làm Tư-pháp lệ thuộc Quốc-Hội không nhiều thì ít (207). Thật vậy, ở giai-đoạn "chạy đua" vào Tòa nhà Tư-pháp, các ứng viên đã phải vận động với các nhân-vật Lập-pháp. Rồi khi đã tại vị người ta cũng thường có xu hướng tự nhiên là nỗ lực chuẩn-bị để được tái cử, vì nếu không, những người đương nhiệm sẽ dễ trở về ngạch cũ (208) sau một nhiệm-kỳ để lệ-thuộc những người trước đây họ đã điều-khiển và sắp sửa thay thế họ. Để đạt mục-đích, họ sẽ phải tiếp xúc với các nhân-vật Quốc-Hội. Như vậy e rằng công lý sẽ khó được duy-trì và Lập-Pháp sẽ có ảnh-hưởng lớn lao đối với Tư-pháp. Đó là chưa kể quyền biểu quyết ngân-sách Tối-Cao Pháp-Viện của Quốc-Hội (209).

Nếu Hiến-pháp 1967 tạo được cho Tư-pháp sự độc-lập đối với Hành-pháp, thì trong thực tế cũng vẫn còn ít nhiều lệ-thuộc Hành-pháp, vì Tối-Cao Pháp-Viện

(207) Bông, Nguyễn-vấn : Sách đã dẫn, trang 444.

(208) Đối với những người xuất thân từ thẩm-phán xử án và thẩm-phán công-tố, chứ không đối với những luật-sư.

(209) Báo-chí tưởng thuật rằng dự-thảo Ngân-sách Tối Cao Pháp-Viện đã bị Thượng Nghị-Viện biểu quyết cắt xén mất gần phân nửa sau khi Tối Cao Pháp-Viện ban-hành một phán-quyết về thuế kiện-ước trái ngược với lập-trường của Quốc-Hội. Xem Chính-Luận, 25.12.1969.

không có quyền đệ trình dự-luật, và nếu muốn có đủ phương tiện hoạt-dộng họ chỉ còn cách duy-nhất là nhờ Tổng-Thống yêu cầu Quốc-Hội phúc-nghị dự-luật Ngân-sách trong trường-hợp dự-thảo Ngân-sách của Tối-Cao Pháp-Viện bị Quốc-Hội cắt xén. Do đó, tất cả mọi sự cải tổ hay điều-hành Tư-pháp đòi hỏi sự quy-định của Đạo-luật đều lệ-thuộc cả ý-chí của Hành-pháp lẫn Lập-pháp. Muốn thực hiện được dự-định của mình, Tư-pháp phải ăn ở khéo léo để được lòng cả hai bên. Sự khéo léo và uyển-chuyển ấy đã biểu lộ trong một vài phán-quyết giải-thích Hiến-pháp của Tối-Cao Pháp-Viện.

Như vậy sự khiếm-khuyết của Hiến-pháp, thực trạng chánh-trị và tệ trạng xã-hội làm cho việc điều-hành công-lý để bảo-vệ tự-do tín-ngưỡng quả có những trở ngại. Thay vì lệ-thuộc một mình Hành-pháp như trong chế-độ Độ I Cộng-Hòa, quyền Tư-pháp ngày nay có thể chịu áp-lực của cả Lập-pháp lẫn Hành-pháp và của các quyền-lực thực-tế.

Về điều-kiện thứ hai, các điều-khoản luật-pháp hiện hành quả tình không hoàn toàn đầy đủ để bảo vệ tự-do tôn-giáo. Đầu tiên là hai khiếm-khuyết lớn của Hiến-pháp. Khiếm-khuyết thứ nhất là giới-hạn "quyền-lợi quốc-gia" mà ta đã có dịp chỉ trích. Khiếm-khuyết thứ hai lại càng quan-trọng hơn khiếm-khuyết trước : đó là sự tê liệt của việc bảo đảm tài phán có thể xảy ra do sự quy-định thiếu sót của điều 81 đoạn I Hiến-pháp (210). Thực vậy, quy-định rằng Tối-Cao Pháp-Viện có thẩm quyền phán quyết về tính-cách hợp-hiến và hợp pháp của các quyết-định Hành-chánh, nhà Lập-hiến đã mặc nhiên cho hiểu rằng một quyết-định hành-chánh dù ở cấp bậc nhỏ nhất là xã trưởng chẳng hạn cũng thuộc thẩm quyền phán quyết của Tối-Cao Pháp-Viện về hợp pháp tính hay hợp hiến tính, vì một đạo-luật không

(210) Điều 81 đoạn I Hiến-Pháp 1.4.1967 : "Tối Cao Pháp-Viện có thẩm quyền giải-thích Hiến-Pháp, phán-quyết về tính-cách hợp hiến hay bất hợp-hiến của các đạo-luật, sắc-luật, tính cách hợp hiến và hợp pháp của các sắc-lệnh, nghị-định và quyết-định hành-chánh".

thể đi ra ngoài sự quy-định hiến-tính để ủy quyền cho bất cứ một tòa án cấp dưới nào. Do đó, không được hiến pháp ủy quyền, các tòa án cấp dưới sẽ vô thẩm quyền xét định về tính cách hợp hiến hay hợp pháp của các quyết-định hành-chánh tại địa-phương. Sự quy-định như vậy quả thật không thực tế : kinh-nghiệm dưới thời Đế I Cộng-Hòa cho thấy hầu hết những vi-phạm tự-do tôn-giáo thường xảy ra tại các xã thôn hẻo lánh thuộc miền Trung. Nếu ngày nay đứng trước một quyết-định của viên xã trưởng ở các làng mạc xa thủ-đô vi-phạm tới quyền tự-do ấy, người nông dân ít học thiếu tiền làm thế nào về tận Saigon để lập các thủ tục khởi tố và theo dõi vụ kiện ? Thật là điều thiên nan vạn nan đối với đa số quan chúng nông dân Việt-Nam (211).

Ngoài sự khiếm-khuyết của Hiến-pháp còn sự khiếm-khuyết của Đạo-luật và Án lệ. Thật vậy, sự vi-phạm tự-do tôn-giáo, như Donnedieu de Vabres đã nhận xét, có thể được biểu-lộ dưới thiên hình vạn trạng, trong khi chỉ có những điều-khoản rất sơ sài của Hình luật quy-định vắn tắt những chế tài vi-phạm (Điều 260, 261, 262, 264 Hình-luật canh cải và một số điều-khoản Hoàng-Việt Hình-Luật) và không tiên liệu được hết những trường-hợp phức tạp ngày nay. Hơn nữa, án-lệ về vấn-đề này lại càng thiếu sót trầm trọng.

Trước những khuyết-điểm kể trên, muốn bảo-vệ tự-do tôn-giáo một cách hữu-hiệu, thiết tưởng các giải pháp của một số quốc-gia dân-chủ tiên tiến có thể đem lại cho Tối-Cao Pháp-Viện Việt-Nam ánh sáng kinh-nghiệm quý giá.

2. Kinh-nghiệm Tư-pháp nước ngoài trong việc bảo-vệ tự-do tôn-giáo

Kinh-nghiệm của Tham-Chánh-Viện Pháp quốc

(211) Bông, Nguyễn-văn : "Tham-Chánh Viện trong chế-độ Tư-pháp Việt-Nam Cộng-Hòa", Tư-Pháp tập-san số 2, tháng 7, 8, 9/1969, tr.32-34.

cũng như của Tối-Cao Pháp-Viện Hoa-kỳ chứng tỏ rằng trong nhiệm-vụ tài-phán bảo-vệ tự-do tôn-giáo, Thẩm-phán phải có tinh-thần sáng tạo, độc-lập và can-đảm phi thường.

a) Tại Pháp - Quyền tự-do ý-thức đã được nhà Lập-Pháp triệt-đề bảo-vệ. Tuy nhiên, sự bảo-vệ này vẫn cần tới sự kiểm-soát tài-phán nghiêm khắc bởi vì, như Donnedieu de Vabres đã nhận xét (212), sự vi-phạm tự-do ý-thức có thể mang nhiều hình-thức gián tiếp mà không một văn-kiện nào có thể tiên liệu nổi. Đối phó với từng trường-hợp cụ-thể, Tham-chánh Viện Pháp-quốc đã cố gắng xác-định điều gì mà nguyên-tắc (tự-do ý-thức) cấm đoán và điều gì mà nguyên-tắc khoan dung. Vì vậy pháp-định này đã tiêu-hủy một quyết-định của Đô-Trưởng bó-buộc các lữ-khách phải ghi tôn-giáo của mình vào phiếu khách-san (Tham-Chánh Viện Pháp, 9.7.1943, Fernand, Rec. 176), và một nghị-định của Thị-Trưởng đặt ra một cách-thức duy-nhứt hạ-súc vật tại các lò-sắt-sinh, đã tước-đoạt của người Do-Thái món-thịt được sửa soạn theo nghi-lễ tôn-giáo của họ (Tham-Chánh Viện Pháp, 27.3.1936, Association Israelite de Valenciennes, D.H. 1936, 351).

b) Tại Hoa-kỳ - Với các phán-quyết nổi danh, Tối-Cao Pháp-Viện Hoa-kỳ không những đã định-nghĩa Luật Hiến-Pháp mà còn ảnh-hưởng mạnh mẽ tới chánh-sách quốc-gia. Vì vậy, từ lâu nó đã giữ một vai-trò quan-trọng trong đời sống Hợp-Chủng-Quốc Mỹ. Không có lãnh-vực nào mà các bản-án đã mang lại cho nó nhiều danh-dự cũng như nhiều tranh-luận bằng lãnh-vực tôn-giáo, vì như một nhân-vật của Quốc-Hội đầu-tiên theo Hiến-Pháp Hoa-kỳ đã nói :

"Những quyền tự-do ý-thức, tự-bản-chất của chúng, thật đặc-biệt tế-nhị, và sẽ ít bị bàn-tay của nhánh-quyền dụng-chạm tới một cách nhẹ-nhàng nhứt...".

(212) Xem Etudes et Documents, 1949, p. 32, trích dẫn bởi Georges Burdeau : Sách đã dẫn, trang 325.

Vì vậy cùng một phán-quyết của Tối Cao Pháp-Viện có thể được phe này chào đón như một biến-cổ trọng đại của cuộc tranh-đấu cho tự-do tôn-giáo và cũng có thể bị nhóm khác tố-cáo là một vụ xâm phạm nghiêm-trọng tới tự-do ý thức.

Nhưng trong mọi trường hợp, bất chấp mọi chỉ trích, Tối Cao Pháp-Viện luôn luôn cứu xét nội vụ một cách vô tư dưới tất cả mọi khía cạnh pháp-lý, văn-hóa, xã-hội, để tạo một án-lệ vững chắc theo khuynh-hướng phân lập hợp-tác. Khuynh-hướng này đã bảo đảm một cách hữu hiệu tính-cách trung-lập của quốc-gia và tự-do của công-dân, đồng thời còn nhìn nhận những lợi ích do các Giáo-Hội mang lại cho xã-hội dân-sự (213).

Ý thức được những khó-khăn của Tối Cao Pháp-Viện Việt-Nam và nhìn qua kinh-nghiệm xứ người, ta phải quan niệm thế nào về những biện pháp mà công quyền nên áp-dụng để đem lại bảo đảm tối đa cho tôn-giáo cũng như các tự-do khác ?

B - CÁC BIỆN-PHÁP CÓ THỂ ĐƯỢC TỐI-CAO PHÁP-VIÊN ÁP-DỤNG ĐỂ BẢO-VỆ TỰ-DO TÔN-GIÁO

Thiết tưởng trong khuôn khổ pháp-chế hiện-hành, Tối Cao Pháp-Viện có thể xác định một quan-niệm tiến bộ về tự-do tôn-giáo mà ta đã có dịp trình-bày, vì đó là hướng tiến của văn-minh nhân loại, của án-lệ các quốc-gia dân-chủ. Dưới hình-thức những phán-quyết quan-trọng đối với đời sống quốc-gia, thiết tưởng Tối-Cao Pháp-Viện có thể đưa ra những chánh sách tốt đẹp về tôn-giáo. Cũng như tại Hoa-kỳ, các phán-quyết này tại Việt-Nam sẽ có ảnh-hưởng rất nhiều đến lịch-sử dân tộc (214). Quan-niệm như vậy, Tối-Cao Pháp-Viện phải giải-thích rất chặt chẽ ý-niệm "xâm-phạm quyền-lợi quốc-gia" bằng cách cgn-cứ vào các yếu-tố có thể tìm thấy trong luật

(213) Carroll, William A. ; Bài đã dẫn, trang 657.

(214) Bông, Nguyễn-văn : Sách đã dẫn, trang 249-254.

thực tại. Có như vậy, tự-do tôn-giáo mới khỏi bị phó-thác cho nhu-cầu chánh-trị, vì ý-niệm vừa kể vốn có tính cách chánh-trị rõ rệt. Tuy nhiên, tốt hơn hết, như đã trình bày, giới hạn "quyền-lợi quốc-gia" đối với tự-do tôn-giáo nên được bãi-bỏ.

Sau hết, muốn bảo vệ hữu hiệu quyền tự-do tôn-giáo cũng như các tự-do khác, giới hữu quyền nên nghĩ đến việc tu-chính điều 81 Hiến-pháp để ủy quyền cho các Tòa-án Tỉnh phán-quyết về tính-cách hợp-pháp của các quyết-định hành-chánh ở cấp xã, quận, tỉnh. Có tu-chính Hiến-Pháp như vậy, người dân ở thôn quê mới có điều-kiện dễ dàng để hành xử quyền tự-do tôn-giáo, và luật-pháp mới phù hợp với thực tế.

KẾT-LUẬN THIÊN II

Sau khi đã phân-tích vai-trò của Quốc-Gia trong việc quy-định và bảo-vệ tự-do tôn-giáo, ta thấy rằng sự quy-định và bảo-vệ ấy chỉ hữu hiệu và gây được niềm tin nơi các tín-đồ và Giáo-Hội nếu những công quyền quốc-gia quyết tâm thương tôn luật-pháp, chân-thành phối-hợp và điều-hòa các hoạt-động để thực-hiện trật-tự xã-hội và thịnh-vượng chung trên căn bản tự-do, dân-chủ và công-bằng xã-hội đúng theo tinh thần điều 3 Hiến-Pháp 1.4.1967. Có như vậy Nhà Nước mới được coi là trung-thành với lý-tưởng tự-do, thế tục, và có thể thuyết-phục nổi các Tăng-sĩ chánh-trị Phật-Giáo nên hoạt-động trong phạm-vi dành riêng cho tôn-giáo.

Kết-luận Phần III

Thiết tưởng địa-vị của Phật-Giáo trong đời sống quốc-gia và vai-trò của quốc-gia trong lãnh vực tôn-giáo, như vừa trình-bày trong Phần III trên đây, có thể được tất cả mọi đoàn-viên trong xã-hội chánh-trị nhìn nhận một cách dễ dàng, vì sự xác-định địa-vị và vai-trò ấy đã dựa trên nền tảng tư tưởng tiến bộ và những dữ-kiện thực-tế của nước nhà. Có lẽ đó là giải pháp tốt nhất cho cả tôn-giáo lẫn Quốc-gia, vì nó có thể chấm dứt được mọi mâu thuẫn giữa Nhà Nước với Giáo-Hội. Chỉ có sự đồng thuận của cả hai bên về một giải-pháp như vậy mới có thể tạo được một trật tự dân chủ.

Trong viễn ảnh của nền trật tự ấy, tương-lai Phật-Giáo và cuộc sinh-hoạt chánh-trị sẽ ra sao ? Lời giải đáp câu hỏi cuối cùng này dành để tổng - kết Luận án.

TỔNG KẾT-LUẬN

Qua ba phần chính của Luận án, ta đã phân-tích những thành-tố thể-lực của Phật-Giáo (tức là tích-sản chánh-trị), việc tham-gia chánh-trị (tức là cách xử-dụng tích-sản ấy để ảnh-hưởng vào đời sống quốc-gia), và vì sự can-thiệp trực-tiếp của tôn-giáo vào chánh-trường có hậu quả không hay nên ta đã đề-nghị một giải-pháp cho vấn-đề Phật-Giáo tại Việt-Nam.

Xét cho cùng, hoạt-động chánh-trị của Phật-Giáo Việt-Nam chỉ là một hiện-tượng xã-hội phát-sinh từ phong-trào phục-hưng Phật-Giáo tại Á-Châu. Đó là một phong-trào quần-chúng của thế-kỷ XX nhằm xác-nhận phẩm giá Đông-Phương và khôi-phục địa-vị Phật-Giáo đã mất dưới thời ngoại thuộc. Không ai dám phủ nhận tính-cách chánh đáng, tiến bộ và hữu ích của phong-trào. Vì vậy khi đề-nghị một giải-pháp cho vấn-đề Phật-Giáo, ta không hề có ý định loại bỏ ảnh hưởng Phật-Giáo ra ngoài sanh hoạt chánh-trị. Ta chỉ muốn đặt lại một cách đúng đắn theo quan niệm thế tục vấn đề tương quan giữa Phật-Giáo và Quốc-Gia. Nói cách khác, Quốc-gia phải nhìn-nhận sự hiện hữu của ảnh-hưởng Phật-Giáo, và ảnh-hưởng ấy chỉ được thể hiện trong một trật-tự dân-chủ phù-hợp với hướng tiến của nhân loại, truyền thống của dân-tộc và cứu cánh của Quốc-Gia thế-tục. Như vậy địa-vị mà Phật-Giáo tất nhiên phải có trong bối cảnh của giải-pháp đề-nghị chắc chắn không phải là địa-vị quốc-giáo, vì nó trái với quan-niệm dân-chủ và thế-tục. Vậy với giải-pháp đề-nghị, viễn-ảnh tương-lai của Phật-Giáo và của cuộc sanh-hoạt chánh-trị sẽ ra sao? Muốn giải đáp câu hỏi này ta cần dựa vào quá khứ để dự đoán tương-lai trong tiến trình liên tục của lịch-sử Đạo-Pháp và Dân-Tộc.

1 - VIỄN-ẢNH TƯƠNG-LAI CỦA PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Muốn dự đoán được phần nào tương-lai Phật-Giáo Việt-Nam, ta cần có một nhận-định xác thực về dĩ-vãng mới nhất của phong-trào phục-hưng Phật-Giáo.

A - NHẬN-ĐỊNH CHUNG KẾT VỀ PHONG-TRÀO PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Qua sự phân-tích của Luận án này, ta thấy phong-trào Phật-Giáo Việt-Nam hiện đại được thúc đẩy một cách chính yếu bởi động cơ chánh-trị. Trên đường chấn hưng Đạo-Pháp, phong-trào đã từng hưởng được những giờ phút vinh-quang cũng như đã từng phải nếm mùi thất bại.

1 - Phật-Giáo và cuộc Cách-mạng bị bỏ lỡ.

Trước hết, bàn về những thất bại, người ta thấy rằng trong quá trình phục-hưng, Phật-Giáo Việt-Nam đã bỏ lỡ nhiều cơ-hội quý báu. Cảnh "hụt bước" ấy có thể gói ghém trong những từ ngữ vắn tắt là : "Phật-Giáo và cuộc cách-mạng bị bỏ lỡ".

Thật vậy, ngay trong giai-đoạn đầu tiên (1930-1946) đáng lẽ Phật-Giáo phải xây dựng được một căn-bản rộng lớn và vững chắc cho cuộc phục hưng để ảnh hưởng mạnh mẽ vào công cuộc giải-phóng dân tộc, vì hồi đó Phật-Giáo tại nước ta cũng như tại các nơi khác trên toàn cõi Á-Châu đều đứng trong hàng ngũ kẻ bị áp bức, có cảm hứng đấu tranh và hậu thuẫn nhân dân. Nhưng trái lại, nó đã bị lôi kéo bởi cả Thực-Dân lẫn Cộng-Sản. Do đó, không những không làm chủ được vận mạng của mình, Phật-Giáo còn phải khuất phục trước xu hướng Cộng-Sản, bất lực trước cuộc tranh hùng Quốc-Cộng, im lặng trước sự tái chiếm Việt-Nam của thực-dân Pháp.

Tiếp đến giai-đoạn thứ hai (1948-1963), Phật-Giáo vùng Cộng-Sản trở thành công cụ của Nhà Nước ; Phật-Giáo vùng Quốc-gia cũng chẳng đóng góp tích cực

được phân đàng kể nào vào việc xây dựng một ý-thức-hệ Dân-tộc, độc-lập và tự-do. Nó đã bị các chánh quyền thực-dân, và độc-tài thờ ơ lạnh nhạt. Sự-khiên này chúng tỏ mối bất lực thứ nhất là sự phát-triển của Phật-Giáo vẫn còn phụ thuộc vào lòng ưu đãi của chánh quyền, và mối bất lực thứ hai là Phật-Giáo đã không vận động được sự ủng hộ của quần chúng để tiếp tục trên một quy mô rộng lớn hơn phong-trào chấn-hưng đã bị bỏ dở vì chiến cuộc.

Sau hết, trong giai-đoạn hiện tại từ 1963 tới nay, Phật-Giáo đã thực sự bỏ lỡ mất một cuộc cách-mạng mà họ vẫn tự hào là kẻ chủ xướng. Đây là cơ-hội ngàn vàng đã tuột khỏi tầm tay Phật-Giáo. Thất bại này được coi như thế thảm, vì với uy-thế dâng cao tột-đỉnh sau ngày 1.11.1963, Phật-Giáo đã không thực hiện được hoài bão cách-mạng - cách-mạng tôn-giáo và cách-mạng xã-hội.

Tệ hại hơn, nó đã bị "thù trong giặc ngoài" bủa vây. Về mặt đối ngoại, hết xung-đột này tới xung-đột khác với các chánh-quyền kế tiếp và với một vài đoàn-thể chánh-trị và tôn-giáo khác ; uy-thế dần dần bị sút mẻ đối với nhân dân ; những cảm-tình-viên lần lượt xa lánh Giáo-Hội. Thêm vào đó, những kẻ cơ-hội chủ nghĩa, cán-bộ chánh-trị của các lực-lượng đối-ngịch chế độ đã len lỏi vào phong-trào Phật-Giáo để lũng đoạn và thủ lợi.

Về mặt đối nội, những tương tranh quyền-lực, bất đồng chính-kiến cùng các toan tính chánh-trị đã làm phân-hóa một tổ-chức thống-nhất xuất-hiện lần đầu tiên trong lịch-sử Phật-Giáo gần 2.000 năm tại nước ta.

Nhưng những thất bại liên tiếp ấy không thể được coi là tiêu-chuẩn để thăm định tương-lai Phật-Giáo, vì trong tiến trình phục hưng một đoạn đường dài chưa đầy nửa thế-kỷ chẳng có nghĩa lý gì đối với cuộc sống trường cửu của một tôn-giáo đại đồng và xuất-thế đã hiện diện trên trái đất hơn 25 thế kỷ.

Ngoài ra về phương-diện lịch-sử, sự thất bại chưa chắc là vô ích, mà trái lại, từ kinh-nghiệm đau thương Phật-Giáo có thể rút tĩa những bài học hữu ích. Thật vậy, gác ra ngoài giá-trị tinh-thần mà Phật-Giáo đã cống hiến một cách sung mãn cho nền văn-hóa dân-tộc, những thất bại vừa kể trước hết khiến tín-đồ đồng thời cũng là công dân ý-thức được thân-phận của dân-tộc nhược tiểu trước các thế-lực đối-ngịch quốc-tế, cũng như sự cần thiết của các phương-tiện và kỹ-thuật tân tiến cho công cuộc vận-động của một tôn-giáo cổ truyền. Sự ý thức này giúp người ta nhận ra rằng sơ dĩ Phật-Giáo đã gặp những thất-bại vì thiếu cán-bộ, thiếu kỷ-luật, thiếu thuần nhất nội bộ, thiếu tài-nguyên cần-thiết cùng sự trợ giúp từ bên ngoài. Vì thế mà có nhiều người cho rằng sơ dĩ Phật-Giáo tuyên bố không trả thù, không nắm lấy cơ-hội để giữ quyền độc tôn sau tháng 11 năm 1963 là một sự rút lui chiến-thuật, vì họ không chuẩn bị đầy đủ để nắm quyền hơn là thực tâm họ muốn thế (215). Ngay biến cố ngày 1.11.1963 cũng không hẳn là một cuộc cách-mạng và không do đích thân Phật-Giáo thực hiện. Đó chỉ là một cuộc đảo-chánh của quân-đội mà Phật-Giáo đã cống hiến một thời cơ thuận tiện nhất, hi hữu nhất trong suốt lịch-sử nền Đệ I Cộng-Hòa. Vì vậy, không lọt được vào trung-tâm quyết-định của tân chánh quyền, không có đủ lãnh tụ thế-tục, Phật-Giáo không nắm được quyền-hành và đành phải rút lui để đóng vai đoàn-thể áp-lực.

2 - Thành-công của Phật-Giáo

Với tư-cách đoàn-thể áp-lực, Phật-Giáo vẫn là một lực-lượng đáng kể.

Thật vậy, bên cạnh những thất-bại nêu trên, Phật-Giáo cũng đã gặt hái được những thành quả về vang.

(215) Tạ-Chí Đại Trưởng ; Bài đã dẫn, Bách-Khoa số 296, ngày 1.5.1969, trang 81.

- Gây được một tinh-thần Phật-Giáo mới mẽ thích ứng với thế giới hiện đại.

- Đào-tạo được một tầng lớp cán-bộ tuy ít ỏi nhưng có khả-năng lãnh-đạo quần chúng tín-đồ trong xã-hội ngày nay.

- Thắng lợi vẻ vang nhất là đã biến cuộc tranh đấu tôn-giáo năm 1963 thành một cuộc vận-động chánh-trị chống lại chế-độ độc-tài, gây được một ảnh hưởng vang dội khắp hoàn cầu và tạo điều-kiện thuận-lợi nhất cho cuộc đảo chánh.

- Đẩy mạnh tiến trình xây dựng dân-chủ : Phật-Giáo đã tích cực tham gia cuộc bầu-cử các Hội-đồng Tỉnh, Thị-xã và Đô-thành năm 1965. Chính Phật-Giáo đã tiên phong đứng dậy đòi hỏi thành lập Quốc-Hội Lập-Hiến cùng các cơ-cấu dân-cử, và nhà cầm quyền đã phải thỏa mãn nguyện vọng chánh đáng đó. Năm 1970 Phật-Giáo đã thành-công vẻ vang trong việc bảo trợ cho một liên danh ứng-cử-viên Nghị-sĩ.

- Tích-cực vận-động Hòa-Bình cho Việt-Nam và đã gây được một luồng công luận thuận lợi cho một giải-pháp chánh-trị.

Kinh-nghiệm từ cổ chí kim khắp nơi cho thấy hệ chánh-trị nhẩy vào tôn-giáo là hậu quả thê thảm dễ dàng xảy ra. Kinh-nghiệm hiện đại tại Á-Châu cho thấy hoạt-động chánh-trị của các Tăng-sĩ Phật-Giáo từ Tích-Lan, qua Miến-Điện đến Việt-Nam đều bị thất bại nhiều hơn là thành công. Vậy kinh-nghiệm của quá khứ giúp ta dự đoán thế nào về viễn-ảnh tương-lai của Phật-Giáo Việt-Nam ?

B - VIỄN-ẢNH TƯƠNG-LAI CỦA PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Ngoài Giáo-Hội Ấn-Quang, hiện nay có 35 Hội Phật-Giáo trên toàn quốc. Cả 36 Hội này cũng không quy tụ được hết những người có tín-ngưỡng Phật-Giáo tại

Việt-Nam, vì đa số nhân dân, nhất là thị dân, do truyền thống mà theo đạo Phật, nhưng không chịu gia nhập bất cứ một Giáo-Hội nào và cũng không đi chùa lễ Phật. Vì vậy từ ngữ "Phật-Giáo Việt-Nam" phải bao gồm cả các Giáo-Hội lẫn những cá nhân có tín-ngưỡng Phật-Giáo nhưng không gia nhập một Giáo-Hội nào. Đó là một cộng đồng tôn-giáo to lớn nhất Việt-Nam. Vấn-đề được đặt ra ở đây là trong viễn ảnh của giải-pháp đề-nghị, nền thống-nhất Phật-Giáo sẽ ra sao ? Vai-trò Phật-Giáo sẽ thế nào ?

1 - Viễn-ảnh nền thống-nhất Phật-Giáo

a) Với mọi đề dặt thường lệ, ta có thể dự đoán trong một tương lai gần nền thống-nhất Phật-Giáo không thể tổ-chức được theo kiểu tập trung quyền hành của Giáo-Hội Công-Giáo La-Mã, vì những lý-do sau đây :

- Về phương-diện chủ quan, căn cứ trên sự tôn trọng tự-do của con người, tinh-thần khoan dung và tự giác, chủ trương tu luyện cá-nhân và không thiết lập một Giáo-Hội, Đạo Phật không thích hợp với sự gò bó, cưỡng bách, hay đồng-nhất-hóa trong một tổ-chức duy-nhất chặt chẽ.

Hơn nữa, kinh-nghiệm những năm qua cho thấy các tập đoàn, giáo phái Phật-Giáo vẫn còn tha thiết với truyền-thống biệt lập và nếp sống tự trị của mình.

Ngoài ra, yếu-tố chánh-trị đã gieo rắc sự nghi kỵ trong hàng ngũ Phật-Giáo, và tình-cảm ấy phải mất một thời-gian khá lâu mới gột sạch được.

Sau hết, Phật-Giáo hiện nay, như đã nói, chưa có một Tăng-sĩ lãnh-tụ xuất chúng khả dĩ quy-tụ được tất cả mọi phe phái và cá-nhân dưới cờ Đạo Pháp thuần túy.

Nhìn xa hơn, ngay ở Thái Lan, nơi mà Phật-Giáo được tôn làm quốc giáo và được Nhà Nước bảo-vệ, qua hai lần cải cách, người ta vẫn chưa tìm ra được

một hình-thức tổ-chức Giáo-Hội hữu hiệu. Tổ-chức hành-chánh dân-chủ do Đạo-luật thiết-lập Giáo-Hội Phật-Giáo năm 1941 quy-định đã được điều-hành một cách tốt đẹp trong thời kỳ đầu. Nhưng khủng hoảng đã nổi lên do sự tranh chấp giữa hai giáo phái thuộc cùng Giáo-Hội. Tranh chấp trở nên gay go sau khi Đức Tăng-Thống Thái-Lan viên tịch vào năm 1958. Sau khi lên cầm quyền, Thủ-Tướng Sarit, muốn lợi dụng triệt để những giá-trị truyền thống của xứ Thái vào việc thực hiện mục-tiêu chánh-trị của Ông, đã không dung thứ bất hòa nội bộ Phật-Giáo. Năm 1960, Ông tuyên-bố sẽ can-thiệp vào Phật sự theo lời yêu cầu của Giáo-Hội để giải quyết tranh chấp. Cuối cùng, Ông quyết định cải tổ Giáo-Hội và thiết lập một quyền lãnh-đạo mạnh : Đạo-luật cải tổ năm 1962 đã phủ nhận nguyên-tắc dân-chủ của Đạo-luật trước và lập một hệ-thống tập quyền dưới quyền lực được tăng cường của Đức Tăng-Thống. Cho tới nay Phật-Giáo Thái-Lan vẫn còn lệ-thuộc quốc-gia và chưa tạo được nền thống nhất, mặc dầu đã được cải tổ hai lần và được xử dụng như một yếu-tố kết hợp nhân dân Thái mà 93,4% là Phật-tử xung quanh các mục-tiêu quốc gia (216). Kinh-nghiệm Thái-Lan cho ta bài học là sự chia rẽ trong nội bộ Giáo-Hội khiến chánh-quyền càng dễ can-thiệp vào công việc của tôn-giáo.

- Về phương-diện đối ngoại, vì tại Việt-Nam Phật-Giáo không có những hoàn cảnh thuận-lợi như tại các quốc-gia mà Phật-Giáo được tôn làm quốc-giáo, nên sự thống-nhất chặt chẽ lại càng khó khăn hơn.

Hơn nữa, trong khung cảnh của giải-pháp đề-nghị, vì quyền tự-do thành-lập Giáo-Hội được bảo-vệ triệt để, nên sự thống-nhất chặt chẽ bằng các biện pháp cưỡng bách hay áp-lực chánh-trị khó có thể xảy ra được.

Sau hết, quan-niệm tập quyền ngày nay hầu như đang dần dần trở nên lỗi thời đối với chính ngay cả

(216) Ishii, Yoneo : Church and state in Thailand, Asian Survey, Vol. VIII, N. 10, Oct. 1968, pp 864-871.

Giáo-Hội Công-Giáo La-Mã, một Giáo-Hội duy-nhứt có một lý-thuyết thần học về tổ-chức nội bộ và đã duy-trì được chế-độ tập quyền hàng bao thế-kỷ. Như vậy chẳng lẽ Phật Giáo Việt-Nam lại bước vào con đường mà người ta sắp đi ra ?

Dẫu không thành công, khuynh-hướng tập-quyền của Phật-Giáo có tồn tại không ?

b) Nếu trong tương-lai gần, Phật-Giáo Việt-Nam sẽ không lập được một Giáo-Hội duy-nhứt tập quyền, ít ra nó cũng có thể có ba khuynh-hướng tổ-chức chính :

- Khuynh-hướng thống-nhứt theo hình-thức tập quyền chặt chẽ do Giáo-Hội Ấn-Quang đại-diện. Có lẽ khuynh-hướng này chỉ quy tụ được một số ít các Hội đoàn Phật-Giáo chú trọng tới mục-tiêu chánh-trị nhiều hơn mục-tiêu "giải-thoát".

- Khuynh-hướng thống-nhứt lỏng lẻo theo hình-thức phân quyền rộng-rãi cho các Hội đoàn. Khuynh hướng này có thể được đại-diện bởi phe Quốc-Tự và Hội Phật-Học Nam Việt. Nó có triển-vọng quy-tụ được một số các đoàn-thể Phật-Giáo vì nó vừa thực-hiện được ước-vọng thống-nhứt Phật-Giáo vừa duy-trì được truyền thống tự-trị của Đạo Phật Việt-Nam.

- Khuynh-hướng độc-lập không muốn gia nhập nền thống-nhứt. Khuynh-hướng này, có thể được đại-diện bởi các Giáo-Hội Phật-Giáo cổ truyền tại miền Nam như Lục Hòa Tăng, Cổ Sơn Môn, v.v... không muốn lệ thuộc vào một quyền-lực nào hết và muốn duy-trì nguyên vẹn nếp sống và tài-sản của mỗi tập đoàn biệt lập.

Trong tương-lai, khuynh-hướng này có thể hội nhập khuynh-hướng thứ hai.

Tất cả ba khuynh-hướng dị biệt vừa kể thể hiện trọn vẹn tinh-thần tự-do và khoan dung của đạo Phật và cũng là của nền dân-chủ.

2 - Trong nền Dân-chủ ấy, Phật-Giáo Việt-Nam phải giữ một vai-trò khá-kính và quan-trọng

a) Lý-do khiến Phật-Giáo có vai-trò quan-trọng trong tương lai - Về phương-diện giáo-lý, tự bản chất Đạo Phật thích nghi được với mọi hoàn cảnh. Giáo-lý Phật-Đã lại thỏa mãn được khát-vọng hòa-bình, và nhu cầu trí-tuệ trong thời-đại khoa học. "Nó là một hệ-thống tư-tưởng, một tôn-giáo, một môn-học về nội tâm, một đường lối sống rất hợp lý, rất tiện-nghi và bao quát tất cả. Trong hơn hai ngàn năm, đạo Phật đã hướng dẫn những ước-vọng tinh-thần của một phần ba nhân loại. Nó đã làm Tây-Phương chú ý vì không có tín điều, nó làm thỏa mãn lý-trí, nhấn mạnh vào chỗ tự mình dẫn dắt lấy mình mà vẫn khoan hòa đối với những quan-điểm của kẻ khác, nó gồm cả khoa-học, đạo giáo, triết học, tâm-lý-học và nghệ-thuật" (217).

Vì thích nghi tính và bao quát tính ấy, Phật-Giáo không bao giờ bị lỗi thời, và sẵn sàng thỏa mãn đòi hỏi của mọi thời-đại. Do đó Phật-Giáo phải trường tồn.

- Hơn nữa, nếu nguyên-tắc phân-lập giáo-chánh được tôn-trọng, các Tăng-sĩ không còn bị yếu-tố chánh-trị chia rẽ và, do đó, có thể kết hợp lại với nhau để dành tất cả tâm trí và thời-giờ cho việc hoằng dương Chánh Pháp. Với quan-niệm Phật-Giáo hiện-đại-hóa, những sứ giả của Đức Như Lai sẽ hiện-diện ở khắp nơi để rao giảng thông-diệp Từ-Bi, bất bạo động. Nhờ phương pháp truyền đạo mới mẻ, tổ-chức khoa-học và lời thuyết pháp đáp ứng được nhu cầu tâm-linh của con người, những sứ giả ấy có thể gây được niềm tin trong khối tín-đồ

(217) Một trong mười hai nguyên-lý về Đạo-Phật do Hội Phật-Giáo ở Luân-Đôn nêu ra và được Võ-dinh-Cường trích dẫn trong "Đạo-Phật qua cặp kính màu của tôi", tr. 80-81, Hùng-Khánh xuất-bản, 1967.

Cũng xem : Vijayavardhana : The revolt in the temple, tr. 587 và kế tiếp. - Conze, Edward : Buddhism, its essence and development, bản dịch của Nguyễn-hữu-Hiệu, Đại Học Vạn-Hạnh, 1969.

chiếm đa số dân Việt-Nam. Những nỗ-lực ấy tiêu-biểu cho ý-chí phục-hưng Phật-Giáo và đem lại cho Đạo-Pháp một uy-tín lớn lao. Uy-tín ấy làm tăng thêm ảnh-hưởng chánh-trị của Giáo-Hội.

- Về phương-diện chánh-trị, nếu theo giải-pháp đề-nghị nêu trên, Phật-Giáo sẽ có một hệ-thống chánh-đảng do Phật-tử điều khiển. Tổ-chức này có thể trở nên mạnh khi quần-chúng, nhờ sự truyền-bá Phật-pháp của giới Tăng-sĩ, sẽ mộ đạo hơn và tin-tưởng hơn vào chân-lý Phật-Đà. Sở dĩ thế vì niềm-tin tôn-giáo thường là điểm hội nhập của giới tín-dồ ; họ sẽ kết-hợp vào chánh-đảng Phật-Giáo để đem giáo-lý mà họ đã tin-tưởng áp-dụng vào cuộc sống trần-gian.

Với hai hệ-thống song hành là Giáo-Hội và chánh-đảng, Phật-Giáo thể-hiện được sự phân công giữa Tăng-sĩ và Phật-tử thế-tục mà Công-Giáo đã phải mất hàng mấy trăm năm mới thực hành nổi. Sự phân-công này là hậu-quả tất nhiên của nguyên-tắc "phân-lập giữa quốc-gia và giáo-hội", theo đó phạm-vi tôn-giáo dành cho tu-sĩ, phạm-vi chánh-trị dành cho người thế-tục. Chính trong khung cảnh phân-công ấy, nhiệm-vụ của Giáo-Hội rất hữu ích cho dân-tộc và đạo-pháp và, do đó, uy-tín của Tăng-sĩ càng lên cao.

- Sau hết, trong bối cảnh chính-trị quốc-tế, người ta tin rằng cộng-đồng Phật-Giáo Á-Châu rộng lớn sẽ đóng vai trò quan-trọng trong cuộc tranh chấp giữa hai khối Đông-Tây vì nhiều lý-do.

Trước hết, với sự thức tỉnh của các dân-tộc Á-Châu, Phật-Giáo được coi như liên-hệ chặt-chẽ với Quốc-Gia chủ-nghĩa, vì trong suốt thời-kỳ Tây-phương thống-trị, nó là một lực-lượng cổ-truyền bị di-thất nặng nề nhất và không những không cộng-tác với đế quốc xâm lược, mà còn liên-kết với các lực-lượng yêu nước trong công cuộc giải-phóng dân-tộc. Trong khi đó các tôn-giáo do Tây-phương mang lại dù sao cũng đã liên-hệ với công cuộc chinh-phục nước bị trị, và cho tới nay vẫn chiếm thiểu số dân chúng trong tất cả các

quốc-gia Á-Châu trừ Phi-luật-Tân. Do đó các tôn-giáo thiểu số ấy không thể động-viên nổi khối quần chúng đa số có truyền thống Phật-Giáo. Gắn liền với dân-tộc và là thành phần đa số trong dân-tộc, Phật-Giáo có triển vọng động-viên được quần chúng dễ dàng hơn các tôn-giáo khác.

Thứ hai, ngày nay các lãnh tụ Phật-Giáo Á-Châu, ý-thức được vai-trò mới của họ, đều tin-tưởng vào sứ-mạng hóa-giải các cuộc tranh-chấp và tiềm năng phong phú của Đạo Phật.

Thứ ba, với một lực-lượng ba trăm triệu tín đồ, hai triệu chùa chiền, tám trăm ngàn Tăng, Ni, với một ý-chí phục-hưng Đạo-pháp và bảo-vệ Tổ-Quốc, Phật-Giáo Á-Châu được các lãnh-tụ tôn-giáo cũng như chánh-trị coi là ẩn-số quan-trọng của bất cứ bài toán chánh-trị nào trong vùng đất này mà các lực-lượng quốc-tế phải cố gắng tìm ra. Sở dĩ được coi là ẩn số, vì sức mạnh của Phật-Giáo không phải là sức mạnh quân-sự hay kinh-tế, mà là sức mạnh tinh-thần tiềm tàng từ muôn đời trong huyết-thống của người dân Á-Châu và có khả năng đối-kháng kỳ diệu với mọi lực-lượng xâm lăng không lồ (218). Chính nhờ khả năng ấy mà Việt-Nam đã không bị các nền văn-minh Trung-Hoa, Ấn-Độ và Tây-phương đồng hóa (219).

Phật-Giáo hiện đại còn chứng tỏ là một lực-lượng ý-thức-hệ tự-vệ hữu-hiệu chống lại chủ-nghĩa Cộng-San ở Miến-Điện, Tích-Lan, Thái-Lan, v.v... (220). Nếu mỗi hiềm nghèo hiện nay đối với các tiểu nước quốc Á-Châu là Trung-Cộng, thì điều mà các xứ này có thể làm được để đối kháng với sức đe dọa của nước láng giềng khổng lồ ấy không phải là sức mạnh quân-sự hay kinh-tế, nhưng là nền văn-hóa của họ trong đó tư-tưởng Phật-Giáo giữ vai-trò trọng yếu.

(218) Giác-Đức, Thích : Sách đã dẫn, trang 8 và kế tiếp.

(219) Siêu, Lê-văn : Việt-Nam Văn-minh sử cương, trang 135-136, Lá Bối, 1967.

(220) Smith, Donald E. : Sách đã dẫn II, trang 199 và kế tiếp ; cũng xem : Giác-Đức, Thích : Sách đã dẫn.

Đặc biệt trong viễn ảnh hòa-bình do sự hòa hoãn giữa các lực-lượng quốc-tế đối-ngịch đem lại, Phật-Giáo càng có triển vọng quan-trọng hơn tại Đông-Nam-Á, vì cuộc tranh chấp trong thời hậu chiến có tính-cách ý-thức-hệ hơn là quân-sự. Trong hoàn cảnh đó, văn-hóa Đông-phương phải được dùng làm bức tường thành ngăn sức tấn-công của các ý-thức-hệ bạo-động và ngoại lai.

Phật-Giáo Việt-Nam có thể làm được những gì để biểu-lộ vai-trò quan-trọng vừa phân-tích trên đây ?

b) Vai-trò của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam -
Danh-nhiệm-vụ chánh-trị cho Phật-tử thế-tục, Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam sẽ thực sự đảm-nhiệm vai-trò cứu nhân độ-thế trên hai bình-diện thích-hợp nhất với sứ-mạng tôn-giáo và cực kỳ quan-trọng đối với đời sống của quảng-đại quần-chúng Việt-Nam : đó là bình-diện xã-hội và bình-diện văn-hóa. Đó cũng là điều mà các Tăng-sĩ có ý-thức chánh-trị muốn thực-hiện (221).

- Trên bình-diện xã-hội, nỗi thống khổ và bất công mà đa số nhân dân hiện đang chịu đựng cần được bàn tay Tăng-sĩ làm vơi nhẹ bằng các công cuộc cứu-tế, xã-hội. Đó là điều mà quần chúng có thể trông đợi nhiều ở Đạo Phật, một Đạo cứu khổ và nặng đức hiếu-sinh. Ngày nay, muốn phát-huy sâu rộng ảnh-hưởng chánh-trị, Giáo-Hội cần đặc-biệt lưu-tâm tới loại công-tác này vì nhiều lý-do.

Trước hết, công-tác xã-hội là một phương-tiện hữu hiệu để truyền-bá tín-ngưỡng và tạo uy-tín thực sự cho tôn-giáo.

Thứ hai, kinh-nghiệm tại Nhật-Bản cho hay qua các công-trình xã-hội đại quy mô, các hội đoàn Phật-Giáo đã gây được một ảnh-hưởng chánh-trị lớn lao (222).

(221) Nhất-Hạnh, Thích : Đạo-Phật ngày mai, Lá-Bối, 1970

(222) Xem trang 67-72 Luận-án.

Thứ ba, tại Việt-Nam công-trình ấy trở nên cực kỳ khẩn thiết để diên-khuyết những thiếu sót hiển nhiên của chính-quyền và góp phần vào việc thực hiện công bằng xã-hội.

Thứ tư, nếu không cấp tốc dẫn thân vào công cuộc xã-hội, Phật-Giáo có thể bị Công-Giáo tiến xa hơn rất nhiều trong lãnh-vực này và, do đó, gây được ảnh-hưởng rộng lớn hơn. Thật vậy, nhằm duy-trì ảnh-hưởng trên khắp hoàn cầu, tòa Thánh Công-Giáo La-Mã ngày nay chủ-trương chống lại mọi hình-thức bần-cùng-hóa và nô-lệ-hóa con người, tích-cực cố võ chống lại nạn đói-nát, đói kém, bệnh-tật và thiếu an-toàn xã-hội (223). Đại-hội các Giám-mục Á-Châu họp tại Manila cuối năm 1970 cũng biểu-lộ quyết tâm dẫn thân cho sự phát triển toàn diện các dân-tộc Á-Châu. Các vị Giám-mục nhất quyết cải cách Giáo-Hội thành Giáo-Hội thực sự của người nghèo (224). Sau Đại-hội này, Giáo-Hội Công-Giáo Việt-Nam cũng bắt đầu thực-hiện một số cải cách quan-trọng phù-hợp với đường hướng xã-hội mới mẽ của tòa Thánh La-Mã. Báo chí Sài-gòn có loan tin Giáo-Hội Công-Giáo Việt-Nam có ý-dịnh từ bỏ các quyền-lợi diên-địa đã thu đắc và duy-trì hợp pháp để hưởng ứng chương-trình "Người Cày Có Ruộng" của chính-phủ ngõ hầu góp phần đắc lực vào việc thực-hiện công bằng xã-hội. Trước khuynh-hướng Cấp-tiến ấy của một tôn-giáo bạn, chắc Phật-Giáo Việt-Nam phải đặt hẳn một chương-trình hoạt-động xã-hội đại quy mô, nếu muốn duy-trì và phát triển uy-tín trong quần-chúng.

- Trên bình-diện văn-hóa, người ta có thể tự hỏi Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam có thể đóng góp cách nào hữu hiệu nhất vào công cuộc phát triển tôn-giáo của mình, đồng thời phát triển quốc-gia? Mặc dầu Phật-Giáo có mặt trong mọi bộ môn văn-hóa, thiết tưởng

(223) Trích diễn-văn của Đức Giáo-Hoàng Phao-Lô Đệ Lục đọc trước đại Hội các Giám-Mục Á-Châu họp tại Manila cuối năm 1970, xem tạp-chí Đối-Diễn, số 19, tháng 1/1971, trang 50.

(224) Xem tạp-chí Đối-Diễn số 19, 1971, trang 57-58.

sự đóng góp quan-trọng nhất của Giáo-Hội sẽ là công việc Gạn Lọc (225).

Thật vậy, trong tình-trạng chậm tiến và chiến tranh giai đặng, tôn-giáo tại nông-thôn dễ bị biến thể thành tà thuật dị-đoan và, do đó, gây trở ngại cho việc canh-tân-hóa xã-hội. Vì vậy vấn-đề đặt ra cho cả Quốc-gia lẫn Giáo-Hội là làm thế nào để tách rời tà thuật khỏi Chánh-Pháp để bảo-vệ sự toàn vẹn của Phật-Giáo và công cuộc phát triển của quốc-gia ? Thế cách ấy chính là công việc gạn Lọc văn-hóa, một công-tác tinh-thần quan-trọng mà chỉ có Giáo-Hội Phật-Giáo mới thực hiện được một cách hữu hiệu nhất. Gạn Lọc có nghĩa là gạn để giữ lại tinh-t túy của Chánh-Pháp, và lọc để bỏ đi tất cả những hình-thức phung-tự thoái hóa, cổ hủ, những tin-tưởng trái ngược với giáo-lý nhà Phật và phản khoa-học.

Gạn lọc có thể là hành-vi của chánh quyền, nhưng giữ hay bỏ còn tùy thuộc dân chúng. Không một áp lực nào có thể buộc họ từ bỏ một tín ngưỡng hay tiếp tục sùng bái một tôn-giáo mà họ không ưa chuộng, vì hành-động như vậy là xâm-phạm tự-do tôn-giáo, một nhân quyền căn-bản đã tạo chánh nghĩa cho cuộc tranh đấu Phật-Giáo năm 1963.

Chỉ có Giáo-Hội Phật-Giáo mới có đủ uy-tín để làm việc "gạn lọc", vì tín-đồ bao giờ cũng tin ở Tăng-sĩ hơn là chánh-quyền. Giáo-Hội, hành sự uy-quyền tinh-thần, có đủ khả năng để cải tiến và bồi-dưỡng đức-tin của Phật-tử.

Dù có áp-dụng biện-pháp độc-tài để can-thiệp vào phạm-vi tín-ngưỡng chăng nữa, chánh-quyền

(225) Chỉ, Nguyễn-hữu : Giá-trị tinh-thần cổ truyền Đông-Phương trước trao lưu Cộng-San, nguyệt-san Quê-Hương, số 36, tháng 6/1962, trang 39-41.

Bản về tương-lai Phật-Giáo, Jerold Schecter cũng viết :
"Vai-trò tương-lai hữu hiệu nhất của các Phật-tử Á-Châu vẫn là một trong những vai-trò cổ truyền của họ, đó là vai-trò giáo-dục thanh-niên" (xem tác-phạm đã dẫn, trang 276)

cũng không thể thu được kết quả mong muốn, mà còn gây phản-ứng đối-ngịch nơi dân-chúng, vì kinh-nghiệm cho thấy càng bị trả đũa đức tin càng sáng ngời Ánh Đạo.

Với đà tiến triển của công cuộc phục-hưng, Phật-Giáo Việt-Nam sẽ có một tầng lớp Tăng-sĩ trẻ trung tiên bộ, đầy đủ khả năng văn-hóa và lòng nhiệt thành để truyền bá sâu rộng trong dân gian những tư-tưởng cùng lối sống của Đạo Phật hiện-đại-hóa. Do đó nông thôn bùn lầy nước đọng sẽ không còn cảnh những ngôi chùa tối tăm với lối thờ phượng phức tạp, với những ông thầy quanh năm gõ mõ tụng kinh và đi làm đám ma đêm chạy trong làng trong xóm, sẽ không còn cảnh những bà mẹ mang đứa con tám tháng đến chùa "bán khoán" cho Sư và cho Phật với niềm tin-tưởng rằng khi đứa bé đã là con Phật rồi thì ma quỷ không còn dám động tới tánh mạng nó nữa (226).

Việc thay đổi bộ mặt tín-ngưỡng cổ-truyền sẽ tạo điều-kiện thuận lợi cho việc du nhập tư-tưởng và lối sống dân-chủ, khoa-học, và cho sự cộng-tác trong tinh-thần thông-cảm giữa nông-dân và trí-thức nước nhà.

Trên bình-diện văn-hóa, việc gạt lọc có thể coi là biện-pháp hữu hiệu góp phần vào việc giải quyết mâu-thuẫn giữa hai ý-thức-hệ Đông-Phương và Tây-Phương, vì nó là biện pháp chiết trung giữa bảo thủ và canh tân, đồng thời nó lại còn thích hợp với lối sống Trung Đạo của Nhà Phật. Nếu bảo thủ hay thủ cựu được hiểu là phản ứng của Đông-Phương chống lại ảnh-hưởng của văn-hóa ngoại lai bằng cách phục hưng nền văn-hóa nguyên thủy của mình, thì cả 3 cuộc phục hưng dĩ vãng của ba nền văn-minh cổ như tại Á-Châu - Nhật-Bản, Trung-Hoa và Ấn-Độ - đều đã thất bại (227). Còn trong trường-hợp Việt-Nam, bảo-thủ sẽ vấp phải khuynh-hướng cấp tiến

(226) Nhất-Hạnh, Thích : Sách đã dẫn I, trang 193 và kế tiếp.

(227) Quan-Điểm : Tìm một đường sống, Quê-Hương số 36, tháng 6/1962, trang XV-XXV.

đòi cải tiến dân sinh về cả tinh-thần lẫn vật chất ; từ bỏ hoàn toàn dĩ vãng sẽ bị phe quốc-gia thủ-cựu cho là vong bản. Rút tĩa kinh-nghiệm của ba quốc-gia vừa kể cũng như của một số tân quốc-gia khác, ta thấy chỉ có phương-thức "gạn lọc" là hợp lý hơn cả, vì nó nhằm giữ lại những gì hợp thời và thuận lợi cho việc phát-triển quốc-gia, và nó cũng không nhằm xây dựng một nền văn-minh biệt-lập mà sự thất bại của ba quốc-gia Á-Châu cho ta bài học quý báu.

Như vậy việc gạn lọc văn-hóa của Giáo-Hội Phật-Giáo sẽ góp phần đắc lực vào việc xây dựng một quốc-gia Việt-Nam tự chủ và phú cường, điều mà các lãnh tụ Phật-Giáo coi như một sứ-mạng của Giáo-Hội (228).

Cơ-quan nào của Giáo-Hội sẽ nhận trọng-trách văn-hóa này ? Thiết tưởng việc chỉ đạo văn-hóa nên do Viện Đại-Học Vạn-Hạnh đảm nhận, vì nó có đủ thẩm quyền chuyên môn và uy-tín.

Thật vậy, về phương-diện tư-tưởng, chính Thượng-Tọa Viện-trưởng Viện Đại-Học Vạn-Hạnh cũng đã có ý định gạn lọc văn-hóa khi Ngài đặt vấn-đề "Làm thế nào chúng ta có thể phụng-sự cho sự hòa điệu giữa những nền văn-hóa Đông Phương và Tây Phương" (229). Viện đã đặt ra một căn-bản triết-lý rõ rệt, có ý-chí cùng khả năng thể-hiện tinh-thần Phật-Giáo và Dân-Tộc, và biết dung hợp mọi tư trào quốc-tế.

Về phương-diện nhân-sự, Viện đã quy-tụ được một thành phần ưu-tú nhất của Phật-Giáo, thể hiện được sự hợp-tác thân hữu giữa Tăng-sĩ và Phật-tử thế-tục,

(228) Xem trang 115 Luận án này.

(229) Minh-Châu, Thích : "Làm thế nào chúng ta có thể phụng-sự cho sự hòa-điệu giữa những nền văn-hóa Đông-phương và Tây-phương" Tư-Tưởng, bộ cũ, số 4 và 5, trang 14-25.

giữa trí-thức Phật-Giáo với trí-thức thuộc các tôn-giáo khác.

Về phương-diện hành-động, Viện đã giữ được một thái-độ vô-tư trong cuộc tranh-chấp nội bộ Phật-Giáo.

Về phương-diện tổ-chức và nhiệm-vụ, Viện là một cơ-sở giáo-duc Đại-Học đầu tiên của Phật-Giáo Việt-Nam và được tổ-chức theo kỹ-thuật Tây-phương để thực-hiện công cuộc gạn lọc và tổng hợp phong phú văn-hóa Đông-Tây, để đào-tạo những cán-bộ lãnh-đạo Giáo-Hội và những cán-bộ xây-dựng quốc-gia (230).

Như vậy trong trường kỳ, chìa khóa tương-lai của Phật-Giáo Việt-Nam có lẽ không nằm ở Ấn-Quang hay Quốc-Tử, mà ở Viện Đại-Học Vạn-Hạnh nếu cơ-sở giáo-duc này trung-thành với đường lối đã đề ra.

Trong một quốc-gia phân-hóa và đầy rẫy bạo-động như Việt-Nam ngày nay, Đạo Phật phải có vai-trò khá kính, vì nó đóng góp vào việc tái tạo hòa-bình và tỉnh huynh-đệ. Dù Giáo-Hội hay các Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam có lỗi lầm chẳng nữa, Đạo Phật vẫn được quần-chúng ngưỡng mộ, vì Giáo-Hội không những chẳng đồng nghĩa với Tôn-giáo, mà có khi còn hành-động trái với Giáo-ly. Chính vì vậy mà trước khi Giáo-Hội thống-nhất ra đời, Đạo Phật Việt-Nam đã và vẫn phát-triển mạnh mẽ, để ảnh-hưởng sâu xa tới nếp sống dân-gian mà chẳng cần một hình-thức tổ-chức nào hết. Tinh-thần phóng khoáng, phi tổ-chức của Phật-Giáo đã thể hiện phần nào qua câu ca dao :

(230) Minh-Châu, Thích : Viện Đại-Học Vạn-Hạnh, một trung-tâm giáo-duc ở Sài-gòn, Tu-Tướng, bộ cũ số 4 và 5, trang 5-13.

Cũng xem các bài : "Xây-dựng một triết-ly về giáo-duc trong tinh-thần Phật-Giáo", Tu-Tướng, bộ cũ, số 2 và 3, trang 25 và kế tiếp, "Ban thể của Viện Đại-Học Vạn-Hạnh", Tu-Tướng, bộ cũ, số 2 và 3, trang 11, "Sứ mệnh con người trí-thức trong hoàn-cảnh Việt-Nam và thế-giới hiện nay", Tu-Tướng, bộ mới, số 2, trang 45.

"Thứ nhất thì tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa" (231).

Do đó, muốn Đạo Phật bành trướng và uy-tín Giáo-Hội tăng tiến, Tăng-sĩ cần thể hiện trung-thực giáo-lý Phật-Đà trong các hoạt-động tôn-giáo, xã-hội và văn-hóa. Khi giáo-lý ấy thấm nhuần trong mọi khía cạnh sinh-hoạt xã-hội, người ta có quyền hy-vọng rằng ánh sáng đạo-đức của Phật-Giáo sẽ soi sáng tâm hồn chánh khách để làm cho chánh-trị thêm phần lương hảo thực sự.

Trong niềm hy-vọng đó, viễn ảnh tương lai của cuộc sinh-hoạt chánh-trị Việt-Nam Cộng-Hòa sẽ ra sao ?

II - VIỄN ẢNH TƯƠNG-LAI

CỦA CUỘC SINH-HOẠT CHÁNH-TRỊ TẠI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Như đã trình bày trong phần Dẫn-nhập, khi một tôn-giáo đã thực sự trở thành đoàn-thể áp lực mạnh mẽ và muốn có một địa-vị ưu đãi trong quốc-gia, tranh chấp thường xảy ra liên miên giữa Giáo-quyền và Thế-quyền. Giải-pháp đề-nghị trong Phần III Luận án nhằm

(231) Hoài, Cao-xuân ; Phật-Giáo Việt-Nam : thực chất và tổ-chức, tạp-chí Quân-Chúng số 12, ngày 5.6.1969, trang 49.

giải-quyết những mâu-thuẫn giữa Phật-Giáo và chánh-quyền. Trong khung cảnh của giải-pháp này, về phương-diện lý-thuyết vì được phân lập nên Giáo-Hội và Quốc-Gia có thể sẽ tiến tới thế quân-bình. Nhưng trong thực tế, lịch-sử tôn-giáo và chánh-trị tại Âu-Châu cũng như tại Á-Châu cho thấy phải mất một thời-gian lâu dài mới tạo được thế quân-bình vững chắc. Hơn nữa lịch-sử còn chứng-tỏ rằng ngay trong thế quân-bình ấy tôn-giáo và chánh-trị vẫn liên-tục hỗ-tương ảnh hưởng ở những mức-độ khác nhau tùy theo đà phát-triển dân chủ của mỗi xứ; Tôn-Giáo chỉ ít ảnh hưởng tới chánh-trị tại các quốc-gia dân-chủ tiên tiến. Như vậy tại một nước chậm tiến như Việt-Nam, muốn cho thế quân-bình giữa Phật-Giáo và Quốc-Gia chóng thành tựu, điều cần là phải loại bỏ được lý-do mà Phật-Giáo dựa vào để tranh đấu, tức là phải thỏa-mãn được nguyện vọng của họ nếu nó hợp lý và chính đáng. Nguyện vọng ấy đã được giới Tăng-sĩ nói lên nhiều lần và có thể tóm tắt là "một cuộc cách-mạng toàn-diện để xây dựng một nước Việt-Nam độc lập, một xã-hội công bằng và tự-do phù-hợp với tinh-thần Phật-Giáo". Nguyện vọng ấy được nhìn thấy trong khi phân tích sứ mạng chánh-trị của Giáo-Hội (232) và các hoạt-động chánh-trị của Tăng-sĩ. Đó là nguyện vọng chánh đáng mà Chu Tăng ưu tú cũng như một số Phật-tử trí-thức thế tục rất tin-tưởng vào sự khả hành. Vì vậy dù sự phân-lập giáo-chánh trên lý-thuyết đã được

(232) Xem trang 114-140 Luận án này.

thiết lập, có lẽ chư Tăng chỉ ngưng sách-động đấu-tranh dưới hình-thức này hay hình-thức khác nếu nguyện vọng được thỏa mãn. Do đó thế quân bình giữa quốc-gia và Giáo-Hội cùng trật-tự xã-hội chỉ có thể ổn cố thực sự và lâu dài, tự-do tôn-giáo cũng như mọi tự-do khác chỉ có đầy đủ ý-nghĩa, nếu Việt-Nam Cộng-Hòa quyết tâm thực-hiện một cuộc cách-mạng toàn-diện để thỏa mãn nguyện vọng của Phật-Giáo-đồ, vì nguyện-vọng ấy rất phù hợp với nguyện vọng chung của toàn dân. Do đó, nhu-cầu cách-mạng là một thực tế hiển nhiên ? Cách-mạng tương lai sẽ theo đường lối nào và do những vai-trò xã-hội nào lãnh-đạo ? Phật-Giáo đối với cuộc cách-mạng ấy ra sao ?

A - NHU-CẦU CÁCH-MẠNG

Phân-tích thực trạng Việt-Nam, mọi giới đều phải đồng ý rằng điều-kiện tối cần không những cho sự ổn cố mà cho sự sống còn của miền Nam là một cuộc cách-mạng toàn-diện. Nếu không, xáo trộn sẽ dễ dàng xảy ra và tôn-giáo sẽ lại phải trực tiếp can-thiệp vào chánh trường để tự vệ, và các quyền tự-do sẽ dễ bị hy-sinh.

Thật vậy, theo kết-quả cuộc thăm dò của nhóm "Thái Độ" thực-hiện vào năm 1967, các lãnh tụ nổi tiếng của các tôn-giáo, nghiệp-đoàn, chánh đảng và các nhân-sĩ uy-tín đều quan-niệm rằng muốn cứu vãn miền Nam cần phải có cuộc cách-mạng toàn-diện (233). Cuộc cách-mạng trở nên cấp thiết để hủy diệt những yếu-tố hỗn loạn đang hiện hữu trong khắp mọi lãnh vực.

Trong lãnh-vực xã-hội, nước nhà còn đầy rẫy bất công, phân-hóa và thối nát.

(233) Xem "Nghĩ về Cách-Mạng, chiến-tranh và hòa-bình", Thái-Độ xuất bản năm 1967. Cũng xem : Tư Vũ, Hà-thúc : Hoàn-cảnh chiến-tranh và những đòi hỏi cách-mạng, Tạp-chí Quân-Chúng số 16 ngày 5.8. năm 1969, trang 7-24 ; Shaplen, Robert : Sách đã dẫn, trang 385 và kế tiếp.

Về phương-diện văn-hóa, các giá-trị tinh-thần đang bị đảo lộn, tổ-chức giáo-dục chưa được công bằng và hợp lý.

Về kinh-tế, ngoại viện được coi là tài nguyên chính của quốc-gia, cán cân chi phí mất thăng bằng trầm trọng, bất bình đẳng về quyền lợi giữa những người cùng trình độ, khả năng và cùng hoạt-dộng trong một khu vực, tình trạng lợi tức chênh-lệch quá đáng giữa các giai tầng xã-hội, tình trạng sản xuất suy-sụp trầm trọng, sự phê phán của một thiểu số giàu có vì chiến-tranh, quyền thế hay thủ đoạn, đối diện với nỗi thống khổ của đa số là nông dân và giới có đồng lương cố định.

Tất cả những điều đó tạo nên sự bất ổn nội tại trong cơ-cấu xã-hội.

Về chánh-trị, nạn chia rẽ giữa chánh đảng, địa-phương, tôn-giáo và sự phân-hóa ngay trong nội bộ mỗi tập-thể, sự thờ ơ của nhiều người đối với chế-độ, tâm-trạng bất-mãn của những thế-hệ mới trưởng thành trước chiến-tranh và bất công, đã làm quốc-gia suy yếu.

Sự suy yếu còn phát sinh ngay trong guồng máy Nhà Nước. Người quan-sát phải nhìn nhận rằng trong những năm đầu tiên của nền Đệ II Cộng-Hòa, cuộc sinh-hoạt chánh-trị chưa đáp ứng được kỳ vọng của quốc-dân. Hoạt động của các công quyền quốc-gia tỏ ra thiếu điều-hòa và phối-hợp. Quốc-Hội với những cuộc chất vấn, thảo-luận liên miên về "Nội các trước hiện tình đất nước", với những lời tuyên bố thiếu lịch-sự của các vị đại-diện dân cử chỉ chú ý tới sai lầm nhỏ nhất, với những câu chuyện cá nhân, những cuộc ngao du quốc ngoại vô bổ đã gây rất nhiều khó khăn cho Hành-pháp, làm giảm sút uy-tín của chính-phủ và làm nản lòng những người thiện chí. Chính-phủ mãi lúng túng trong chiến-tranh và hòa-bình, với những biện-pháp nửa chừng theo sau thời cuộc chưa đạt được lòng tin và gây một xúc động tâm-lý trong quần chúng (234). Thêm vào đó, một số

(234) Bông, Nguyễn-văn : Sách đã dẫn II, trang 368-369.

người nhờ thời cuộc nhảy lên địa-vị chính-khách và có trách-nhiệm bảo-vệ chế-độ, đã hoặc vì thiếu kiến-thức hay ý-thức chánh-trị hoặc vì bị những lực-lượng nào đó giựt giây, có những lời tuyên-bổ vô trách-nhiệm làm phương hại tới căn-bản quyền hành của chế-độ Đệ Nhị Cộng-Hòa.

Tất cả những tình-trạng xã-hội, kinh-tế và chánh-trị vừa kể là một tiêu sản chánh-trị nặng nề mà giới lãnh-đạo quốc-gia cần phải cấp thời thanh toán bằng cuộc cách-mạng toàn diện.

Cuộc cách-mạng này lại càng khẩn thiết để đối phó với cuộc "chiến-tranh cách-mạng" do Cộng-Sản phát động tại miền Nam, vì Cộng-Sản triệt để lợi dụng tất cả những nhược điểm của phe quốc-gia, hủy hoại mọi nỗ lực xây dựng của chế-độ Đệ Nhị Cộng-Hòa để mưu toan thay thế vào đó một ý-thức-hệ độc-tại toàn-diện.

Như vậy chỉ có cuộc cách-mạng trên căn-bản ý-thức-hệ dân-chủ tự-do mới chiến thắng được đối phương ngõ hầu bảo-vệ mọi giá-trị nhân bản và tôn-giáo. Nếu không, tôn-giáo sẽ bị đe dọa nghiêm-trọng, vì đối với Cộng-Sản nó chỉ là một thứ á-phiện ru ngủ nhân dân, một ý-thức của con người vong thân và một sản phẩm của giai cấp thống trị mà thôi. Do đó, các tôn-giáo cũng có nhiệm-vụ khuyến-khích tín-đồ tham gia vào cuộc cách-mạng để bảo-vệ đức tin. Nhưng cuộc cách-mạng ấy sẽ theo đường lối nào ?

B - ĐƯỜNG LỐI CÁCH-MẠNG

Thực ra từ ngày chế-độ Cộng-Hòa được thiết-lập tại miền Nam, các chánh-quyền đã nghĩ tới và cố gắng thực hiện cách-mạng, nhưng đều gặp thất bại. Vậy ta cần phải rút kinh-nghiệm đã qua để đề nghị một đường lối cách-mạng thích-hợp.

1 - Bài học kinh-nghiệm cho cuộc cách-mạng tương lai.

Giải-đoạn chính-trị từ Đệ Nhứt Cộng-Hòa tới nay cho ta những bài học quý giá sau đây :

a) Thất bại trong việc thực-hiện cách-mạng xã-hội tại Việt-Nam cũng là tấn thâm kịch chung của các nước chậm tiến. Thật vậy, nếu mọi phe phái chính-trị biết dẹp tì hiềm để đoàn-kết trong cuộc giải-phóng dân-tộc hay chống độc-tài, thì cuộc cách-mạng xây-dựng quốc-gia ở các cựu thuộc-địa của Tây phương đều khó thực hiện, vì đế quốc - đối tượng chung của cuộc tranh đấu - không còn nữa, các khuynh-hướng chánh-trị sinh ra bất đồng trong việc kiến quốc và tranh chấp quyền hành để chế-độ độc-tài có cơ hội xuất hiện. Bằng chứng là cuộc Cách-Mạng Nhân-Vi do Tổng-Thống Đệ Nhứt Cộng-Hòa Việt-Nam chủ xướng đã bị phá bỏ bởi cuộc đảo chánh 1.11.1963. Rồi chính-biến này cũng không đưa tới cuộc cách-mạng như mọi người kỳ vọng, vì Phật-Giáo, vai-trò tiên phong của chính-biến vừa kể, không kịp sửa soạn để nắm vai-trò lãnh-đạo, giai-cấp quân-nhân lại thiếu chủ-thuyết, chương-trình và ý-chí cách-mạng. Ấy là chưa kể tới những tham vọng cá-nhân và đấu óc bè phái đã đưa quốc gia vào vòng rối loạn, mặc dầu giới hữu quyền đương thời vẫn tuyên bố "cách mạng". Thâm kịch này cho ta bài học là phải tạo sự đoàn-kết quốc gia mới thực hiện cách-mạng xã-hội được.

b) Tất cả mọi chính quyền trong suốt giai-đoạn kể trên đều bị đặt trong một thế lưỡng nan tiến thoái : một mặt cần phải có quyền-hành mạnh để đối phó với những khó khăn của một quốc-gia vừa chậm tiến lại vừa phải lâm chiến, mặt khác phải thỏa mãn những đòi hỏi tự-do dân-chủ và mọi kỳ-vọng dâng cao của quần chúng. Từ tình-trạng này ta rút ra được bài học là các nhà lãnh đạo tại Việt-Nam cũng như tại các quốc-gia khác trong khối Á Phi phải gây được oho nhân dân một ý-thức rõ rệt rằng việc củng cố và phát-triển quốc-gia đòi hỏi nơi mỗi công dân sự cố gắng, hy-sinh cần-thiết. Nếu đòi hỏi này không được chấp nhận, nhà nước sẽ bị thất bại trong việc điều hành công cuộc chung ; và sự thất bại ấy có thể đưa tới những chế-độ độc-tài quyết dùng mọi biện pháp để giải-quyết khó khăn.

c) Tình-trạng rối loạn sau năm 1963 vì cơ-cấu chánh-trị yếu-ớt chứng tỏ rằng Việt-Nam cần một chánh-quyền trung-ương vừa đủ mạnh để tránh được mọi khuynh-hướng phân ly vì địa-phương, tôn-giáo, chủng-tộc v.v...

Hơn nữa cảnh bất công xã-hội quá lộ liễu từ sau 1963 chứng tỏ rằng Việt-Nam không thể theo chủ-nghĩa phóng nhiệm để mặc doanh nhân theo đuổi tư lợi, vì làm như vậy sẽ xảy ra tình-trạng "cá lớn nuốt cá bé" và cảnh bất công càng trầm trọng hơn để rồi phát sinh bất-ôn xã-hội và chánh-trị.

d) Chánh-quyền đủ mạnh không hẳn sẽ là chánh quyền kém dân-chủ. Để gây nếp sinh-hoạt dân-chủ, chánh quyền ấy phải tạo được sự đồng lòng của nhân dân về các mục-tiêu quốc-gia căn-bản hay, nếu không có, bằng biện-pháp thay thế là tôn-trọng quyền lợi của mọi giới và chấp nhận sự tham-gia của mọi thành phần xã-hội vào công việc chung. Có như vậy mới tạo được điều-kiện ổn-định chính-trị, vì nếu còn một thành phần dân-tộc nhận thấy bị gạt ra ngoài các trung tâm quyết-định của quốc-gia, họ chỉ còn cách dùng đến bạo lực, phá hoại, để phát biểu nguyện vọng cấp thiết của mình.

e) Muốn tổng hợp được nguyện-vọng của mọi thành phần xã-hội để biến nó thành chánh-sách quốc-gia, chánh-quyền phải duy-lý-hóa sinh-hoạt chánh-trị bằng cách tán-trợ việc thành-lập và hoạt-động của các đoàn-thể trung gian. Sở dĩ thế vì qua các đoàn-thể này những nguyện-vọng cá-nhân tản mát sẽ được tập trung và chuyển đạt để dâng tới nhà cầm quyền. Nơi đây sẽ hệ-thống-hóa những nguyện-vọng của mọi đoàn-thể thành các chính-sách chung của quốc-gia. Làm như vậy, một mặt chánh-quyền và nhân dân sẽ gần gũi nhau hơn, mặt khác các hình-thức sinh-hoạt bề phái, cá-nhân hay phong-trào quần chúng ô hợp và đôi khi mù quáng mà ta từng chứng-kiến trong những năm qua có thể được giảm thiểu hay biến mất.

f) Trong những năm qua hai hiện-tượng trái

ngược đã xảy ra cùng một lúc : tình-cảm chống ngoại bang trong các phong-trào Phật-Giáo tranh đấu nảy nở song song với sự can thiệp của các cường quốc vào nội-bộ Việt-Nam, trong khi thực tế chứng tỏ rằng Việt-Nam Cộng-Hòa cần phải có ngoại-viện mới đứng vững được. Vậy bài học kinh-nghiệm là làm thế nào vừa nhận ngoại viện vừa giữ được sự độc-lập quốc-gia ?

Muốn thế, thiết tưởng trước hết không nên có tình-thần bài ngoại phi lý, như : đóng cửa không giao thiệp với các cường quốc và không nhận viện-trợ, vì trong thế giới ngày nay không quốc-gia nào có thể sống cô lập được và riêng các quốc-gia chậm tiến có thể đi đến chỗ ngưng đọng hay suy-sụp vì không có tài nguyên ngoại viện. Trường-hợp Miến-Điện với chính-quyền Newin đã chứng tỏ điều đó. Ngoại viện thật cần thiết để phát triển quốc-gia kịp thời với mức gia tăng nhân khẩu cũng như gia tốc những nguyện vọng và đòi hỏi của quần chúng. Ngoại viện-trợ kinh-tế, đôi khi nước nhược tiểu còn phải cần tới viện-trợ quân-sự để có bình phong chống hiểm-họa xâm lăng hay phá hoại ngõ hầu yên tâm phát-triển kinh-tế xã-hội.

Những điều quan-trọng là nhận viện-trợ như thế nào để bảo-vệ được chủ quyền quốc-gia ? Thiết tưởng nhận viện-trợ dưới hình-thức cho vay thay vì cho không sẽ giúp nước được viện-trợ ít bị lệ thuộc vào nước cho viện-trợ và ít bị mắc cảm đi ăn xin. Dĩ nhiên trở ngại của hình-thức này là khả năng hoàn trái yếu kém của nước nhược tiểu. Ngoài ra, hình-thức viện-trợ đa phương (qua tổ-chức Liên-Hiệp-Quốc hay các tổ-chức quốc-tế địa-phương) có thể giúp nước nhận viện-trợ không bị ràng buộc vào một cường quốc vì hình-thức viện-trợ song phương.

Những bài học kinh-nghiệm trên đây có thể giúp ta đề-nghị một đường lối cách-mạng nào thích-hợp với thực-trạng Việt-Nam ?

2 - Đường-lối cách-mạng đề-nghị

Dựa vào bài học kinh-nghiệm vừa phân-tích, ta thấy đường lối cách-mạng Quốc-Gia, Nhân-Bản và Xã-Hội có thể thỏa mãn được nhu-cầu quốc-gia và nguyện-vọng chung của toàn dân, vì đường lối ấy phù-hợp với tinh tự dân-tộc, đối-ngịch với mọi đường lối phi dân-tộc, phi nhân bản và độc-tài chuyên chế. Nó thỏa mãn được mọi đòi hỏi lý-thuyết của các phong-trào quốc-gia, các xu-hướng tôn-giáo và nhân-bản, và nó còn tiên-niệm một sự hy-sinh tối thiểu quyền-lợi của cá-nhân cho ích lợi chung của xã-hội.

Đường lối ấy cũng phù hợp với quan-niệm chánh-trị của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa. Trong Thông-diệp 7.4.1969, Ông đã long trọng xác nhận lựa chọn chủ-nghĩa Quốc-Gia mà đối-tượng là nhân dân. Ông cho rằng :

"Hai chữ Quốc-Gia sẽ vô nghĩa nếu những người dân còn mãi mãi nghèo đói, dốt nát, bệnh tật, bị đối xử bất công, áp bức."

Vì vậy ông quan-niệm :

"Chủ-nghĩa quốc-gia tự nó đã phải mang một nội-dung có tính-chất thích-ứng với trào lưu tiến-hóa, hướng đến sự cải tạo, hướng đến sự xây dựng một trật-tự xã-hội công-bằng và tiến-bộ, càng ngày càng tốt đẹp hơn trước".

Ý-thức được nhu cầu cách-mạng và xác-định đường lối cách-mạng, chưa đủ. Điều quan-trọng là những vai-trò xã-hội nào sẽ lãnh-đạo cách-mạng và Phật-Giáo Việt-Nam có hưởng-ứng cuộc cách-mạng ấy không ?

C - VAI-TRÒ LÃNH-ĐẠO CÁCH-MẠNG

Cần phải xác định ngay rằng cuộc cách-mạng tương lai vừa nói là cuộc cách-mạng ôn-hòa trong khuôn khổ Hiến-pháp Đệ II Cộng-Hòa. Trong việc thực hiện cách-mạng, giới trí-thức và quân-nhân sẽ có vai-trò

cực kỳ quan-trọng là trực tiếp lãnh đạo quần chúng.

1 - Vai-trò của quân nhân

Có những lý-do tổng quát và lý-do riêng biệt tại Việt-Nam khiến giới quân nhân có thể đóng vai-trò lãnh-đạo cách-mạng.

a) Lý-do tổng-quát - Trong hầu hết các quốc-gia đang phát triển, kể cả những quốc-gia Phi-Châu nơi mà quân-đội chẳng có công lao gì trong việc tranh thủ độc-lập, giới quân nhân đã đóng một vai-trò quan-trọng trong diễn trình chuyển tiếp từ xã-hội cổ-truyền sang xã-hội được canh-tân-hóa. Người ta có thể cất nghĩa tiềm năng lãnh-đạo của quân-đội bằng nguồn gốc xã-hội của giới quân-nhân, bản-chất binh nghiệp và khung-cảnh hoạt-động của họ :

- Trừ một số ít sĩ-quan cao cấp thuộc giai cấp địa-chủ muốn bảo-vệ các đặc quyền cố hữu, những sĩ-quan cấp dưới đều xuất thân ở các giai-cấp chẳng cao sang gì và thường không tha thiết với việc bảo-vệ trật-tự xã-hội cũ. Hơn nữa, trong nhiều quốc-gia, vì tổ-chức quân-đội bành trướng, số sĩ-quan xuất thân từ giai-cấp công nhân, nông dân và tiểu-công-nghệ càng ngày càng nhiều, và đôi khi thành phần này đã bất mãn với trật-tự cũ.

- Quân-đội là một tổ-chức có tính-cách tân-tiến hơn là cổ truyền trên mọi phương-diện lý-thuyết, phương-pháp làm việc v.v... Lịch-sử các nước đang phát triển cho hay định-chế quân-đội là định-chế tiến xa hơn các định-chế khác, như : nền hành-chánh, sinh-hoạt kinh-tế hay sinh-hoạt chánh-trị.

- Trong thời bình, tập-đoàn sĩ-quan thường chỉ phải giải-quyết một số vấn-đề tương-đối dễ hơn là những vấn-đề mà các nhà lãnh-đạo dân sự phải đối phó. Do đó, tập-đoàn sĩ-quan thường dễ thành công hơn giới dân sự. Một khi dễ thành công, quân-đội có lòng tự tin mạnh hơn, và nếu chánh quyền dân sự lúng túng thì

giới quân-nhân sẽ coi họ là bất-lực và gạt họ ra khỏi chánh quyền. Còn trong thời chiến, dĩ-nhiên vai-trò quân-đội phải cực kỳ quan-trọng.

- Ngoài ra việc đào-tạo quân-đội đã giúp binh-sĩ hấp thụ được một nền giáo-dục kỹ-thuật tối thiểu thích-ứng với cuộc sống mới. Vốn liếng kiến-thức ấy rất cần-thiết cho công-cuộc canh-tân-hóa xứ sở.

Tất nhiên không phải bất cứ tổ-chức quân-đội nào cũng biết tập-trung tiềm năng kể trên vào việc canh-tân. Tuy nhiên, trong lịch sử thế-giới đã có nhiều trường-hợp quân-đội đảm nhận vai-trò xây-dựng này : giới võ-sĩ-đạo (Samourai) ở Nhật, quân-đội Phổ vào thế kỷ XIX, quân-đội Thổ-nhĩ-Kỳ dưới thời Mustapha Kemal, gần đây như có Magsaysay ở Phi-luật-Tân, Ayub Khan ở Hồi-Quốc, Newin ở Miến-Điện, Phác-chính-Hy ở Đại-Hàn, v.v... (235).

b) Riêng ở Việt-Nam, sở dĩ quân-nhân phải có vai-trò lãnh-đạo trong cuộc cách-mạng tương lai vì ngoài những lý-do chung cho mọi quốc-gia, còn có một số lý-do riêng biệt :

- Điều quan-trọng nhất là dù cuộc chiến-tranh toàn-diện có được chuyển hướng qua mặt trận chính-trị chăng nữa, quân-đội vẫn phải vừa luôn luôn ở thế sẵn sàng tác chiến vừa phải tham gia tích-cực vào các công-tác dân-sự để tranh-thủ nhân tâm.

Việc triệt thoái dần hồi quân-đội đồng-minh theo kế-hoạch Việt-hóa khiến vai-trò quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa càng trở nên quan-trọng trong mọi hình-thái chiến-tranh.

- Trong tình-trạng phân-hóa hiện nay

(235) Tài, Tạ-vấn : The role of military in the South East Asia, Ph. D. Dissertation, Virginia University, 1965.

quân-đội vẫn là một tập-thể có tổ-chức khoa-học nhứt, kỹ-luật chặt chẽ nhứt, có tinh-thần chịu đựng gian khổ nhứt và thấu hiểu tâm-lý quần-chúng nhứt. Những đặc điểm đó giúp họ có nhiều cơ-hội thành-công trong cuộc đấu tranh chánh-trị nếu họ được lãnh-đạo một cách khôn ngoan.

- Chúng nào Cộng-Sản Á-Châu còn trung-thành với chủ-thuyết Mao Trạch Đông "Súng để ra chánh quyền" võ trang giải-phóng và cách-mạng bạo lực, thì quân-đội tại Việt-Nam Cộng-Hòa cũng như tại các quốc-gia khác trong vùng đất này vẫn còn tiếp-tục giữ vai-trò quan-trọng trong sinh-hoạt chánh-trị (236).

- Hơn nữa, với cuộc tổng-dộng-viên, tập thể quân-đội hiện nay quy-tụ mọi thành phần xã-hội trong đó giới trí-thức có vai-trò kỹ-thuật, giới công nông có vai-trò chiến-đấu trội yếu.

Hiện nay những khả-năng cần thiết cho việc canh-tân-hóa xứ sở rất phong phú trong quân-đội. Những sĩ-quan trung cấp và hạ cấp vẫn là những người có thẩm quyền nhứt trong các lãnh-vực chuyên-môn, nhưng họ vẫn không được thỏa-mãn với đường-lối nhân dụng và dãi ngộ của quốc-gia. Do đó, họ sẽ có nhiều hứng khởi trong việc thực-hiện cách-mạng để tạo một xã-hội công bằng và tiến-bộ hơn.

- Giới lãnh-đạo quân-đội, qua nhiều thất bại liên-tiếp của các mưu toan độc-tải, độc-tôn, và trước sự đòi hỏi dân-chủ của các đoàn-thể tiến-bộ, từ năm 1966 tới nay đã biểu-lộ thiên chí xây dựng dân-chủ. Ngày nay mặc dù trong chế-độ dân-chủ, nguyên-tắc ưu-quyền dân sự phải được tôn-trọng, nhưng trong thực-tế quân-nhân vẫn còn tiếp-tục nắm vai-trò quyết-định. Chỉ có điều khác là lớp người từ tập-thể này ra tham chánh đã trút bỏ bộ quân-phục để mang theo một niềm tin

(236) Hilton, Harold C. : Communist China in World politics, Houghton Mifflin Co., Boston, 1966.

vào sứ mạng "giữ nước và dựng nước" của quân-đội và vào tình đồng đội hơn là vào lòng chung-thủy hay khả-năng tạo thời-cuộc của các chính-khách dân-sự.

Vì tất cả những lý-do chung và những lý-do riêng, thiết tưởng cách-mạng tương lai sẽ không thành-công và đời sống quốc-gia sẽ không ổn cố nếu không nhìn-nhận vai-trò lãnh-đạo của quân-đội dưới lớp áo dân sự.

Nhưng người ta cũng phải nhìn nhận rằng vai-trò này chỉ có thể thực-hiện được nếu toan tính độc-tài và độc-tôn được loại bỏ trong tư-tưởng cũng như trong hành-động của giới lãnh-đạo quân-đội. Nếu không, bạo-động sẽ nổi lên trong quần chúng, và hiểm-họa sụp đổ chế-độ sẽ không phải là điều không thể xảy ra. Điều-kiện tiên-quyết của sự thành-công là giới quân-nhân phải chia sẻ quyền lãnh-đạo với giới trí-thức dân-sự.

2 - Vai-trò của trí-thức

Mặc dầu giới quân-nhân có nhiều ưu-điểm trong việc xử-dụng võ-lực, đề cao quốc-gia, cùng những tiêu-chuẩn làm việc hợp-lý, và riêng giới quân-nhân Việt-Nam có những điều-kiện chủ-quan cũng như khách-quan thuận lợi cho việc đóng vai-trò lãnh-đạo cách-mạng, họ vẫn có nhiều khuyết-điểm về tâm-lý và khả-năng trong việc canh-tân-hóa xứ sở.

Về phương-diện tâm-lý, họ có khuynh-hướng cho rằng lệnh đã ban ra tất nhiên công việc sẽ được hoàn thành. Nghĩ như vậy họ quên mất sự khác biệt căn-bản giữa xã-hội dân-sự và tập-thể quân-đội : đó là kỷ-luật. Trong xã-hội dân-sự, không phải chỉ ra lệnh là xong, còn phải sửa soạn dư-luận, thuyết-phục quần chúng mới có hy-vọng thực-hiện một cách tốt đẹp các chương-trình, kế-hoạch. Kinh-nghiệm tại Việt-Nam cho hay một trong những nguyên-do thờ-ơ hay bất mãn của người dân đối với một số biện-pháp cấp thiết của chánh-quyền có thể là sự thiếu chuẩn bị tâm-lý cần-thiết.

Về mặt khả năng, những nhà lãnh-đạo quân-sự thường không phải là lý-thuyết-gia chánh-trị hay kinh-tế-gia thạo việc. Vì vậy chương-trình phát-triển của họ thường có khuynh-hướng tùy hứng, gặp đây đổi-phó đó, hơn là lập những chính-sách dựa trên một chủ-thuyết được soạn-thảo kỹ-lưỡng. Kinh-nghiệm tại các quốc-gia đang phát-triển cho hay trong nhiều trường-hợp chế-độ quân-nhân đã thất bại trong việc cải-cách điền-địa, phát-triển kinh-tế, mặc dầu họ có rất nhiều thiện-chí. Hơn nữa nhiều khi họ còn làm lẩn một cách nguy-hiêm trong việc làm luật, điều-khiển nền giáo-dục hay duy-trì hệ-thống viễn-thông v.v...

Vì những khuyết-diểm nêu trên, muốn đảm đương hữu-hiệu vai-trò chánh-trị của mình, quân-đội phải được hướng dẫn bởi những nhà trí-thức có đầy đủ kiến-thức chuyên-môn và kinh-nghiệm, chuyên-viên các ngành, nhà văn, nhà báo giữ vai-trò thông đạt tư-tưởng cho quần chúng. Đó là những nhà "trí-thức thế-tục", vì vai-trò điều-hành xã-hội mới với những kiến-thức mới của họ độc-lập đối với những định-chế hay biểu-tượng thần quyền trong xã-hội cổ-truyền.

Sau hết, riêng tại Việt-Nam Cộng-Hòa, vai-trò lãnh-đạo của giới trí-thức lại càng quan-trọng hơn nữa vì cuộc chiến-tranh hiện tại trước hết và căn-bản là một cuộc chiến-tranh ý-thức-hệ trong đó sự đổi-phó trên bình-diện tư-tưởng phải là công-trình trí-thức (237). Cuộc chiến ấy còn được gọi là chiến-tranh

(237) Watkins, Frederick M. : L'ère des idéologies, la pensée politique de 1750 à nos jours, bản dịch của Elizabeth Deberdt, Nouveaux horizons, 1968.

Cũng xem :

- Mehden, Fred R. Vonder : Sách đã dẫn I, trang 117-138,
- Carter, Gwendolen M. and Herz, John H. : sách đã dẫn, tr. 176,
- Trung Tướng Kha-Viên : Làm thế nào để chiến thắng được cuộc chiến-tranh Việt-Nam (phiên dịch Kim-Ba), đăng trong nguyệt-san Tiên-Phong của Quân-lực Việt-Nam Cộng-Hòa, Cục Tâm-lý Chiến án-hành, Đệ I tam-cả-nguyệt 1969.

dấy loạn hay chiến-tranh cách-mạng. Để đối phó hữu-hiệu và lâu dài với loại chiến-tranh đặc biệt này, vai trò của trí-thức phải được thể-hiện tích-cực trên các bình-diện văn-hóa, chính-trị, kinh-tế và xã-hội để đưa người dân gần gũi với chế-độ.

Trong hình-thái chiến-tranh dấy loạn, vai-trò quân-sự không phải là yếu-tố quyết-định. Nhìn năm nguyên-tắc mà Robert Thompson, một chuyên gia thượng thặng về loại chiến-tranh này, đề nghị để "đánh bại cuộc dấy loạn của Cộng-Sản", ta thấy các biện-pháp chánh-trị, kinh-tế, xã-hội, hành-chánh, canh-sát và luật-pháp mới thực sự là yếu-tố đưa đến chiến-thắng tối hậu (238).

Như vậy, muốn chiến thắng cuộc chiến hiện-tại, nhà lãnh-đạo quốc-gia phải làm thế nào để động-viên thực-sự được giới trí-thức vào việc tạo cho quần chúng một nền văn-hóa đủ để giúp họ liên-kết một cách dân-chủ với chế-độ, và giới trí-thức phải làm thế nào để chế-độ là của dân, do dân và vì dân.

Về phương-diện kinh-tế, chỉ có trí-thức, với kiến-thức chuyên môn, mới có thể soi sáng cho chính-quyền đường lối phát-triển phải theo đuổi, một đường

(238) Năm nguyên-tắc của cuộc chiến-tranh dẹp loạn :

1) Chính-phủ phải có một mục-tiêu chánh-trị rõ-rệt : thiết lập và duy-trì một quốc-gia tự-do, độc-lập, thống-nhất và ổn cố về chánh-trị và kinh-tế...

2) Chính-quyền phải được điều-hành theo đúng luật-pháp.

3) Chính-quyền có một kế-hoạch toàn-diện bao gồm không những các biện-pháp an-ninh và quân-sự, mà còn cả những biện-pháp chánh-trị, xã-hội, kinh-tế, hành-chánh, canh-sát và những biện-pháp khác có ảnh-hưởng tới việc dấy loạn.

4) Chính-phủ phải dành ưu-tiên cho việc đánh bại sự khuynh đảo chánh-trị, chứ không phải những du-kích quân.

5) Trong giai-đoạn chiến-tranh du-kích của cuộc dấy loạn, chánh-quyền phải bảo-đảm những khu-vực an-ninh trước hết.

(Xem Thompson, Robert : Defeating communist insurgency, experiences from Malaya and Vietnam : trang 50-62, Chatto and Windus, London, 1966)

lối vừa phù-hợp với những dữ-kiện thực-tế vừa thỏa-mãn được nhu-cầu công-bằng xã-hội.

Ta cần nhấn mạnh tới tầm quan-trọng chánh-trị của vai-trò trí-thức trong việc giáo-dục quần-chúng. Sở dĩ Cộng-Sản xâm-nhập được vào xã-hội Việt-Nam vì trình độ dân-trí quá thấp kém. Giáo-sư Maurice Duverger đã nhận xét rằng : "những chế-độ kiểu Nga-sô cho tới nay chỉ có thể mọc rễ một cách vững chắc được trong những xứ tương-đối lạc hậu", "chế-độ ấy tỏ ra tuyệt hảo để đoàn-ngũ-hóa quần-chúng và huấn-luyện căn-bản cho họ". Nhưng Giáo-sư nói thêm : "chính những phương-pháp đã nâng cao họ lại ngăn cản họ vượt qua một trình-độ giáo dục nào đó (239)". Không thể chối cãi lý lẽ chắc chắn của nhận xét này, người ta phải nhìn nhận rằng con đường duy-nhất có thể đưa tới cuộc chống Cộng có tính-cách dân-chủ để bảo-vệ các tự-do căn-bản trong đó có tự-do tôn-giáo tại Nam Việt-Nam chính là con đường dẫn tới việc huấn-luyện chánh-trị và văn-hóa cho nông-dân, tạo cho họ "ý-thức về người khác", ghi sâu trong đầu óc họ "sự tôn-trọng ý-kiến đối nghịch", nói tóm lại, đào tạo họ thành những người Cộng-Hòa thực sự. Đó là một nhiệm vụ mà chỉ có những người trí-thức do sự đào-tạo và khuynh-hướng tự-nhiên của họ đối với nền dân-chủ mới có thể hoàn-thành tốt đẹp được (240).

Trong xã-hội ngày nay, nhiệm-vụ ấy không thể hoàn-thành được bằng những nỗ-lực cá nhân, mà phải bằng những nỗ-lực tập-thể, và không có hình-thức tập-thể nào thuận lợi và thích-hợp cho công-tác huấn-luyện công-dân bằng chánh đảng. "Không có nhà trường nào quý giá hơn nhà trường chánh đảng và không chỗ nào công-dân tích-cực tham-gia vào cuộc sinh-hoạt chánh-trị bằng chánh-đảng" (241). Do đó, khuyến-khích việc thành-lập và phát-triển chánh đảng phải được quan-niệm là nhiệm-vụ của chánh-quyền. Trước tâm trạng thờ ơ và thụ-động của

(239) Duverger, Maurice : Les régimes politiques, trang 122.
(240) Thiệt, Maurice Phan-văn : Sách đã dẫn, trang 111-113.
(241) Bông, Nguyễn-văn : Sách đã dẫn, trang 213.

khả đông trí-thức vì cuộc sống chật vật và những bất công trầm trọng, nếu nhìn-nhận vai-trò quan-trọng của họ, giới hữu quyền phải làm thế nào để họ tin-tưởng vào một tương-lai sáng sủa hơn và, do đó, có cảm hứng để dấn thân vào cuộc canh-tân-hóa xứ sở.

Như vậy, sự cộng-tác giữa quân-dội và trí-thức trong việc lãnh-đạo cách-mạng thật cần-thiết. Nhưng cách-mạng thành-công hay không lại tùy thuộc sự hưởng-ứng của nhân-dân mà đa số là Phật-giáo-dồ. Do đó một câu hỏi khác không kém phần quan trọng cần được đặt ra là cuộc cách-mạng tương-lai liệu có được Phật-Giáo hưởng ứng không ?

D - PHẬT-GIÁO VÀ CUỘC CÁCH-MẠNG TƯƠNG-LAI

Thiết tưởng cuộc cách-mạng tương lai được quan-niệm như trên sẽ có thể nhận được sự hưởng-ứng của Phật-Giáo vì :

- Lý-trưởng Quốc-Gia, Nhân-bản và Xã-hội cũng chính là lý-tưởng mà phong-trào Phật-Giáo đã biểu-lộ quyết tâm theo đuổi. Ngay từ cuộc tranh đấu năm 1963 Phật-Giáo đã đòi hỏi công-bình xã-hội ; cuộc tranh đấu năm 1964, đòi hỏi cách-mạng xã-hội ; cuộc tranh đấu năm 1966, đòi hỏi xây-dựng dân-chủ. Chính Phật-Giáo đã kết án những tệ-trạng xã-hội nặng nề nhất. Trong cuộc phỏng vấn dành cho nhóm Tại-Độ năm 1967, chư Tăng Trí-Quang, Thiện-Minh, Tâm-Châu đều đồng thanh nhìn nhận phải cấp-tốc thực-hiện cách-mạng xã-hội. Lý-tưởng cách-mạng ấy có thể đáp ứng được nguyện-vọng Phật-Giáo là : bảo-vệ được chủ-quyền quốc-gia, giải-phóng được con người khỏi những "thê-lực vô minh", bảo-vệ được những giá-trị nhân bản và dân-tộc, đồng thời san bằng được những bất công mà phe Phật-Giáo tranh đấu vẫn cho rằng mình là một nạn nhân.

- Trong cuộc cách-mạng tương lai, vai-trò "gạn lọc văn-hóa" của Giáo-Hội Phật-Giáo sẽ có tầm quan trọng đặc biệt.

Thật vậy, cách-mạng tức là phải canh-tân-hóa xứ sở. Trong cuộc canh-tân, Việt-Nam cũng như mọi dân-tộc Đông-phương, và nhất là các cộng đồng Phật-Giáo hiện đại, đã vấp phải một mâu-thuẫn nội tại : muốn tiến bộ về vật-chất và kỹ-thuật thì phải theo kiểu mẫu Tây-phương, trong khi những giá-trị tinh-thần của dân-tộc - mà phần chủ yếu là Phật-Giáo - đã hàn gắn xã-hội hàng bao thế-kỷ lại vẫn phải được đề cao để củng-cố ý-thức quốc-gia. Ngoài ra, công cuộc canh tân theo khuôn-mẫu Tây-phương có thể gây nên một tình-trạng mất thăng bằng xã-hội giữa một thiểu số ưu-tú nắm quyền lãnh-đạo đã được đào-tạo bởi văn-hóa Tây-phương với một đại đa số quần-chúng bị trị còn dốt nát, hủ lậu.

Để tránh khỏi tình-trạng mất thăng bằng, trên tiến trình canh-tân-hóa, Việt-Nam phải tìm một đường đi cho riêng mình, một đường lối không Cộng-Sản nhưng cũng không hoàn toàn Tư-Bản Tây-phương (242). Chánh Phật-Giáo có thể đồng ý với quốc-gia về một đường lối riêng biệt không chủ-trương độc-tài mà cũng không chấp-nhận tự-do phóng túng chỉ có lợi cho thiểu số. Con đường ấy chính là con đường cách-mạng ôn hòa dựa trên nền tảng quốc-gia, nhân-ban và xã-hội. Nó còn có tính-cách riêng biệt theo nghĩa dung hợp giữa khoa-học Tây-phương với văn-hóa Đông-phương đã được gạn lọc cho thích-hợp với trào lưu tiến-hóa. Chính Giáo-Hội Phật-Giáo giữ vai-trò quan trọng trong công-tác gạn lọc ấy, một công-tác cần-thiết cho sự phát-triển cả quốc-gia lẫn Phật-Giáo. Như vậy sự công-tác sẽ có lợi cho cả hai bên.

- Sau hết, cách-mạng ôn-hòa rất phù-hợp với nguyên-lý bất-bạo-động của Phật-Giáo. Giáo-sư Ralph T. Templin, một chiến-sĩ của nhân-quyền và một người bạn chí thiết của các dân-tộc Á-Phi, đã coi "bất-bạo-động cách-mạng là một phương-tiện biến-cải xã-hội" (243). "Theo chiều-hướng tư-tưởng đó, bất-bạo-động sẽ là ánh sáng đạo-đức soi đường cho cách-mạng ôn-hòa ngõ

(242) Quan Diêm : Tìm một đường sống, Quê-Hương số 36 (6/1962) trang V-XXV.

(243) Templin, Ralph T. : Sách đã dẫn, trang 251 và kế tiếp.

hầu bảo vệ các tự do căn-bản của cá-nhân và ích-lợi chung của tập-thể.

x

x x

Những lý-do vừa viện-dẫn chứng-tỏ rằng Phật-Giáo không thể là lực-lượng phản cách-mạng, vì lý-tưởng cách-mạng nêu trên phù-hợp với lý-tưởng của Giáo-Hội, và chính Giáo-Hội cũng không có tích-sản vật chất cần được bảo-thủ.

Hơn nữa, trước cảnh phân-hóa của cộng-đồng Phật-Giáo, trước tình-trạng chậm tiến của đa số Phật-tử trong các vùng quê bất an-ninh, con đường cách-mạng sẽ dẫn tới một tương-lai sáng sủa cho cả Dân-tộc lẫn Đạo-Pháp.

Trong viễn-ảnh ấy, người ta có thể tin-tưởng rằng Phật-Giáo Việt-Nam sẽ hăng hái hội nhập vào hàng ngũ Cách-Mạng Quốc-Gia, Nhân-Bản và Xã-hội để chống lại phương-pháp cách-mạng bạo-dộng Mácxít Lê-nin-nít mà bản chất là phản tôn-giáo.

Cuộc cách-mạng tương-lai, nếu thành công, sẽ khiến Việt-Nam Cộng-Hòa trở thành một quốc-gia an lạc, điều mà Phật-tử thế-giới hằng đòi hỏi Nhà Nước tạo-lập để giúp họ khỏi lo lắng về sinh-kế và, do đó, có thì giờ tu-niệm ngộ hầu có thể đạt tới sự giải-thoát toàn-diện (Nirvana), cứu cánh của Phật-Giáo.

Tóm lại, chỉ có giải pháp phân lập giữa Quốc Gia và Giáo-Hội nhằm xác định rõ rệt vị trí của Phật-Giáo trong đời sống quốc-gia và vai trò của Quốc-Gia trong lãnh vực tôn-giáo mới tạo được thế quân-bình giữa thế-quyền và Giáo-quyền. Thế quân-bình ấy chỉ có thể mau thành tựu nếu có một cuộc cách-mạng Quốc-gia, Nhân bản và Xã-hội, vì chỉ có con đường như vậy mới phù-hợp với nguyện-vọng sâu xa của Phật-Giáo, mới bảo-vệ hữu hiệu được tự-do tôn-giáo và duy-trì lâu dài được sự ổn định chanh-trị.

PHỤ-LỤC

**BA BẢN HIẾN-CHƯƠNG
GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM TRỐNG-NEÁT
VÀ
DANH-SÁCH CÁC HỘI PHẬT-GIÁO**

o
o, o

Số 1.- SẮC-LUẬT số 158-SL/CT ngày 14 tháng 5 năm 1964 công-nhận Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất cùng bản Hiến-chương ngày 4.1.1964.

Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân-Đội Cách-Mạng,
kiêm Thủ-Tướng Chánh-Phủ,

Chiếu Hiến-ước tạm thời số 1 ngày mồng 4 tháng mười một năm 1963 và số 2 ngày mồng 7 tháng 2 năm 1964 ;

Chiếu sắc-lệnh số 99-TTP ngày mồng 8 tháng hai năm 1964 ấn-định thành-phần Chánh-phủ ;

Chiếu dụ số 10 ngày mồng 6 tháng tám năm 1950 ;

Sau khi hội-đồng Chánh-phủ đề-nghị,

SẮC - L UẬT :

Điều thứ nhất.- Nay công nhận Giáo-Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-Nhất cùng bản Hiến-chương ngày mồng 4 tháng giêng năm 1964.

Điều thứ 2.- Kể từ ngày thành-lập, Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất có trọn vẹn tư-cách pháp-nhân, và được quyền sở-hữu, thủ đắc, tạo mãi hoặc chuyển nhượng những động-sản cùng bất-động-sản cần thiết để đạt mục-đích của Giáo-Hội.

Những bất-động-sản cần-thiết là các tự-viện (chùa)

hoặc các cơ-sở, hoạt-động về văn-hóa xã-hội.

Điều thứ 3.- Giáo-Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-Nhất có quyền thu nhận những tài-sản sinh tặng hoặc di-tặng bởi các thể-nhân hay bởi các pháp-nhân khác.

Điều 4.- Riêng về điều 27 của Hiến-chương ngày mùng 4 tháng giêng năm 1964, quyền giám-hộ và bảo-vệ của Giáo-Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-nhất đối với các loại tự-viện mà điều ấy đã ghi, cốt nhằm mục-đích giám-hộ và bảo-vệ về phương-diện tinh-thần giáo-lý và thờ phượng, để tránh những phương-hại cho Phật-pháp.

Quyền tư-hữu và quản-trị về vật-chất của các loại tự-viện vẫn thuộc sở-hữu-chủ, ngoại trừ trường-hợp hiến cúng hoặc chuyển-nhượng.

Điều thứ 5.- Dự số 10 ngày mùng 6 tháng tám năm 1950, cùng các luật-lệ trái với sắc-luật này, không áp dụng đối với Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-nhất.

Điều thứ 6.- Thủ-Tướng Chánh-phủ, các Phó Thủ-Tướng, Tổng-trưởng, Bộ-trưởng, chiếu nhiệm-vụ, lãnh thi-hành sắc-luật này.

Saigon, ngày 14 tháng năm năm 1964
Trung-Tướng NGUYỄN KHÁNH

HIẾN CHƯƠNG

GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT

LỜI MỞ ĐẦU

Công-bố lý-tưởng hòa-bình của giáo-lý đức Phật, hai tông phái Phật-giáo (Bắc-tông và Nam-tông) tại Việt-Nam thực-hiện nguyện-vọng thống-nhất thực-sự đã hoài-bảo từ lâu để phục-vụ nhân loại và dân-tộc ; đó là lập-trường thuần nhất

của Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-nhất.

Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-nhất không đặt sự tồn tại của mình nơi nguyên vị cá-biệt mà đặt sự tồn-tại trong sự tồn tại của nhân loại và dân-tộc.

Quan-niệm thống-nhất Phật-giáo Việt-Nam được thể-hiện theo chủ-trương điều-hợp, nghĩa là giáo-lý, giới luật và nếp sống của hai tông phái cũng như của hai giới tăng-sĩ và cư-sĩ chẳng những được tôn-trọng mà còn phải nỗ-lực phát-triển trong sự kết-hợp có chỉ-đạo. Chính đó là sắc-thái đặc-biệt của nền Phật-giáo thống-nhất tại Việt-Nam.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

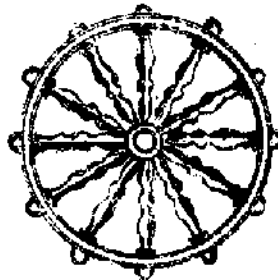
Danh-hiệu, Huy-hiệu và Giáo-kỳ

của

Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-Nhất

Điều thứ nhất.- Tổ-chức thống-nhất của hai tông-đạo tại Việt-Nam lấy danh hiệu là "GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT", viết tắt là "G.H.P.G.V.N.T.N."

Điều thứ 2.- Huy-hiệu của G.H.P.G.V.N.T.N. là Pháp-luân (có 12 cãm) theo hình vẽ :



Điều thứ 3.- Giáo-kỳ của G.H.P.G.V.N.T.N. là cờ Phật-giáo Thế-giới.

CHƯƠNG THỨ HAI

Mục-đích

Điều thứ 4.- GHPGVNTN điều-hợp hai tông-phái Phật-giáo tại Việt-Nam để phục-vụ nhân-loại và dân-tộc bằng cách hoằng-dương Chánh-pháp.

CHƯƠNG THỨ BA

Thành-phần

Điều thứ 5.- Thành-phần của GHPGVNTN gồm hết thầy Tăng-sĩ và Cư-sĩ, thuộc Bắc-tông và Nam-tông chấp-thuận bản Hiến-chương này.

CHƯƠNG THỨ TƯ

Hệ-thống tổ-chức

Điều thứ 6.- GHPGVNTN là một trong những "Trung-Tâm điểm địa-phương" của Hội Phật-giáo Thế-giới.

Điều thứ 7.- Tại trung-ương, GHPGVNTN có 2 viện :

- 1) Viện Tăng-thống,
- 2) Dưới viện Tăng-thống là viện Hóa-đạo.

ĐỨC TĂNG-THỐNG VÀ VIỆN TĂNG-THỐNG.

Điều thứ 8.- Ngôi vị lãnh-đạo tối cao của GHPGVNTN là Đức Tăng-Thống.

Đức Tăng-thống trực-tiếp lãnh-đạo viện Tăng-thống, Nhiệm-kỳ của Ngài là bốn năm. Đức Tăng-thống của nhiệm kỳ kế-tiếp thuộc tông-phái khác.

Điều thứ 9.- Viện Tăng-thống gồm có tối-thiểu là 4 vị trưởng-lão từ 60 tuổi sắp lên và 4 vị Thượng-tọa từ 40 tuổi sắp lên do 2 tông-phái cung thỉnh.

Điều thứ 10.- Nhiệm-vụ của viện Tăng-thống :

- a) Chuyên trách về sinh-hoạt giới-luật cho tăng, ni bằng cách :
 - Trông coi việc truyền-thụ giới-luật do tăng-bộ đệ-trình.
 - Cấp phát giới-điệp cho cả hai tông-phái.
 - Lập tăng-lich.
 - Trông coi luật "Y luật xử-trị" do tăng-bộ đệ-trình.
- b) Trình Đức Tăng-thống phê-chuẩn và ban-hành Hiến-chương GHPGVNTN.
- c) Phê-chuẩn và ban-hành những qui-chế liên-hệ tăng, ni Việt-Nam.
- d) Trình đức Tăng-thống tấn-phong viện Hóa-đạo.
- e) Là hội-đồng cố-vấn về đạo pháp cho viện Hóa-đạo.

Điều thứ 11.- Đức Tăng-thống và đức phó Tăng-thống do viện Tăng-thống suy tôn trong hàng trưởng lão của viện.

Đức phó Tăng-thống không cùng một tông phái với đức Tăng-thống.

Điều thứ 12.- Khi đức Tăng-thống hoặc đức phó Tăng-thống viên tịch trước nhiệm-kỳ thì vị trưởng-lão đồng tông-phái trong viện Tăng-thống đương nhiên thay thế cho đến khi mãn nhiệm.

Điều thứ 13.- Viện Tăng-thống có 2 vị chánh, phó thư-ký được cử ra trong 4 vị Thượng-tọa.

VIỆN HÓA-ĐẠO.

Điều thứ 14.- Lãnh-đạo và điều-hành hết thảy các ngành hoạt-động của GHPGVNTN là viện Hóa-đạo.

Thành-phần của viện này gồm có :

- 1 viện-trưởng (Tăng-sĩ)
- 3 phó viện-trưởng (không luận tăng-sĩ, cư-sĩ hay tông-phái).

Trong viện Hóa-đạo có 6 tổng-vụ là :

- 1) Tổng vụ tăng sự,
- 2) Tổng vụ hoàng-pháp,
- 3) Tổng vụ pháp sự,
- 4) Tổng vụ tài-chánh và kiến-thiết,
- 5) Tổng vụ cư-sĩ,
- 6) Tổng vụ thanh-niên.

Điều khiển công việc của tổng vụ là một tổng uỷ-viên.

Trong mỗi tổng-vụ có các vụ và mỗi vụ do một uỷ-viên trông coi. Các uỷ-viên này do tổng uỷ-viên đề-cử và do đại-hội GHPGVNTN bầu-cử.

1) Tổng-vụ tăng-sự có các vụ sau đây :

- Tăng-bộ Bắc-tông vụ ,
- Tăng-bộ Nam-tông vụ,
- Ni-bộ Bắc-tông vụ (y chỉ tăng bộ B.T.) ,
- Ni-bộ Nam-tông-vụ (y chỉ tăng bộ N.T.),
- Phật-học vụ.

2) Tổng-vụ hoàng-pháp có các vụ sau đây :

- phiên dịch vụ
- Trước-tác, báo-chí vụ
- Truyền-bá vụ
- Kiểm-duyệt vụ.

3) Tổng-vụ pháp-sự có các vụ sau đây :

- Nghi lễ vụ
- Giáo-dục vụ
- Văn-mỹ-ngệ vụ
- Xã-hội vụ.

- 4) Tổng-vụ tài-chánh và kiến-thiết có các vụ sau đây:
 - Bất-động-sản quản-trị vụ
 - Động-sản quản-trị vụ
 - Kiến-thiết vụ.
- 5) Tổng-vụ cư-sĩ có các vụ sau đây :
 - Thiện-tín Bắc-tông vụ
 - Thiện-tín Nam-tông vụ
 - Phật-tử chuyên-nghiệp đặc-trách vụ.
- 6) Tổng-vụ thanh-niên có các vụ sau đây :
 - Gia-đình Phật-tử vụ
 - Sinh-viên Phật-tử vụ
 - Học-sinh Phật-tử vụ
 - Thanh-niên Phật-tử vụ.

Điều thứ 15.- Viện-trưởng, các phó Viện-trưởng và các tổng ủy-viên hợp thành ban chỉ-đạo, chỉ đạo mọi Phật-sự của viện Hóa-đạo. Các ủy-viên tham-dự những cuộc họp của toàn viện Hóa-đạo.

Điều thứ 16.- Để đôn-đốc và kiểm-tra Phật-sự tại các tỉnh, viện Hóa-đạo bổ-nhậm 7 vị đại-diện tại 7 miền, lấy pháp hiệu của 7 vị cao-tăng Việt-Nam sau đây :

- Vạn Hạnh (Bắc trung-nguyên Trung-phần)
- Liễu Quán (Nam trung-nguyên Trung-phần)
- Khuông Việt (cao-nguyên Trung-phần)
- Khánh-Hòa (miền Đông Nam-phần)
- Huệ Quang (miền Tây Nam-phần)
- Vĩnh Nghiêm (Phật-tử miền Bắc)
- Quảng Đức (Thủ-đô Saigon, trực-thuộc viện Hóa-Đạo).

Điều thứ 17.- Tại mỗi tỉnh có 1 tỉnh Giáo-hội trực-thuộc Viện Hóa-Đạo điều-khiển bởi một ban đại-diện gồm có :

- 1 chánh đại-diện
- 2 phó đại-diện
- 1 đặc-ủy tăng-sự

- 1 đặc-uy^đ hoàng-pháp
- 1 đặc-uy^đ pháp-sự
- 1 đặc-uy^đ tài-chánh và kiến-thiết
- 1 đặc-uy^đ cư-sĩ
- 1 đặc-uy^đ thanh-niên.

Các tiểu-ban thiết-lập tùy nhu-cầu chiếu theo các uy-viên của viện Hóa-đạo, vị điều-khiển được gọi là trưởng ban.

Điều thứ 18.- Để đôn-đốc và kiểm-tra Phật-sự tại các quận, viện Hóa-đạo bổ-nhiệm các đại-diện quận do tỉnh Giáo-hội đề-nghị lên.

Điều thứ 19.- Đơn-vị của G.H.P.G.V.N.T.N. là xã (tại các tỉnh) và phường (tại các đô-thị).

Tất cả các chùa, tăng-sĩ và cư-sĩ thuộc hai tông-phái tại các đơn-vị này liên hiệp với nhau thành-lập GHPCVNTN tại các xã hay phường. Trụ-sở đặt tại một ngôi chùa hay một nơi thuận-tiện.

Tại các xã và phường có một ban đại-diện gồm có :

- 1 chánh đại-diện
- 1 phó đại-diện
- 1 thư-ký
- 1 phó thư-ký
- 1 thủ-quỹ
- 1 phó thủ-quỹ
- 4 cố-vấn kiểm-soát.

Các tiểu-ban đặt ra tùy theo nhu-cầu.

Tại các thôn, ấp, nếu có nhiều chùa thì tăng-sĩ và cư-sĩ có thể thành-lập một đơn-vị qua sự nhận xét của tỉnh Giáo-hội.

Điều thứ 20.- Nhiệm-kỳ của viện Hóa-đạo và các ban đại-diện các cấp là hai năm.

Điều thứ 21.- Viện Hóa-Đạo cũng như ban đại-diện tỉnh, xã và phường đều có các cư-sĩ tham-dự. Các cư-sĩ này có quyền-hạn đúng theo nhiệm-kỳ của mình.

Điều thứ 22.- Trường-hợp 1 chức-vị trong viện Hóa-đạo bị khuyết :

- a) Nếu là vị viện-trưởng thì 3 vị phó viện-trưởng họp nhau và tự bầu 1 vị lên thay, nhưng phải là tăng sĩ.
- b) Nếu là tổng uỷ-viên thì các uỷ-viên trong tổng-vụ liên-hệ họp nhau bầu 1 vị lên thay. Vị đặc-cử tổng uỷ-viên kiêm nhiệm trách-vụ cũ của mình.
- c) Nếu là một uỷ-viên thì các uỷ-viên đồng tổng-vụ họp nhau bầu 1 vị kiêm nhiệm.

Gặp trường-hợp vị được bầu tổng uỷ-viên kiêm nhiệm hoặc uỷ-viên kiêm nhiệm không chịu nhận chức thì toàn viện Hóa-đạo họp hội-đồng thỉnh cử một vị ngoài viện thay thế.

Các ban đại-diện tỉnh, xã hoặc phường nếu có chức-vị bị khuyết, tùy hoàn cảnh, cũng theo thể-thức tương-tự như trên.

CHƯƠNG THỨ NĂM

Đại-hội GHPGVNTN

Điều thứ 23.- Viện-trưởng Hóa-đạo triệu-tập đại-hội GHPGVNTN 2 năm một kỳ khoáng-đại để bầu viện Hóa-đạo và mỗi năm một kỳ thu hẹp để kiểm điểm Phật-sự.

Thành-phần tham-dự đại-hội khoáng-đại gồm có 5 đại-biểu của mỗi tỉnh Giáo-hội (kể cả tăng-sĩ và cư-sĩ do đại-hội tỉnh bầu ra trong hoặc ngoài ban đại-diện).

Thành-phần đại-hội thu hẹp gồm có :

- Các chức-vị trong viện Hóa-đạo
- Các đại-diện miền
- Chánh, phó đại-diện tỉnh.

Điều thứ 24.- Những chức-vị trong viện Hóa-đạo được đề-nghị ra trong hoặc ngoài số đại-biểu tham-dự đại-hội khoáng-đại và phải được đại-hội này bầu-cử.

Các chức-vị trong ban đại-diện tỉnh, xã và phường cũng y theo thể-thức này.

Điều thứ 25.- Vị đại-diện Giáo-hội tỉnh triệu-tập đại-hội Giáo-hội tỉnh 2 năm 1 kỳ khoáng-đại để bầu ban đại-diện tỉnh và mỗi năm 1 kỳ thu hẹp để kiểm điểm Phật-sự.

Thành-phần tham-dự đại-hội khoáng-đại tỉnh gồm có :

- Đại-biểu xã hay phường (mỗi xã hay phường cử 4 đại-biểu).

Thành-phần tham-dự đại-hội thu hẹp gồm có :

- Toànban đại-diện tỉnh
- Các đại-diện quận
- Chánh, phó đại-diện xã hay phường.

Việc triệu-tập đại-hội khoáng-đại hay thu hẹp tại các xã hay phường đồng theo một thể-thức tương-tự như trên.

Điều thứ 26.- Các đại-hội bất thường ở các cấp trung-ương do Đức Tăng-thống triệu-tập. Các đại-hội bất thường ở cấp tỉnh do viện Hóa-đạo triệu-tập. Đại-hội bất thường ở cấp xã, phường do ban đại-diện tỉnh Giáo-hội triệu-tập.

Ban đại-diện tỉnh hoặc xã cũng có quyền triệu-tập đại-hội bất thường, nhưng phải được sự đồng ý của :

- Viện Hóa-đạo đối với tỉnh Giáo-hội,
- Ban đại-diện tỉnh đối với các xã hay phường.

CHƯƠNG THỨ SÁU

Tự-viện.

Điều thứ 27.- Các Quốc-tự, các ngôi chùa lâu, các ngôi tổ-dình, các ngôi chùa xây dựng bởi :

- a) Các vị tăng-sĩ
- b) Các hội-đoàn Phật-giáo cũ

được coi là tự viện của GHPGVNTN, và GHPGVNTN có nhiệm-vụ giám-hộ và bảo-vệ với sự nhìn nhận quyền tự-hữu của các tự-viện đó.

CHƯƠNG THỨ BẢY

Tăng-sĩ.

Điều thứ 28.- Được mệnh danh là tăng-sĩ : Các tăng, ni V.N. đã chính-thức thụ tỳ-khưu giới.

CHƯƠNG THỨ TÁM

Tín-đồ

Điều thứ 29.- Mọi người tại Việt-Nam không phân giai-cấp, tuổi tác, nghề-nghiệp, dân-tộc đã thụ-quy giới hoặc có đức-tin Phật-giáo và sống theo đức tin đó thì được gọi là tín-đồ Phật-giáo trong GHPGVNTN.

CHƯƠNG THỨ CHÍN

Tài-sản

Điều thứ 30.- Tài-sản của GHPGVNTN gồm có :

- Động-sản và bất-động-sản hiến cúng
- Động-sản và bất-động-sản do GHPGVNTN tự tạo.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI

Phương-thức áp-dụng

Điều thứ 31.- Để áp-dụng Hiến-chương này, viện Hóa-đạo soạn-thảo và đệ-trình viện Tăng-thống duyệt-y, ban-hành nhiều quy-chế có tánh-cách nội-quy.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT

Sửa đổi Hiến-chương

Điều thứ 32.- Mọi dự án sửa đổi Hiến-chương này do viện Hóa-đạo trình đại-hội khoáng-đại GHPGVNTN cứu-xét và biểu-quyết.

Nguyên-tắc biểu-quyết phải được 2/3 tổng số đại-biểu hiện diện chấp nhận mới có giá-trị.

Những dự-án được đại-hội biểu-quyết phải đệ-trình Đức Tăng-Thống phê chuẩn mới được thi-hành.

Bản Hiến-chương Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-nhất này tổng cộng có 11 chương, 32 điều đã được 11 vị trưởng phái-đoàn các giáo-phái, hội-đoàn duyệt nhận ký tên dưới đây :

Làm tại chùa Xá-Lợi ngày 20 tháng 11

P.L. 2507 (4,1.1964)

- 1) Trưởng phái-đoàn Giáo-hội Tăng-già Nguyên-thủy Đại Đức GIỚI NGHIÊM (ký tên)
- 2) Trưởng phái-đoàn Giáo-hội Tăng-già Trung-phần Thượng-Tọa THÍCH TRÍ THỦ (ký tên)

- 3) Trưởng phái-đoàn Giáo-hội Thiên-tĩnh Đạo-tràng
Thượng-tọa THÍCH PHÁP TRIỀU (ký tên)
- 4) Trưởng phái-đoàn Giáo-hội Tăng-già Nam-Việt
Thượng-tọa THÍCH TRÍ TỊNH (ký tên)
- 5) Trưởng phái-đoàn Giáo-hội Tăng-già Bắc-Việt
Thượng-tọa THÍCH TÂM GIÁC (ký tên)
- 6) Trưởng phái-đoàn Giáo-hội Tăng-sĩ Theravada
Đại-đức THẠCH GỒNG (ký tên)
- 7) Trưởng phái-đoàn Hội Phật-giáo Nguyên-thủy
Đạo-hữu NGUYỄN-VAN HIẾU (ký tên)
- 8) Trưởng phái-đoàn Hội Phật-học Nam-Việt
Đạo-hữu chánh-trí MAI THỌ TRUYỀN (ký tên)
- 9) Trưởng phái-đoàn Giáo-phái Theravada
Đạo-hữu SƠN THÁI NGUYỄN (ký tên)
- 10) Trưởng phái-đoàn hội Phật-giáo V.N. Trung-phần
Đại-đức THÍCH ĐỨC TÂM (ký tên)
- 11) Trưởng phái-đoàn hội V.N. Phật-giáo (Bắc-phần)
Đạo-hữu Viên-trạm VŨ BẢO VINH (ký tên)

Duyệt để đính theo

Sắc-luật số 158-SL/CT ngày 14.5.1964

Chủ-tịch Hội-dồng Quân-đội Cách-Mạng
kiêm Thủ-Tướng Chánh-phủ

Trung-Tướng NGUYỄN KHÁNH

Số II.- SẮC-LUẬT số 005/66 ngày 26 tháng hai năm 1966, chuẩn y Hiến-chương ngày 14 tháng chạp năm 1965, của Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam thống-nhất.

CHỦ-TỊCH ỦY-BAN LÃNH-ĐẠO QUỐC-GIA

Chiếu Ước-pháp ngày 19 tháng sáu năm 1965 ;

Chiếu quyết-định số 3-QLVNCH/QĐ ngày 14 tháng sáu năm 1965 của Đại Hội-Đồng các Tướng Lãnh Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa thành-lập và ấn-định thành-phần của Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia ;

Chiếu sắc-lệnh số 001-a/CT/LĐQG/SL ngày 19 tháng sáu năm 1965 và các văn-kiến kế-tiếp ấn-định thành-phần Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương ;

Chiếu sắc-luật số 158-SL/CT ngày 14 tháng năm năm 1964, công nhận Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam thống nhất cùng bản Hiến-chương ngày mồng 4 tháng giêng năm 1964 ;

Chiếu đề-nghị của Chủ-Tịch Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương ;

Sau khi Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia thảo-luận và biểu-quyết ;

SẮC - L UẬT :

Điều thứ nhất.- Nay chuẩn y bản Hiến-chương ngày 14 tháng chạp năm 1965 của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam thống nhất đính kèm luật này.

Điều thứ hai.- Bản Hiến-chương ngày mồng 4 tháng giêng năm 1964, được công nhận bởi sắc luật số 158-SL/CT ngày 14 tháng năm năm 1964, đương nhiên hết hiệu-lực.

Điều thứ ba.- Tổng Thư-ký Ủy-ban Lãnh-đạo Quốc-gia,
Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-pháp Trung-ương chiếu nhiệm-vụ thi-hành
sắc-luật này.

Saigon, ngày 25 tháng hai năm 1966

Trung-Tướng NGUYỄN-VAN-THIỆU

HIẾN CHƯƠNG

GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT

LỜI MỞ ĐẦU

Công-bố lý-tưởng hòa-bình của Giáo-ly Đức Phật, hai Tông phái Phật-giáo (Bắc-tông và Nam-tông) tại Việt-Nam thực-hiện nguyện vọng thống nhất thật sự đã hoài bão từ lâu để phục-vụ nhân loại và dân tộc : đó là lập-trường thuần nhất của Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-nhất.

Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-nhất không đặt sự tồn tại của mình nơi nguyên vị cá biệt mà đặt sự tồn tại ấy trong sự tồn tại của nhân loại và dân tộc.

Quan-niệm thống-nhất Phật-giáo Việt-Nam được thể-hiện theo chủ-trương điều hợp, nghĩa là giáo lý, giới luật và nếp sống của hai Tông phái cũng như của hai giới tăng sĩ và cư sĩ chẳng những được tôn trọng mà còn phải nỗ-lực và phát-triển trong sự kết hợp có chỉ đạo Chính đó là sắc thái đặc biệt của nền Phật-giáo Thống-nhất Việt-Nam.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Danh hiệu, huy hiệu và giáo kỳ
của

Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-nhất.

Điều thứ nhất.- Tổ-chức thống nhất của hai Tông phái tại Việt-Nam lấy danh hiệu là "Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-nhất" viết tắt là : "GHPGVNTN".

Điều thứ hai.- Huy hiệu của GHPGVNTN là Pháp luân (có 12 cãm) theo hình vẽ.

Điều thứ ba.- Giáo kỳ của GHPGVNTN là cờ Phật-giáo thế-giới.

CHƯƠNG THỨ HAI

Mục-dịch

Điều thứ 4.- GHPGVNTN điều hợp hai tông phái Phật-giáo tại Việt-Nam để phục-vụ nhân loại và Dân-tộc bằng cách hoằng dương chánh pháp.

CHƯƠNG THỨ BA

Thành-phần.

Điều thứ 5.- Thành-phần của GHPGVNTN gồm hết thầy tăng sĩ và cư-sĩ thuộc Bắc-tông và Nam-tông chấp-thuận bản Hiến-chương này.

CHƯƠNG THỨ TƯ

Hệ-thống tổ-chức.

Điều thứ 6.- GHPGVNTN là một trong những "Trung-tâm địa-điểm địa-phương" của hội Phật-giáo thế-giới.

Điều thứ 7.- Tại trung-ương, GHPGVNTN có hai viện :

- 1) Viện tăng thống
- 2) Viện Hóa-đạo.

ĐỨC TĂNG-THỐNG VÀ VIỆN TĂNG-THỐNG

Điều thứ 8.- Ngôi vị lãnh-đạo tối cao của GHPGVNTN là đức Tăng-thống, trực-tiếp lãnh-đạo viện tăng-thống và chủ tọa hội-đồng giáo-hội trung-ương. Nhiệm-kỳ của Ngài là 4 năm. Đức tăng-thống của nhiệm-kỳ kế-tiếp thuộc tông phái khác.

Điều thứ 9.- Đức Tăng-thống và đức phó tăng-thống do Hội-đồng Giáo-hội Trung-ương suy tôn trong hàng trưởng lão của hội-đồng. Đức Phó Tăng-Thống không cùng một tông-phái với Đức Tăng-Thống.

Điều thứ 10.- Khi Đức Tăng-thống hoặc đức phó tăng thống viên tịch trước khi mãn nhiệm kỳ thì Hội-đồng Giáo-hội trung-ương suy tôn vị trưởng lão đồng tông phái trong hội-đồng thay thế cho đến khi mãn nhiệm-kỳ.

Điều thứ 11.- Viện tăng-thống gồm có Hội-Đồng giáo-hội Trung-ương và phòng thư-ký. Thành-phần của Hội-đồng giáo-hội Trung-ương là các vị trưởng lão và các vị Thượng-tọa, số lượng từ 60 vị trở lên, theo nguyên-tắc đồng đều nhân số giữa các trưởng lão và thượng-tọa cho hai tông phái Bắc và Nam-tông. Nhiệm-kỳ vô thời hạn. Trưởng lão là các vị đủ 60 tuổi đời trong đó có 20 tuổi hạ, giới luật thanh-tịnh, có thành tích phục-vụ chánh-pháp. Thượng-tọa là những vị cũng phải có những điều-kiện trên, nhưng từ 40 tuổi đời trở lên và đã thọ kỳ theo giới được 20 năm.

Hội-đồng Giáo-hội Trung-ương do viện Hóa-đạo đề-cử và do đức Tăng-thống duyệt y và thỉnh mời. Về sau các vị trưởng lão và Thượng-tọa được tăng thêm thì do Hội-đồng Giáo-

hội Trung-ương tự quyết-định.

NHIỆM-VỤ VÀ QUYỀN-HẠN
CỦA HỘI-ĐỒNG GIÁO-HỘI TRUNG-ƯƠNG.

Điều thứ 12.- Hội-đồng Giáo-hội Trung-ương có nhiệm-vụ và quyền-hạn như sau :

- a) Suy-tôn Đức Tăng-thống, đức phó Tăng-thống trong hàng trưởng lão,
- b) Chỉ định ban giám-luật trong hàng trưởng lão và Thượng-tọa của hội-đồng,
- c) Đề-cử ban giám-sát cho đại-hội GHPGVNTN bầu cử (5 vị kể cả chủ-tịch),
- d) Đề-cử ban chỉ đạo viện Hóa-đạo (danh-sách gồm nhiều vị trong hàng Thượng-tọa và ngoài Hội-đồng nếu là cư-sĩ) cho đại-hội GHPGVNTN bầu-cử : nhiệm-vụ và quyền-hạn của Hội-đồng Giáo-hội Trung-ương do đức Tăng-thống ấn-định bằng một bản quy-chế có tính cách nội-quy của viện Tăng-thống.

Điều thứ 13.- Văn-phòng thư-ký gồm có một vị chánh thư-ký và một vị phó thư ký do đức Tăng-thống trách cử trong hàng Thượng-tọa của Hội-đồng Giáo-hội Trung-ương. Đức Tăng-thống ấn-định nhiệm-vụ và quyền-hạn của văn-phòng thư-ký bằng một quy-chế có tính cách nội-quy.

NHIỆM-VỤ CỦA VIỆN TĂNG-THỐNG

Điều thứ 14.- Viện tăng-thống có nhiệm-vụ :

- a) Chuyên trách về sinh-hoạt giới luật cho tăng, ni bằng cách :

- Trông coi việc truyền-thụ giới luật do tăng-bộ đệ trình,
 - Cấp phát giới điệp cho cả hai tông phái,
 - Lập tăng tịch,
 - Trông coi luật "Y luật xử-trị" do tăng bộ đệ trình.
- b) Duyệt xét và trình Đức Tăng-thống phê-chuẩn và ban hành Hiến-chương GHPGVNTN.
- c) Phê-chuẩn và ban-hành những quy-chế liên-hệ tăng, ni Việt-Nam.
- d) Trình Đức Tăng-thống tấn phong Viện Hóa-đạo.

VIỆN HÓA-ĐẠO

Điều 15.- Điều-hành các ngành hoạt-động của GHPGVNTN là Viện Hóa-đạo, thành-phần viện gồm có :

- 1 Viện-trưởng (Tăng-sĩ)
 - 2 Phó Viện-trưởng
 - 1 Tổng-vụ-trưởng tổng-vụ tăng-sự
 - 1 Tổng-vụ-trưởng tổng-vụ hoằng-pháp
 - 1 Tổng-vụ-trưởng tổng-vụ giáo-dục
 - 1 Tổng-vụ-trưởng tổng-vụ văn-hóa xã-hội
 - 1 Tổng-vụ-trưởng tổng-vụ cư-sĩ
 - 1 Tổng-vụ-trưởng tổng-vụ thanh-niên
 - 1 Tổng-vụ-trưởng tổng-vụ tài-chánh
 - 1 Tổng thư-ký văn-phòng Viện Hóa-đạo
 - 1 Tổng thủ-quỹ văn-phòng Viện Hóa-đạo
- Các vị này họp thành ban chỉ đạo Viện Hóa-đạo.

Ban chỉ đạo Viện Hóa-đạo do Hội-đồng Giáo-hội trung-ương đề-cử và đại-hội GHPGVNTN bầu-cử.

Nhiệm-vụ và quyền-hạn của các vị trong ban chỉ đạo được ấn-định bằng một bản quy-chế có tánh-cách nội-quy của viện hóa-đạo.

Điều thứ 16.- Tổng-vụ-trưởng điều-khiển công việc của tổng-vụ. Tổng-vụ-trưởng mời thêm một phụ-tá tổng-vụ trưởng và thiết-lập văn-phòng của tổng-vụ với sự chấp-thuận của ban chỉ đạo Viện Hóa-đạo. Mỗi tổng-vụ có các vụ và mỗi vụ do một vụ trưởng trông coi.

Các vụ trưởng do tổng vụ trưởng đề-cử và do ban chỉ đạo Viện Hóa-đạo chấp-thuận. Vụ trưởng được tham-dự hội-đồng Viện Hóa-đạo.

- 1) Tổng-vụ tăng-sự có các vụ sau đây :
 - Tăng-bộ Bắc-tông-vụ
 - Tăng-bộ Nam-tông-vụ
 - Ni-bộ Bắc-tông-vụ (Y chỉ Tăng-bộ Bắc-tông)
 - Ni-bộ Nam-tông-vụ (Y chỉ Tăng-bộ Nam-tông)
- 2) Tổng-vụ hoằng-pháp có các vụ sau đây :
 - Trước tác, phiên dịch vụ
 - Truyền-bá-vụ
 - Kiểm duyệt vụ
- 3) Tổng-vụ giáo-đục có các vụ sau đây :
 - phật học vụ
 - giáo-đục vụ
- 4) Tổng vụ văn-hóa xã-hội có các vụ sau đây :
 - Văn Mỹ nghệ vụ
 - Xã-hội vụ
- 5) Tổng vụ cư-sĩ có các vụ sau đây :
 - Thiện tín Bắc-tông vụ
 - Thiện tín Nam-tông vụ
 - Đặc-trách hội đoàn Phật-tử vụ

6) Tổng-vụ thanh-niên có các vụ sau đây :

- Gia-dình Phật-tử vụ
- Sinh-viên Phật-tử vụ
- Học-sinh Phật-tử vụ
- Thanh-niên Phật-tử vụ
- Thanh-niên Phật-tử thiện-chí vụ
- Hướng-đạo Phật-tử vụ

7) Tổng-vụ tài-chánh có các vụ sau đây :

- Bất-động-sản quản-trị vụ
- Động-sản quản-trị vụ

Điều thứ 18.- Viện-trưởng Viện Hóa-đạo thay mặt Giáo-hội trước pháp-lý.

Điều thứ 19.- Để đôn đốc và kiểm-tra Phật-sự tại các tỉnh, Viện trưởng viện hóa-đạo bổ-nhiệm đại-diện tại 8 miền sau khi được ban chỉ đạo chấp-thuận.

Tám miền này lấy pháp hiệu của 8 vị cao tăng Việt-Nam sau đây :

- Vạn-Hạnh (Bắc trung nguyên Trung-phần)
- Liễu quán (Nam trung nguyên Trung-phần)
- Khuông việt (Cao-nguyên Trung-phần)
- Khánh-hòa (Đông Nam-phần)
- Huệ quang (Tiền gian Nam-phần)
- Khánh anh (Hậu-giang Nam-phần)
- Vĩnh nghiêm (Phật-tử miền Bắc)
- Quảng Đức (Thủ-đô Saigon trực-thuộc Viện Hóa-đạo).

Điều thứ 20.- Tại mỗi tỉnh, thị xã (biệt lập Hành-chánh) hay quận tại thủ-đô, có một giáo hội tỉnh, thị xã hay quận đô thành, trực thuộc Viện Hóa-đạo điều khiển bởi một ban đại-diện gồm có :

- 1 Chánh đại-diện
- 2 phó đại-diện
- 1 Đặc uỷ tăng-sự và nghi lễ

- 1 Đặc uỷ hoảng-pháp
- 1 Đặc uỷ giáo dục
- 1 Đặc uỷ văn-hóa và xã-hội
- 1 Đặc-uỷ tài-chánh
- 1 Đặc-uỷ cư-sĩ
- 1 Đặc-uỷ thanh-niên
- 1 Chánh thư-ký
- 1 Phó thư-ký
- 1 Chánh thủ uỷ
- 1 Phó thủ uỷ.

Ban đại-diện tỉnh có thể mời một ban cố-vấn kiểm-soát.

Các chức-vị trong ban đại-diện được đề-nghị ra trong hoặc ngoài số đại-biểu tham-dự đại hội tỉnh, xã và phường cũng theo thể-thức này.

Các tiểu ban, của ban đại-diện tỉnh được thiết-lập tùy theo nhu-cầu, và vị điều khiển được gọi là trưởng ban.

Điều thứ 21.- Để đôn-đốc và kiểm-tra phật sự tại các quận, Viện Hóa-đạo bổ-nhậm các đại-diện quận do Giáo-hội tỉnh đề-nghị. Tại tỉnh nào, ban đại diện xét cần-thiết lập ban đại-diện quận thì trình Viện Hóa-đạo ra quyết-định thành lập ban ấy.

Điều thứ 22.- Đơn-vị của giáo-hội là xã (tại các tỉnh) và phường (tại các đô thị).

Tất cả các chùa, tăng sĩ và cư-sĩ thuộc hai tông phái tại các đơn-vị này liên hiệp với nhau thành lập GHPGVN TN tại các xã hay phường. Trụ-sở đặt tại một ngôi chùa hay một nơi thuận tiện.

Tại các xã và phường có một ban đại-diện gồm có :

- 1 Chánh đại-diện
- 1 Phó đại-diện

- 1 Thư-ký
- 1 Phó thư-ký
- 1 Thủ-quỹ
- 1 Phó thủ quỹ
- 4 Cố-vấn kiểm-soát.

Các tiểu-ban đặt ra tùy theo nhu-cầu.

Tại các thôn, ấp, khóm nếu có nhiều chùa thì tăng-sĩ và cư-sĩ có thể đặc cách thành-lập một đơn-vị theo quyết-định của giáo-hội tỉnh.

Điều thứ 23.- Nhiệm-kỳ của Viện Hóa-đạo và các ban đại-diện các cấp là hai (2) năm.

Điều thứ 24.- Viện hóa-đạo cũng như ban đại-diện tỉnh, xã và phường đều có các cư-sĩ tham-dự, các cư-sĩ này có quyền hạn đúng theo nhiệm-vụ của mình.

Điều thứ 25.- Trường-hợp một chức vị trong ban chỉ đạo Viện Hóa-đạo bị khuyết :

- Nếu là viện trưởng thì ban ấy đề-cử 1 trong 2 vị phó viện-trưởng và do Đức Tăng-thống chuẩn y ;

- Nếu là các vị khác thì cũng do ban ấy đề-cử và do Đức Tăng-thống chuẩn y ;

- Nếu là các vụ trưởng thì do tổng vụ trưởng đề-cử và do ban chỉ đạo Viện Hóa-đạo chấp-thuận.

Các ban đại-diện tỉnh, xã hoặc phường, nếu có chức-vụ bị khuyết thì theo thể lệ thông thường và được cấp trên chuẩn y.

CHƯƠNG THỨ NĂM

Đại-hội GHPGVNTN

Điều thứ 26.- Đại-hội của GHPGVNTN có 2 :

Đại-hội hội-đồng giáo-hội trung-ương và đại-hội đại biểu GHPGVNTN (gọi tắt là đại-hội GHPGVNTN). Đại-hội hội-đồng giáo-hội Trung-ương do Đức Tăng-thống triệu tập hai năm 1 kỳ trước và cận ngày đại-hội GHPGVNTN.

Điều thứ 27.- Đại-hội GHPGVNTN do Viện-trưởng Viện hóa-đạo triệu-tập hai năm một kỳ để :

- Bầu-cử ban chỉ đạo Viện Hóa-đạo và ban giám-sát. Kiểm điểm Phật-sự đã qua.
- Ấn-định ngân sách thu chi
- Ấn-định chương-trình hoạt-động mới.

Thành-phần tham-dự đại-hội gồm có :

- Các vị đại-diện miền,
- 5 đại-biểu của mỗi tỉnh (kể cả tăng-sĩ và cư-sĩ do đại hội tỉnh bầu cử trong hoặc ngoài ban đại-diện),
- 5 đại-biểu của mỗi quận tại thủ-đô Saigon (mỗi quận tại thủ-đô được coi như một tỉnh),
- 10 đại-biểu của miền Vĩnh nghiêm.

Điều thứ 28.- Vị đại-diện giáo hội tỉnh và các quận tại thủ-đô Saigon triệu-tập đại-hội giáo-hội tỉnh, đại-hội giáo-hội quận tại thủ-đô 2 năm 1 kỳ để bầu ban đại-diện, kiểm điểm Phật sự đã qua và ấn định chương-trình hoạt-động mới.

Thành-phần tham-dự đại hội tỉnh và quận tại thủ-đô gồm các đơn-vị trực-thuộc. Mỗi đơn-vị cử 4 đại-biểu.

Việc triệu-tập đại-hội tại các xã hay phường cũng theo thể-thức tương-tự như trên.

Điều thứ 29.- Khi có vấn-đề liên quan đến sự tồn vong của Phật-pháp, tại Trung-ương Đức Tăng-thống sẽ triệu-tập một đại-hội bất thường khoáng đại, gồm có sự tham-dự của hội-đồng Giáo-hội Trung-ương và văn-phòng thư-ký của

viện Tăng-thống.

- Đại-hội bất thường của Trung-ương do Viện-trưởng Viện Hóa-đạo triệu-tập,
- Đại-hội bất thường ở cấp tỉnh do Viện Hóa-đạo triệu-tập,
- Đại-hội bất thường ở cấp xã, phường do ban đại-diện giáo hội tỉnh và các quận tại thủ-đô triệu-tập.

Ban đại-diện tỉnh hoặc xã cũng có quyền triệu-tập đại hội bất thường.

CHƯƠNG THỨ SÁU

Tự-viện.

Điều thứ 30.- Các Quốc-tự, các ngôi chùa làng, các ngôi tổ đình, các ngôi chùa xây dựng bởi :

- a) Các vị tăng sĩ,
- b) Các hội-đoàn Phật-giáo.

Được coi là tự-viện của GHPGVNTN, và GHPGVNTN có nhiệm-vụ giám-hộ và bảo-vệ với sự nhìn nhận quyền tự hữu của các tự-viện đó.

CHƯƠNG THỨ BẢY

Tăng-sĩ.

Điều thứ 31.- Được mệnh danh là tăng sĩ : các tăng, ni Việt-Nam đã chính thức thụ tỷ khưu giới.

CHƯƠNG THỨ TÁM

Tín-đồ

Điều thứ 32.- Mọi người tại Việt-Nam không phân giai

cấp, tuổi tác, nghề nghiệp, dân-tộc, đã thụ quy giới hoặc có đức tin Phật giáo và sống theo đức tin đó thì được gọi là tín đồ Phật-giáo trong GHPGVNTN.

CHƯƠNG THỨ CHÍN

Tài-sản

Điều thứ 33.- Tài-sản của GHPGVNTN gồm có :

- Động-sản và bất-động-sản hiến cúng,
- Động-sản và bất-động-sản do GHPGVNTN tự tạo.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI

Phương-thức áp-dụng.

Điều thứ 34.- Để áp-dụng hiến-chương này, viện hóa-đạo soạn-thảo và đệ-trình viện Tăng-Thống duyệt y, ban hành nhiều bản quy-chế có tính cách nội-quy.

Điều 35.- Mọi dự án sửa đổi Hiến-chương này do Viện Hóa-đạo trình đại-hội GHPGVNTN cứu xét và biểu-quyết.

Nguyên-tắc biểu-quyết phải được 2/3 tổng số đại-biểu hiện diện chấp-thuận.

Điều thứ 36.- Những dự án được đại-hội biểu-quyết p phải do hội-đồng giáo-hội trung-ương duyệt xét và đệ-trình Đức tăng-thống phê chuẩn mới được ban hành. Nếu toàn bộ hoặc điều nào không được phê-chuẩn thì phải xét lại.

Bản hiến-chương Giáo-Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-Nhất này tổng cộng có 10 chương, 36 điều đã được đại-hội GHPGVNTN khóa 2 tu chỉnh và biểu quyết ngày 14 tháng chạp năm 1965.

Duyệt-y

Đính theo Sắc-Luật số 005/66 ngày 26.2.1966

Sài-gòn, ngày 26 tháng Hai năm 1966

Trung-Tướng Nguyễn-văn-Thiệu

Số III.- SẮC-LUẬT số 23/67 ngày 18 tháng 7 năm 1967 chuẩn y bản hiến-chương ngày 14.3.1967 của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất.

CHỦ-TỊCH ỦY-BAN LÃNH-ĐẠO QUỐC-GIA

Chiếu Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1 tháng tư năm 1967 ;

Chiếu Quyết-định số 3-QLVNCH/QĐ ngày 14 tháng sáu năm 1965 bổ-túc bởi quyết-định số 7-QLVNCH/QĐ ngày 6 tháng sáu năm 1966 của Đại Hội-Đồng Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa thành-lập và ấn-định thành-phần Ủy-ban Lãnh-Đạo Quốc-gia ;

Chiếu Sắc-lệnh số 001-a/CT/LĐQG/SL ngày 19 tháng sáu năm 1965 và các văn-kiện kế-tiếp ấn-định thành-phần Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương ;

Chiếu sắc-luật số 158-SL/CT ngày 14 tháng năm năm 1964 công nhận Giáo-Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-Nhất ;

Chiếu đề-nghị của Chủ-Tịch Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương ;

Sau khi Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia đã thảo-luận và biểu-quyết,

SẮC - L UẬT :

Điều thứ nhất.- Nay chuẩn y Bản Hiến-chương ngày 14 tháng ba năm 1967 của Giáo-Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-nhất đính kèm Sắc-luật này.

Điều thứ 2.- Nay hủy bỏ Sắc-luật số 005/66 ngày 26 tháng hai năm 1966 chuẩn y Hiến-chương ngày 14 tháng chạp năm 1965 của Giáo-Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống Nhất.

Điều thứ 3.- Chủ-Tịch Ủy-Ban Hành-pháp Trung-ương
chiếu nhiệm-vụ lãnh thi-hành Sắc-luật này.

Sắc-luật này sẽ đăng vào Công-báo Việt-Nam Cộng-Hoa.

Saigon, ngày 18 tháng bảy năm 1967

ký tên : Trung-Tướng NGUYỄN-VAN-THIỆU

HIẾN CHƯƠNG

GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT

LỜI MỞ ĐẦU

Công-bố mục-đích giác-ngộ, giải-thoát của Giáo-Lý Đức Phật, các giáo-phái và hội-đoàn Phật-giáo thuộc Nam, Bắc Tông tại Việt-Nam thực-hiện nguyện-vọng thống-nhất thực-sự đã hoài bão từ lâu để phục-vụ đạo pháp, dân-tộc và nhân-loại. Đó là lập-trường thuần nhất của Giáo-Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-nhất.

Quan-niệm thống-nhất Phật-giáo Việt-Nam được thể-hiện theo chủ-trương điều hợp, nghĩa là giáo-lý, giới-luật và nếp sống của các Tông phái cũng như của hai giới Tăng-sĩ và Cư-sĩ chẳng những được tôn-trọng mà còn phải nỗ-lực phát-triển trong sự kết hợp có hệ-thống. Chính đó là sắc thái đặc-biệt của nền Phật-giáo Thống-nhất tại Việt-Nam.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Danh-hiệu, trụ-sở, huy-hiệu và giáo kỳ.

Điều thứ 1.- Tổ-chức thống nhất của các giáo-phái và hội-đoàn Phật-giáo thuộc Nam, Bắc tông tại Việt-Nam lấy danh hiệu là "GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT", viết

tất là "GHPGVNTN".

Điều thứ 2.- Trụ-sở Trung ương của Giáo-hội là Việt-Nam Quốc-Tự, số 16, Trần-quốc-Toàn, Saigon.

Điều thứ 3.- Huy hiệu của GHPGVNTN là Pháp-luân (có 12 cãm) theo hình vẽ.

Điều thứ 4.- Giáo-kỳ của GHPGVNTN là cờ Phật-giáo Thế-giới.

CHƯƠNG THỨ HAI

Mục-dịch.

Điều thứ 5.- GHPGVNTN điều-hợp các giáo-phái và hội-đoàn Phật-giáo thuộc Nam, Bắc tông tại Việt-Nam để phục-vụ Phật-pháp, dân-tộc và nhân-loại bằng cách hoằng dương chánh-pháp, thực-hiện những việc văn-hóa, giáo-dục, từ-thiện xã-hội.

CHƯƠNG THỨ BA

Cơ-bản.

Điều thứ 6.- GHPGVNTN gồm các giáo-phái và hội-đoàn Phật-giáo thuộc Nam, Bắc Tông tại Việt-Nam chấp-thuận bản Hiến-chương này.

Điều thứ 7.- Các giáo-phái, hội-đoàn trong GHPGVNTN được tôn trọng chủ-quyền nội-bộ và bình đẳng trong mọi Phật-sự.

CHƯƠNG THỨ TƯ

Hệ-thống tổ-chức.

Điều thứ 8.- GHPGVNTN là một thành-phần của Giáo-Hội Phật-giáo Tăng-già Thế-giới và là Trung-tâm địa-phương của

Phật-giáo Liên Hữu Thế-giới.

Điều thứ 9.- Tại Trung-ương, GHPGVNTN có hai Viện :

- Viện Tăng-Thống
- Viện Hóa-Đạo.

VIỆN TĂNG-THỐNG

Điều thứ 10.- Viện Tăng-thống được tổ-chức thành Hội Đồng Viện Tăng-thống mà thành-phần gồm đại diện của mỗi giáo phái Tăng-già (có cấp bậc giới luật) trong GHPGVNTN là ba vị Trưởng Lão và ba vị Thượng-Tọa.

Điều thứ 11.- Trưởng lão là các vị đủ 60 tuổi đời, trong đó có 20 tuổi hạ, giới luật thanh-tịnh, có thành-tích phục-vụ chánh pháp. Thượng-tọa là những vị cũng phải có những điều-kiện trên, nhưng từ 40 tuổi đời trở lên và đã thọ Tỷ-khư-giới được 20 năm.

Điều thứ 12.- Nhiệm-kỳ của Hội-đồng Viện Tăng-thống là 4 năm. Trước khi mãn nhiệm-kỳ, một vị đại-diện của giáo-phái nào viên tịch, giáo-phái ấy sẽ cử vị khác thay thế.

Điều thứ 13.- Nhiệm-vụ Hội-Đồng Viện Tăng-thống :

- a) Suy-tôn Đức Tăng-thống và Đức Phó Tăng-thống trong hàng Trưởng-lão của Hội-đồng,
- b) Chỉ-định Ban Giám-luật trong hàng Trưởng-lão và Thượng-tọa của Hội-đồng,
- c) Chấp-thuận Tổng Thư-ký, Phó Tổng Thư-ký nơi Văn-phòng Đức Tăng-thống, do Đức Tăng-thống đề-nghị,
- d) Thảo-luận và quyết-nghị mọi Phật-sự thuộc phạm-vi sinh-hoạt giới-luật Tăng Ni,
- e) Chấp-thuận Nội-quy, chương-trình hoạt-động của Văn-phòng Đức Tăng-thống đệ trình,

f) Cố-vấn về Đạo-pháp cho Viện Hóa-Đạo.

Điều thứ 14.- Hội-Đồng Viện Tăng-Thống thiết-lập một Ban Giám-luật trông nom về giới-luật Tăng Ni.

Điều thứ 15.- Lãnh-đạo Viện Tăng-thống là :

- Đức Tăng-thống, và
- Đức Phó Tăng-thống.

Điều thứ 16.- Đức Tăng-thống và Đức Phó Tăng-thống do Hội-Đồng Viện Tăng-thống suy-tôn với nhiệm-kỳ 4 năm, Đức Phó Tăng-Thống không cùng một tông-phái với Đức Tăng-thống.

Điều thứ 17.- Đức Tăng-thống có nhiệm-vụ triệu-tập và chủ-tọa Hội-Đồng Viện Tăng-thống ; chuyên trách về sinh-hoạt giới luật Tăng Ni ; ban hành các quyết-nghị của Hội-Đồng Viện Tăng-thống cùng chứng-minh lễ tự chức của Viện Hóa-Đạo.

Điều thứ 18.- Đức Phó Tăng-thống phụ-tá Đức Tăng-thống và đại-diện Ngài khi vắng mặt.

Điều thứ 19.- Đức Tăng-thống hoặc Đức Phó Tăng-thống viên tịch trước khi mãn nhiệm-kỳ thì Hội-Đồng Viện Tăng-thống suy tôn vị Trưởng lão đồng tông-phái trong Hội-Đồng thay thế, cho đến khi mãn nhiệm-kỳ.

Điều thứ 20.- Văn-Phòng Đức Tăng-thống gồm có : Tổng Thư-ký, Phó Tổng Thư-ký do Đức Tăng-thống đề-cử trong hàng Thượng-tọa của Hội-Đồng Viện Tăng-thống và được Hội-đồng Viện Tăng-thống chấp-thuận.

VIỆN HÓA-ĐẠO

Điều thứ 21.- Tổng Hội-đồng đại-diện các giáo-phái, hội-đoàn Phật-giáo trong GHPGVNTN bầu lên Viện Hóa-Đạo.

Điều thứ 22.- Đại-biểu đồng đều của mỗi giáo-phái, hội-đoàn đề-cử đảm-trách các chức-vụ trong Viện Hóa-đạo.

Điều thứ 23.- Viện Hóa-đạo thay mặt GHPGVNTN lãnh-đạo và điều-hành tất cả mọi Phật-sự đối nội và đối ngoại. Thành-phần Viện Hóa-đạo gồm có :

- 1 Viện-trưởng (Tăng-sĩ, cấp bậc Thượng-tọa trở lên)
- 4 Phó Viện-trưởng (2 Tăng-sĩ cấp bậc Thượng-tọa trở lên và 2 Cư-sĩ)
- 1 Tổng-vụ Trưởng Tổng-vụ Tăng-sự (Tăng-sĩ),
- 1 Tổng-vụ Trưởng Tổng-vụ Hoàng-pháp (Tăng-sĩ),
- 1 Tổng-vụ Trưởng Tổng-vụ Phật-học (Tăng-sĩ),
- 1 Tổng-vụ Trưởng Tổng-vụ Thế-học (Tăng-sĩ hay Cư-sĩ),
- 1 Tổng-vụ Trưởng Tổng-vụ Văn-hóa (Tăng-sĩ),
- 1 Tổng-vụ Trưởng Tổng-vụ Xã-hội (Ni-bộ),
- 1 Tổng-vụ Trưởng Tổng-vụ Cư-sĩ (Cư-sĩ),
- 1 Tổng-vụ Trưởng Tổng-vụ Thanh-niên (Tăng-sĩ),
- 1 Tổng-vụ Trưởng Tổng-vụ Tài-chánh (Cư-sĩ),
- 1 Tổng-vụ-Trưởng Tổng-vụ Kiến-thiết (Cư-sĩ),
- 1 Tổng-vụ Trưởng Đặc-trách Tuyên-uy Phật-giáo (Tăng-sĩ),
- 1 Tổng Thư-ký (Tăng-sĩ),
- 2 Phụ-tá Tổng Thư-ký (Cư-sĩ),
- 1 Tổng Thủ-quỹ (Cư-sĩ),
- 2 Phụ-tá Tổng Thủ-quỹ (Cư-sĩ).

Điều thứ 24.- Tùy nhu-cầu Phật-sự, Tổng Hội-Đồng G.H. có thể bầu thêm các Tổng-vụ Trưởng khác sau này, theo đề-nghị của Viện Hóa-đạo.

Điều thứ 25.- Mỗi Tổng-vụ có các vụ. Mỗi Vụ do một Vụ-trưởng trông coi. Các Vụ-trưởng do Tổng Hội-Đồng bầu-cử, hoặc do Tổng-vụ Trưởng đề-cử, Tổng Hội-Đồng chấp-thuận, hoặc Tổng Hội-đồng uỷ-quyền cho Viện Hóa-đạo chấp-thuận. Các vụ-trưởng được tham-dự Hội-đồng Viện Hóa-đạo mở rộng.

Điều thứ 26.- Các Tổng-vụ có các Vụ sau đây, và tương-lai có thể thêm nhiều vụ khác, tùy theo nhu-cầu Phật-sự:

1. Tổng-vụ Tăng-sự cố :
 - Tăng-bộ Bắc-tông vụ
 - Tăng-bộ Nam-tông vụ
 - Ni-bộ Bắc-tông Vụ (y chỉ Tăng-bộ Bắc-tông)
 - Ni-bộ Nam-tông Vụ (y chỉ Tăng-bộ Nam-tông)
2. Tổng-vụ Hoàng-pháp cố :
 - Trước-tác Phiên-dịch Vụ
 - Truyền-bá Vụ
 - Kiểm-duyet Vụ.
3. Tổng-vụ Phật-học cố :
 - Sơ-đẳng Phật-học Vụ
 - Trung-đẳng Phật-học Vụ
 - Cao-đẳng Phật-học Vụ.
4. Tổng-vụ Thế-học cố :
 - Đại-chúng học-vụ
 - Chuyên-nghiệp học-vụ
 - Tiểu-học-vụ
 - Trung-học-vụ
 - Đại-học-vụ
5. Tổng-vụ Văn-hóa cố :
 - Văn-Mỹ-Nghệ Vụ.
6. Tổng-vụ Xã-hội cố :
 - Y-Tế Vụ
 - Từ-thiện Vụ.
7. Tổng-vụ Cư-sĩ cố :
 - Thiện-tín Bắc-tông Vụ
 - Thiện-tín Nam-tông Vụ
 - Đặc-trách Phật-tử Chuyên-nghiệp Vụ.
8. Tổng-vụ Thanh-niên Phật-tử cố :
 - Gia-đình Phật-tử Vụ
 - Sinh-viên Phật-tử Vụ

- Học-sinh Phật-tử-vụ
 - Thanh-niên Phật-tử vụ
 - Hướng-đạo Phật-tử-vụ.
9. Tổng-vụ tài-chánh có :
- Động-sản Quản-trị-vụ
 - Bất-động-sản Quản-trị-vụ
10. Tổng-vụ Kiến-thiết có :
- Tháp-tự Kiến-thiết-Vụ
 - Công-ốc Kiến-thiết Vụ
11. Tổng-vụ Đặc-trách Tuyên-uy Phật-giáo có :
- Giáo-vụ
 - Hành-chánh Vụ

Điều thứ 27.- Văn-phòng Viện Hóa-đạo sẽ tùy nhu-cầu mà thiết-lập các Ban hay các Phòng. Mỗi Ban hay Phòng do một Trưởng ban hay Trưởng Phòng phụ-trách. Các vị ấy do Viện-trưởng đề-cử và thông qua Hội-đồng Lãnh-đạo Viện Hóa-đạo. Các chức-vụ nơi Văn-phòng Tổng-vụ và Vụ, do Tổng-vụ Trưởng và Vụ-trưởng đề-cử và chịu trách-nhiệm, nhưng danh sách phải thông qua Hội-đồng Lãnh-đạo Viện Hóa-đạo.

Điều thứ 28.- Viện-trưởng Viện Hóa-đạo trông coi mọi việc của Giáo-Hội và thay mặt Giáo-Hội trước pháp-ly.

Điều thứ 29.- Các chức-vụ của Viện Hóa-đạo được minh định trong Nội-quy.

Điều thứ 30.- Để đôn đốc và kiểm-tra Phật-sự tại các tỉnh, Viện Hóa-đạo bổ-nhiệm các vị Đại-diện tại các Miền, mang pháp hiệu của các vị Cao-tăng Việt-Nam sau đây :

- Vạn-Hạnh (Bắc Trung-nguyên Trung-phần)
- Liễu Quán (Nam Trung-nguyên Trung-phần)
- Khuông Việt (Cao-nguyên Trung-phần)
- Khánh-Hòa (Miền Đông Nam-phần)
- Huệ-Quang (Tiền-giang Nam-phần)

- Khánh-Anh (Hậu-giang Nam-phần)
- Quang-Đức (Thủ-đô Saigon, trực-tiếp Viện Hóa-đạo).

Điều thứ 31.- Đặc-biệt, Tăng ni Phật-tử Bắc-việt có mặt tại miền Nam được tổ hợp thành một miền lấy tên là Miền Vĩnh-Nghiêm. Miền này vì không có ranh giới nhất định nên được thiết-lập một Ban Đại-diện của miền để điều-hành Phật-sự chung.

Điều thứ 32.- Tại mỗi Tỉnh, Thị-xã (biệt lập hành-chánh) hay Quận tại Thủ-đô, có một giáo-hội tỉnh, thị-xã hay Quận Đô-Thành, trực-thuộc Viện Hóa-đạo điều-khiển bởi một Ban Đại-diện gồm có :

- 1 Chánh Đại-diện,
- 2 Phó Đại-diện,
- 1 Đặc-uyý Tăng-sự và Nghi-Lễ,
- 1 Đặc-uyý Hoảng-pháp,
- 1 Đặc-uyý Giáo-dục,
- 1 Đặc-uyý Văn-hóa Xã-hội
- 1 Đặc-uyý Tài-chánh Kiến-thiết,
- 1 Đặc-uyý Cư-sĩ,
- 1 Đặc-uyý Thanh-niên,
- 1 Chánh Thư-ký,
- 1 Phó Thư-ký,
- 1 Chánh Thủ-quỹ,
- 1 Phó Thủ-quỹ,
- Ban Cố-vấn kiểm-soát
- và tùy theo nhu-cầu, có thể thiết-lập các Tiểu ban mà vị điều-khiển Tiểu-ban được gọi là Trưởng-Ban.

Điều thứ 33.- Để đôn đốc và kiểm-tra Phật-sự tại các Quận, Viện Hóa-đạo bổ-nhiệm các đại-diện Quận do Giáo-hội Tỉnh đề-nghị.

Trong mỗi Tỉnh, Ban Đại-diện Tỉnh xét thấy Quận nào

cần lập Ban Đại-Diện Quận để tiến-hành phật-sự thì trình Viện Hóa-Đạo ra quyết-định thành-lập Ban ấy.

Điều thứ 34.- Tất cả các chùa, Tăng-sĩ và Cư-sĩ thuộc các giáo-phái và hội-đoàn Phật-giáo tại xã (thuộc Tỉnh) hay Phường (thuộc Đô-thị) liên-hiệp nhau thành-lập Ban Đại-diện GHPGVNTN tại các xã hay Phường mà thành-phần Ban Đại-diện gồm có :

- 1 Chánh Đại-diện
- 1 Phó Đại-diện
- 1 Thư-ký
- 1 Thủ-quỹ
- 1 Phó Thủ-quỹ
- 4 Cố-vấn kiểm-soát.

Tùy theo nhu-cầu, có thể đặt thêm các Tiểu-ban.

Tại các Thôn, Ấp, Khóm, có thể thành-lập một đơn-vị của Giáo-Hội theo quyết-định của Giáo-hội Tỉnh, Thị-xã, Quận (SG).

Điều thứ 35.- Các chức-vụ trong Ban Đại-diện Tỉnh, Thị-xã, Quận, Xã, Phường, Thôn, Ấp, Khóm do Đại-biểu đồng-đều của mỗi Giáo-phái, Hội-đoàn liên-hệ được đề-cử ra đảm-trách. Nơi nào không có tổ-chức các Giáo-phái, Hội-đoàn, Đại-hội Tăng Ni, Phật-tử địa-phương bầu-cử người nhận lãnh các chức-vụ trong Ban Đại-diện và vẫn theo hệ-thống dọc về hành-chánh.

Điều thứ 36.- Nhiệm-kỳ của Viện Hóa-đạo và Ban Đại-diện các cấp là hai (2) năm. Các nhân-viên cũ có thể tái cử.

Điều thứ 37.- Trường-hợp một chức-vụ trong Viện Hóa Đạo bị khuyết :

- Nếu là Viện-trưởng, Hội-đồng Lãnh-đạo Viện Hóa-Đạo đề-cử một trong bốn vị Phó Viện-trưởng đảm-trách chức-vụ quyền Viện-trưởng.

- Nếu là các Vị khác, Hội-đồng Lãnh-đạo Viện Hóa-Đạo sẽ đề-cử người khác thay thế.
- Nếu là các Vụ-trưởng, Tổng-Vụ-trưởng đề-cử và Hội-đồng Lãnh-đạo Viện Hóa-đạo chấp-thuận.

Các Ban Đại-diện Tỉnh, Thị-xã, Quận, Xã hoặc Phường, nếu có chức-vụ nào bị khuyết, đều áp-dụng nguyên-tắc thông thường trên và được cấp trên chuẩn y.

CHƯƠNG THỨ NĂM

Hội họp

Điều thứ 38.- GHPGVNTN có các cuộc họp sau đây :

- Hội thường kỳ
- Hội bất thường
- Đại-hội thường niên
- Đại-hội bất thường

Điều thứ 39.- Tại Viện Tăng-thống :

1. Ba tháng họp Hội-đồng Viện Tăng-thống một lần và nếu cần sẽ họp bất thường,
2. Một năm họp Đại-hội một lần và nếu cần sẽ họp Đại-hội bất thường. Thành-phần tham-dự đại-hội của Viện Tăng-thống là 10 đại-biểu của mỗi giáo-phái Tăng-già.
3. Bốn năm họp đại-hội để suy tôn Đức Tăng-thống và Đức Phó Tăng-thống. Thành-phần dự đại-hội cũng như mục 2 ở trên.
4. Tất cả các cuộc họp nơi Viện Tăng-thống do Đức Tăng-thống triệu tập.
5. Trong các đại-hội của Viện Tăng-thống, Hội-đồng Lãnh-đạo Viện Hóa-đạo được mời tham-dự, nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều thứ 40.- Tại Viện Hóa-Đạo :

1. Hội-đồng Lãnh-đạo Viện Hóa-đạo mỗi tháng họp hai lần, nếu cần sẽ họp bất thường. Thành-phần tham-dự hội-đồng này gồm Chánh, Phó Viện-trưởng, các Tổng-vụ Trưởng, Tổng Thư-ký, Phụ-tá Tổng Thư-ký, Tổng Thủ-quỹ, Phụ-tá Tổng Thủ quỹ và do Viện-trưởng chủ tọa.
2. Hội-đồng Viện Hóa-đạo mở rộng mỗi tháng họp một lần, và nếu cần sẽ họp bất thường. Thành-phần tham-dự Hội-đồng này gồm Hội-đồng Lãnh-đạo Viện Hóa-đạo, các Vụ-trưởng và các Trưởng Phòng, Trưởng-ban nơi Văn-phòng Viện Hóa-đạo và cũng do Viện-trưởng chủ tọa.
3. Mỗi năm có một Đại-hội hỗn hợp giữa Hội-đồng Viện Tăng-thống và Hội-đồng Viện Hóa-đạo mở rộng để kiểm điểm Phật sự đã qua và trừ hoạch chương-trình Phật-sự chung cho năm mới, trước khi có đại-hội hành-chánh thường-niên. Đại-hội này do Viện-trưởng Viện Hóa-đạo thay mặt đứng tên triệu-tập. Chủ-tọa Đại-hội, do đại-hội bầu-cử.
4. Mỗi năm có một đại-hội hành-chánh thuộc Viện Hóa-đạo, nếu cần sẽ họp đại-hội bất thường. Thành-phần đại-hội gồm hội-đồng VHD mở rộng, Chánh, Phó đại-diện Miền và 5 Đại-biểu của mỗi Tỉnh, Thị-xã và Quận Đô-thành. Đại-hội này do Viện-trưởng Viện Hóa-đạo triệu-tập với mục-đích tường trình và kiểm điểm Phật-sự đã qua, đề-nghị và giải-quyết các vấn-đề cần-thiết và trừ định những công-tác mới. Đại-hội này do Viện-trưởng Viện Hóa-đạo chủ-tọa, và cung-thỉnh Hội-đồng Viện Tăng-thống chứng-minh, nhưng không biểu-quyết.
5. Hai năm có Tổng Hội-đồng Giáo-Hội để kiểm điểm và quyết-định mọi Phật-sự cùng bầu-cử cơ-quan lãnh-đạo Viện Hóa-đạo mới. Thành-phần chính thức của Tổng Hội-đồng Giáo-Hội là năm đại-biểu của mỗi giáo-phái và hội đoàn Phật-giáo trong GHPGVNTN, Hội-đồng Viện Tăng-thống, Hội-đồng

Viện Hóa-đạo mở rộng. Chánh, Phó Đại-diện Miền và 2 đại-biểu của Giáo-hội Tỉnh, Thị-xã, Quận, Đô-Thành được tham-dự Tổng Hội-Đồng Giáo-Hội, được đóng góp những sáng kiến xây-dựng, nhưng không có quyền biểu-quyết. Tổng Hội-đồng Giáo-Hội có thể được triệu-tập bất thường, nếu có việc tối quan-trọng đối với sự tồn vong của Đạo-pháp. Tổng Hội-Đồng thường hay bất thường đều do Viện-trưởng Viện Hóa-đạo triệu-tập. Chủ-tọa Đại-hội này do Đại-hội bầu-cử.

Điều thứ 41.- Từ cấp Giáo-hội Tỉnh trở xuống đều có các cuộc họp thường hay bất thường, tùy theo sự quyết-định của Ban Đại-diện Giáo-hội thuộc cấp. Nhưng bình thường, mỗi năm đều có đại-hội một lần. Hai năm, đại-hội bầu lại Ban Đại diện. Đại-hội thường hay bất thường đều do Chánh Đại-diện triệu-tập với mục-đích kiểm điểm phật-sự đã qua, giải-quyết các việc cần-thiết, hoạch định chương-trình và bầu-cử Ban Đại-diện mới vào cuối năm mãn nhiệm-kỳ. Hội-đồng thường và bất thường của Ban Đại-diện, do Chánh Đại-diện chủ-tọa. Chủ-tọa đại-hội do đại-hội bầu. Thành-phần họp thường là các chức-vụ trong Ban Đại-diện. Thành-phần đại-hội thường hay bất thường có hai hình thức :

1. Ban Đại-diện do các giáo phái, hội-đoàn địa-phương thành-lập, thì đại-biểu chính-thức tham-dự đại-hội phải là đại-diện của các giáo-phái, hội-đoàn với nhân số bằng nhau. Ban Đại-diện thuộc cấp, và đại-biểu Ban Đại-diện cấp dưới được mời tham-dự, nhưng không có quyền biểu-quyết.

2. Ban Đại-diện không do các giáo-phái, hội-đoàn tạo nên, thì Đại-biểu chánh thức tham-dự đại-hội là đại-biểu của đại-hội cấp dưới đề-cử. Các Tăng Ni Phật-tử được tham-dự đại-hội nhưng không có quyền biểu-quyết.

Điều thứ 42.- Nguyên-tắc thông thường của Tổ-chức :

1. Cấp dưới phục-tùng cấp trên,
2. Cuộc họp lần thứ nhất, quá nửa nhân số chính thức

dự hội là hợp lệ. Nếu không đủ số, cuộc họp lần thứ hai, nhân số bao nhiêu cũng được.

3. Đại-biểu chính-thức của cuộc họp mới có quyền biểu-quyết. Biểu-quyết bằng hình-thức nào, tùy sự quyết-định của cuộc họp, nhưng phải quá nửa nhân số hiện diện tán thành mới hợp lệ.

4. Nếu quá nửa các chức-vị trong Ban chức-sự thuộc cấp, yêu cầu Vị Trưởng Nhiệm sở triệu-tập họp bất thường có lý do thì Vị Trưởng Nhiệm Sở phải triệu-tập họp bất thường. Quá nửa đơn-vị chính thức thuộc cấp (từ cấp Tỉnh trở xuống) yêu cầu triệu-tập đại-hội bất thường, thì cơ-quan lãnh-đạo đương thời của cấp bị yêu cầu phải triệu-tập đại-hội bất thường, song phải được sự đồng ý của Viện Hóa-đạo, hầu tránh sự tranh-chấp đổ vỡ.

CHƯƠNG THỨ SÁU

Tư-cách pháp-nhân và tài-sản.

Điều thứ 43.- GHPGVNTN có trọn vẹn tư-cách pháp-nhân, và được quyền sở-hữu, thủ-đắc, tạo mãi, hoặc chuyển nhượng những động-sản cùng bất-động-sản cần-thiết để đạt mục-đích của Giáo-hội. Những bất-động-sản cần-thiết là các Tự-viện, Tu-viện hoặc các cơ-sở hoạt-động về văn-hóa, giáo-dục, xã-hội.

Điều thứ 44.- GHPGVNTN có quyền thu nhận những tài-sản sinh tặng hoặc di tặng bởi các thể nhân hay bởi các pháp nhân khác.

Điều thứ 45.- Viện-trưởng Viện Hóa-đạo thay mặt GHPGVNTN đứng tên trên những văn-kiện thuộc về các quyền được ghi trong điều thứ 43 và điều thứ 44.

Điều thứ 46.- Các giáo-phái, hội-đoàn trong GHPGVN TN được chung hưởng điều thứ 43 và điều thứ 44 ở trên.

Điều thứ 47.- Tài-sản của GHPGVNTN gồm có :

- Động-sản và bất-động-sản hiến cúng ;
- Động-sản và bất-động-sản do GHPGVNTN tự tạo.

CHƯƠNG THỨ BẢY

Tự - viện.

Điều thứ 48.- Các Quốc-tự, các ngôi chùa làng, các ngôi tổ đình, các ngôi chùa xây-dựng bởi các vị Tăng Ni, các hội-đoàn Phật-giáo, được coi là tự-viện của GHPGVNTN, và GHPGVNTN có nhiệm-vụ giám-hộ và bảo-vệ với sự nhìn nhận quyền tư-hữu của các tự-viện đó.

CHƯƠNG THỨ TÁM

Tăng-sĩ và cư-sĩ

Điều thứ 49.- Sa-di, Sa-di-ni là hai chủng xuất gia thọ trì thập giới, cùng trong tổ-chức giáo-hội, còn trong thời kỳ tu học, chưa được dự bản Tăng-sự. Được gọi là Tăng-sĩ, các Tăng Ni Việt-Nam đã chính thức thọ Tỷ-khuru-giới.

Điều thứ 50.- Mọi người tại Việt-Nam không phân biệt giai-cấp, tuổi tác, nghề-nghiệp, chủng tộc, đã thọ quy-giới, hoặc có đức tin Phật-giáo và sống theo đức tin ấy, thì được gọi là tín-đồ Phật-giáo trong GHPGVNTN.

CHƯƠNG THỨ CHÍN

Phương-thức áp-dụng

Điều thứ 51.- Viện Hóa-Đạo sẽ có một bản nội-quy, minh giải chi-tiết để thực-hiện Hiến-chương này.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI

Sửa đổi Hiến-chương

Điều thứ 52.- Mọi dự-án sửa đổi Hiến-chương này do Viện Hóa-Đạo đệ trình Tổng Hội-đồng Giáo-hội duyệt xét và biểu-quyết. Nguyên-tắc biểu-quyết phải được hai phần ba (2/3) tổng số Đại-biểu chánh-thức của các giáo-phái và hội-đoàn tham-dự Tổng Hội-đồng chấp-thuận.

Bản Hiến-chương này tổng cộng có mười (10) chương, năm mươi hai (52) điều, đã được Đại-diện các giáo-phái và hội-đoàn Phật-giáo thuộc Nam, Bắc-tông tại Việt-Nam sáng-lập Giáo-hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-nhất tu chính, và biểu-quyết chấp-thuận ngày 4 tháng Ba năm Đinh Mùi (Phật-lịch 2.511) tức ngày 14.3.1967.

Hòa-thượng THÍCH-TỐI-THẮNG
Phụ Tạng-thông Giáo-hội Nguyên-thủy Việt-Nam
(ky tên)

Thượng-toạ THÍCH-TÂM-GIÁC,
Chủ-Tịch Giáo-hội Tăng-già Bắc-Việt tại Miền Nam
(ky tên)

T.T. DHAMMAVIRIYO KIM-SANG
Trưởng-giáo Giáo-phái Phật-giáo Theravada
(Nam-tông) tại Trung-Ương
(ky tên)

SƠN-THÁI-NGUYỄN
Chủ-tịch Cư-sĩ Giáo-phái Phật-giáo Theravada
(Nam-tông) tại Trung-Ương
(ky tên)

DŨ-CAO-THẮNG
Hội-trưởng Hội Việt-Nam Phật-giáo
(Tập-đoan Phật-giáo Bắc-Việt di-cư)
(ky tên)

DUYỆT Y :
đính theo Sắc-luật số 023/67 ngày 18 tháng 7 năm 1967

Saigon, ngày 18 tháng 7 năm 1967

CHỦ-TỊCH ỦY-BAN LÃNH-ĐẠO QUỐC-GIA
Trưng-Tướng NGUYỄN-VĂN-THIỆU

SỐ IV.- DANH-SÁCH CÁC HỘI PHẬT-GIÁO ĐƯỢC THÀNH-LẬP HỢP-PHÁP

Số thứ tự	Tên Đoàn-thể Tôn-giáo	Địa-chỉ trụ-sở	Danh-sách những người lãnh-đạo	Số và ngày Nghị-định cho phép
1	Giáo-hội Phật-giáo VN Thông-nhất	16 Đại-lộ Trần-quốc- Toan Saigon	Viện-trưởng Viện Hoa-đạo Thượng-toa Thích-thiện- Tương	
2	Tổng Giáo- Hội Phật- Giáo Việt- Nam	80-A đường Cao-Thăng Saigon	Phật-Bửu-Tự Hoà-thương Thích-Minh- Trúc Bửu-lâm-Tự Hoà-thương Thích-thiện- Trương Bình-Hòa-Tự Hoà-thương Thích-hoàng- Đức Long-quang-Tự Hoà-thương Thích-Đạt- Thanh Chơn-đức-Tự Hoà-thương Thích-tử-Quang Giác-lâm-tự Hoà-thương Thích-Thiện- Thuận	Luật số 001/ 64 ngày 8.12. 1964
3	Tỉnh-Đô Cư- Sĩ Việt-Nam	282 đường Nguyễn-tri- Phường Saigon	Ô. Huỳnh-văn- Đôn Lữ-huỳnh- Anh Nguyễn-văn- Vân	83 22.12. 1953
4	Tỉnh-đô Tông Việt-Nam	145 đường Đê- Tham Saigon	Đoàn-trung- Con Nguyễn-văn- Hật Lê-Hồng- Phước	8 25.2. 1955

5	Giáo-hội Phật-Giáo Nguyễn-thủy Bình	Chùa Ông Met : Tỉnh-ly Vĩnh-Bình	Ô. Châu-tử-Liên	1498-BNV/KS	15.4.60
			- Kiên-UI		
			- Kiên Rেম		
6	Hội Phật-giáo Quan-Âm Bồ-Tế	584/1 đường Phan-thanh-Gian Saigon	Đoàn-văn-Hoành	441	8.5.1959
			Phap danh Tâm-Châu		
			- Nghiêm Vinh:		
7	Phật-giáo Nguyễn-thủy Việt-Nam Đà-Nẵng	209 đường Chu-mạnh-Trinh Đà-Nẵng	Vĩnh Cơ	31-BNV/NA/P5	ngày 14.5.1957
			- Trần-Nho		
			- Nguyễn-văn-Phước		
8	Hội Việt-Nam Phật-Giáo	491 đường Phan-dinh-Phung Saigon	Vũ-bảo-Vinh	112-BNV/NA/P5	ngày 28.10.1957
			Nguyễn-văn-Nhà		
			- Nguyễn-ngọc-Huynh		
9	Hội Việt-Nam Phật-giáo Liên Hữu	232 Bến Bình-Đông Saigon	Lê-ngọc-Tỷ	374-BNV/KS	ngày 27.3.1959
			Nguyễn-toàn-Trung		
			- Nguyễn-văn-Uơn		
10	Giáo-Hội Khất Sĩ Ni-giới Việt-Nam	300/1 đường Lê-quang-Định Gia-định	Sư-cô Thanh-Liên	7	11.1.1958
			- Bạch-Liên		
			- Thanh-Liên		
11	Giáo-hội Lục-Hoà Tăng Việt-Nam	Chùa Long-Vân : hẻm 58 Đại-lộ : Bạch-Đặng : Gia-định	Ô. Nguyễn-toàn-Trung	93	1.10.1957
			- Lê-văn-Bạch		
			- Nguyễn-văn-Đạt		
12	Giáo-Hội Tăng-Giạ Nguyễn-thủy Việt-Nam	Chùa Kỳ-Viên : 60 Phan-dinh-Phung Saigon	Nguyễn-dinh-Trần	143	18.12.1957
			- Hà-văn-Hiền		
			- Nguyễn-thiện-Tri		

:13	: Hội Lục-hòa	: 59/1 Bach-	: Ô. Lê-văn-Điền:	9	24.2.
:	: Phật-tử Việt-	: Đàng Giadinh:	: - Phạm-văn-	:	1954
:	: Nam	:	: Tân	:	
:	:	:	: - Lê-văn-Kiều:	:	
:	:	:	:	:	
:14	: Hội Phật-học	: 17 đường Đại:	: - Liên-Ucht	: 687	23.11.
:	: Nguyễn-Thủy	: Ngãi Khánh:	: - Đinh-Thnach:	:	1962
:	: Ba-Xuyen	: Hùng Ba-	: - Sơn-Thu	:	
:	:	: Xuyen	:	:	
:	:	:	:	:	
:15	: Long-Xuyen	: Chùa Bình-An	: - Trần-huệ-	: 2576	18.3.
:	: Phật-giáo	: 33 Gia-Long	: - Dĩnh	:	1932
:	: Liên-Hữu-Hội	: An-Giang	: - Nguyễn-văn-	:	
:	:	:	: Chan	:	
:	:	:	: - Đặng-văn-	:	
:	:	:	: Con	:	
:	:	:	:	:	
:16	: Hội Lương-	: Chùa Long-	: - Nguyễn-văn-	: 2286	13.8.
:	: Xuyên Phật-	: Phước đường	: - Khoe	:	1939
:	: học Vinh-Binh:	: Lê-Lợi Vinh-	: - Bùi-thành-	:	
:	:	: Binh	: - Phục	:	
:	:	:	: - Phan-hữu-	:	
:	:	:	: Nhật	:	
:	:	:	:	:	
:17	: Hội Linh-Sơn	: Chùa Linh-Sơn:	: - Nguyễn-dăng:	: 3189	30.11.
:	: Phật-học	: 149 đường Cồ	: - Minh	:	1955
:	:	: Giang Saigon	: - Dương-văn-	:	
:	:	:	: Thịnh	:	
:	:	:	: - Trần-văn-	:	
:	:	:	: Hưng	:	
:	:	:	:	:	
:18	: Hội Bồ-Đề Đạo:	: Âm Bồ-Đề Viện:	: - Lê-nhật-Ngân	: 118	6.11.
:	: Trang	: Châu-Đốc	: - Châu-văn-	:	1957
:	:	:	: Đông	:	
:	:	:	: - Lê-nhật-	:	
:	:	:	: Lương	:	
:	:	:	:	:	
:19	: Giáo-Hội Cụ-	: 17 đường, Trần:	: - Huỳnh-Tài	: 551	24.9.
:	: sĩ Phật-đương:	: quang-Khai	: - Phan-văn-	:	1962
:	: Nam-Tông	: Saigon	: - Quyên	:	
:	:	:	: - Nguyễn-văn-	:	
:	:	:	: Năm	:	
:	:	:	:	:	
:20	: Hội Từ-thiện	: Chùa Huệ-Lâm	: Bà Trần-thị-	: 1552	13.11.
:	: Phật-giáo	: 100 đường Lục:	: Chơi	:	1959
:	: Việt-Nam	: Tỉnh Saigon	: - Phạm-thị-	:	
:	:	:	: Lạnh	:	
:	:	:	: Ô. Nguyễn-văn:	:	
:	:	:	: Sĩ	:	

:21	: Tũ-giáo Phật-	: Chùa Tam-Bửu-	: Ô. Nguyễn-Phan:	489	9.8.61
:	: học Việt-Nam	: Gia 96/4 Quốc:	: Tân	:	:
:	:	: lô 1, Bình-	: - Phạm-văn-	:	:
:	:	: Trước, Biên-	: Nhiều	:	:
:	:	: Hoa	: - Lê-quang-	:	:
:	:	:	: Chanh	:	:
:	:	:	:	:	:
:22	: Hội Phật-tử	: Chùa Đại-Giác:	: - Dương-duyên:	27	6.2.58
:	: Việt-Nam	: 118 đại-lộ	: Bang	:	:
:	:	: Cách-Mạng	: - Phạm-gia-	:	:
:	:	: Saigon	: Thịnh	:	:
:	:	:	: - Nguyễn-Hồ	:	:
:	:	:	:	:	:
:23	: Giáo-Hội Thiên	: 10 Nguyễn-Duy-	: - Dương-văn-	1484	23.11.
:	: Tông Việt-Nam:	: Gia-định	: Thịnh	:	1964
:	:	:	: - Phạm-văn-	:	:
:	:	:	: Tài	:	:
:	:	:	:	:	:
:24	: Phật-hội Pháp:	: 90 Hoàng-tử	: - Nguyễn-trọng	778	11.6.
:	: hoá Việt-Nam	: Canh Nha-trang	: Tô	:	1965
:	:	:	:	:	:
:25	: Phật-hội Lục-	: 321 Đỗ-thành-	: - Võ-văn-Trong	1089	24.7.
:	: phường Tổng	: Nhan Saigon	: - Nguyễn-văn-	:	1965
:	:	:	: Toàn	:	:
:	:	:	:	:	:
:26	: Giáo-Hội Phật:	: 570/2, đường	: - Lê-ngọc-Tý	: 177	9.04.
:	: giáo Cơ-sơ-	: Lục-tỉnh	: (HT)	:	1963
:	: Môn	: Saigon	: - Võ-văn-Thông	:	:
:	:	:	: (HT)	:	:
:	:	:	: - Nguyễn-văn-	:	:
:	:	:	: Tân (HT)	:	:
:	:	:	:	:	:
:27	: Giáo-hội Tăng:	: 578 Phan,	: - Đoàn-văn-Ry:	3284	7.12.
:	: Gia Bắc-Việt	: thanh-Giân	: (Thích-độ	:	1955
:	: tại Miền Nam	: Saigon	: Lương)	:	:
:	:	:	: - Nguyễn-đức-	:	:
:	:	:	: Canh	:	:
:	:	:	: (TT Thích	:	:
:	:	:	: Huyền-Minh):	:	:
:	:	:	:	:	:
:28	: Giáo-hội Tăng:	: Chùa Ấn-Quang:	: TT Thích-	: 1645	7.8.52
:	: Gia Nam-Việt	: Sư Vạn Hạnh	: Thiên Hoa	:	:
:	:	:	: TT Thích-	:	:
:	:	:	: Thiện Hoa	:	:
:	:	:	:	:	:
:29	: Phật-học Nam-	: 89 Bà Huyện	: Ô. Mai-thọ-	: 2134	19.9.
:	: Việt	: Thanh-Quan	: Truyền	:	1950
:	:	: Saigon	: - Lê-ngọc-Diệp	:	:
:	:	:	:	:	:

:30	: Phật-giáo tại:	Chùa Từ-Dàm	:	TT Thích	:13	11.1.57
:	: Trưng-phân	:Huế	:	: Thiệu-Siêu	:	
:	: Huế	:	:	: Ô.Nguyễn Dương	:	
:	:	:	:	:	:	
:31	: Hội Phật-giáo:	209 Phan-chu-	:	Nguyễn-văn-	:3716	21.10.
:	: Nguyễn-thuy	:Trinh Đa-năng:	:	Hiệu	:	1955
:	: Việt-Nam	:	:	- Trần-văn-	:	
:	:	:	:	Nhân	:	
:	:	:	:	:	:	
:32	: Hội Phật-giáo:	371 Võ-Tánh	:	TT Thích	:268	15.5.67
:	: Thế-Giới	:Saigon	:	: Tâm-Châu	:	
:	: Phụng-sự Xã-	:	:	:	:	
:	: Hội	:	:	:	:	
:33	: Việt-Hàn Phật:	584/1 Phan-	:	TT Thích	:229	14.4.67
:	: Giáo Tương-	:thanh-Gian	:	: Tâm-Châu	:	
:	: Trợ Hội	:	:	: TT Suk Kyung	:	
:	:	:	:	: San	:	
:	:	:	:	:	:	
:34	: Giáo-Hội Tăng:	Gia-định	:	TT Thích	:405	25.5.66
:	: gia Khất-sĩ	:	:	: Giác-Nhiên	:	
:	:	:	:	:	:	
:35	: Giáo-hội Đạo	:Học-Môn	:	Tu-sĩ Trần	:537	20.7.68
:	: Trang Thiên	:Giadinh	:	: Rinh	:	
:	: Học	:	:	:	:	

CẬP-NHẬT-HÓA
THÀNH-PHẦN LÃNH-ĐẠO HIỆN TẠI
GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT (QUỐC-TỰ)
VÀ
GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT (ẤN-QUANG)
A - GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT
(QUỐC-TỰ)

I - Các Giáo-Hội Đoàn gia-nhập G.Đ.P.G.V.N.T.N. (Quốc-Tự)

a) Các Giáo-Phái

1. Giáo-Hội Tăng-Già Bắc-Việt tại miền Nam.
2. Giáo-Phái Theravada.
3. Giáo-Hội Tăng-Già khất-sĩ.
4. Giáo-Hội Phật-Giáo Hoa-Tông
5. Miền Vĩnh-Nghiêm

b) Các Hội-Đoàn

6. Hội-Đoàn Phật-Giáo Thế-Giới PSXH
7. Hội Việt-Nam Phật-Giáo
8. Hội Thờ Phật-Bà Quan-Âm,
9. Hội Quan Âm Phổ-Tế
10. Hội-Đoàn Cư-sĩ Theravada
11. Tổng Đoàn Cư-sĩ Phật-tử
12. Hội Việt-Nam Phật-Giáo Kā-Hội
13. Đoàn Phụ-nữ Thủ-Đô.
14. Đoàn Phụ-nữ Long-Hoa
15. Phật-Giáo Bửu Sơn kỳ Hương "phái Đức Hoài Sanh
(Gia-nhập do quyết-định số 0018-VHD/VP ngày
4.5.1972 của Viện Hó-đạo.
16. Tăng Đoàn khất sĩ miền Tây Nam-Phần.
17. Hội Tế-độ Phổ Hiền Phan-Rang

II - Danh-sách Hội-Đông Viện Tăng-Thống

Đức Tăng-Thống : Hòa-Thượng THÍCH-THIỆN-QUANG
Phó Tăng-Thống : Thượng-Tọa Candathera THẠCH-GÔNG
Hội-Đông Trưởng Lão { Hòa-Thượng THÍCH-YÊN-BÌNH
 { Thượng-Tọa THÍCH-TÂM-CHÂU
 { Thượng-Tọa THÍCH-TRÍ-DỪNG

III - Danh-sách Hội-Đông Viện Hóa-Đạo

Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo : Thượng-Tọa THÍCH-TÂM-GIÁC
Phó Viện-Trưởng : Thượng-Tọa Dhammaviriyo KIM-SANG
Đệ-nhi Phó Viện-Trưởng : Pháp Sư SIÊU-TRẦN
Đệ-tam Phó Viện-Trưởng : ĐH. SƠN-THÁI-NGUYỄN
 (Cư-Sĩ)
Đệ-tứ Phó Viện-Trưởng : ĐH. NGUYỄN-THỤY-HÒA
 (Cư-Sĩ)
Tổng Thư-Ký Viện Hóa-Đạo : Thượng-Tọa THÍCH-CHÍNH-MỆNH
Tổng-Vụ Trưởng Tổng-Vụ
 Tăng-sự : Thượng-Tọa THÍCH-THIỆN-CHÁNH
Tổng-Vụ Trưởng Tổng-Vụ
 Hoàng-Pháp : Thượng-Tọa THÍCH-ĐỘ-LƯỢNG
Tổng-Vụ Trưởng Tổng-Vụ
 Phật-Học : Thượng-Tọa THÍCH-BÌNH-MINH
Tổng-Vụ Trưởng Tổng-Vụ
 Thế-Học : Thượng-Tọa THÍCH-THANH-KIỆM
Tổng-Vụ Trưởng Tổng-Vụ
 Văn-Hóa : Thượng-Tọa GIÁC-HUỆ
Tổng-Vụ Trưởng Tổng-Vụ : Thượng-Tọa THÍCH-THIỆN-CHÁNH
 Xã-Hội : (kiếm)

- Tổng-Vụ Trưởng Tổng-Vụ
Kiến-Thiết : ĐH. NGUYỄN-NHƯ-NGỌC
- Tổng-Vụ Trưởng Đặc-trách: Thượng-Tọa THÍCH-TÂM-GIÁC
Tuyên-Úy Phật-Giáo : (kiêm)
- Tổng-Vụ Trưởng Tổng-Vụ
Cư-Sĩ : ĐH. NGUYỄN-THỪA-CƠ
- Tổng-Vụ Trưởng Tổng-Vụ
Thanh-Niên : Đại-Đức THÍCH-THIỆN-HÒA
- Tổng-Vụ Trưởng Tổng-Vụ
Tài-Chánh : ĐH. NGUYỄN-CÔNG-KHA
- Tổng Thủ-Quỹ : ĐH. NGUYỄN-VĂN-DÍNH
- Cố-Vấn Viện Hóa-Đạo : Nghị-sĩ NGUYỄN-VĂN-NGÁI
- Vụ-Trưởng Thanh-Niên
Sinh-Viên Phật-Tử Vụ : ĐH. NGUYỄN-BÌNH-BÂM
- Vụ-Trưởng Văn-Mỹ-Nghệ : ĐH. NGUYỄN-ĐỨC-HIỀN

B - GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT
(ẤN-QUANG)

I - Thành-phần các Giáo-phái, Hội-Đoàn gia-nhập
Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. (Ấn-Quang)

Vì Ấn-Quang phủ nhận Hiến-Chương 1967, nên hiện nay trên nguyên-tắc Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. (Ấn-Quang) vẫn gồm 8 Giáo-Phái, Hội Đoàn Phật-Giáo (đã trình bày trong phần nói về tổ-chức của Giáo-Hội P.G.V.N.T.N. trong Luận-án này).

II - Thành-Phần Viện Tăng-Thống

- Đức Tăng-Thống : Hòa-Thượng THÍCH-TỊNH-KHIẾT
Đức Phó Tăng-Thống : (không khuyết)
Hội-Đồng Trưởng Lão : (không có danh sách)
Chánh Thư-ký : Thượng-Tọa ĐỨC-NHUẬN

III - Thành-phần Ban Chỉ-Đạo Viện Hóa-Đạo

Viện-Trưởng	:	Thượng-Tọa THÍCH-THIỆN-HOÀ
Đệ-nhất Phó Viện-Trưởng	:	Thượng-Tọa THÍCH-THIỆN-MINH
Đệ-nhị Phó Viện-Trưởng	:	Thượng-Tọa THÍCH-PHÁP-TRÍ
Đệ-tam Phó Viện-Trưởng	:	Thượng-Tọa THÍCH-QUẢNG-ĐỘ
Tổng Thư-ký	:	Thượng-Tọa THÍCH-HUYỀN-QUANG
Tổng Thủ-Bổn	:	Thượng-Tọa THÍCH-TỪ-NHƠN
Tổng-Vụ Trưởng Tổng-Vụ Tăng-sự	:	Thượng-Tọa THÍCH-TRÍ-TỊNH
Tổng-Vụ Trưởng Tổng-Vụ Giáo-Dục	:	Thượng-Tọa THÍCH-MINH-CHÂU
Tổng-Vụ Trưởng Tổng-Vụ Hoằng-Pháp	:	Thượng-Tọa THÍCH-HUYỀN-VI
Tổng-Vụ Trưởng Tổng-Vụ Văn-Hóa	:	Thượng-Tọa THÍCH-MÃN-GLÁC
Tổng-Vụ Trưởng Tổng-Vụ Thanh-Niên	:	Thượng-Tọa THÍCH-THIỆN-MINH
Tổng-Vụ Trưởng Tổng-Vụ Cư-sĩ	:	Thượng-Tọa THÍCH-QUẢNG-LONG
Tổng-Vụ Trưởng Tổng-Vụ Tài-Chánh	:	Thượng-Tọa THÍCH-TRÍ-THỦ
Tổng-Vụ Trưởng Tổng-Vụ Kiến-Thiết	:	Thượng-Tọa THÍCH-THIỆN-HÒA
Phụ-Tá Tổng-Vụ Trưởng Tổng-Vụ Thanh-Niên	:	Đại-Đức THÍCH-GLÁC-DỨC

T H U' - T I C H



A - S Á C H

I - VIỆT NGỮ

- Anh, Đào-duy : Việt-Nam văn-hóa sử cương, Bốn Phương, 1951
- Anh, Nguyễn-thế : Kinh-tế và xã-hội Việt-Nam dưới các vua Triều Nguyễn, Trình Bày, 1968.
- Bông, Nguyễn-văn : Luật Hiến-Pháp và Chánh-trị Học, Sài Gòn, 1967 ; Sài Gòn, 1969
- Cần, Nguyễn-duy : Phật-Học tinh-hoa, Khai-Trí, 1965.
- Conze, Edward : Đạo Phật : Tinh-hoa và sự phát-triển. Bản dịch Việt-văn của Nguyễn-hữu-Hiệu từ nguyên bản Anh-ngữ "Buddhism, its essence and development", Đại Học Vạn-Hạnh, 1969.
- Cường, Võ-dĩnh : Đạo Phật qua cặp kính màu của tôi, Hùng-Khanh xuất-bản, 1967.
- Danglu : Đạo Phật ngày mai, Lá Bối 1970.
- Diệp, Lê-ngọc : Tôn-giáo và Chánh-trị, Luận-văn tốt-nghiệp Cao-học Hành-chánh khóa 1965-1967, Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh, 1967.
- Dương, Trần-văn : Cuộc bầu-cử Hội-đồng Đô-Thành, Tỉnh, Thị-xã ngày 30.5.1965 và thể-thức đơn danh hợp tuyển, Luận văn tốt-nghiệp Cao-học Hành-chánh khóa I, 1965-1967, H.V.Q.G.H.C. 1967.
- Đức-Nhuận, Thích : Chuyển hiện đạo Phật vào thời-dại, Vạn-Hạnh, Sài Gòn, 1967.
- Giáo-Đức, Thích : Buddhism and Politics in South East Asia, Luận án Tiến-sĩ, Claremont University 1969.
- Giáp, Trần-văn : Phật-Giáo Việt-Nam (Le Bouddhisme en Annam), Ban Tu-Thư Viện Đại-Học Vạn-Hạnh, 1968.

- Hãn, Hoàng-xuân : Lý-thường-Kiệt : Lịch-sử ngoại-giao và tôn-giáo đời Lý (toàn bộ), in lần thứ hai, Ban Tu-thư Đại-học Vạn-Hạnh, 1967.
- Hầu, Nguyễn-văn : Việt-Nam tam giáo sử đại cương, Phạm-văn-Tươi xuất bản, 1957.
- Hồng, Nghiêm-xuân : Xây-dựng nhân sinh quan, Quan Điểm, in lần thứ hai, 1966.
- Huy, Định-son : Hoạt-động chánh-trị của người Công-Giáo Việt-Nam sau ngày 1.11.1963, Luận-văn tốt-nghiệp Cao-học Hành-chánh 1967-1969. H.V.Q.G.H.C. 1969.
- Hườn, Phan-phát : Việt-Nam Giáo-sử, tập I và II, Cửu-Thế Tùng-thư, 1962.
- Khánh, Nguyễn-kim : Vấn-đề chánh đảng tại Việt-Nam, Luận-văn tốt-nghiệp Cao-học Hành-chánh 1965-1967, H.V.Q.G.H.C. 1967.
- Khôi, Lê-thành : Le Việt-Nam, Paris, 1955.
- Kim, Trần-trọng : Phật-Giáo thuở xưa và Phật-Giáo ngày nay, Tân Việt, Sài-gòn, 1962.
- Lành, Nguyễn-hữu : Sự tăng cường quyền Hành-Pháp trong chế-độ dân-chủ ngày nay, Luận-án Tiến-sĩ Luật-khoa, Sài-gòn, 1967.
- Linh, Trần-thúc : Danh-tử Pháp-luật lược-giải, Khai-Trí 1965.
- Mãn-Giác, Thích : Phật-Giáo và nền văn-hóa Việt-Nam, Ban Tu-Thư Viện Đại-học Vạn-Hạnh, Sài-gòn, 1967.
- Mật-Thế, Thích : Thế-giới quan Phật-Giáo, Vạn-Hạnh, 1967.
- Mẫu, Vũ-văn: 1) Dân-Luật khái luận, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, Sài-gòn, 1958. 2) Luật-Học Đại-cương, Sài-gòn, 1971.
- Minh-Châu, Thích :
- 1) Hsuan Tsung, the pilgrim and scholar. Bản dịch Việt-văn của Trí-Hải, Đại-học Vạn-Hạnh, 1966.
 - 2) Những ngày và những lời dạy cuối cùng của Đức Phật (dịch), Đại-học Vạn-Hạnh, 1967.

- 3) Trước sự nô-lệ của con người, con đường thử-thách của văn-hóa Việt-Nam, Đại-học Vạn-Hạnh 1970.

Nhất-Hạnh, Thích :

- 1) Đạo Phật đi vào cuộc đời, Lá Bối, Sài Gòn, 1967
- 2) Hoa Sen trong biển lửa, Hội Phật-tử Việt-kieu hải-ngoại xuất bản, 1966.
- 3) Đạo Phật hiện đại hóa, Lá Bối, 1968.

Quảng-Liên, Thích : Phật-Giáo với triết-học Tây-phương, Phật-học Đường Nam-Việt, Sài Gòn, 1966.

Quốc-Tuệ : Cuộc tranh-đấu của Phật-Giáo Việt-Nam, tác-giả xuất-bản, Sài Gòn, 1964 (P.L. 2508).

Quýnh, Nguyễn-quang : Luật Lao-động và an-ninh xã-hội, Sài Gòn, 1968.

Siêu, Lê-văn :

- 1) Văn-học Việt-Nam thời Lý, Hương-Dương, 1956
- 2) Việt-Nam văn-minh sử cương, Lá Bối, 1967.
- 3) Quốc-sư Vạn-Hạnh, Lá Bối, 1967.

Suzuki, Daisetz Teitaro : Cốt tủy đạo Phật, An Tiêm ấn-hành trong "Tủ sách Phật-học", 1968.

Tài, Tạ-văn : Chánh-trị học tại các quốc-gia đang phát-triển, Giảng-văn cử-nhân Luật-khoa năm I (1966-1967), Đại-học Luật-khoa Huế và Học-Viện Quốc-Gia Hành-chánh, Sài Gòn.

Tâm-Châu, Thích : Đạo Phật với con người, Ấn-Quang, Sài Gòn, 1964.

Thạc-Đức, Trần : Phật-Giáo Việt-Nam và hướng đi nhân bản đích thực, Lá Bối, 1967.

Thành, Thái-đạo : Xây-dựng nhân-sinh-quan Phật-Giáo, Vạn-Hạnh, 1969.

Thanh-Tử, Thích : Phật-Giáo trong mạch sống dân-tộc, Lá Bối, 1966.

Thêm, Đoàn : Việc từng ngày, Tập 1, năm 1965
Tập 2, năm 1966
Tập 3, năm 1967,
Cơ-sở xuất-bản Phạm-quang-Khai, 1968.

Thiên-Ân, Thích :

- 1) Phật-Giáo Việt-Nam xưa và nay, Đông-Phương, Sài-gòn, 1965.
- 2) Lịch-sử tư-tưởng Nhật-Bản, Đông-Phương, 1965.

Thông, Vũ-quốc : Pháp-chế-sử Việt-Nam, Tủ-sách Đại-học Sài-gòn, 1966.

Trí-Quang, Thích :

- 1) Tâm Ảnh Lục, tập 4, Thần Đinh xuất-bản, P.L. 2508 (1964),
- 2) Tâm Ảnh Lục, tập I, Ấn-Quang, Sen Vàng tái bản, P.L. 2511.

Trung, Nguyễn-văn :

- 1) Nhận-dịnh IV : Chiến-tranh, cách-mạng, hòa-bình, Nam-Sơn xuất-bản, 1966.
- 2) Nhận-dịnh I, Nam-Sơn xuất-bản, 1966.

Trung, Lý-chánh : Ba năm xáo trộn, Nam-Sơn xuất-bản, 1967.

Từ, Nguyễn-khắc : Gia-trưởng, Ban Hướng-dẫn trung-ương gia-đình Phật-tử ấn-hành, P.L. 2512, 1968.

Tuệ-Giác : Việt-Nam Phật-Giáo tranh đấu sử, nhà xuất-bản Hoa-Nghiêm, 1964.

Tuyên, Trần-văn : Đảng-phái và chánh-trị, Giảng-văn Viện Đại-học Đà-Lạt, năm 1966-1967.

II - PHÁP NGỮ

Aegerter, Emmanuel : Les grandes religions, "Que Sais-je ?" P.U.F., Paris, 1954.

Bras, Gabriel le et al. : Traité de Sociologie, publié sous la direction de Georges Gurvitch, Tome II, P.U.F., Paris, 1960.

Burdeau, Georges :

- 1) Les libertés publiques, L.G.D.I., Paris, 1966.
- 2) Traité de Science politique, Tome IV, Tome V, Paris, 1956.

Caratini, Marcel, et Grandjean, Philippe : Le statut des missions en Indochine, Etudes indochinoises et extrême-orientales publiées sous la direction de G.H. Camerlynck.

Driencourt, Jacques : La propagande : Nouvelle force politique, Armand Colin, Paris, 1950.

Duverger, Maurice :

- 1) Méthodes de la science politique, P.U.F., Paris, 1959.
- 2) Les régimes politiques, P.U.F., 1951.

Escaprit, Robert : Ecole laïque, école du peuple, Calmann-Lévy, Paris, 1961.

Grivaz, Raymond : Aspects sociaux et économiques du sentiment religieux en pays annamite, Domat-Montchrestien, 1942.

Groshens, Jean-Claude : Les institutions et le régime juridique des cultes protestants, L.O.D.J., Paris, 1957.

Hauriou, André :

- 1) Droit constitutionnel et institutions politiques, Editions Montchrétiens, Paris, 1968.
- 2) Vie politique en France et à l'étranger, Cours de Droit, Paris, 1958-1959.
- 3) Vie et institutions politiques dans les pays sous-développés, Cours de Droit, Paris, 1960-1961.

Lacouture, Jean : Le Vietnam entre deux paix, Seuil, Paris, 1965.

Labin, Suzanne : Le tiers monde entre l'Est et l'Ouest, vivre en dollars, voter en roubles, Collection l'ordre du jour, Edition de la Table ronde, 1964.

- Latreille, André et Siegfried, André : Les forces religieuses et la vie politiques : Le Catholicisme et le Protestantisme, Librairie Armand Colin, Paris, 1951.
- Laubadère, André de : Traité élémentaire de droit administratif. 3e Edition, Paris, 1967.
- Meynaud, Jean :
- 1) Nouvelles études sur les groupes de pression en France, Armand Colin, Paris, 1962.
 - 2) Les groupes de pression en France, Armand Colin, Paris, 1958.
 - 3) La pression des groupes internationaux (Esquisse d'un cadre de recherche), tài-liệu quay ronéo.
 - 4) Introduction à la science politique, Armand Colin, Paris, 1961.
- Meynaud, Jean et Lancelot, Alain : Les attitudes politiques, "Que sais-je ?", P.U.F., Paris, 1964.
- Thiét, Phan-văn : Des Accords de Genève à la Républiques du Vietnam, Luận án Tiến-sĩ Luật-khoa, Đại-học Montpellier 1959.
- Trần, Trần-hoài : Les forces politiques au Sud-Vietnam depuis les accords de Genève, tác-giả ấn-hành, 1967.
- Trotabas, J.B. : La notion de laïcité dans le droit de l'Eglise et de l'Etat républicain, Paris, 1961.
- Truyèn, Mai-thọ : Le Bouddhisme au Vietnam, Chùa Xá-Lợi, 1958.
- Wach, Joachim : Sociologie de la religion, Payot, Paris, 1955.

III - ANH NGỮ

- Almond, Gabriel A. and Powell, Jr., G. Bingham : Comparative politics, Little, Brown and Company, 1966.

- Apter, David E. : The politics of modernization, The University of Chicago press, 1967.
- Bahm, Archie J. : The World's living religions, A searching comparison of the faiths of East and West, Published by Dell Publishing Co., In., New-York, 1964.
- Bain, Chester A. : Vietnam : The roots of conflict, Prentice-Hall, Inc., New Jersey, 1967, bản dịch Việt-ngữ của Nguyễn-Quang, Sài Gòn 1968.
- Bennett, Jr., Lerone : What manner of man : A memorial biography of Martin Luther King, Jr., Pocket books, New-York, 1968.
- Benz, Ernst : Buddhism or Communism: which holds the future of Asia, Double day and Co., 1965.
- Bouscaren, Anthony Trawick : The last of the mandarins : Diêm of Vietnam, Duquesne University press, Pittsburgh, Penna., Editions E. Nauwelaerts, Louvain, 1965.
- Brown, Malcolm W. : New face of war, Indianapolis, Bobbs-Merill, 1965.
- Bunce, William K. : Religions in Japan, Charles E. Tuttle Co., Tokyo, 1967.
- Buttinger, Joseph : The smaller dragon, Frederick A. Praeger, Publishers, New-York, 1966.
- Carter, Gwendolen M. and Herz, John H. : Government and Politics in the 20th. Century, revised edition, Frederick A. Praeger, Publishers, New-York, 1965.
- Denis, Warner : The last confucian, the Mac Millan Co., New-York, 1963.
- Doob, Leonard W. : Patriotism and nationalism, their psychological foundations, New Haven and London, Yale University press, 1964.
- Duncanson, Dennis J. : Government and Revolution in Vietnam, issued under the auspices of the Royal institute of International Affairs, Oxford University Press, London, New-York, Toronto, 1968.

- Easton, Stewart C. : The Western heritage, Holt, Rinehart and Winston Inc., USA, 1961.
- Haberstam, David : The making of a quagmire, Random House, New-York, 1965.
- Hartshorne, M. Homes : The faith to doubt, Prentice-Hall, 1963.
- Hayes, Carlton J. : Nationalism : a Religion, The Mac Millan Company, 1960.
- Hilsman, Roger : To move a nation : the politics of foreign policy in the Administration of John F. Kennedy, Double Day and Company, Inc., 1967.
- Hinton, Harold C. : Communist China in world politics, Houghton Mifflin Co., Boston, 1966.
- Irish, Marian D. and Prothro, James W. : The politics of American democracy, Prentice-Hall, Inc., Englewood Cliffs, N. J., 1965.
- John, Rudolf : Outlines of church history, Bacon Press, 1962.
- Kahin, George Mc. Turnan, Editor : Government and politics of South East Asia, Cornell University press, 2nd. Edition, 1964.
- Kauper, Paul G. : Civil liberties and the constitution, University of Michigan, 1962.
- Kebschull, Harvey G. : Politics in transitional societies, the challenge of change in Asia, New-York, 1968.
- Kelly, Alfred H. and Harbison, Wilfred A. : The american constitution, 3rd. Edition, W. Norton and Company, Inc. 1963.
- Khanh, Phạm-thị : The 1963 Buddhist crisis, Luận án Cao-học Chánh-trị-học, Canterbury University, 1970.
- Konvitz, Milton R. : Fundamental liberties of a free people, Cornell University press, 1957.

- Lane, Robert E. and David, O. Sears : Public opinion, Foundations of modern political series, Prentice-Hall, Inc., 1964.
- Lasswell, Harold D. : Politics : Who gets, what, when, how ? Meridian books, the World publishing Co., Cleveland and New-York, 1961.
- Mecklin, John : Mission in torment : An intimate account of the US role in Vietnam, Double Day, 1965.
- Mehden, F. R. Vonder :
- 1) Religion and nationalism in South East Asia (Burma, Indonesia, Philippines), The University of Wisconsin press, 1968.
 - 2) Politics of the developing nations, Prentice-Hall, Inc. Englewood, Cliff, N. J. 1964.
- Murray, S. J., Courtney John : We hold these truths, catholic reflections on the American proposition, Sheed and Ward, New-York, 1960.
- Newman, Bernard : Background to Vietnam, Roy Publishers, In., New-York, 1965.
- Ogburn, William F. and Nimkoff, Meyer F. : Sociology, 3rd edition, Houghton Mifflin Company, Boston, 1964.
- Osborne, Arthur : Buddhism and Christianity in the light of Hinduism, Rider and Company, London, 1959.
- Perlo, Victor and Goshal, Kumar : Bitter end in S.E. Asia, Marzani and Munsell, Publishers, New-York, 1964.
- Pike, Douglas : The organization and techniques of the N.L.F. of South Vietnam, The M.I.T. Press, 1967.
- Radhakrishnan, S. : Eastern religions and Western thought, 2nd. Edition, Oxford University Press, 1940.
- Ray, Sibnarayan, Editor : Vietnam seen from East and West, an international symposium, Frederick A. Praeger, Publishers, New-York, 1967.

- Rose, Saul, editor : Politics in Southern Asia, Mac Millan Co.LTD.,New-York, St. Martin's press, 1963.
- Sarkisyanz, E. : Buddhist backgrounds of the Burmese Revolution, The Hague, Martinus Nijhoff, 1965.
- Scalapino, Robert A. and Masumi, Junnosuke : Parties and politics in Contemporary Japan, University of California press, 1964.
- Schechter, Jerrold : The new face of Buddha, the fusion of religion and politics in contemporary Buddhism, Coward-McCann, Inc., New-York, 1967.
- Schlesinger, Jr., Arthur M. : A thousand days, Fawcett publications, Inc., Greenwich, Conn., 1967.
- Selznick, Philip : The Organizational weapon, A Study of bolshevik strategy and tactics with a new preface by the author, The free press of Glencoe, Illinois, 1960.
- Shaplen, Robert : The lost revolution, Harper and Row, Publishers, New-York, 1965.
- Smith, Donald, editor:1)South asian politics and religion, Princeton University press, 1966.
2)Religion and politics in Burma, Princeton, New Jersey, 1965.
- Snyder, Louis L. : The meaning of nationalism, Rutgers University Press, 1954.
- Sopher, David E. : Geography of religion, Prentice-Hall, 1967.
- Tài, Tạ-văn : The role of the military in South East Asia, Ph. D. dissertation, Virginia University, 1965.
- Templin, Ralph T. : Democracy and nonviolence : the role of the individual in world crisis, Porter Sargent publisher, Boston, Mass., 1965.
- Thompson, Robert : Defeating communist insurgency, Chatto and Windus, London, 1966.

- Vandenbosch, Amry and Butwell, Richard : The changing face of South East Asia, University of Kentucky press, Lexington, 1966.
- Vijayavardhana : The revolt in the temple, Sinha publication, Colombo, 1953.
- Vimalananda, Tannakoon : Buddhism in Ceylon under the Christian powers and the Educational and religions policy of the British Government in Ceylon 1797-1832, Y.M.B.A. Press, Colombo, 1963.
- Warner, Denis : The last confucian, The Mac Millan Co., New-York, 1963.
- Watkins, Frederick M. : L'ère des idéologies, la pensée politique de 1750 à nos jours, bản dịch từ Anh-văn sang Pháp-văn của Elizabeth Deberdt, Nouveaux horizons, 1966.
- Weiner, Myron, editor : Modernization : the dynamics of growth, Voice of Americanforum lectures, Forum editor, V.O.A., U.S.I.A., Washington, D.C., 1966.

B - ẤN- PHẨM CỦA CÁC CƠ- QUAN CÔNG VÀ TƯ
TAI VIỆT-NAM VÀ NGOẠI- QUỐC

I - VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

- 1) Sở Công-Báo, Phủ Thủ-Tướng :
 - Quy-pháp vịnh tập
 - Công-Báo Việt-Nam Cộng-Hòa
- 2) Bộ Nội-Vụ :
 - Danh-sách các Hội Phật-Giáo (ấn-hành năm 1969)
- 3) Việt-Nam Thông-tán-xã :
 - Văn-đề Phật-Giáo, tập I, tập II, tập III (ba bản : tiếng Việt, tiếng Pháp và tiếng Anh), ấn-hành năm 1963.
- 4) Tài-liệu của Thư-Viện Bộ Ngoại-Giao Việt-Nam Cộng-Hòa :
 - Press interview with President Ngô-đình-Diệm and political counselor Ngô-đình-Nhu, Ấn-hành năm 1963.

- 5) Tòa-án Cách-Mạng năm 1964 :
 - Hồ-sơ vụ án Đặng-Sĩ xử trong các phiên 2, 3, 4, 5 và 6 tháng 6 năm 1964.
- 6) Nha Tuyên Ủy Phật-Giáo :
 - The Buddhist chaplain branch of the Republic of Vietnam, armed forces, Buddhist chaplain Directorate, 1968.
 - Oriental Culture, The Buddhist chaplain Directorate, R.V.N.A.F., Saigon, 1969.
- 7) Giáo-Hội Phật-Giáo Ấn-Quang :
 - Kỳ-yếu Đại Hội Hoàng-pháp kỳ III tại Ấn-Quang (từ 4 tháng 5 đến 9 tháng 5/1969)
 - Quy-chế Phật-học Viện, Tổng Vụ Văn-hóa Giáo-dục ấn-hành năm 1969.
 - Quy-chế các trường Trung, Tiểu-học Bồ-Đề, Tổng-vụ Giáo-Dục ấn-hành năm 1968.
 - Tín Phật, nội-san của Tổng-Vụ Hoàng-pháp.
 - Chương-trình học-tập và huấn-luyện gia-đình Phật-tử, Tổng Vụ Thanh-Niên, Ban hướng-dẫn trung-ương gia-đình Phật-tử ấn-hành, 1966.
 - Nội lệ và ban bảo-trợ gia-đình Phật-tử Việt-Nam, Tổng Vụ Thanh-niên ấn-hành, Phật-lich 2512.
 - Trại Huấn-luyện sơ-cấp Lộc Uyển, Ban hướng-dẫn trung-ương Gia-đình Phật-tử ấn-hành.
 - Biên-bản khóa hội-thảo Huỳnh-trưởng toàn-quốc thu hẹp tại Nha-Trang (ngày 30, 31 tháng 12 1968), Ban hướng-dẫn trung-ương gia-đình Phật-tử Việt-Nam ấn-hành.
- 8) Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Quốc-Tự
 - Vài lá thư 1966.
- 9) Nhóm Thái-độ
 - "Nghĩ về Cách-Mạng, chiến-tranh và hòa-bình" ghi lại các cuộc phỏng-vấn 18 nhân-vật chánh-trị, tôn-giáo v.v... của Việt-Nam Cộng-Hòa, tủ sách xã-hội mới, 1967.

II - LIÊN-HIỆP-QUỐC

Violation des droits de l'homme au Vietnam du Sud, Rapport de la mission d'enquête des Nations Unies au Vietnam du Sud, Dix-huitième session, Point 77 de l'ordre du jour, Distribution générale A/5630, Original : Anglais, français, espagnol.

III - HOA-KỶ

- 1) Phủ Tổng-Thống :
 - Why Vietnam ? Washington D.C., 1965.
- 2) Quốc-Hội :
 - Congressional record, August 21, 1967, S1182.
- 3) Cơ-sở báo-chí New-York Times :
 - The World almanach and book of facts, 1968, Centennial edition, The News, New-York's picture newspaper.
 - The Pantagon papers : The secret history of the Vietnam war, complete and unabridged series as published by The New-York Times, based on investigative reporting by Neil Sheehan, written by Neil Sheehan, Hedrick Smith, E. W. Kenworthy and Fox Butterfield, with key documents and 64 pages of photographs, Bantam books, Inc., New-York, published July 1971, second printing.
- 4) Stanford Research Institute, Menlo Park, California.:
 - Land Reform in Vietnam, prepared for the Republic of Vietnam and the USAID, 1968.
- 5) The Center for the study of Democratic institutions :
 - Vietnam : matters for the agenda, June 1968.

IV - PHÁP-QUỐC

Centre de Sciences politiques de l'Institut d'études juridiques de Nice : Opinion publique, Tome II, P.U.F. 1957.

V - INSTITUT UNIVERSITAIRE D'ETUDES EUROPEENNES
DE TURIN :

- Essais sur les droits de l'homme en Europe,
Tome I, 1959.

VI - CENTRE D'ETUDES DU SUD-EST ASIATIQUE,
INSTITUT DE SOCIOLOGIE, UNIVERSITE LIBRE
DE BRUXELLES :

- De l'indépendance politique à la liberté économique et à l'égalité sociale, colloque tenu à Bruxelles les 25, 26 et 27 novembre 1964, édition de l'Institut de Sociologie, 1966.

C - T A P - C H Í

I - VIỆT NGỮ

1) Tổng quát

- Bách-Khoa
- Cấp-Tiến
- Đại Dân-Tộc
- Đất mới
- Đất nước
- Lập-Trường
- Nghiên-Cứu Hành-Chánh
- Quân-Chúng
- Quê-Hương
- Thái-Độ
- Thời Việt
- Tinh-Hoa

2) Công-Giáo

- Đối-Diện
- Hành-Trình
- Nhà Chúa

3) Phật-Giáo

- An-Lạc (Tuần-báo do Đại Đức Thông-Bửu chủ-trương)
- Đại Tử Bi (Nha Tuyên Ủy Phật-Giáo)

- Đuốc Tuệ (Miền Vĩnh-Nghiêm)
- Hải Triều Âm (Tuần-báo)
- Liên-Hoa (Phật-Giáo Trung-Phần)
- Phật-Giáo Việt-Nam (Cơ-quan ngôn-luận của Tổng Hội Phật-Giáo Việt-Nam)
- Sen Trắng (Nội-san của Gia-đình Phật-tử Việt-Nam)
- Thiện Mỹ (Tuần-báo)
- Tin-tướng (Phật-tử Việt-kiều hải-ngoại)
- Tư-Tướng (Nguyệt-san của Viện Đại-Học Vạn-Hạnh)
- Tử Quang (Hội Phật-Học Nam-Việt)
- Vạn-Hạnh (do Thượng Tọa Đức-Nhuận chủ-trương)
- Viên âm nguyệt-san (Phật-Giáo Trung-Phần)

II - PHÁP NGỮ

- Esprit (Công-Giáo)
- Informations catholiques internationales (Công-Giáo)
- Revue politique et parlementaire
- Revue française de science politique
- Le Monde, sélection hebdomadaire
- Problèmes politiques et sociaux, hebdomadaire

III - ANH NGỮ

1) Hoa-kỳ

- Asia
- Asian survey
- The American political science review
- Foreign Affairs
- Newsweek
- Pacific Affairs
- Time
- The Reporter
- The World today

2) Anh-quốc

- Economist

3) Hongkong

- Far eastern economic review

4) Ấn-Đô

- The Times of India, New Delhi.

D - NHẬT - BÁO

I - VIỆT-NGŨ

- Bình-Minh
- Cấp-Tiến
- Chánh-Đạo
- Chính-Luận
- Công-Chúng
- Công-Luận
- Dân-Chủ
- Hòa-Bình
- Quảng-Đức
- Quyết-Tiến
- Sài-gòn Mới
- Sống
- Tiên
- Tin-Điện
- Tiếng Việt
- Tiếng nói Dân-tộc
- Tự-Do

II - ANH NGŨ

- The New-York Times
- The Washington Post
- The Times of Vietnam
- The Christian Science Monitor

E - BÁO CHÍ VÀ CÁC ẢN-PHẨM LƯU-HÀNH BẮT HỢP-PHÁP

I - BÁO CHÍ

- Trách-nhiệm (Tập-san in ronéo của khuynh-hướng Phật-Giáo tranh-dấu)
- Tranh-dấu (báo phát-hành lậu của khuynh-hướng Phật-Giáo tranh-dấu)

II - ẢN-PHẨM

- Thích Nữ Diệu-Không : Pháp nạn 2510-1966.
- Đại Đức Pháp Siêu : Việt-Nam đi về đâu ?

— / —

D A N H S Á C H

CÁC NHÂN-VẬT ĐÃ ĐƯỢC THAM-KHẢO Ý-KIẾN

(Tham chiếu : Giấy giới-thiệu ngày 3.5.1968 của
Giáo-sư Khoa-Trường Trường Đại-Học
Luật-Khoa Sài Gòn)

- 1 - Thượng Tọa Thích Trí-Quang
- 2 - Thượng Tọa Thích Tâm-Châu
- 3 - Thượng Tọa Thích Minh-Châu
- 4 - Thượng Tọa Thích Tâm-Giác
- 5 - Thượng Tọa Thích Huyền-Quang
- 6 - Thượng Tọa Thích Huyền-Minh
- 7 - Thượng Tọa Thích Pháp-Siêu (Tổng Giáo-Hội Phật-
Giáo Việt-Nam)
- 8 - Đại Đức Thích Giác-Đức
- 9 - Đại Đức Thích Pháp-Siêu (Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-
Nam Thống-Nhất Ấn-Quang)
- 10 - Ông Chánh-trí Mai-thọ-Truyền
- 11 - Linh-mục Hoàng-Quỳnh
- 12 - Giáo-sư Vũ-quốc-Thông
- 13 - Giáo-sư Vũ-văn-Mẫu
- 14 - Giáo-sư Trần-ngọc-Ninh
- 15 - Giáo-sư Nguyễn-ngọc-Huy
- 16 - Giáo-sư Tạ-văn-Tài
- 17 - Giáo-sư Lê-văn-Siêu
- 18 - Giáo-sư Lê-tôn-Nghiêm
- 19 - Giáo-sư Hoàng-văn-Giàu (Trung-Tâm Quảng-Đức)
- 20 - Nhà văn Như-Phong
- 21 - Luật-sư Vũ-văn-Huyền
- 22 - Ông Nguyễn-xuân-Khuông, Đại-biểu Chánh-Phủ tại
Trung-nguyên Trung-phần, năm 1963
- 23 - Thiếu-Tá Đặng-Sĩ, Tiểu-Khu Trưởng Tiểu-khu Thừa-
Thiên, năm 1963
- 24 - Các sinh-viên Phật-tử (Trung-Tâm Quảng-Đức)

- 25 - Nhân-viên Văn-phòng Đoàn Sinh-viên Phật-tử
(Trung-Tâm Quảng-Đức)
- 26 - Một nhóm sinh-viên Phật-tử Huế
- 27 - Một số Phật-tử Sài-gòn
- 28 - Một số Phật-tử Huế
- 29 - Một số quân-nhân Phật-tử chứng-kiến vụ biến động
miền Trung năm 1966.
- 30 - Một số tín-đồ Công-Giáo
- 31 - 853 người gồm nhiều thành-phần xã-hội khác nhau
tại Quận 10 và Quận 3 Sài-gòn đã được phỏng vấn
trong cuộc điều-tra công-luận về vụ bầu cử bán
phần Thượng Nghị-viện năm 1970.

— / —

BẢNG ĐỊNH CHÍNH

<u>Trang</u>	<u>Giòng</u>	<u>Thay vì</u>	<u>Xin đọc là</u>
9	2	gồm các	gồm tăng, tín-dồ thuộc các
16	18	nghĩa là	nghĩa là
25	11	hệ-trong	hệ-trọng
39	14	giết	giết
44	33	Tin-Linh	Tin-Lành
46	26	Phật-ủ	Phật-tử
49	24	Gambotto	Gambetta
56	12	qua đã	qua đã
63	28	Niết-Bàn Xết	Niết-Bàn. Xết
66	10	giáo Cách-mạng	giáo. Cách-mạng
66	16	nhập Niết-Bàn	Nhập Niết-Bàn
68	22	Phật-Giáo	Phật-Giáo
91	9	tới năm 1964	tới năm 1963
93	29	Phá-Giáo	Phật-Giáo
94	26	muốn phân biệt	-thức muốn phân biệt
96	8	hòa-bình tự-do	hòa-bình, tự-do
97	23	hòa-giải	hóa-giải
113	29	những điểm	những điểm <u>sau chót</u> này
120	8	chánh-thức	<u>bán</u> chánh-thức
136	9	các tên	cái tên
154	32	(189) xem trang 369-371 Luận-án này.
156	30	hóa, nhiều vị không	-hóa nhiều, <u>vị Viện này</u> <u>không</u>
170	11	hương Phật-Giáo	-hương Phật-Giáo
173	27	một phần số	một phần số
181	12	Lưỡng Giáo	Lương-Giáo
185	2	quán thức	quản thức
196	2	đã tăng	đã tăng
200	2	viêng	riêng
203	25	nhiệm của	nhiệm-vụ của
212	28	tăng tiến trong	tăng tiến <u>manh</u> trong
214	22	gồm 50%	52,9 %

<u>Trang</u>	<u>Giòng</u>	<u>Thay vì</u>	<u>Xin đọc là</u>
214	29	chiếm đa số hơn	ít hơn
217	6	mạc Cu-sĩ	mạc, Cu-sĩ
235	16	tự-hữu	tự-hữu
261	20	vận-dòng	vận-động
265	20	giữa chánh-	giữa <u>Phật-Giáo</u> và chánh-
265	22	giáo giới	<u>báo</u> giới
265	23	bình luận, các	bình luận ; các
288	11	thực thể	thực-tế
297	10	phạt-dộng	phạt-động
298	15	vời đời	với đời
305	12	nhờ dùng	nhớ dùng
317	3	luận, thế-giới	-luận thế-giới
322	17	ý-nghĩa	ý-nghĩ
338	20	giỗ đều	giỗ đầu
338	23	điều văn	điều văn
338	24	chăn chứa	chan chứa
339	9	nói đây	nói đây
341	8	dụng-cụ	dụng-cụ
353	35	văn con	văn coi
377	5	gây	gay
389	4	ngoài trừ	ngoại trừ
397	2	Ân-Quang	Ân-Quang
398	12	xây-đựng	xây-đựng
412	10	20.8.1963, Hoa-Kỳ	20.8.1963, Hoa-Kỳ
412	25	phái đối	phản đối
438	27	đâm máu	đâm máu
458	26	Đế-quốc	Đế-quốc
461	3	Xuất thế	<u>Nhập</u> thế
469	1	nửa Việt-Nam	Việt-Nam
470	4	nghĩa này	nghĩa nào
482	9	kheo khát	khao khát
498	33	tử nhiên	tất nhiên
504	11	vượt	vượt
516	31	iêu biểu	tiểu biểu
517	9	có thể	có thể
523	15	qua Quốc-Hội	của Quốc-Hội

<u>Trang</u>	<u>Giòng</u>	<u>Thay vì</u>	<u>Xin đọc là</u>
535	8	riêng tư	riêng tư
543	28	có truyền	cổ truyền
545	28	mỗi bện	mỗi bên
546	22	khunh	khung
552	8	còn	con
554	21	trùng trị	trùng giới
554	23	trùng trị	trùng giới
555	4 và 5	trùng trị	trùng giới
555	12	trùng trị	trùng giới
557	5	được	dưới
559	27	12.7.1963	12.7.1965
589	33	vang.	vang :
596	12	đồ	đồ
601	22	hòa điều	hòa diệu
615	4	gặp đây	gặp đâu
618	17	Lý-trưởng	Lý-tướng

BỔ TÚC THƯ TỊCH

T1 Trước
giòng 10

Thêm : Chính, Nguyễn-hữu : Les Croyances
religieuses et la vie politique
au Việt-Nam, Luận án Tiến-sĩ Chánh-
trị-học, Đại-học Paris, 1970.

KHÁN VÀ HIỆU ĐÍNH
Giáo-sư bảo-trợ luận án

KHÁN VÀ CHUẨN Y
Giáo-sư Chánh Chủ-khảo

G.s. Vũ-quốc-Thông

G.s. Vũ-quốc-Thông

KHÁN VÀ CHUẨN-Y
Khoa-Trưởng Trường Đại-Học Luật-Khoa Sài Gòn

G.s. Bùi-Tường-Chiều

KHÁN VÀ CHO PHÉP IN
Sài Gòn, ngày tháng năm 1972
Viện-Trưởng Viện Đại-Học Sài Gòn

Đăng-ký tại Viện Đại-Học Sài Gòn
Ngày tháng năm 1972
dưới số